

GIẢNG GIẢI

CẢM ỨNG THIÊN

TẬP 4



GIẢNG GIẢI
CẢM ỨNG THIÊN - TẬP 4
HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG
NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch

ISBN-13: 978-1-7975-6490-6

ISBN-10: 1-7975-6490-0

HÒA THƯỢNG TỊNH KHÔNG
NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch

GIẢNG GIẢI CẢM ỨNG THIÊN

TẬP 4 (TRỌN BỘ 8 TẬP)

NHÀ XUẤT BẢN LIÊN PHẬT HỘI
UNITED BUDDHIST PUBLISHER - UBP

NỘI DUNG

Bài giảng thứ 71	7
Bài giảng thứ 72.....	17
Bài giảng thứ 73.....	33
Bài giảng thứ 74.....	43
Bài giảng thứ 75.....	53
Bài giảng thứ 76.....	65
Bài giảng thứ 77.....	77
Bài giảng thứ 78.....	87
Bài giảng thứ 79.....	101
Bài giảng thứ 80.....	113
Bài giảng thứ 81	121
Bài giảng thứ 82.....	131
Bài giảng thứ 83.....	141
Bài giảng thứ 84.....	149
Bài giảng thứ 85.....	157
Bài giảng thứ 86.....	167
Bài giảng thứ 87	177
Bài giảng thứ 88.....	187
Bài giảng thứ 89.....	195
Bài giảng thứ 90.....	205
Bài giảng thứ 91	215
Bài giảng thứ 92.....	225

Bài giảng thứ 71

(Giảng ngày 6 tháng 8 năm 1999 tại Hương Cảng, file thứ 72, số hồ sơ: 19-012-0072)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời xem đến đoạn 29, chỉ có một câu là: “*Thôi đa thủ thiếu.*” (Cho ra nhiều, giữ lại ít.) Câu trước đã dạy chúng ta dứt ác tu thiện, điều này phải vận dụng trong thực tế như thế nào? Câu [tiếp theo] này chính là lời răn dạy chân thật [cho việc này].

Con người nếu không thể nhường nhịn nhau thì việc dứt ác tu thiện không thể thực hiện. Cho nên phải biết nhường nhịn. Nhường nhịn lẫn nhau là đức tốt. Trong sách xưa của Trung quốc có ghi chép, Khổng Dung lúc bốn tuổi đã biết khiêm tốn nhường nhịn, có thể thấy đó là căn lành hết sức sâu dày. Tất nhiên, việc giáo dục sau đó cũng là nhân tố quyết định.

Con người ai cũng có căn lành, đó là điều chúng ta không thể phủ nhận. Căn lành bị che lấp không hiển lộ là vì không có cơ hội tiếp nhận sự răn dạy của thánh hiền. Các bậc hiền thánh xưa của Trung quốc hiểu rất rõ sự thật này, cho nên đối với sự giáo dục hết sức xem trọng. Không chỉ việc giáo dục trẻ em là quan trọng thiết yếu, thánh hiền còn mở rộng đến phạm vi giáo dục từ lúc còn trong thai mẹ, gọi là *thai giáo*. Theo đó, trong lúc người mẹ đang mang thai thì mọi tâm trạng, tình cảm, hành vi cử chỉ đều có ảnh hưởng đến thai nhi. Cho nên, giáo dục của Nho gia là bắt đầu từ thai giáo. Trong thời gian mang thai, người mẹ phải giữ tư tưởng thuần chánh, thanh tịnh, thực sự theo khuôn phép: “*Việc không hợp lễ nghi thì không nhìn, không nghe, không nói.*” Người mẹ như vậy mới thực sự là quan tâm chu đáo đến con.

Người thời nay đâu hiểu được ý nghĩa ấy? Cho nên, dù có căn lành sâu dày cũng bị tập nhiễm phong khí xã hội [không tốt] hiện nay, khiến căn lành phúc đức không thể hiển lộ, mà bao nhiêu tập khí xấu ác đều phát xuất ra. Đây mới thực sự là nguồn gốc gây rối loạn xã hội, là căn bản của hết thảy mọi điều bất an.

Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo, có thể nói đều là các nền giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa. Các hệ thống này có năng lực cạnh tranh trong xã hội nhưng đều chủ trương buông bỏ sự cạnh tranh; có khả năng giành lấy công danh phú quý, nhưng cũng hoàn toàn buông bỏ, [chủ trương] sống ẩn cư, thanh bần, vui thích dẫn thân vào sự nghiệp vĩ đại giáo dục xã hội, thực sự phụng hiến bản thân mình để tạo phúc cho loài người. Tầm nhìn của các tôn giáo này thật sâu xa rộng lớn, không chỉ giới hạn chỉ trong một đời này mà nhìn thấu đến nhiều đời nhiều kiếp lâu xa về sau, cho nên những thành tựu của Tam giáo mới được người đời tôn sùng kính ngưỡng. Trong mấy ngàn năm qua, nhắc đến các bậc hiền thánh xưa [của Tam giáo] vẫn còn rất nhiều người tôn kính, tán thán, hướng theo các vị học tập.

Thái thượng Cảm ứng thiên là giáo học của Đạo gia. Văn tự tuy không nhiều nhưng nghĩa lý vô cùng phong phú, hết sức trọn vẹn đầy đủ, mỗi câu mỗi chữ đều không thể giảng nói hết được.

“Cho ra nhiều, giữ lại ít” chính là vận dụng thực tiễn việc dút ác tu thiện. Trong phần tiểu chú, câu mở đầu nói rất hay: “Phạm vi câu này rất rộng lớn.” Cả lý và sự đều sâu rộng vô cùng tận. Trong sách nêu ra một thí dụ. Anh em phân chia gia tài, bạn bè có quan hệ qua lại về tiền bạc, cần phải biết khiêm tốn, nhường nhịn, đó là đức tốt. Nếu như tranh giành về mình, quý vị phải biết, tham sân si phiền não liền có mặt. Đây là điều kiêng kỵ lớn nhất trong nhà Phật. Ba món độc tham sân si với phiền não nếu không chế ngự, chặn đứng

được thì quả báo phải đổ vào ba đường ác. Cho nên, trước mắt giành được một chút lợi ích có đáng gì? Được không bằng mất, lợi không bằng hại.

Bạn bè cùng làm ăn cũng phải nhường nhịn nhau. Có một số đồng tu đến hỏi tôi, bạn bè đến mượn tiền có nên giúp hay không? Tôi nói, quý vị nếu có năng lực thì nên giúp, nhưng phải nhớ rằng, đã đưa cho mượn thì nhất định đừng nghĩ đến việc họ sẽ trả lại. Như vậy thì giao tình giữa bạn bè với nhau mới ngày càng sâu đậm. Cho mượn mà nghĩ đến việc họ trả lại, còn muốn đòi nợ thì bạn bè tốt hóa thành thù nghịch. Sao lại phải khổ sở như vậy? Cho nên, lúc đưa mượn nhất định không nghĩ rằng người ấy sẽ trả lại. Đưa cho mượn ấy là biếu tặng, thì tâm quý vị an ổn biết bao, vui thích biết bao. Trong tương lai nếu họ trả lại thì quá tốt, quá vui, nhưng nếu họ không trả thì đừng bao giờ nhắc tới.

Cho nên, muốn giúp người khác trước hết phải nghĩ đến khả năng của mình. Hết lòng hết sức giúp đỡ người khác là nuôi dưỡng lòng nhân hậu của mình, phúc đức về sau lớn lao vô cùng. Quý vị thường làm như vậy thì có thể xây dựng được niềm tin của mọi người trong xã hội, quý vị làm việc gì cũng sẽ được rất nhiều người ủng hộ, được rất nhiều người giúp đỡ. Quý vị vui vẻ giúp người là gieo nhân, người khác giúp đỡ quý vị là quả báo. Gieo nhân lành được hưởng quả lành, phải hiểu rõ ý nghĩa này.

Vì thế, cần phải biết nhường nhịn. Chúng ta sống trong cuộc đời này, thật ra những thứ thiết yếu cho đời sống bản thân chẳng đáng là bao. Các bậc đại đức xưa thường nói, người sống ở đời bất quá ngày ăn ba bữa, tối ngủ sáu thước,¹ [chỉ cần được vậy là] quý vị đã có thể an ổn, thư thái thanh thản sống qua một đời, vì sao không chịu nhường nhịn nhau?

¹ Thước cổ Trung quốc, mỗi thước chỉ khoảng 0,33 mét. Sáu thước bằng khoảng 2 mét, tức là chiều dài khoảng đất một người trung bình cần để nằm ngủ.

Nhân tố quan trọng thiết nhất để được sống lâu khỏe mạnh là tâm địa phải chân thành, thanh tịnh, từ bi. Đó là nguyên nhân thực sự của việc sống lâu mạnh khỏe. Không phải do được ăn ngon, cũng không phải do mỗi ngày đều tắm bổ. Quý vị hãy quan sát thật kỹ, trong các vị đế vương, quan tướng qua nhiều đời, đều là những kẻ đại phú đại quý, điều kiện sống hết sức dồi dào đầy đủ, chuyện ăn uống luôn hết sức chú trọng, người bình thường không thể sánh bằng. Thế nhưng nhìn lại lịch sử, nào có mấy người trong bọn họ được sống lâu? Đại đa số chỉ khoảng ba mươi, bốn mươi đến năm mươi tuổi đã chết. Những người sống được đến bảy mươi, tám mươi tuổi là cực kỳ hiếm có.

Ngược lại thật không bằng các nông dân miền quê, chúng ta vẫn thường nghe nói họ sống đến tám mươi, chín mươi hoặc hơn trăm tuổi. Quý vị hãy nhìn lại xem họ ăn uống thế nào, chỉ là trà thô cơm nhạt, nhưng vì sao họ được khỏe mạnh? Vì sao họ được sống lâu? Có thể thấy rằng, được sống lâu khỏe mạnh không phải nhờ tắm bổ, cũng không thể dùng thuốc men trị liệu mà được. Các lão nông nhờ đâu được khỏe mạnh? Nhờ tâm họ thanh tịnh, thành khẩn, từ bi.

Thấu hiểu được ý nghĩa này thì trong cuộc sống mọi việc đều tùy duyên là tốt. Hơn nữa, việc ăn uống hằng ngày càng ít càng tốt. Tâm thanh tịnh, giữ lòng trong sạch, ít ham muốn thì tự nhiên sẽ được khỏe mạnh sống lâu. Trong sách trích dẫn một đoạn kinh Di Giáo do chính đức Phật nói ra. Phật dạy: *“Đa dục chi nhân, đa cầu lợi cố, khổ não diệc đa.”* (Người nhiều tham dục, do mong cầu nhiều nên khổ não cũng nhiều.)

Lời dạy này của đức Phật không có gì khó hiểu. Người nhiều tham dục thì lòng tham muốn nặng nề, những gì chưa có được thì mong muốn có được, những gì có được rồi thì lo sợ mất đi, trong lòng chất chứa quá nặng nề, phiền não quá nhiều, lo được lo mất. Người như vậy vì sao chết sớm?

Nguyên nhân chính là ở chỗ này. Ngạn ngữ có câu: “*Ưu năng sử nhân lão.*” (Buồn lo sẽ mau già.) Câu này là kinh nghiệm thực tế của người xưa nói ra. Người nhiều lo âu, buồn bực, trong lòng ôm ấp quá nhiều chuyện, rất dễ suy yếu, mau già, nhiều bệnh, tuổi thọ tự nhiên không thể kéo dài.

Từ nơi sự thật này, ý nghĩa này mà quan sát, chúng ta sẽ hiểu được rằng Nho giáo, Đạo giáo cũng như Phật giáo đều thông tuệ sáng suốt, hiểu rõ được phép dưỡng sinh, đều nỗ lực hết sức buông bỏ những ưu tư, sầu não, đạt đến thân tâm tự tại.

Giáo hóa chúng sinh là sự nghiệp của người tu hành. Khi thực hiện sự nghiệp ấy phải thực sự nỗ lực hết sức nhưng nhất định không có sự mong cầu. Vì sao vậy? Có mong cầu liền có phiền não. Không mong cầu thì không phiền não, nhiều mong cầu sẽ nhiều phiền não. Khi dạy dỗ, đào tạo đệ tử, đối với những đệ tử ấy nhất định không đặt hy vọng. Vì sao vậy? Có hy vọng thì có thất vọng. Nhìn thấy đệ tử có thành tựu, căn lành, phúc đức nhân duyên tốt đẹp thì chúng ta vui mừng. Nhìn thấy đệ tử không thể y theo lời dạy vâng làm, không thể tiếp nhận những lời răn dạy, vẫn cứ tạo tác tội nghiệp, ta cũng chỉ có thể chấp nhận như vậy, là do tập khí phiền não của họ quá nặng. Cho nên, trong lòng không để lại một chút tỳ vết vướng bận nào, đó mới thật là đạo dưỡng sinh chân chính.

Chúng ta làm mọi việc đều vì xã hội; vì chúng sinh mà làm việc tốt đẹp. Có duyên thì làm, đó là chúng sinh có phúc, chúng ta nên làm, cố gắng làm nhiều một chút. Nếu không có duyên, chúng sinh không có phúc, ta quay về với [cuộc sống] thanh nhàn tự tại, nhất định không chạy đuổi theo duyên, [không khởi lên ý niệm] “*ta nhất định phải làm thế này, thế này...*”, [vì như vậy là] quý vị có ưu phiền khổ não, có dục vọng mong muốn.

Chúng ta xem Kinh điển đều thấy, Chư Phật, Bồ Tát ở trong mười pháp giới, tùy loại hóa thân, tùy căn cơ chúng sinh thuyết pháp. Bản thân các ngài có muốn đến nơi nào đó giáo hóa chúng sinh hay không? Không hề có. Nếu có mong muốn như vậy thì đó là phàm phu, chẳng phải thánh nhân. Vậy các ngài đến [thế gian] như thế nào? Vì chúng sinh có sự chiêu cảm, các ngài liền ứng hiện. Theo cách nói của chúng ta ngày nay là nhận lời mời thỉnh, yêu cầu. Ứng hiện như vậy là thụ động, không phải [các ngài] chủ động. Chúng sinh có sự chiêu cảm, có sự mong cầu, các ngài liền hiện đến. Nếu chúng sinh không có những ý niệm [mong cầu, chiêu cảm], các ngài không đến. Các ngài đến làm gì? Các ngài đến không phải để tìm sự phiền phức.

Cho nên chư Phật, Bồ Tát, cũng như [các bậc thánh nhân] Nho giáo, Đạo giáo [ra công] dạy dỗ, hoặc nói là vì xã hội phục vụ, vì chúng sinh phục vụ, hết thảy đều là bị động, nhất định không có sự chủ động, [không có ý tưởng] “*ta phải làm thế này, thế này... Ta phải tạo cơ hội thế này, thế này*”..., [các ngài] làm gì nhiều chuyện đến thế? Cách làm như vậy, những ý niệm như vậy, đều là trái nghịch với phép tắc tự nhiên. Phép tắc của tự nhiên chính là tính đức của tự tánh. Nho giáo, Phật giáo cũng như Đạo giáo đều [chủ trương] tâm địa thanh tịnh vô vi, không làm gì cả. Không làm gì cả mà không có gì không làm. Đó là sự cảm ứng.

Tôi đến Hương Cảng (Hong Kong) vì mọi người giảng kinh, không phải do tôi muốn đến, mà do quý vị muốn nghe kinh nên tìm tôi đến. Quý vị đã muốn nghe kinh, nếu tôi không đến thì có lỗi với quý vị. Nếu quý vị không tìm cầu, tôi tuyệt đối không đến. Năm xưa có bà Lôi [ở Hương Cảng], mỗi năm đều thỉnh mời tôi. Vì thế, mỗi năm tôi đều đến giảng kinh trong một tháng. Bà Lôi qua đời rồi, không còn ai mời tôi sang nữa. Cho nên, khá nhiều năm [sau đó] tôi không đến Hương Cảng. Khi Hương Cảng được [Anh quốc] trao trả [chủ

quyền về Trung quốc], tôi có đến thăm. Ngày trước giảng kinh ở đây hơn mười năm, cũng có một chút tình cảm, nên khi Hương Cảng được trao trả, tôi liền đến thăm một lần. Khi ấy, gặp một số các vị đồng tu cũ, những thánh chúng ngày trước, họ nói: *“Đã bảy năm rồi thấy không đến đây.”* Tôi nói: *“Đâu có lâu đến thế?”* Nhắm tính lại, quả đúng là bảy năm. Tôi nói: *“Không phải tôi không đến, chỉ là quý vị không tìm tôi. Quý vị không tìm tôi, tôi làm sao đến?”* Thế là, một số vị đồng học lại đến thỉnh mời tôi.

Quý vị tìm thỉnh tôi, đó là *cảm*; tôi [nhận lời] đến là *ứng*. Chúng ta học tập theo đức Phật Thích-ca Mâu-ni, vĩnh viễn là thụ động, vĩnh viễn không chủ động. Chủ động thì có phiền não, chủ động thì tâm không thanh tịnh. Hoàn toàn là thụ động thôi. Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên nhưng không chạy đuổi theo duyên. Tùy duyên là thụ động. Chạy đuổi theo duyên là chủ động. Cho nên câu này ý nghĩa hết sức sâu rộng.

Đức Phật cũng dạy: *“Người ít tham dục, không mong cầu, không tham muốn, ắt không có những mối lo [được mất].”* Đó là Phật dạy chúng ta phải làm sao trong một đời này được sống thật tự tại, sống thật hạnh phúc. Tục ngữ nói rất hay: *“Lý đắc tâm an.”* (Thông đạt lý lẽ thì tâm an ổn.) Ý nghĩa được nhận hiểu rõ ràng sáng tỏ thì tâm tự nhiên an ổn. Nhận hiểu ý nghĩa rõ ràng rồi thì tham muốn không còn nữa, dục vọng không còn nữa.

Cho nên, khi cùng chung sống với hết thảy chúng sinh, họ cần điều gì thì ta đều đem hết khả năng cung cấp cho họ. Họ cần danh tiếng thì cho danh tiếng, cần lợi dưỡng thì cho lợi dưỡng, cần tiền bạc thì cho tiền bạc, cùng tất cả chúng sinh kết duyên hoan hỷ. Những gì [người tu hành] chúng ta cần, chúng sinh không cần; những gì họ cần, chúng ta không cần. Họ cần danh tiếng, lợi dưỡng, năm món dục trong sáu

trần cảnh, những thứ như vậy chúng ta không cần. Chúng ta cần tâm ý thanh tịnh, tâm thanh tịnh này chúng sinh [si mê] không cần đến. Cho nên, chúng ta chung sống với hết thầy người đời [si mê] không có xung đột, mâu thuẫn.

Người đời vì sao không thể chung sống tốt với nhau? Vì có xung đột vấn đề lợi hại, bên này bên kia cạnh tranh lẫn nhau, cho nên không thể cùng nhau sống chung. [Người tu hành] chúng ta có thể cùng với hết thầy chúng sinh sống chung rất tốt. Như quý vị đã thấy, chúng ta hiện nay sống chung rất tốt với nhiều người khác chủng tộc, khác tôn giáo, vẫn cùng nhau sống chung rất tốt. Nguyên nhân ở đâu? Họ cần đến điều gì chúng ta đều cung cấp. Họ không cần cái chúng ta cần, cho nên nhất định không có sự xung đột lợi hại. Như vậy chúng ta mới có thể cùng họ chung sống tốt.

Ta giúp đỡ mọi người, đó là ta tiếp nhận lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát, của các bậc hiền thánh xưa. Đó là chỗ lợi ích chân thật đạt được trong một đời. Chúng ta cống hiến cho mọi người, chia sẻ với mọi người một phần lợi ích đó. Nếu như quý vị giác ngộ nhận hiểu, quý vị nhất định cũng có thể “*cho ra nhiều, giữ lại ít*”. Nhu cầu thực sự cần thiết cho đời sống của chúng ta hết sức giới hạn, chẳng đáng là bao, rất dễ dàng thỏa mãn đầy đủ.

Thời gian tôi còn cầu học, vào khoảng hơn ba mươi tuổi, chừng ba mươi hai, ba mươi ba, cùng sống với lão cư sĩ Lý Bình Nam. Lý lão sư mỗi ngày chỉ ăn một lần, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Tôi bắt đầu học Phật năm hai mươi sáu tuổi. Ngay trong năm ấy, nửa cuối năm tôi bỏ không ăn bữa tối, nhà Phật gọi là “*trì trai*”. Tôi sống như vậy không ít năm. Khi đến Đài Trung sống với Lý lão sư, thầy chỉ ăn một bữa, tôi nghĩ điều này cũng không khó, liền bỏ luôn bữa ăn sáng, mỗi ngày chỉ còn ăn một bữa. Tôi ăn như vậy đến tám tháng mới nói cho thầy biết. Thầy hỏi: “*Ông thấy thể lực thế nào?*” Tôi

đáp: “*Thế lực hết sức bình thường, không thấy có gì không thoả mái.*” Thầy vỗ tay lên mặt bàn, bảo tôi: “*Cứ như vậy luôn đi, trọn đời không cầu người khác.*”

Đời sống [đơn giản] như vậy thật dễ dàng. Người nhiều ham muốn ắt phải cầu cạnh người khác [để đáp ứng], người ít ham muốn chẳng phải cầu cạnh ai. Người xưa nói rất hay: “*Con người đạt đến chỗ không mong cầu thì phẩm giá tự nhiên cao quý.*” Cho nên, từ lúc đó tôi chỉ ăn ngày một bữa. Ăn như vậy được 5 năm. Sau tôi đến Đài Bắc giảng kinh, nữ cư sĩ Hàn Anh thỉnh tôi về nhà bà. Bà thấy tôi ăn mỗi ngày một bữa liền nói: “*Pháp sư! Thế này không được. Thầy ăn như thế này tương lai thân thể suy yếu, có vấn đề gì cả nhà chúng tôi không gánh nổi [trách nhiệm]. Nếu như thầy nhận lời ở Đài Bắc này hoằng pháp, nhất định thầy phải ăn ngày ba bữa.*”

Tôi suy nghĩ, việc hoằng pháp là quan trọng thiết yếu, phải tùy duyên thôi. Tôi liền đem một bữa chia ra thành ba bữa. Thuở ấy tôi còn ít tuổi, mỗi bữa bình thường ăn ba chén cơm. Cho nên, khi ăn ngày ba bữa thì tôi chia ra mỗi bữa ăn một chén.

Tôi ở nhà nữ cư sĩ Hàn được ba mươi năm, nhờ bà chăm sóc. Hiện nay bà đã vãng sinh rồi, không còn ai hạn chế tôi nữa. Cho nên tôi muốn trở lại ăn ngày một bữa, bớt việc. Như vậy bớt đi rất nhiều phiền toái.

Cho nên, nhu cầu trong đời sống càng ít, chúng ta cố gắng hiến cho người khác càng được nhiều hơn. Đó là việc tốt. Đối với bản thân nhất định được lợi ích, đối với người khác cũng có lợi ích. Như vậy là lợi mình, lợi người.

Nhất định phải biết khiêm nhường. [Trong một bài] trước tôi đã từng giảng qua với mọi người. Người với người giao tiếp, phải biết lễ nhượng, nhẫn nhượng. Người ở địa vị lãnh đạo phải biết khiêm nhường, khiêm tốn, mọi việc đều nhường

người khác. Chúng ta giao thiệp qua lại với hết thầy chúng sinh, không có sự xung đột lợi hại, trong sự giao thiệp sẽ không có bất kỳ mâu thuẫn nào, cũng không có bất kỳ sự hiểu lầm nào, lại có thể thực sự đạt đến sự tôn trọng lẫn nhau, thương yêu cung kính, hỗ trợ hợp tác với nhau. [Như vậy thì] đối với sự an định của xã hội, hòa bình của thế giới, phúc lành của hết thầy chúng sinh, tất cả đều sẽ tự nhiên được thành tựu trọn vẹn đầy đủ.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 72

(Giảng ngày 8 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 73, số hồ sơ: 19-012-0073)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm nay chúng ta xem đến câu thứ 30 trong Cảm ứng thiên: “*Thụ nhục bất oán.*” (Chịu nhục không oán hận.) Câu này nói về không sân hận, là dứt trừ tham sân si, không có sân hận.

[Việc bị làm] nhục đối với người Trung quốc từ xưa đến nay được xem là cực kỳ nghiêm trọng. Người xưa nói: “*Sĩ khả sát, bất khả nhục.*” (Người trí thức có thể chịu chết, không thể chịu nhục.) Điều mà người trí thức Trung quốc thời cổ đại theo đuổi chính là đạo nghĩa. Kẻ sĩ là thành phần có học trong xã hội, ngày nay ta gọi là trí thức, thời xưa gọi là người đọc sách thánh hiền. Người thời xưa cho rằng, đối với người trí thức thì dù bị giết chết cũng có thể xem là không quan trọng, nhưng bị làm nhục là chuyện không thể chấp nhận. Họ xem việc bị làm nhục là chuyện cực kỳ quan trọng.

Phật pháp truyền đến Trung quốc, Phật dạy chư Bồ Tát sáu điều cương lĩnh. Dạy Bồ Tát tức là dạy người học Phật. Theo thuật ngữ Phật giáo thì chư Bồ Tát là những người học Phật. Phật dạy người học Phật trong việc tu dưỡng đức hạnh có sáu điều cương lĩnh, tức là Lục độ (sáu độ), hay sáu ba-la-mật. Ba-la-mật là Phạn ngữ, Hán dịch là “độ”, [nghĩa là qua bờ bên kia], nên sáu ba-la-mật là sáu độ. Sáu cương lĩnh này là những nguyên tắc hàng đầu của người học Phật. Quý vị đã là người học Phật thì nhất định phải tuân thủ sáu điều này, bao gồm: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, [tinh tấn, trí tuệ, thiền định]. Trong đó có nhẫn nhục.

Trong thực tế, ý nghĩa Phật dạy không hẳn là nhẫn nhục. Ý nghĩa của điều này là nhẫn nại. Các bậc đại đức phiên dịch Kinh điển khi xưa quan sát tâm lý người Trung quốc đa số đều xem việc bị làm nhục là hết sức nghiêm trọng, nên mới đặt chữ nhục theo sau chữ nhẫn. Cho nên, cách dịch nhẫn nhục là [thích hợp] riêng đối với người Trung quốc. Cách phiên dịch như vậy cũng phù hợp với nguyên tắc chung trong nền giáo học của đức Thế Tôn, tức là tùy theo căn cơ mà thuyết pháp. Cách chuyển dịch như vậy phù hợp với căn cơ của người Trung quốc, cũng là phù hợp với yêu cầu của xã hội Trung quốc. Cho nên, dịch như vậy là rất hay.

Bị nhục [là điều nghiêm trọng nhất] mà có thể nhẫn chịu được thì còn có điều gì không thể nhẫn chịu? [Như vậy thì] không có chuyện gì không thể nhẫn được cả. Hơn nữa, nhẫn là điều kiện tất yếu để tu học thành công. Trong kinh Kim Cang, Phật dạy: *“Hết thấy các pháp đều thành tựu từ đức nhẫn.”* Người Trung quốc xưa cũng nói: *“Việc nhỏ không nhẫn chịu ắt hỏng việc lớn.”* Do đó có thể biết rằng, dù là pháp thế gian hay xuất thế gian, mọi thành tựu lớn nhỏ đều phải hoàn toàn xem nơi công phu nhẫn nại của quý vị. Công phu nhẫn nại được lớn lao thì thành tựu cũng lớn lao, công phu nhẫn nại nhỏ nhoi thì thành tựu cũng nhỏ nhoi. Không có khả năng nhẫn nại thì hoàn toàn không có thành tựu. Sự thật ấy là trước mắt chúng ta.

Quý vị chỉ cần tỉnh táo quan sát những người quanh mình, xem những ai có sự thành tựu, những ai không thể thành tựu, thì tự nhiên thấy được [lý lẽ ấy] rõ ràng trước mắt. Những lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát, chúng ta đọc qua rồi, nghe qua rồi, suy ngẫm kỹ lưỡng, lại quan sát thật kỹ những người chung quanh mình, những ai thành công, những ai thất bại, lại xem trong lịch sử ghi chép những nhân vật thành công hay thất bại. Như vậy thì chúng ta có thể tự chứng thực được những lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát.

Những lời răn dạy của các bậc hiền thánh xưa đều là chân thật, đối với chúng ta có lợi ích lớn lao.

Đặc biệt ở chỗ này [*Cảm ứng thiên*] nói rất hay: “*Thụ nhục bất oán.*” (Chịu nhục không oán hận.) Đây quả là đức hạnh chân thật. “Oán” nghĩa là oán hận. Nói thật ra, một người bình thường chịu nhục, bị người khác làm nhục, ví như có thể nhẫn chịu được, không đáp trả, không báo thù, nhưng ý niệm oán hận thì ít nhiều nhất định phải có. Ý niệm oán hận đó, trong thực tế chính là nghiệp nhân, là nguồn gốc của sự báo thù trong tương lai. Đời này không báo thù, nhờ đức sách thánh hiền nên có thể nhẫn chịu qua được, nhưng đời sau [ý niệm] báo thù đó sẽ bộc lộ.

Là người học Phật, quý vị đều có thể tin chắc được rằng con người không chỉ có một kiếp sống này, mà còn có những kiếp sau nữa. Nếu con người chỉ có một đời này thôi, không có đời sau, thì việc [khởi sinh ý niệm oán hận] này cũng chẳng hại gì. Bao nhiêu phiền phức ở đây chính là vì con người còn có đời sau nữa.

Ngày nay ở các nước phương Tây, như khi tôi hoằng pháp nhiều năm ở Mỹ, Canada, những người ngoại quốc đối với việc kiếp trước kiếp sau đều tin là có thật. Đối với việc Kinh Phật giảng về sáu đường luân hồi họ cũng đều thừa nhận. Những người nào thừa nhận? Chính là các tín đồ Cơ đốc giáo, Thiên chúa giáo. Những người này trước đây không tin có sáu đường luân hồi. Bây giờ họ đã tin là có sáu đường luân hồi. Vì sao họ tin? Đó là thông qua hiện tượng thôi miên sâu [biết được kiếp quá khứ] nên họ tin.

Hiện nay ở nước ngoài, những hồ sơ ghi lại các trường hợp thôi miên lên đến con số hơn mấy trăm ngàn. Những sách đã xuất bản về chủ đề này cũng rất phong phú. Thông qua thôi miên, người bị thôi miên nói ra được kiếp trước của họ. Những điều họ nói ra được ghi chép lại, sau đó mới tiến hành

điều tra kiểm chứng. Nói về kiếp trước, khoảng hơn một nửa số trường hợp là những sự việc trong vòng một, hai trăm năm trước. Những hồ sơ ghi chép này đều được chính phủ lưu giữ, hiện có thể tra cứu được. Người nói ra sự việc vốn suốt đời chưa từng đi đến địa phương mà họ đề cập đến, đối với nơi ấy hoàn toàn xa lạ, hoàn toàn không biết gì. Nhưng người ấy lại mô tả được rõ ràng tình trạng ở địa phương ấy cách nay vài trăm năm, lại nói rõ tên họ của mình vào thời điểm ấy, rằng mình đã cư ngụ ở địa phương ấy. Khi được hỏi về tên đường phố, về loại tiền tệ sử dụng thời ấy, thì người này đều trả lời chính xác. Trải qua tiến trình điều tra kiểm chứng, quả nhiên hoàn toàn đúng. Lại hỏi về chuyện sống chết của họ khi ấy, lúc chết như thế nào, đầu thai trở lại vào lúc nào, họ đều nói ra hết sức rõ ràng, minh bạch.

Những sách ấy có được dịch sang tiếng Trung quốc, nhưng không nhiều lắm, chính tôi đã từng được xem qua. Lại có những người đời trước là súc sinh, đời trước là chim chóc, là rắn, là động vật... Điều này chứng minh có việc từ cảnh giới súc sinh đầu thai chuyển sang cảnh giới con người. Lại cũng có một số người, không nhiều lắm, đời trước không phải người ở trái đất này. Đời trước họ ở một tinh cầu khác. Điều này chứng minh thật có những sinh vật cao cấp ở nơi khác, nhất định không phải chỉ riêng có địa cầu này. Riêng với những người ở tinh cầu khác, họ dùng ngôn ngữ chúng ta hoàn toàn không hiểu được. Họ từ tinh cầu ấy đầu thai đến địa cầu này.

Do trải qua những thực nghiệm khoa học như vậy nên chúng thực được con người thật có kiếp trước. Đã có kiếp trước thì đương nhiên khẳng định là phải có kiếp sau. Những điều này trong Kinh điển đức Phật đã giảng nói rất rõ ràng, minh bạch.

Vũ trụ khởi đầu như thế nào? Sự sống khởi đầu như thế

nào? [Vạn pháp] diễn biến như thế nào? Về sau sẽ kết thúc như thế nào? [Những điều này] chỉ duy nhất đức Phật thuyết giảng được thấu triệt trong Kinh điển. Chúng ta đọc qua Kinh điển có thực sự thấu hiểu được chăng? Quả thật cũng rất khó.

Nói thật ra, Phật pháp hết sức phù hợp với tinh thần khoa học. Thậm chí ngày nay trong khoa học còn phát hiện ra nhiều nhầm lẫn, nhưng trong Kinh điển của Phật thì hoàn toàn không có. Trong Kinh điển, Phật nói ra mỗi câu, mỗi việc, đều dạy chúng ta phải thông qua thực chứng [trước khi tin nhận]. Cho nên, trong nhà Phật nói về [bốn giai đoạn tu tập là] *tín* (tin nhận), *giải* (hiểu rõ), *hành* (thực hành) và *chứng* (chứng nghiệm). Giai đoạn cuối cùng là chúng ta phải tự mình chứng thực được những điều đã học [từ Kinh điển]. Nếu như quý vị chưa chứng thực được mà đã vội tin theo, đó gọi là mê tín. [Niềm tin] phải thông qua sự chứng thực, xác nhận được sự thật đúng là như vậy, đó mới gọi là chánh tín.

Thế nhưng quý vị muốn thấy được quá khứ, muốn thấy được tương lai, thì quý vị phải có được năng lực đột phá [vượt qua] không gian. Quả thật là không gian cũng có phạm vi [có thể vượt qua], giống như [vượt qua] một bức tường vậy. Các nhà khoa học ngày nay đã biết, đối với không gian họ đã dần dần phát hiện ra là không gian không đơn giản [như xưa nay ta vẫn tưởng]. Họ phát hiện ra được không gian ba chiều, không gian bốn chiều, không gian năm chiều, cũng gọi là [không gian] tam độ, tứ độ, ngũ độ. [Do đó,] về mặt suy luận có thể thấy là không gian có vô số chiều, vô số độ. Nhưng khoa học hiện nay chỉ xác thực được sự tồn tại của không gian mười một chiều, tức là không gian thập nhất độ.

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ở sau phần chú giải kinh Vô Lượng Thọ có đính kèm một báo cáo của các nhà khoa học phương Tây, so với nội dung kinh Phật có nhiều điểm tương

tự. Vào lúc chú giải bản kinh, ông không đưa vào những điều này. Khi tôi đến Bắc Kinh, ông ấy mới đột nhiên nghĩ đến việc đưa thêm vào. Ông ấy lại còn có mấy bản văn nữa, lúc ấy trao hết cho tôi, tôi liền cho in thêm vào cuối bản kinh để mọi người tham khảo.

Việc phát hiện ra các chiều không gian là như thế, nhưng rốt lại làm thế nào để đột phá, vượt qua được các chiều không gian thì hiện nay [khoa học] vẫn chưa có kỹ thuật ấy, vẫn chưa có được khả năng ấy. Thế nhưng trong Phật pháp thì điều này đã làm được từ rất sớm. Đức Phật đã sử dụng phương pháp gì? Chính là dùng thiên định. Ý nghĩa này tôi đã từng nói với quý vị rồi. Không gian [đa dạng] nhiều chiều như thế từ đâu phát sinh? Các nhà khoa học không thể biết được.

Đức Phật dạy, thời gian và không gian vốn không thực sự hiện hữu. Chúng ta đọc qua luận Bách pháp minh môn, tôi không biết quý vị có nghĩ đến điều này hay không, “bách pháp” đó chính là giải thích về vũ trụ nhân sinh, nói rõ về chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Bồ Tát Di-lặc rất siêu việt, ngài đem những điều Phật giảng dạy trong kinh luận tổng hợp, quy kết lại thành sáu trăm sáu mươi pháp, trong luận Du-già sư địa. Luận Du-già sư địa chính là tác phẩm của Bồ Tát Di-lặc. Bồ Tát Thế Thân đọc được bộ luận này, thấy rằng sáu trăm sáu mươi pháp vẫn còn là quá nhiều, không thuận tiện cho người mới học, nên ngài đem tất cả quy nạp lại thành một trăm pháp, tiện lợi cho việc dạy và học. Một trăm pháp ấy phân chia thành năm nhóm lớn, gồm Tâm pháp, Tâm sở pháp, Sắc pháp, Tâm bất tương ưng hành pháp và Vô vi pháp. Năm nhóm pháp này chính là nói rõ về toàn bộ vũ trụ nhân sinh.

Cho nên, luận này đã giảng rõ lời dạy của Phật: “Hết thủy pháp đều là vô ngã.” Hết thủy pháp [ở đây] chính là quy nạp về một trăm pháp, vô ngã chính là [các ý nghĩa] nhân vô ngã

và pháp vô ngã [được giảng rõ trong luận]. Quý vị phải nhận hiểu thấu triệt được chân tướng sự thật [về vũ trụ nhân sinh] thì mới thực sự hiểu được thế nào gọi là vô ngã, [trong luận này] giảng giải rất rõ ràng, giảng giải rất thấu triệt.

Vậy các chiều không gian được xếp vào nhóm nào [của năm nhóm lớn] trong Bách pháp? Là được xếp vào nhóm Bất tương ưng hành pháp. Nhóm này có tổng cộng 24 mục, trong đó có mục Thời phân. Thời phân đó chính là nói về thời gian. Lại có mục Phương phân, chính là nói về không gian. Thời phân và phương phân là thời gian với không gian, đều là giả lập thôi, không phải chân thật. Các pháp “bất tương ưng hành” nếu nói theo ngôn ngữ hiện đại tức là các khái niệm trừu tượng, không phải sự thật. Khái niệm từ đâu sinh ra? Chính là từ vọng tưởng, phân biệt bám chấp mà sinh ra. Vọng tưởng phân biệt bám chấp của hết thảy chúng sinh là vô lượng vô biên, cho nên biến hiện thành vô lượng vô biên các chiều không gian. Điều này chỉ có đức Phật mới có khả năng nói ra được.

Quý vị phải hiểu rõ được sự hình thành [của thời gian với không gian] như thế nào, quý vị mới có thể nghĩ đến phương pháp đột phá, vượt qua. Đột phá, vượt qua như thế nào? Quý vị chỉ cần buông xả hết vọng tưởng, phân biệt bám chấp thì đột phá được, vượt qua được. Cho nên, khi hành giả nhập định thì ý chí tập trung, không có vọng tưởng, liền có thể dần dần đột phá vượt qua, từ không gian ba chiều nhìn thấy đến bốn chiều, từ bốn chiều thấy được đến năm chiều... Tùy theo công phu định lực sâu cạn mà có thể đột phá, vượt qua được nhiều tầng bậc lớn nhỏ không giống nhau. Nhà Phật nói đến chuyện vượt qua không gian và thời gian là có ý nghĩa, có căn cứ lý luận. Lý luận ấy so với sự thật hoàn toàn phù hợp, kết hợp thành một thể.

Mọi người đều biết, Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp

môn, [hàm ý] là vô lượng pháp môn. Pháp [môn] là gì? Pháp là phương pháp, môn là con đường. Tuy có nhiều phương pháp, có nhiều con đường, nhưng về mặt nguyên lý, nguyên tắc chỉ có một mà thôi. [Nguyên tắc] đó là tu định. Cho nên, quý vị đồng tu nhất thiết phải ghi nhớ, tuyệt đối không được cho rằng chỉ có Thiền tông mới tu thiền định, còn những pháp môn khác không tu thiền định. Như chúng ta [tu tập] niệm Phật, [niệm đến] nhất tâm bất loạn, há chẳng phải là thiền định đó sao? Giáo tông đề xướng [tu tập] chỉ quán, chỉ quán đó cũng chính là thiền định. Mật tông [dạy pháp] Tam mật tương ứng, tương ứng đó cũng chính là thiền định. Cho nên phải biết rằng, tám vạn bốn ngàn pháp môn chính là vận dụng tám vạn bốn ngàn phương pháp khác nhau, tất cả đều là để tu thiền định. Đây mới thật là ý nghĩa mà trong kinh nói: *“Các pháp môn đều bình đẳng, không có cao hay thấp.”*

Quý vị có thể sử dụng những phương pháp không giống nhau, nhưng phương hướng, mục tiêu [tu tập] đều là một, thành tựu đạt được hoàn toàn tương đồng. Phương pháp tu tập không giống nhau là vì mỗi người đều có căn tánh khác nhau, sự tập nhiễm cũng khác nhau. Nếu [chọn phương pháp] phù hợp với căn tánh của mình việc tu học sẽ dễ dàng thành tựu. [Phương pháp] không phù hợp với căn tánh của mình, việc tu học sẽ gặp nhiều khó khăn.

Cho nên chúng ta nhất định phải hiểu được rằng, Phật pháp bao giờ cũng tùy thuận căn tánh chúng sinh để dạy dỗ, giáo hóa. Phương pháp ấy là thuận theo tự nhiên, không có chút miễn cưỡng nào. Chúng ta hiện nay nói là miễn cưỡng, trong kinh Phật gọi là theo ý riêng, hoàn toàn không thêm vào mảy may ý riêng của mình. Cho nên nói rằng Phật không hóa độ chúng sinh. Phật đối với hết thảy chúng sinh hoàn toàn không có chút miễn cưỡng nào, không mảy may theo ý riêng của mình. Quý vị nói xem, thật tự tại biết bao.

Chúng ta ngày nay nói đến “*chân thiện mỹ tuệ*” (chân thật, hiền thiện, tốt đẹp, sáng suốt), chỉ khi nhìn vào cuộc đời, hành trạng của đức Phật, nhìn vào phương pháp giáo dục của ngài, chúng ta mới thể hội được [những gì là] “*chân thiện mỹ tuệ*”.

Người đời hiện nay nói đến trí tuệ cao cấp, chúng ta trong thực tế không thể hội được, cũng chẳng nhìn thấy được. Nhưng trong Kinh điển của Phật, chúng ta thực sự thể hội được, thấy được trí tuệ cao tột, đó là điều chúng ta phải học tập. Có thể tùy thuận hoàn toàn theo tự nhiên, đó là tốt đẹp lành mạnh nhất. Thêm một chút ý riêng của mình vào, đó là gốc bệnh.

Cho nên Phật dạy về ba độc: tham, sân, si. Ba độc đó là gì? Nói theo ngôn ngữ hiện nay thì đó chính là virus gây bệnh. Khi trong người quý vị đã có virus gây bệnh nghiêm trọng, bên ngoài nếu gặp gió, gặp lạnh, quý vị đều dễ dàng ngã bệnh. Trong tâm quý vị không có tham sân si, trong người quý vị không có virus gây bệnh, thì bao nhiêu tác nhân bên ngoài đều không thể gây bệnh cho quý vị.

Sự lăng nhục [của người khác] là thuộc về ngoại cảnh, là bên ngoài. Bên trong nếu có sân hận, bên ngoài dù một chút hỷ nhục quý vị cũng sẽ lập tức phản ứng. Sự phản ứng đó cũng chính là bệnh của quý vị đã phát tác. Bệnh này không thể xem nhẹ, không thể cho là nhỏ nhặt. Vì sao vậy? [Vì khởi sinh tâm ý như vậy thì dù] vô tình hay cố ý cũng đều kết thành mối thù sâu hận lớn với người khác. Điều này chúng ta từng thấy rất nhiều trong lịch sử. Trong lúc vô ý đắc tội với người khác, về sau khi người ấy có sức mạnh báo thù thì không chống đỡ nổi, thậm chí phải mang lấy họa sát thân.

Vào thời xưa, có những mối họa tiêu diệt cả một dòng họ, là do nguyên nhân gì? Đều do không nhẫn chịu được việc nhỏ, [khởi tâm oán hận rồi] trong lúc vô ý đắc tội với người

khác. Lịch sử ghi lại những trường hợp điển hình như thế rất nhiều. Trong phần chú giải phía sau [của sách Cảm ứng thiên] nêu rất nhiều ví dụ, tôi cũng chưa xem kỹ.

Chúng ta trong cuộc sống thường ngày, nhất là đối với những người xấu ác, tâm lượng hẹp hòi, nhất định đối với họ phải hết sức khiêm nhường, phải cung kính, không kết thành oán thù. Cho nên Phật dạy chúng ta, quý vị xem trong mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, bốn nguyện đầu tiên dạy rằng: *“Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng.”* Nếu chúng ta có thể làm được theo đúng bốn câu mười sáu chữ này thì lợi lạc suốt đời không hết.

Bất kể đối với hạng người nào cũng đều phải hết mực khiêm nhường, đều phải cung kính, nhất định không được có hành vi ngạo mạn, không được tự cho mình là đúng, không được tự cho mình là hoàn hảo, tài ba. So với bất kỳ vị Phật nào, vị Bồ Tát nào, thậm chí với một vị A-la-hán hay Tu-đà-hoàn, chúng ta đều không thể sánh nổi, vậy thì có gì đáng để kiêu ngạo? Nếu thường hướng về chư Phật, Bồ Tát [để so sánh như thế] thì tâm ngạo mạn của chúng ta sẽ mất đi, tự nhiên nuôi dưỡng được đức khiêm hạ. Khiêm hạ là thuộc về tánh đức. Phật dạy chúng ta như vậy, Khổng tử cũng dạy ta như vậy.

Trong sách Lễ ký, đức Khổng tử giảng dạy điều gì? Không có gì hơn là phải biết tự hạ mình mà tôn trọng người khác. Đó là tinh thần trong toàn bộ Lễ ký, dạy chúng ta trong việc đối đãi với người, tiếp xúc với muôn vật phải luôn biết khiêm hạ, phải tôn trọng người khác. Bản thân đức Khổng tử đã làm được như vậy. Chúng ta xem trong sách Luận ngữ, thấy ngài tiếp xúc gặp gỡ với bất kỳ ai cũng đều hết sức nhún nhường khiêm hạ. Trong kinh Phật chúng ta cũng thấy được, đức Phật Thích-ca Mâu-ni khi gặp gỡ bất cứ người nào cũng đều

khiêm hạ. Các bậc đại thánh đại hiền ở thế gian hay xuất thế gian mà còn như vậy, chúng ta thì có gì đáng để kiêu ngạo? Con người mà khởi sinh một ý niệm kiêu mạn là xem như hỏng rồi.

Về cách nhìn người của Khổng tử, sách Luận ngữ có chép lại một câu nói lên được quan điểm của ngài trong việc quan sát, xét đoán con người. Ngài nêu ra một giả thuyết, là ví dụ thôi, không phải có thật. Thật ra là ngài dùng ví dụ này để dạy học trò, để khích lệ học trò. Ngài nói, ví như có người đức hạnh, tài hoa, tốt đẹp như Chu công. [Nên biết,] Chu công là người mà Khổng tử nể phục nhất. Chúng ta xem những gì được ghi chép lại thấy có rất nhiều chỗ ngài ngợi khen, tán thán Chu công. Mà quả thật Chu công là người rất tuyệt vời. So trong lịch sử Trung quốc mà nói, ông là một chính trị gia vĩ đại nhất. Nhà Chu từ khi dựng nước, có thể giữ được tám trăm năm không suy thoái, đó là nhờ ở những thiết chế của Chu công vạch ra. Tác phẩm của Chu công còn truyền lại được đến ngày nay là bộ sách Chu lễ. Chu lễ là sách gì? Nói theo ngôn ngữ ngày nay thì đó là một bộ Hiến pháp của nhà Chu. Bộ Hiến pháp này do chính Chu công chế định.

Hồi còn trẻ tôi rất thích đọc sách. Tiên sinh Phương Đông Mỹ có lần hỏi tôi: “Ông đọc Chu lễ chưa?” Tôi đáp: “Chưa đọc.” Tiên sinh nói: “Phải đọc đi.” Tiên sinh trước sau nhắc tôi đọc quyển này có hơn chục lần, nhưng tôi chỉ thích đọc sách Lễ ký. Các sách Chu lễ, Nghi lễ tôi chỉ lướt nhanh qua, không có hứng thú lắm. Cho nên tôi vẫn chưa đọc qua. Tiên sinh lại bảo tôi: “Đây là bộ Hiến pháp hay nhất trên toàn thế giới. Nếu như con cháu nhà Chu hoàn toàn làm đúng theo sách này thì triều Chu đến vạn vạn năm cũng không bị thay thế.” Tiên sinh Phương Đông Mỹ đối với sách này khen ngợi, tán thán đến mức như vậy. Thế nhưng tôi đối với chính trị không có hứng thú, tôi vẫn chỉ muốn học Phật pháp thôi. Dù vậy, qua sự giới thiệu của tiên sinh, tôi mới biết được Chu lễ

là một bộ sách hay. Cho nên, Khổng tử đối với Chu công hết lời ngợi khen xưng tán.

Khổng tử dạy học trò rằng: “Ví như có một người đức hạnh, học vấn đều tốt đẹp sánh ngang Chu công, nhưng kiêu ngạo và keo kiệt, thì tất cả những đức tánh của người ấy không cần xem đến nữa.” Ngài nói, nếu mắc phải hai tật xấu này, một là kiêu ngạo, hai là keo kiệt, thì người này không cần phải xem xét nữa, hết thấy [những phẩm tánh của họ] đều là giả, không phải thật. Như vậy, quý vị có thể thấy được sự kiêu ngạo gây tổn hại lớn lao đến đức hạnh của một người như thế nào. Keo kiệt đó tức là tham lam, tức phiền não tham. Kiêu ngạo đó tức là sân hận, tức phiền não sân. Nhưng Nho gia không giảng về Ba độc, chỉ nhà Phật mới giảng giải thấu triệt. Phiền não ba độc của quý vị chưa dứt trừ thì học vấn, đạo đức của quý vị [nếu có] đều là giả, không thể là thật. Khổng tử nói ra câu ấy, chúng ta từ chỗ này phải thể hội, ý nghĩa hết sức rõ ràng, sáng tỏ.

Làm cách nào dứt trừ tâm tham? Phải tu tập bố thí. Khi tôi học Phật, ngày đầu tiên gặp Đại sư Chương Gia, ngài đã đem điều này ra dạy cho tôi. Người đời keo kiệt tiền bạc, không chịu bỏ ra. Phật dạy chúng ta tiền tài từ đâu mà có? Chính nhờ bố thí mà có, càng bố thí càng có nhiều [tiền tài] hơn. Nếu như quý vị không chịu bố thí, tiền tài của quý vị đến mức đó là dừng lại, chỉ được chừng ấy thôi. Quý vị chịu bố thí thì cũng giống như dòng nước chảy, được lưu thông [không ứ đọng], sẽ mãi mãi hưởng thụ không hết, vậy sao lại không làm? Keo kiệt chính là ngăn bít [dòng chảy] lại. Ngăn bít rồi thì phía sau không tiếp tục chảy tới được nữa, chỗ có được của quý vị chỉ chừng ấy thôi, sử dụng hết sẽ không còn nữa. Ý nghĩa này cần phải hiểu rõ, càng bố thí sẽ càng có được nhiều hơn, mãi mãi dùng hoài không hết.

Cho nên, nếu chúng ta muốn cho suốt đời không bị thiếu

thốn vật chất thì điều này có thể làm được. Chỉ cần quý vị chịu thực hành bố thí, quý vị nhất định sẽ không bao giờ bị thiếu thốn, mãi mãi được lợi lạc khôn cùng. Nhưng khi có được càng nhiều thì quý vị lại càng phải bố thí nhiều hơn. Cho nên nhà Phật thường nói “*xả đắc*” (buông xả được), cách nói này thực sự có hai ý nghĩa. Ý nghĩa cạn là quý vị có *buông xả* tài vật của mình thì quý vị mới thực sự *đạt được*. Ý nghĩa sâu xa hơn là quý vị *đạt được* rồi thì mau mau *buông xả*. *Đạt được* rồi phải mau mau *buông xả*, như vậy thì quý vị được hưởng hoài không hết. *Đạt được* rồi nếu không chịu *buông xả* thì phước báo của quý vị chỉ dừng lại ở mức đó, chỉ là phước báo nhỏ nhoi mà thôi. Cho nên, *đạt được* điều gì đều phải mau mau *buông xả*, nhất định không giữ lại. Tiền bạc của cải là như vậy, trí tuệ cũng như vậy, hết thấy mọi việc cũng đều như vậy. Vì thế, Phật dạy chư Bồ Tát phải học theo sáu cương lĩnh tu tập, [sáu pháp ba-la-mật,] trong đó trước tiên là bố thí.

Pháp Ba-la-mật thứ hai là trì giới. Trì giới là tuân thủ, giữ theo pháp luật, ý nghĩa nhất định phải được hiểu rõ. Pháp luật của quốc gia nhất thiết phải tuân thủ, không làm bất cứ điều gì vi phạm pháp luật, như vậy mới được tâm an ổn, lý lẽ hiểu rõ ràng. Đối với việc tốt nhưng có lệnh cấm cũng không được làm. Không phải do ta không muốn làm, là do chúng sinh không có phúc [nhận hưởng việc ấy]. Tự bản thân ta được niềm vui thanh nhàn, niềm vui tự tại, như vậy có gì không tốt? Cho nên phải có duyên. Lúc có duyên thì chúng ta phải tận tâm tận lực mà làm. Lúc không có duyên thì quay về tu dưỡng tự thân, tự mình hoàn thiện, có duyên mới làm thêm việc thiện cho chúng sinh. Quyết định không làm những việc phạm pháp thì chúng ta đi đến đâu cũng được người ta hoan nghênh.

Pháp luật là [những quy định] có văn bản. Còn có [những quy định] không có văn bản như đạo đức, phong tục, tập

quán. Đi đến nơi nào phải thăm dò tập tục địa phương nơi ấy. Vào nhà người khác phải thăm dò những điều hỷ kỵ phải né tránh trong nhà ấy. Nhà người ta có điều kiêng kỵ gì thì [khi vào nhà] nhất định không phạm vào. Đó là lời Phật dạy chúng ta.

Pháp ba-la-mật thứ ba [là nhẫn nhục], phải có lòng nhẫn nại, tâm phải bình tĩnh, khí phải hòa hoãn. Chúng ta nêu [một việc của] Thiên tông làm ví dụ. Khi Tổ sư [Bồ-đề Đạt-ma] vừa đến Trung quốc, đó là thời vua Lương Vũ Đế. Ngài cùng vua nói chuyện không hợp căn cơ, vua không chịu hộ trì ngài. Ngài liền về chùa Thiếu Lâm ngồi quay mặt vào tường [suốt chín năm], chờ đợi cơ duyên. Quả nhiên không sai, ngài đợi được đến lúc gặp một người là Huệ Khả, [từ đó] mỗi đời đều có một người truyền nối. Truyền đến Đại sư Huệ Năng thì nhân duyên mới thành thực. Quý vị nói xem, các vị ấy đều có tâm nhẫn nại biết bao. Tổ sư mang Phật pháp truyền đến Trung quốc, phải đợi đến đời [truyền nối] thứ sáu thì mới làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh. Đây là một điển hình nhẫn nhục rõ ràng nhất.

Chúng ta ví như có phát tâm lớn lao, nguyện lớn lao, có đức lớn, năng lực lớn, muốn làm lợi ích hết thảy chúng sinh nhưng nhân duyên chưa thành thực, phải học theo Tổ sư Bồ-đề Đạt-ma, có thể tìm một, hai người truyền nối, đời đời truyền nối về sau, đợi đến một ngày cơ duyên thành thực sẽ có thể làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh. Đâu cần phải nhất định tự mình làm ngay trong đời này? Không cần phải như vậy. Đó mới là trí tuệ chân thật. [Không đủ cơ duyên thì] không cần phải tự mình làm, hãy truyền nối lại cho đệ tử. Đệ tử không gặp cơ hội, lại truyền cho đệ tử đời tiếp theo. Từ việc này chúng ta thấy rằng, tâm nhẫn nại như thế của các bậc hiền thánh xưa, người bình thường không thể sánh được. Như vậy mới có thể thực hiện được sự việc [hoàng dương

Chánh pháp] một cách trọn vẹn đầy đủ mà không có sai sót khiếm khuyết. Đó là điều chúng ta phải học tập.

Chịu nhục nhất định không có lòng oán hận. Câu này ý nghĩa rất sâu xa, đối với sự tu học của chúng ta có quan hệ rất lớn lao. Hôm nay chỉ giảng với quý vị một phần, ngày mai sẽ nêu ra một số điển hình để làm rõ. Chúng ta phải hết sức xem trọng câu này, nếu không thì chẳng những sẽ gặp chướng ngại lớn lao trên đường đạo, mà đối với việc đọc Kinh điển muốn hiểu sâu ý nghĩa cũng sẽ gặp trở ngại.

Quý vị đọc Kinh điển không được khai ngộ. Vì sao không được khai ngộ? Vì những phiền não [tham sân si] này vẫn còn nguyên đó, chúng ở bên trong gây tai họa, tạo chướng ngại. Cho nên điều này phải giảng giải cho thật rõ ràng, thật sáng tỏ.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 73

(Giảng ngày 9 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 74, số hồ sơ: 19-012-0074)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua đã giảng đến câu thứ 30 trong Cảm ứng thiên: “*Thụ nhục bất oán*.” (Chịu nhục không oán hận.)

Điều này thật rất khó làm, nhưng tất yếu vẫn phải làm. Vì sao vậy? Vì có quan hệ hết sức thiết thân, lợi hại đối với [sự tu tập] của chúng ta. Thế gian này có ai trong đời lại không từng gặp phải những sự việc ân oán như thế? Trong Phật pháp dạy chúng ta về tám nỗi khổ, [trong đó có] “*oán tắng hội khổ*” (khổ vì gặp gỡ người mình oán ghét) và “*ái biệt ly khổ*” (khổ vì xa lìa người mình yêu thương). Đây là những điều mà từ xưa đến nay ở bất cứ nơi đâu cũng đều làm cho lòng người cảm thán. Cả hai nỗi khổ này đều không phải do ta mong muốn xảy ra, nhưng trong cuộc sống lại ngày ngày gặp phải, lúc nào cũng gặp phải, nơi nào cũng gặp phải.

Nguyên nhân là vì đâu? Chính là vì không thể nhẫn nhục, nên từ mối oán nhỏ kết thành thù sâu hận lớn. Trong bài văn *Âm chất* của Văn Xương Đế quân, ta thấy ngay từ mở đầu Đế quân đã tự kể lại những việc báo ân báo oán trong quá khứ của ngài, thâm đến nỗi mắt không nỡ nhìn. Nếu như [Đế quân] không gặp Phật pháp thật rất khó để giác ngộ, rất khó quay đầu hướng thiện. Đó thực sự là si mê mới tạo ra những nghiệp ác như thế.

Chư Phật, Bồ Tát, các bậc thánh hiền dạy dỗ chúng ta, nhất định đều là những điều có ý nghĩa, nhất định là có chỗ tốt đẹp, có lợi ích. Các ngài dạy chúng ta: “*Thường nhớ nghĩ chỗ tốt của người, không nên ghi nhớ việc xấu. Thường nhớ nghĩ*

ơn đức của người, không nên ghi nhớ oán thù.” Hai câu này hết sức quan trọng, thiết yếu. Quý vị có thể thực sự làm theo đó thì đời đời kiếp kiếp được hưởng phúc, đời đời kiếp kiếp đều gặp được nhiều người thương yêu bảo bọc, giúp đỡ hỗ trợ.

Thế nhưng vẫn luôn có rất nhiều người không nhẫn chịu được. Trước đây tôi có nói qua một ví dụ điển hình về việc này. Đó là chuyện chính tôi đã học được [rồi mới] có thể nhẫn nhục. Câu chuyện nhẫn nhục của tôi xảy ra khi tôi còn là học sinh ở trường, là một người bạn đồng học đã cho tôi bài học đó. Thời điểm sau kháng chiến thắng lợi, tôi ở Nam Kinh đi học. Có một người bạn đồng học mà tên họ tôi nhớ rất kỹ, vì người ấy đã dạy tôi bài học nhẫn nhục. Anh tên là Bạch Chấn Hoàn. Tôi cũng không biết ngày nay anh ấy còn sống hay không. Anh ấy là người có tu dưỡng. Tôi đối với anh vô cùng bội phục.

Hồi còn đi học ở trường, tôi trẻ tuổi hiếu thắng, lại được thầy giáo yêu thương che chở, bạn đồng học kính trọng. Theo cách nói bây giờ thì tôi là một lãnh tụ học sinh. Người bạn đồng học họ Bạch này, lúc đó tôi rất xem thường, thường làm nhiều việc khó coi đối với anh ấy, xúc phạm làm nhục anh ấy. Nhưng anh không hề có chút gì bực tức oán giận. Điều này thật rất khó làm. Hơn nữa, lúc vắng mặt tôi anh ấy còn khen ngợi, tán thán tôi, chưa từng có lúc nào nói lời không tốt về tôi.

Sau một học kỳ, việc làm của anh ấy khiến tôi cảm động. Anh ấy đã dùng chính hành động của mình để dạy dỗ tôi, [đó là thân giáo,] là điều hết sức khó làm. Cho nên [nhờ anh] tôi đã học được [đức nhẫn nhục] này. Từ đó về sau, tôi thực sự được lợi ích vô cùng lớn lao. Dù rơi vào bất kỳ trường hợp nào, dù bị người đối diện đối xử vô lễ, hủ nhục, chửi mắng, phỉ báng, tôi đều xem như không có chuyện gì, cũng không cần nói ra câu nào. Quý vị muốn chửi mắng, cứ để quý vị chửi mắng. Chửi mắng đến mỗi một rồi, chẳng phải là quý vị cũng phải ngưng chửi hay sao? Quý vị muốn đánh, tôi cứ để quý

vị đánh, tuyệt đối không đánh trả. Đến lúc đánh mệt rồi quý vị sẽ không thể đánh nữa. Tôi đã học được điều đó. Nhưng người bạn đồng học họ Bạch này, phải đến hết một học kỳ, khoảng chừng bốn, năm tháng, anh ấy mới cảm hóa được tôi. Cho nên tôi là một người rất khó cảm hóa.

Có lần một bạn đồng nghiệp chửi mắng tôi, đánh tôi, [tôi nhẫn nhục không hề phản ứng,] chưa quá ba ngày người ấy đã hiểu ra, rất nhanh. Sau ba ngày liền mua lễ vật đến gặp tôi, xin tôi tha lỗi, tự nói mình đã sai. Tôi nói với người ấy: “Anh không có gì sai.” Người này so với tôi thật hơn xa. Không quá một tuần lễ đã được cảm hóa, đã quay đầu hướng thiện.

Thật ra, người [hủy nhục] như thế đối với tôi có lợi ích gì không? Quả thật có lợi ích rất lớn. [Hồi đó,] khi xét thành tích để thăng thưởng, tôi được xếp hàng đầu, chính là nhờ sự giúp đỡ của người này. Cho nên, quý vị có thể nhẫn nhục, không chỉ là không thiệt thòi gì mà còn được phần lợi ích rất lớn. Quý vị làm việc trong công ty, cửa hàng... cấp trên của quý vị nếu nhận ra quý vị là người có đạo đức, có tu dưỡng thì sẽ khen ngợi, bạn đồng nghiệp sẽ tôn trọng, khi có cơ hội thăng tiến, quý vị sẽ luôn được xếp ở hàng đầu. Ai giúp quý vị nhanh chóng đạt được điều đó? Chính là những người chửi mắng quý vị, đánh quý vị, làm nhục quý vị, những người ấy giúp quý vị rất nhanh chóng. Nếu quý vị không thể nhẫn nhục, quý vị ắt sẽ tranh chấp, sẽ cãi cọ, sẽ gây náo loạn, như vậy sẽ gây tổn hại rất lớn cho chính bản thân quý vị. Điều này là sự thật ngay trước mắt, là sự lợi hại ngay trước mắt, nhưng có mấy người nhận hiểu được? Họ đều không biết “*thụ nhục bất oán*”.

Tôi nói cùng quý vị, đạo Phật dạy rằng [làm được như vậy] thì hoa báo, quả báo càng thêm thù thắng. Hoa báo là báo ứng ngay trong đời này, quả báo là sang đời sau. Những kẻ oán thù, những người đối đầu với quý vị đều được hóa giải, đều hóa thành bè bạn, đều chuyển sang thành những người

nhiệt tình giúp đỡ, hỗ trợ cho quý vị. [Khi ấy,] bất kể quý vị làm việc gì cũng đều được dễ dàng thành tựu.

Cho nên, chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta, thà liều bỏ thân mạng chứ không kết thành oán thù với người khác. Thân mạng có đáng kể gì? Việc bỏ thân này thọ thân khác, hết thấy chúng sinh đều không tránh khỏi. Đó là chuyện nhỏ nhặt. Cho nên nói sinh tử là chuyện nhỏ, tử sinh mới là chuyện lớn. Hai chữ này đảo ngược lại thì ý nghĩa hoàn toàn không giống nhau.

Sinh tử là chuyện của một đời này, đó là chuyện nhỏ. [Tử sinh là] sau khi chết rồi quý vị phải tái sinh, tái sinh vào đường nào [trong sáu đường], đó là chuyện lớn. Nếu thân này chết đi rồi sinh vào loài súc sinh, hóa thành ngựa quỳ, dọa vào địa ngục, quý vị nói xem như vậy là chuyện lớn hay không lớn? Thân này chết rồi, quý vị [có thể] thành Phật, thành Bồ Tát, sinh về cõi trời. Cho nên, sau khi chết rồi tái sinh về đâu mới là chuyện lớn.

Việc này có mấy người hiểu rõ được? Có mấy người tin nhận được? Trong xã hội vào thời xưa thì đa số người ta đều tin nhận, vì đã được tiếp nhận nền giáo dục của thánh hiền. Người thời nay tin nhận được điều này ngày càng ít hơn. Nhưng chỉ cần tĩnh tâm suy ngẫm thật kỹ lưỡng, cẩn thận thì người ta sẽ tin nhận.

Hiện nay người ta học theo khoa học rất nhiều, mê muội đặt niềm tin [quá đáng] vào khoa học. Khoa học đòi hỏi phải đưa ra chứng cứ, không có chứng cứ thì không tin nhận. Cho nên, trước đây lão sư Lý Bình Nam khi giảng kinh có đề cập đến việc này. Thầy đưa ra một câu chuyện rất buồn cười, nói rằng: “Quý vị có cha, quý vị tin nhận điều đó hay không? Tin chứ, vì có nhìn thấy cha. Vậy việc có ông nội, quý vị tin hay không tin? Tin được, vì cũng đã từng thấy rồi. Đến việc có ông cố nội thì quý vị tin hay không tin? Ông cố nội chưa

từng nhìn thấy. Không nhìn thấy tức là không có, không có là không tin được. Như vậy là phù hợp với khoa học.”

Trong thế gian này, có rất nhiều sự việc chưa từng nhìn thấy, rất nhiều sự việc không thể chứng minh. Vài trăm năm trước, quý vị nói quả đất tròn có ai tin không? Không có chứng cứ gì cả. Về sau, khoa học kỹ thuật phát triển, chứng thực được, mới nói ra được sự thật ấy. Hiện trạng trong sáu đường luân hồi, khoa học kỹ thuật hiện nay chưa thể đạt tới, đợi khi khoa học kỹ thuật tiến bộ hơn, chứng thực được rồi, khi ấy quý vị sẽ nói sao? Cho nên, nhất định không thể nói là những gì bản thân tôi không nhìn thấy thì tôi không tin. Niềm tin theo cách đó đích thực là mê tín. Người thông minh có thể suy lý [để biết].

Tôi nghĩ là nhiều vị đồng tu ở đây đều đã từng có kinh nghiệm này. Chúng ta đi đến một vùng đất xa lạ nào đó, chỉ mới đến lần đầu tiên, đột nhiên ta cảm thấy nơi này rất quen thuộc, giống như trước đây đã từng đi qua, thậm chí đối với đường xá, kiến trúc trong khu vực đều có thể phán đoán biết được, từ chỗ nào bước đi, sẽ gặp những tòa nhà, công trình xây dựng như thế nào... Nhưng đích thực là ta chỉ mới đến đó lần đầu, từ trước chưa từng đi đến. Chúng ta thường đi du lịch bên ngoài, gặp những nơi phong cảnh xinh đẹp, bất ngờ trong lúc ấy bỗng có ý niệm rằng nơi này dường như mình đã đi qua rồi, là trong đời quá khứ, chẳng phải đời này. Nếu như không có đời quá khứ, làm sao có việc như vậy xảy ra?

Để tôi kể lại một việc này. Ngày trước ở thành phố Dallas, Hoa Kỳ, có một cư sĩ tên Thái Văn Hùng, chính là từ nơi đây mà tin nhận việc con người có kiếp trước. Khi tôi nêu việc này với ông, ông kể cho tôi nghe một câu chuyện. Ông nói đích thực là lần đầu tiên khi ông đến San Francisco, trong lúc lái xe bị lạc đường, đi đến một thị trấn nhỏ, đột nhiên ông cảm thấy thị trấn này rất quen thuộc. Ông liền nói với những người ngồi trên xe rằng đi qua đường nào sẽ có những kiến

trúc gì... Quả nhiên đúng thật không sai. Nhưng đích thực đó là lần đầu tiên ông đến thị trấn ấy. Cho nên ông hết sức mơ hồ không hiểu được, vì sao lại có sự việc như vậy? Tôi bảo ông, San Francisco trước đây là một nơi đào vàng, có thể ông là một người đào vàng thuở trước, sống ở thị trấn nhỏ này. Sau khi chết tái sinh trở lại làm người như bây giờ. Ông ấy ngẫm nghĩ cho là có lý.

Cư sĩ Thái Văn Hùng thì quý vị ở đây đều biết. Cho nên, mọi người cùng ở một chỗ, suy nghĩ thấy chỉ riêng mình ông trong chuyến du lịch được gặp lại [chốn cũ], nếu như không có đời quá khứ, làm sao có thể xảy ra hiện tượng như vậy? Bao nhiêu người cùng lái xe đến thị trấn nhỏ này, vì sao ông có hiện tượng ấy mà người khác không có? Là vì trong đời quá khứ ông đã từng ở nơi đây.

Tại Hoa Kỳ rất thịnh hành thuật thôi miên, dùng phép thôi miên để làm cho một người có thể nói ra kiếp trước của họ. Kiếp trước có người là người, đầu thai trở lại. Cũng có người kiếp trước là súc vật, lại cũng có người kiếp trước không phải là sinh vật ở địa cầu này. Những hồ sơ như vậy, tại Hoa Kỳ hiện có đến mấy chục ngàn trường hợp. Có một số trường hợp thông qua giới truyền thông mà công bố ra, có đến một, hai ngàn trường hợp. Chúng ta cũng thấy được một phần trong số đó. Cho nên người ta mới tin nhận việc nhà Phật nói về sáu đường luân hồi.

Biết được có sáu đường luân hồi, chúng ta lại nghĩ đến việc đời sau phải làm sao? Thời gian một đời này hết sức ngắn ngủi. Ví như có thực sự sống được đến trăm năm thì [xem lại] bất quá cũng chỉ như thời gian khảy móng tay mà thôi. Tôi sống đến hơn bảy mươi tuổi rồi, những việc hồi còn năm, sáu tuổi tôi vẫn còn nhớ được, giống như mới ngày hôm qua thôi. Cho nên ngẫm nghĩ, đời người có ý nghĩa gì? Vì sao phải tạo nghiệp xấu ác? Vì sao phải gây khó khăn cho người khác? Phải nghĩ nhiều về việc này.

Nên làm việc tốt cho người, nhất định không kết duyên xấu ác với người khác. Người ta đối với mình có ác ý, chúng ta nhất định phải quay đầu hướng thiện, tự mình phản tỉnh, không cần phải một mực nhắm vào những chỗ sai lầm của họ, [phải xem như] không thấy. Người ấy xấu ác đối với ta, vì sao không xấu ác với người khác? Cho nên tự mình phải tỉnh táo suy nghĩ lại, như vậy tâm mới bình tĩnh được. Tâm bình tĩnh mới khởi sinh trí tuệ, mới sáng suốt. Nếu không phải tự thân ta đã làm điều không tốt thì cũng là đã nói ra điều gì sai lầm, vô ý đắc tội với người ta.

Người khác đối với ta có thái độ không tốt, ta phải thấy được đó là chuyện hợp lý, do ta đã làm một người không tốt nên phải tiếp nhận quả báo này. Nếu việc gì cũng đổ lỗi về đối phương, đều trách móc người khác, đó là lỗi lầm hết sức nghiêm trọng. Ví như trong đời này không hề kết oán với người, hẳn đó cũng là việc từ đời trước. Chúng ta là người học Phật, tin nhận có đời trước, đời sau, nên mỗi oán thù ấy ta phải nhận lấy, quyết định không có sự báo thù. Vậy thì oán thù đến đây chấm dứt, hoàn toàn không còn dây dưa gì nữa.

Nhẫn nhịn, nhường nhịn là quan trọng thiết yếu hơn hết. Đặc biệt đối với những việc nhỏ, việc không đáng nói thì càng không nên tính toán. Những chuyện xúc phạm, hủy nhục trọng đại đều không tính toán, hướng chỉ là những chuyện nhỏ nhất. Nhất định phải vận dụng trí tuệ, phải vận dụng từ bi để hóa giải. Con người không có ai là không thể cảm hóa. Nếu không thể cảm hóa người khác, đó là do công phu [tu tập], do đức hạnh của bản thân mình chưa đủ, do trí tuệ của mình chưa đủ.

Trong lịch sử Trung quốc, quý vị đều biết đến vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang là những bậc đại thánh nhân thời cổ đại. Quý vị hãy xem hoàn cảnh gia đình của vua Thuấn. Cha ông, mẹ kế ông, rồi đến em trai do mẹ kế sinh ra, [tất cả đều hết sức khắc nghiệt với ông]. Chúng

ta ngày nay xem lại, hoàn cảnh gia đình của vua Thuấn quả là hết sức tồi tệ, đến mức không thể nào tồi tệ hơn nữa. Vậy mà vua Thuấn vẫn có thể nhẫn chịu được. Ưu điểm lớn nhất của vua Thuấn là không bao giờ nhìn vào những lỗi lầm của người khác, chỉ tự thấy lỗi của mình. Ông có thể trở thành bậc đại thánh cũng là nhờ ở điểm này. Cho nên, ông có thể khiến cho cha, mẹ kẻ thù cảm động. Có thể khiến cho láng giềng lối xóm đều cảm động. Cuối cùng, ông có thể khiến cho vua Nghiêu cũng cảm động.

Vua Nghiêu nghe được những sự việc về ông liền cho mời ông đến, đem ngôi vua truyền lại cho ông, đem cả hai người con gái gả cho ông. Ông kế thừa ngôi vua. Trong hai mươi bốn gương hiếu của Trung quốc, ông được kể đến trước tiên. Vì sao ông có được năng lực lớn lao đến thế? Không có gì khác hơn là biết tự phản tỉnh. Hết thấy lỗi lầm đều nhận về mình, hết thấy điều tốt lành, lợi lạc đều trao về người khác. Đây là điều chúng ta phải học tập.

Lục tổ Đại sư Huệ Năng nói rất hay: “*Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá.*” (Bậc tu hành chân chánh, không thấy lỗi người đời.) Ai làm được như vậy? Vua Thuấn đã làm được. Quý vị nghĩ xem có đúng không? Bản thân Lục tổ Đại sư Huệ Năng cũng làm được. Chúng ta xem trong Đàn Kinh, thấy ngài xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật đều khiêm tốn biết bao, thái độ hoàn toàn không một mảy may kiêu căng ngã mạn.

Chúng ta muốn học Phật, bắt đầu học từ đâu? Những vị này chính là tấm gương cho chúng ta học theo, mà điều này là quan trọng thiết yếu nhất trong tất cả những lời răn dạy.

Chúng ta đọc kinh Kim Cang thấy đức Phật dạy Bồ Tát tu học sáu cương lĩnh, sáu pháp ba-la-mật, Phật giảng giải nhiều nhất là hai pháp bố thí và nhẫn nhục. Nói cách khác, đức Phật đối với hai pháp này xem trọng nhất.

Bố thí là dạy chúng ta buông xả. Nhẫn nhục là then chốt của sự thành bại. Nhẫn nhục được thì quý vị có thành tựu. Không thể nhẫn nhục thì không thể thành tựu. Cho nên nói rằng: “*Hết thấy các pháp đều thành tựu từ đức nhẫn.*” “Hết thấy các pháp” là bao gồm tất cả các pháp thế gian cũng như xuất thế gian. [Cho nên,] các pháp thế gian cũng như xuất thế gian, có thể thành tựu hay không thì mấu chốt đều ở nơi sự nhẫn nại. Điều này chúng ta phải thường suy ngẫm.

Từ xưa đến nay, dù ở bất cứ nơi đâu, người giữ cương vị lãnh đạo đều phải chọn lựa những người trợ giúp, chọn lựa cán bộ. Nhẫn nại là một trong những điều kiện cực kỳ quan trọng để chọn lựa. Một người tài hoa nhưng gặp việc không thể nhẫn nại thì cũng không dùng được, cho dù thông minh cũng không thể gánh vác được trọng trách. Nếu kém đi một chút tài hoa nhưng có thể nhẫn nhục thì vẫn có thể giao cho gánh vác việc lớn. Tài hoa kém đi một chút cũng không sao, tìm một số người tài năng làm tham mưu giúp họ là được, công việc vẫn có thể thành tựu.

Người có thể nhẫn nại thì đầu óc sáng suốt, rõ ràng, không mơ hồ, tâm không rối loạn, không mê muội. Không rối loạn thì có trí tuệ sáng suốt, có thể quyết đoán sự việc. Khi lắng nghe ý kiến đóng góp của nhiều người, người ấy có thể hiểu rõ được, biết được những ý kiến nào trong tương lai sẽ dẫn đến những hậu quả nào. Người ấy có thể chọn lựa, có thể đưa ra quyết định dứt khoát cuối cùng. Những trường hợp điển hình như thế này rất nhiều.

Cho nên, lời dạy này chúng ta phải đặc biệt xem trọng. Hy vọng quý vị đồng tu đều ghi nhớ: “*Kỷ nhân chi ân, bất ký nhân chi oán.*” (Nhớ điều ơn nghĩa của người, không nhớ điều thù oán.) Người khác có oán thù đối với ta, có điều không tốt đối với ta, xóa sạch hết đi, tuyệt đối không để trong lòng. Người khác có điều hiền thiện, phải ghi nhớ. Người khác có ân đức đối với ta, không thể không nhớ. Phải biết ơn và báo ơn.

Người khác có lỗi lầm, có điều không tốt, phải biết rằng rồi họ sẽ sửa đổi. Đó gọi là “*Lãng tử hồi đầu*.” (Người hư hỏng cũng có lúc quay đầu.) Người xưa dạy rằng: “*Nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá?*” (Người chưa thành bậc thánh hiền, sao có thể không phạm lỗi?) Ví như người ấy có điều xấu ác mà thực sự sửa lỗi hướng thiện thì khả năng vượt hơn ta rồi, ta không thể sánh bằng người ấy, sao có thể xem thường?

Chúng ta xem các bậc thánh hiền thế gian cũng như xuất thế gian, tâm địa các ngài luôn quang minh lỗi lạc, các ngài tu tập [bắt đầu] từ đâu vậy? Cũng là từ [những phẩm tính như trên] mà tu tập. Một người tâm địa hoàn toàn hiền thiện không xấu ác, gặp kẻ xấu ác, gặp việc xấu ác, hoàn cảnh xấu ác, thấy đều không giữ trong lòng. Trong lòng không có những thứ ấy, chỉ toàn [nghĩ nhớ đến] người thiện, việc thiện, hoàn cảnh an vui luôn ở trong lòng. Quý vị nói xem, người ấy sống một đời tốt đẹp biết bao, sống hạnh phúc biết bao!

Việc tốt đẹp không giữ trong lòng, chỉ toàn ghi nhớ những chuyện xấu xa hư hại, người như vậy sống đời đau đớn khổ sở biết bao, đêm nằm chỉ toàn ác mộng. Ai tìm đến những việc ấy? Chính là tự mình làm, tự mình chịu, không phải do người khác gây ra cho họ.

Cho nên, những điều lành dữ, họa phúc đều do trong một ý niệm của chúng ta. Ý niệm hoàn toàn chân chánh thì đời sống hạnh phúc, sống một đời tốt đẹp trọn vẹn. Ý niệm bất thiện thì phải sống một đời hết sức khổ đau cay đắng. Trong Cảm ứng thiên nói rõ với chúng ta những ý nghĩa này, chân tướng sự thật này, hết sức tỉ mỉ rõ ràng.

Bài giảng thứ 74

(Giảng ngày 10 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 75, số hồ sơ: 19-012-0075)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Trong Cảm ứng thiên, ba câu thứ 28, 29 và 30 chính là dứt trừ hết phiền não ba độc [tham, sân, si] trong lòng chúng ta, [đạt đến chỗ] không tham, không sân, không si. Những lời dạy của Tam giáo: Nho, Phật, Lão đều hoàn toàn tương đồng. Đúng như lời người xưa: “*Chỗ thấy của các bậc anh hùng về đại thể đều như nhau.*”

Đức Phật gọi là ba độc, theo cách nói hiện nay của chúng ta thì đó là virus gây bệnh. [Tham, sân và si] chính là những virus gây bệnh nghiêm trọng nhất. Chúng không chỉ có thể giết chết thân mạng chúng ta, khiến cho thân ta nhiều bệnh, không khỏe mạnh, chết yếu - những điều đó đều là nhỏ nhất - mà còn làm tổn hại pháp thân tuệ mạng của ta - đây mới là chuyện lớn.

Vì sao chúng ta đọa lạc trong luân hồi, từ vô lượng kiếp đến nay không có ngày ra khỏi? Bàn đến nguyên nhân căn bản thì chính là do phiền não ba độc không trừ hết được. Mỗi vị đồng học trong chúng ta, bất kể là sinh trưởng ở đâu, hoàn cảnh sống hiện nay như thế nào, chỉ cần quý vị có duyên được nghe Phật pháp, được nghe đến một danh hiệu Phật, Bồ Tát, thì duyên phận của quý vị không hề cạn kiệt. Trong Kinh điển Phật dạy rằng, phải từ vô lượng kiếp đến nay gieo trồng căn lành sâu dày thì quý vị mới có cơ duyên nghe đến danh hiệu Phật, nhìn thấy được hình tượng Phật, gặp được Kinh điển. Điều này cho thấy rõ chúng ta học Phật không chỉ là chỉ

trong một đời này. Chỉ riêng một đời này thì làm sao có được những căn lành sâu dày như vậy?

Do đó có thể biết rằng, chúng ta từ vô lượng kiếp trước đã từng gặp được Phật pháp, đã từng tu học Phật pháp. Nhưng vì sao không thành tựu? Chính là vì phiền não ba độc không dứt trừ được hết.

Mấy câu trên đây trong *Cảm ứng thiên* nói thật ra là dạy chúng ta biết chỗ bắt đầu hạ thủ công phu để dứt trừ phiền não ba độc. Chúng ta cần phải lưu ý.

“Thôi đa thủ thiếu.” (Cho ra nhiều, giữ lại ít.) Điều này Nho gia gọi là tiết kiệm. Chư vị đều biết về đức hạnh của Khổng tử. Trong sách Luận ngữ, các học trò xưng tán ngài là *“ôn, lương, cung, kiệm, nhượng”* (ôn nhu, thiện lương, cung kính, tiết kiệm, nhẫn nhượng). Tại Trung quốc, Khổng tử được tôn xưng là *“vạn thế sư biểu”* (bậc thầy tiêu biểu của muôn đời). *“Sư”* là khuôn mẫu, mô phạm cho chúng ta, là điển hình cho chúng ta. Phẩm tính khuôn mẫu này nằm ở đâu? Chính là ở năm chữ *“ôn, lương, cung, kiệm, nhượng”*. Ngài suốt đời luôn là một người ôn nhu, thiện lương, cung kính, tiết kiệm, nhẫn nhượng. Ngài là tiêu biểu cho những đức hạnh tốt đẹp của người Trung quốc.

Cho nên, trong đời sống phải biết tiết kiệm, có thể giảm bớt điều gì thì giảm bớt. Nếu ta có thể tiết kiệm bớt lại một xu, đó là có thêm một xu để giúp đỡ, hỗ trợ người khác. Lúc nào cũng nghĩ đến sự giúp đỡ, hỗ trợ cho xã hội, giúp đỡ chúng sinh, còn bản thân mình chỉ cần vừa đủ sống là tốt rồi.

“Thụ nhục bất oán.” (Chịu nhục không oán hận.) Sự nhẫn nhục này là vô cùng quan trọng thiết yếu. *“Thôi đa thủ thiếu”* (Cho ra nhiều giữ lại ít), quý vị nghĩ xem, đó là bố thí, là giúp chúng ta đoạn trừ tâm tham. Nhẫn nhục là [giúp ta] đoạn trừ sân hận. Cho nên, một chữ nhẫn này, Phật dạy chúng sinh

phải xếp vào hàng quan trọng thiết yếu nhất. Chúng ta xem trong kinh Đại thừa thấy chính đức Phật có năng lực nhãn.

Cuối đoạn này trích dẫn một đoạn trong kinh Niết-bàn. Thời Phật tại thế, có người xưng tán Phật có tướng đại phước đức. Đích thực là Phật có tướng mạo trang nghiêm, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Việc này trong Kinh điển giảng giải rất rõ ràng. Phật vì sao thị hiện tướng mạo tốt đẹp như vậy? Trong Kinh điển cho chúng ta biết, Bồ Tát thành Phật tức là đã tu hành đạt đến mức trí tuệ, phúc đức đều trọn vẹn đầy đủ. Trí tuệ, phúc đức trọn vẹn đầy đủ hoàn toàn không phải là biểu trưng cho tướng mạo trọn vẹn đầy đủ. Tướng mạo là vấn đề thuộc về nhân quả. Cho nên, Bồ Tát chúng đắc Vô thượng Bồ-đề rồi, sau đó phải dùng thời gian một trăm kiếp để chuyên tu phúc.

Một trăm kiếp là thời gian rất dài, Bồ Tát tu tập những gì? Tu tập hình tướng tốt đẹp. Vì sao phải tu tập hình tướng tốt đẹp? Vì hóa độ chúng sinh. Chúng sinh bám chấp nơi hình tướng, chỉ nhìn nơi vẻ ngoài. Vẻ ngoài không khiến cho chúng sinh kính phục thì họ không chịu tiếp nhận những lời răn dạy. Cho nên Phật phải dùng đến thời gian một trăm kiếp chuyên tu tập để có hình tướng tốt đẹp. Đó là gieo nhân lành được quả lành. Nhưng cần phải hiểu rằng, việc gieo nhân lành để có quả lành của đức Phật như vậy không phải là vì tự thân ngài, mà vì hết thảy chúng sinh.

Ba mươi hai tướng tốt của Phật, mọi người đều biết là có tướng lưỡi rộng dài. Do nhân gì được tướng lưỡi rộng dài? Đó là do nhân không nói dối, bốn nghiệp của khẩu đều tu tập đến mức trọn vẹn đầy đủ, gồm không nói dối, không nói lời ác độc, không nói hai lưỡi, không nói lời thêu dệt vô nghĩa. Cho nên, lưỡi của đức Phật khi thè ra có thể che kín cả khuôn mặt, chúng ta không ai có thể làm được như vậy. Trong kinh Phật nói, người nào thè lưỡi ra có thể chạm đến đầu mũi là

đã tu tập trong ba đời [quá khứ] không nói dối, như vậy mới có được tướng tốt ấy. Cho nên, lưỡi của đức Phật khi thè ra có thể che trùm cả khuôn mặt, mọi người đều thấy thật quá tuyệt vời. Lưỡi của Phật là thành thật, tuyệt đối không có lời nói dối. Nói dối thì nhất định không thể có được tướng tốt này, mọi người có thể tin chắc như vậy. Cho nên, Phật tu hành hết thấy [công đức] đều là vì tất cả chúng sinh.

[Trở lại chuyện] có người xưng tán đức Phật có tướng đại phúc đức, người khác liền hỏi: “Làm sao thấy được?” Người kia kể ra rất nhiều việc, lại nói rằng đức Thế Tôn “*tuổi tác và tâm chí đều tốt đẹp*”. Tuổi tác vừa ba mươi, bốn mươi, trẻ tuổi cường tráng, nhưng [tính khí của ngài] như thế nào? Phật thể hiện [tính khí] hết sức ôn hòa, không hề có một mảy may thô bạo trong hành vi, thái độ. Ví như bị người khác đánh cũng không khởi tâm sân hận, bị mắng chửi cũng không bực tức, như thế chẳng phải tướng đại phúc đức thì là gì?

Ba mươi hai tướng tốt của đức Phật chúng ta không học theo nổi. Đó không phải là những điều có thể nhất thời học được. Thế nhưng những điều này thì chúng ta có thể học tập theo được: Lễ phép ôn hòa, lịch sự nho nhã, hòa mục thân ái, gần gũi hòa đồng, chịu nhục không chỉ là không báo thù mà ngay cả ý niệm báo thù cũng không khởi sinh. Đó là đức lớn, thực sự là tướng phúc đức. Chúng ta nếu gặp phải những trường hợp như thế này cần phải vâng làm theo lời Phật dạy, tuyệt đối không thể buông thả tùy thuận theo phiền não của tự thân. Nếu buông thả theo phiền não của tự thân thì phiền phức đến ngay.

Vâng làm theo lời dạy của Phật chính là cách để khảo nghiệm xem tự mình có phúc đức hay không. Tự mình có phúc đức thì tự nhiên sẽ được tâm bình lặng, khí hòa hoãn. Nếu như trong tâm vẫn còn một chút ý niệm sân hận, một chút ý niệm không thoải mái [khi chịu nhục], ngay lập tức

tự mình có thể nhận biết là bản thân mình phúc đức mỏng manh, hoặc không có phúc. Người không có phúc đức thì chẳng những không thể giúp đỡ, hỗ trợ người khác, mà việc tự cứu chính mình cũng không thể được.

Quý vị xem, đức Phật dạy chúng ta phải tu tập song song phúc đức và trí tuệ, lại đặt phúc đức là yếu tố đứng trước, trí tuệ xếp thứ nhì. Thứ tự trình bày này có ý nghĩa hết sức sâu sắc. Ở Trung quốc, người xưa thường nói: *“Phúc chí tâm linh.”* (Phúc đức tới thì tâm ý linh hoạt, nhạy bén.) Đây cũng là xếp phúc đức ở trước tiên. Khi phúc đức của một người hiển lộ, thì người ấy tự nhiên trở nên thông minh, trí tuệ khai mở. Điều này cũng cho thấy rõ phúc đức và trí tuệ là đồng nhất, không phải tách biệt. Vì trí tuệ khai mở thì nhất định biết tu phúc, phúc đức hiện tiền thì người ấy nhất định trở nên thông minh, trí tuệ khai mở.

Do đó có thể biết rằng, chúng ta đã không có phúc, cũng chẳng có tuệ, còn chẳng chịu tu thì làm sao có thể thành tựu? Cách tu như thế nào? Có rất nhiều phương pháp. Những phương pháp mà các bậc thánh nhân trong Tam giáo chỉ dạy cho chúng ta, chính là trong nhà Phật gọi là tám vạn bốn ngàn pháp môn, hay vô lượng pháp môn. Quý vị chỉ cần nắm chắc một pháp môn là được thành công. Chỉ có điều quý vị phải thực sự tu tập, thực sự khởi làm, không thực sự tu tập thì không được.

Trong đoạn văn này, sau cùng có một đoạn ngắn trích dẫn lời của Trịnh Huyền, cũng dạy cho chúng ta những phương pháp bắt đầu tu tập.

[Bốn] câu trích dẫn này rất thú vị, [câu thứ nhất là]: *“Mặc mặc mặc, vô lượng thần tiên tùng thủ đắc.”* (Lặng lặng lặng, vô số thần tiên nhờ đây thành tựu.) “Mặc” tức là trầm mặc, lẳng lặng, nhưng nói như vậy mọi người hơi khó hiểu. Tôi nói theo cách khác [nôm na dễ hiểu hơn] thì đó là ít mở miệng,

ít nói. Quý vị xem trong Niệm Phật Đường của chúng ta có để bảng “cấm nói”, “không nói chuyện”. Quý vị có thể ngưng không nói nữa thì quý vị thành thần tiên. Quý vị ngẫm nghĩ xem câu này có ý nghĩa gì không? Người phàm không thể làm thần tiên là do nói quá nhiều lời vô bổ. Như vậy thì quý vị làm sao có thể thành tiên, thành thần? Tâm không thể an định được.

Cho nên đây là một phương pháp hay: Nói ít lại. Người xưa dạy ta nói ít nghe nhiều. Hiện nay nói thật với quý vị, chẳng những phải nói ít mà còn phải nghe ít nữa. Tốt nhất là không nghe. Vì sao vậy? Những chuyện này nọ mà quý vị nghe đó chỉ toàn là phiền não, làm tăng trưởng vô minh, vọng tưởng của quý vị, làm tăng trưởng phân biệt, bám chấp. Cho nên hiện nay thì chuyện này chuyện kia đều không thể nghe, không thể nhìn.

Những điều mà Tứ Đại Thiên Vương dạy chúng ta, quý vị xem như Quảng Mục Thiên Vương ở phương tây, dạy chúng ta xem nhiều, Đa Văn Thiên Vương ở phương bắc, dạy chúng ta nghe nhiều, quý vị cần hiểu rằng, những điều đó không [thích hợp] trong giai đoạn hiện nay của chúng ta. Giai đoạn hiện nay của chúng ta phải học theo ai? Học theo Thiên vương ở phương đông, học theo Thiên vương ở phương nam, hai vị này dạy cho chúng ta. Phương đông là Trì Quốc Thiên vương, phương nam là Tăng Trưởng Thiên vương. Hai vị này dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta phải làm hết chức trách của mình. Câu này phải suy ngẫm, phải nhìn nhận từ góc độ hết sức sâu xa, đó là tận hiếu tận trung. Quý vị nghĩ xem có đúng vậy không?

Hai chữ trung hiếu ở phần trước tôi đã giảng giải rất nhiều lần, giảng giải rất chi tiết, tường tận. Lời dạy của Thiên vương ở phương đông là bản thân chúng ta ở cương vị nào phải hết lòng hết sức hoàn tất công việc của mình cho

đến mức tốt đẹp nhất. Như vậy chính là tận trung tận hiếu. Mỗi người đều thực hiện thật tốt công việc của mình, xã hội tự nhiên được ổn định, phồn vinh, thế giới nhất định hòa bình. Cho nên chỉ cần mỗi cá nhân làm thật tốt công việc của mình là được.

Tăng Trưởng Thiên vương ở phương nam dạy chúng ta cầu sự tiến bộ, Nho gia nói là “*nhật tân hựu tân*” (mỗi ngày đều đổi mới), trong Phật pháp gọi là tinh tấn. Đường học vấn phải có tiến bộ, đức hạnh phải có tiến bộ, tài nghệ phải có tiến bộ, cho đến mức sống trung bình của chúng ta cũng phải có tiến bộ. Mọi chuyện đều phải có tiến bộ. Cho nên, Phật pháp không phải là thủ cựu, giữ y như cũ.

Từ nhiều năm qua, tôi đi đến đâu cũng khuyến khích chư vị đồng học, Phật pháp nhất định phải được hiện đại hóa và địa phương hóa. Thật ra, hai điều này tuy là do tôi nói ra, nhưng không phải là phát minh của tôi. Phật pháp xưa nay vốn đã là như vậy. Hai ngàn năm trước, Hán Minh Đế lễ thỉnh hai vị cao tăng Ma-đăng và Trúc Pháp Lan [từ Ấn Độ] sang Trung quốc. Các vị này ngay sau khi đến Trung quốc rồi liền lập tức địa phương hóa mọi việc, y phục thì dùng áo bào Trung quốc tay rộng cổ lớn, toàn y phục của người Trung quốc; ăn uống hành xử mọi việc đều hoàn toàn Trung quốc hóa, xây dựng đạo tràng, tự viện cũng đều theo hình thức của Trung quốc, không mang theo bất kỳ hình thức Ấn Độ nào đến Trung quốc, hết thầy đều biết địa phương hóa. Cho nên, người Trung quốc mới hoan nghênh, mới tiếp nhận [Phật giáo].

Tạo hình tượng Phật cũng vậy, mặt mũi đều theo hình thể người Trung quốc, [nên người Trung quốc] vừa nhìn qua đã thấy thân thiết biết bao. Vì thế, khi tôi ở Hoa Kỳ có nói với người Mỹ rằng: “Phật giáo chưa đến Hoa Kỳ.” Người Mỹ nghe vậy cảm thấy hết sức kỳ quái, Phật giáo ở Hoa Kỳ đã

[phát triển] rất nhiều, vì sao nói Hoa Kỳ không có Phật giáo? Tôi liền hỏi họ: “[Ở đây đã] có hình tượng Phật, Bồ Tát nào giống người Mỹ chưa?” Cho nên, Phật, Bồ Tát chưa đến Hoa Kỳ, chỉ có [Phật giáo của] Hoa kiều, Nhật kiều đến Hoa Kỳ thôi, chưa thực sự là [Phật giáo của] người Mỹ. Cho nên, nhất định phải biết địa phương hóa, hiện đại hóa, thì nền giáo dục mới có thể phát triển mở mang rộng lớn.

Những lời dạy dỗ của đức Phật chúng ta phải hiểu rõ. Đức Phật lặng lẽ ít nói, không hề có lời vô nghĩa. Trừ phi có người nêu vấn đề xin được chỉ dạy, ngài mới giải đáp. Không có người hỏi thì ngài không nói. Quý vị không thưa hỏi thì có đến gặp Phật, Phật cũng không nói lời nào. Tâm thanh tịnh biết bao! Không nói đó là nói, không dạy đó là dạy. Dạy quý vị điều gì? Đó là dạy quý vị ít nói.

Câu trích dẫn thứ hai tiếp theo là: *“Nhiều nhiều nhiều, thiên tai vạn họa nhất thời tiêu.”* (Dung dung dung, muôn ngàn tai họa nhất thời tiêu.) [Dung là khoan dung,] là tha thứ, dung thứ cho người khác, không so đo tính toán với người khác thì tai họa không đến nỗi phát sinh. Tai họa đó là sự xung đột. Mâu thuẫn, xung đột không có, vì từ trong nội tâm đã dứt trừ được rồi.

Câu trích dẫn thứ ba là: *“Nhẫn nhẫn nhẫn, trái chủ oan gia từng thử ần.”* (Nhẫn nhẫn nhẫn, oan gia trái chủ đều khuất mắt.) Chúng ta trải qua nhiều đời nhiều kiếp, cùng chúng sinh kết thành biết bao ân oán nợ nần, nhiều đời nhiều kiếp tích tụ chẳng chịt không tháo gỡ hết. Nếu không nhẫn nhục thì những phiền phức, chướng nạn này không thể nào tránh khỏi.

Câu trích dẫn cuối cùng là: *“Hưu, [hưu, hưu, cái thế công danh bất tự do.]”* (Buông buông buông, công danh trong đời đều trôi buột.) “Hưu” là buông xả.

Cho nên, đoạn này dạy chúng ta bốn phương pháp: lặng lẽ ít nói, khoan dung tha thứ, nhẫn nhịn khiêm nhường và buông xả. Hết thấy đều là những chỗ bắt đầu hạ thủ công phu để dứt trừ phiền não ba độc, ở đây nêu ra được rất hay. Chúng ta thực sự thấu hiểu được, thực sự có thể tu tập làm theo được thì đạo nghiệp mới mong thành tựu.

Nói đạo nghiệp thực ra là cao siêu quá, chúng ta không thể hiểu được thế nào là đạo nghiệp. Nói ở mức gần gũi nhất, [ý nghĩa] cạn cợt nhất thì đó là quý vị có thể đạt được một cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Không chỉ là về đời sống tinh thần quý vị đạt được như vậy, mà cả về đời sống vật chất cũng có thể đạt được. Quý vị muốn cầu công danh, muốn cầu phú quý thì đây đều là những phương pháp tốt, là phương pháp chân chánh thích hợp, đúng lẽ đúng pháp. Những gì quý vị đạt được là phúc báo chân thật.

[Nếu đạt được điều gì mà] không đúng lẽ, trái nghịch tình lý, không đúng pháp, thì chỗ đạt được đó của quý vị chính là tạo nghiệp. Trước mắt tuy tham cầu được một chút lợi ích, hậu quả sau này thật [khủng khiếp] không dám nghĩ đến, phải chịu báo ứng. Nếu cầu được theo đúng lý lẽ, đúng pháp, đó là quý vị xứng đáng được thụ hưởng. Ý nghĩa này chúng ta phải hiểu rõ.

Theo sau [là câu thứ 31]: “*Thụ sủng nhược kinh.*” (Được vinh dự sủng ái phải lo sợ.) Đó là không si mê.

Cho nên, kết hợp với hai câu trước đó [thì nêu đủ được ba độc là] tham, sân si. Đó là *không tham, không sân, không si*, là ba căn lành. Hết thấy pháp lành ở thế gian đều từ ba căn lành này khởi sinh.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 75

(Giảng ngày 11 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 76, số hồ sơ: 19-012-0076)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm nay chúng ta xem tiếp mục thứ 31 trong *Cảm ứng thiên*, chỉ có một câu là: “*Thụ sủng nhược kinh.*” (Được vinh sủng phải biết lo sợ.) Câu này giảng về không si mê, đi liền theo với hai câu trước [giảng về không tham lam và không sân hận]. Cho nên, cả ba câu này nói theo đạo Phật là [giảng về] ba căn lành.

Câu này ý nghĩa rất sâu xa, rất khó thể hội. Ngày xưa nói vinh sủng, ngày nay gọi là vinh dự. Người khác dành cho ta sự vinh dự, tự bản thân ta phải biết suy ngẫm, vinh dự này có nên nhận hay không? Nếu là không nên nhận mà nay ta được nhận thì nhất định đó không phải điều tốt đẹp. Lão tử nói: “*Trong điều phúc tiềm ẩn mối họa.*” Lời nói này rất có ý nghĩa. Ví như là điều [tốt đẹp] xứng đáng có được cũng phải hết sức khiêm tốn nhún nhường, nếu không thì đó cũng là rước lấy mối họa. Là mối họa gì? Nếu quý vị tỉnh táo quan sát sẽ không khó thấy được, những sự ganh ghét, chướng ngại rất nhiều.

Quý vị làm việc tốt, quý vị là người tốt, các nơi trong xã hội đều biểu dương, ngợi khen quý vị, sẽ có rất nhiều người thấy vậy trong lòng không vui, không thoải mái, nhất là trong thời hiện đại này. Vào thời xưa lòng người chơn chất, thuần hậu. Nói cách khác, số người ganh ghét đố kỵ vào thời xưa có ít hơn, nhưng cũng không phải là không có. Người trong thời hiện đại hoàn toàn không có duyên phận tiếp nhận nền giáo dục của thánh hiền, chỗ thấy chỗ nghe, chỗ học tập hẹp

hỏi của họ tất cả đều là theo hướng tranh danh đoạt lợi. Nhìn thấy người khác được vinh dự, họ làm sao có thể bỏ qua được?

Cho nên, hiện nay ở thế gian này làm việc tốt hết sức khó khăn. Làm việc tốt phải chịu sự hủy báng, chịu sự nhục mạ của người khác, thì [người tốt] ấy mới có thể tồn tại. Làm việc tốt mà thường được người khen ngợi, tán dương thì e rằng người tốt ấy không tồn tại được lâu dài. Quý vị thử nghĩ xem, hiện tại có phải là xã hội như thế hay không? Cho nên, đối với một câu “*Thụ sung nhược kinh*” này, hôm nay xem đến tôi có cảm xúc đặc biệt rất sâu sắc. Chúng ta phải thấu hiểu được ý nghĩa này. Hiểu được ý nghĩa này rồi chúng ta mới biết được mình nên làm như thế nào. Bất kể là làm những việc tốt gì, việc càng lớn lao thì tư thế càng phải khiêm hạ, phải hạ mình càng thấp càng tốt. Làm việc tốt thì càng ít người biết càng tốt.

Cảm ứng thiên dạy chúng ta tích tụ âm đức. Âm đức là làm việc tốt không cần người khác biết đến. Để cho người khác biết thì không còn là việc tốt nữa. Thế nhưng ngày nay thông tin hết sức phát triển, [quý vị] vừa làm một chút việc tốt thì đã có các phóng viên báo chí đến tìm hiểu nghe ngóng, rồi đưa tin lên báo chí, rồi ngợi khen xưng tán quý vị, khiến cho người khác nhìn thấy sinh lòng ganh ghét đố kỵ, gây chướng ngại, tìm đến gây phiền phức. Những việc này chúng ta có nghĩ đến hay không?

Việc hư hại nhất định không được làm, việc tốt nên làm. Làm việc tốt thì điều trọng yếu nhất là tuyệt đối không cầu quả báo. Nếu tạo nhân mong cầu phước báo thì không chỉ là không được phước báo mà còn phải gánh lấy tai họa. Thời xưa đã có những việc như vậy, hiện tại cũng có rất nhiều.

Nói như vậy thì việc tốt có nên làm hay không? Có nhất định phải làm hay không? Xin thưa cùng quý vị, việc tốt rất nên làm, nhất định phải làm. Nhưng vì ai mà làm? Phải vì

xã hội mà làm, vì chúng sinh mà làm, mong cầu cho xã hội ổn định bình an, thế giới hòa bình, nhất định không phải vì bản thân mình mà làm.

Hôm qua tôi có xem băng ghi hình của nữ cư sĩ họ Tề, chuyện bà kể hết sức gần với sự thật. Có một người trong đêm tối kéo xe, trên xe chở năm người. Thực tế đó không phải con người mà là năm con quỷ. Kéo đến trước cửa một nhà kia thì bọn ấy đi vào nhà ấy để đầu thai, đầu thai làm kiếp lợn. Trong nhà ấy [có con lợn nái] liền sinh ra năm chú lợn con. Điều này cho thấy rõ sáu đường luân hồi là có thật, chẳng phải giả dối. Những chuyện như vậy có rất nhiều. Lần trước, tại đây có nữ cư sĩ họ Lô người Hương Cảng cũng nói với chúng ta rằng sáu đường luân hồi là có thật, chính bà đã trải qua, có kể cho chúng ta nghe chuyện ấy. Chúng ta cũng có ghi hình lại. Quý vị thường thấy những việc như vậy, thường nghe những việc như vậy, không phải là chuyện giả dối, không phải là mê tín.

Cho nên, vấn đề ở đây là phải có cách nhìn xa trông rộng một chút, chúng ta đời sau biết sẽ tái sinh về đâu? Liệu có sinh làm kiếp lợn chẳng? Liệu có sinh làm rắn độc, làm thú dữ chẳng? Sau khi chết tái sinh về đâu đều là do trong một niệm [quyết định]. Đức Phật dạy, một niệm sau cùng [trước khi chết] sẽ quyết định quý vị tái sinh về cảnh giới nào.

Chư Phật, Bồ Tát, các bậc đại đức đều khuyên chúng ta niệm Phật, đó là điều tốt đẹp. Niệm Phật có thể vãng sinh hay chẳng? Quyết định là do nơi một niệm cuối cùng [trước khi chết]. Nếu niệm cuối cùng đó vẫn là niệm Phật thì chắc chắn sẽ được vãng sinh. Nếu như niệm cuối cùng đó thay đổi, một niệm không hài lòng, quên mất Phật hiệu, một niệm sân hận dấy lên, như vậy sẽ đi ngay vào ba đường ác; một niệm tham ái dấy lên, có thể sẽ đi vào ba đường lành [thay vì được vãng sinh], do quý vị tham muốn giàu sang phú quý trong

hai cõi trời người. Quyết định là ở niệm sau cùng [trước khi chết].

Do đó, người học Phật chúng ta cần biết rằng, niềm tin và nguyện lực phải mạnh mẽ. Bất kể là hoàn cảnh thuận lợi hay trái nghịch, phải mãi mãi kiên cố không thay đổi, như vậy thì chúng ta mới mong đạt được mục đích mong cầu của mình.

Cho nên, trong việc dứt ác tu thiện, tích lũy công đức, chúng ta thường nói là đem công đức này hồi hướng về Tịnh độ, hồi hướng về [quả vị] Bồ-đề, hồi hướng cho tất cả chúng sinh, không phải vì bản thân mình. Không vì bản thân mình, nên tự thân chúng ta trong đời gặp phải những điều lành dữ, họa phúc đều không đáng nói, tâm luôn thản nhiên, không vướng bận gì trong lòng. Thế nhưng nhất định phải dứt ác tu thiện, nhất định phải tích lũy công đức, vâng theo lời dạy của chư Phật, Bồ Tát mà làm, như vậy chắc chắn là đúng đắn, tâm lượng nhất định sẽ rộng mở.

Quý vị phải hiểu được rằng, hết thấy tội nghiệp từ đâu sinh ra? Là vì tâm lượng quá nhỏ hẹp, không bao dung được người khác. Không bao dung được những ý kiến của người khác, như vậy là sai lầm. [Chúng ta] nhất định phải học theo chư Phật, Bồ Tát, tự mình không có ý kiến gì, cho nên có thể dung nạp được ý kiến của hết thấy chúng sinh. Chư Phật, Bồ Tát hoàn toàn không có ý kiến gì. Chư Phật, Bồ Tát dung nạp được ý kiến của hết thấy chúng sinh. Chúng ta làm sao biết được? Chúng ta thấy chư Phật, Bồ Tát giảng thuyết đủ các loại kinh điển, đó là dung nạp ý kiến của người khác. Những kinh điển, giáo pháp mà đức Phật giảng thuyết đều là lắng nghe ý kiến của người khác rồi đáp ứng. Sự đáp ứng của ngài là trí tuệ chân thật, là trí tuệ rốt ráo, là trí tuệ trọn vẹn đầy đủ, cho nên có thể giúp cho chúng sinh nghe qua rồi thì được khai ngộ, được chứng quả.

Tuy giúp họ được khai ngộ, được chứng quả, thay đổi được

cách nghĩ, cách nhìn nhận của họ về vũ trụ nhân sinh, nhưng hoàn toàn không thay đổi thói quen của họ, không thay đổi những sự tôn sùng trong đời sống của họ, cho đến phong tục tập quán của họ cũng đều không phá bỏ. Vậy thay đổi chúng sinh là gì? Chỉ là giúp đỡ, hỗ trợ cho họ phá trừ si mê, mở ra giác ngộ. Đó là Phật pháp. Phật pháp như vậy là giáo dục. Cho nên Phật pháp có thể khiến cho hết thảy chúng sinh đều hoan hỷ tiếp nhận, nguyên nhân là ở chỗ này.

Nói tóm lại, tất cả đều là muốn cho chúng ta có thể được sự lợi ích hiện tiền. Nói những điều quá cao siêu, quá huyền diệu thì chúng ta ta không được lợi ích. Đó gọi là lời vô bổ, chư Phật không nói ra. Trong giáo pháp ở mức độ thấp nhất, có lợi ích thiết thực nhất, Phật dạy chúng ta phải đem những ý kiến riêng tư của mình buông xả hết. Điều này trong kinh điển đức Phật giảng giải hết sức rõ ràng. Chỉ sau khi chứng đắc quả vị A-la-hán mới có thể tin vào ý riêng của mình. Chúng ta ngẫm nghĩ xem như vậy là thế nào? A-la-hán là bậc chánh giác. Khi còn chưa chứng đắc quả vị A-la-hán, cho dù quý vị có thông minh, có trí tuệ, trong Phật pháp cũng xem đó là “*thế trí biện thông*” (loại trí tuệ thế gian chỉ giải biện luận) mà thôi. Điều này quý vị nên biết, người “*thế trí biện thông*” là rơi vào một trong tám nan [xú]. Đó là nan [xú] gì? Là sở tri chướng, [chướng ngại do quá nhiều hiểu biết không hợp chánh pháp].

Vì sao trí tuệ của vị A-la-hán được xem là trí tuệ chân thật, có thể tự tin vào [tư tưởng] của chính mình? Đó là vì vị A-la-hán đã đạt đến vô ngã, cho nên có thể tin vào [tư tưởng] của chính mình. Chúng ta ngày nay khởi tâm động niệm đều là chấp ngã, là hữu ngã. Đã là hữu ngã, đương nhiên là mỗi khi động niệm, trong lúc không hề tự biết, không kể là hữu ý hay vô ý, quyết định có phù hợp hay không phù hợp với lợi ích bản thân, trong chỗ vô tình hay hữu ý thì [ý niệm] đó đều gây họa hại.

Cái gì là [bản] ngã? Trong kinh điển thuộc Duy thức tông (hay Pháp tướng tông) dạy rằng, thức thứ bảy là mặt-na thức bám chấp nơi một phần của [thức thứ tám là] a-lại-da thức, cho đó là ngã. Pháp tướng tông giải thích rõ ràng hơn: “*Bốn phiền não lớn thường nương theo nhau.*” Cái gì là ngã? Si là ngã, tức là ngu si. Kiến là ngã. Kiến là gì? Tức là thành kiến, là cách suy nghĩ của chúng ta, cách nhìn nhận của chúng ta [đối với mọi việc]. Có triết gia nước ngoài cho rằng: “*Tôi tư duy tức là tôi hiện hữu.*” Quý vị suy nghĩ xem, đó chẳng phải là ngã kiến hay sao? Ông này nói không sai. Pháp tướng tông của Phật giáo nói rằng ngã là gì? Ngã là ngã kiến. Vậy so với câu nói trên là cùng một ý. Nhưng ông này chỉ nêu ra được một điều [là ngã kiến] thôi, đức Phật nói đến bốn [phiền não lớn] là *ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái*. Mạn là sân hận. Ái là tham ái. Những thứ gì là ngã? [Các phiền não] tham sân si là ngã, thành kiến là ngã, nên quý vị có những tư tưởng, kiến giải thế này thế kia đều không chính xác.

Vị A-la-hán không hề có [phiền não], bốn phiền não lớn đều đã dứt trừ hết. Quý vị phải biết rằng, đối với ngã kiến thì vị Tu-đà-hoàn đã trừ dứt. Ngã kiến thuộc về *kiến hoặc*. Ngã si, ngã mạn và ngã ái thuộc về *tư hoặc*. Điều này trong kinh điển giảng giải rất rõ ràng. Cho nên, trong Phật pháp phân biệt tiêu chuẩn tà chánh là dựa vào chánh giác (giác ngộ chân chánh). Tiêu chuẩn chánh giác là phải dứt trừ hết bốn loại phiền não kể trên. Chư Phật Như Lai, các vị Pháp thân Đại sĩ có tâm lớn như hư không, bao trùm hết cả các thế giới, tâm lượng lớn thì phúc đức lớn. Chúng ta phải hiểu được ý nghĩa này.

Vinh dự không dễ nhận lãnh. Người đời đều cho là điều tốt, người người đua nhau tranh giành, nhưng người thông

¹ Người nói ra câu này là René Descartes (1596-1650), triết gia đồng thời cũng là nhà khoa học, nhà toán học người Pháp.

minh trí tuệ thì luôn tìm đủ mọi phương cách để né tránh. Chúng ta nhất định phải hiểu được điều này.

Trong phần chú giải cũng dẫn lại một câu chuyện xưa, là chuyện Chu Thành Vương sai Bá Cầm về thụ phong đất Lỗ.¹ [Khi ấy] Chu công có mấy lời dặn dò [con trai là] Bá Cầm. Những lời ấy được trích lại trong đoạn chú giải này, rất đáng cho chúng ta học tập.² Chu công dặn: “*Con đừng lấy [việc mình được phong] nước Lỗ mà kiêu ngạo với người khác.*” Vào thời ấy, nước Lỗ có nền văn hóa hưng thịnh, nổi tiếng nhất. Chu công là bậc đại thánh nhân mà Khổng tử suốt một đời kính ngưỡng, khâm phục nhất. Khổng tử [sau này cũng] là người nước Lỗ. Văn hóa ở nước Lỗ thời ấy mức bình quân cũng rất cao tột [so với các nước chư hầu khác]. [Chu công dạy con rằng,] ngàn vạn lần cũng không được lấy việc mình là người nước Lỗ mà kiêu ngạo. Đó đều là răn ngừa dạy dỗ.

Chu công nói: “*Ta nghe rằng, người có đức hạnh rộng lớn nhưng luôn giữ sự cung kính khiêm hạ, đó là vinh dự.*” Chúng ta suy ngẫm xem ý nghĩa thế nào là người thực sự có đức, có hạnh. Thế nào là đức? Chúng ta có thể tổng kết tất cả những điều tu học trong Phật pháp, tôi có viết ra thành hai mươi chữ, tin rằng mọi người đều đã nhớ được rất kỹ. Đó là *chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*. [Mười chữ này] là đức. Trong lòng thường ghi nhớ mười chữ này, đó là đức.

Thế nào là hạnh? *Nhìn thấu, buông xả, tự tại, tùy duyên,*

¹ Đất Lỗ trước đó có tên là Khúc Phụ, được phong cho Chu công để làm vua ở đó, nhưng Chu công suốt đời giúp việc triều chính cho các vua nhà Chu nên Chu Thành Vương mới sai con trai Chu công là Bá Cầm về Khúc Phụ thụ phong. Sau Bá Cầm trở thành vị vua đầu tiên của nước Lỗ, do đó thường được gọi là Lỗ Bá Cầm.

² Những lời dạy này của Chu công được lưu truyền lại trong Chu công giới tử thư (Thư răn dạy con của Chu công). Những câu trích dẫn trong phần chú giải này của Cẩm ứng thiên đều là lấy nguồn từ bản văn này.

niệm Phật. [Mười chữ này] là hạnh. Người thực sự có đức, có hạnh thì biểu hiện ra bên ngoài là sự cung kính, đối với hết thảy chúng sinh đều cung kính. Người như vậy mới thực sự là vinh dự.

Chúng ta suy ngẫm về lời này [của Chu công], Khổng tử là người đã làm được. Học trò đều xưng tán ngài là *đức hạnh, là ôn hậu, thiện lương, cung kính, tiết kiệm, nhẫn nhượng*. Khổng tử đối với người khác luôn cung kính, bất kể người đó là ai, tuyệt đối không dám khinh chê xem thường người nào, do đó mà thành tựu đức hạnh. [Cho nên,] trải qua muôn đời ngàn năm, người đời sau đều hướng mọi sự vinh dự về Khổng tử.

[Trong lời dặn con của Chu công,] câu tiếp theo là: “*Người được đất phong mệnh mông nhưng vẫn luôn giữ sự cần kiệm, đó là an ổn.*” Thời xưa, những ai có công lớn với nước với dân được vua phong thưởng thì cắt đất phong cho. Ngày nay chúng ta hiểu ý nghĩa “*đất phong mệnh mông*” đó tức là giàu có về tiền bạc. Quý vị có rất nhiều tiền bạc, hết sức giàu có, nhưng quý vị vẫn có thể giữ được sự kiệm ước, tiết kiệm, như thế thì quý vị mới được bình an. Nếu quý vị giàu có, nhiều tiền bạc, sống đời xa xỉ thì họa hại đến ngay.

Tại Trung quốc có một người rất nổi tiếng là Thạch Sùng, hết sức giàu có. Ông sống đời hưởng thụ xa hoa, lãng phí phá tán, cuối cùng thân bại danh liệt, bị người giết hại, tài sản bị tịch thu. Phải tiết kiệm, vì tiền bạc từ đâu mà có? Cũng chính từ sự bố thí trong đời trước cũng như đời này mới có được.

Người Trung quốc ngày trước thờ cúng thần tài. Thần tài là ai? Chính là Phạm Lãi [người đời Chiến quốc]. Hiện tại nghe có người nói thần tài là Quan Công, không biết ai đưa ra sự thay đổi này? Hoàn toàn vô lý. Quan Công là bậc nghĩa khí, bậc trung nghĩa, đó là danh xưng với thực chất phù hợp nhau. Về quản lý tài chánh, chưa từng nghe nói Quan Công

từng làm qua công việc lãnh đạo về tài chánh, về kinh tế, thật chưa từng nghe qua. Khả năng quản lý tài chánh của Quan Công là điều chúng ta chưa từng nghe qua.

Còn về Phạm Lãi, quý vị có thể thấy ông là người giúp Việt vương Câu Tiễn đánh bại nước Ngô. Ông biết Việt vương là người chỉ có thể cùng chung hoạn nạn, không thể cùng chung hưởng phú quý. Lòng trung của ông chỉ vì đất nước, không vì bản thân mình. Sau khi đất nước khôi phục hưng thịnh, ông biết việc từ chức sẽ không được Việt vương chấp nhận nên lén trốn, bỏ đi nơi khác, thay tên đổi họ làm nghề kinh doanh buôn bán. Không bao lâu ông phát đạt, giàu có lớn. Trở nên giàu có rồi, ông đem hết tất cả tiền của bố thí cho người nghèo khổ, rồi lại bắt đầu buôn bán nhỏ, gầy dựng lại. Rất nhiều lần như vậy, ông giàu có lên thì lại buông xả bố thí hết, tự thân mình lúc nào cũng sống tiết kiệm, chỉ lo giúp đỡ xã hội. Cho nên, người Trung quốc sau này biết ông có tài quản lý tài chánh thành công, là tấm gương tốt cho xã hội noi theo [trong lãnh vực này], liền thờ phụng ông, tôn xưng ông là thần tài.

Ý nghĩa là như vậy, nên quý vị nếu muốn phát tài, muốn giàu có thì phải hướng theo thần tài mà học tập, hướng theo Phạm Lãi mà học tập. Giàu có phát tài không phải để tự thân mình hưởng thụ, giàu có phát tài là vì cứu giúp những người nghèo khổ trong xã hội. [Sử dụng] tiền bạc như vậy là xứng đáng có được, là có ý nghĩa, là có giá trị. Nếu giàu có phát tài chỉ để một người hưởng thụ, một nhà hưởng thụ, một nhóm nhỏ hưởng thụ, nhất định là sai lầm, sẽ dẫn đến tai họa.

[Lời răn dạy] tiếp theo [của Chu công] là: *“Người được bổng lộc nhiều, địa vị cao nhưng vẫn giữ được sự khiêm hạ, đó là đáng quý.”* Bổng lộc nhiều, địa vị cao là quý vị được làm quan lớn, giữ cương vị cao. Quan chức càng cao, tước vị càng lớn lại càng phải biết hạ mình khiêm tốn, không dám đứng

trên người khác. Tự hạ mình mà tôn trọng người, như vậy mới thực sự là người đáng tôn quý. Sự phú quý đó sẽ không mất đi. Lời răn dạy này quả là chân thật.

[Chu công lại dạy con] lời tiếp theo là: *“Người có quân đông tướng mạnh nhưng vẫn giữ lòng cảnh giác lo sợ, đó là chiến thắng.”* Câu này nói về [người nắm] quân đội, vũ lực của một quốc gia, cho dù hết sức hùng mạnh nhưng vẫn luôn giữ được sự cảnh giác lo sợ [không khinh địch], đó mới là thực sự thắng lợi. Nếu dựa vào binh hùng tướng mạnh mà đến đâu cũng khinh rẻ xem thường người khác, đến đâu cũng áp bức người khác, thì rốt cùng thế nào cũng sẽ bị hủy diệt. Đó gọi là *“Kiêu binh tất bại.”* (Quân kiêu căng chắc chắn sẽ bại.) Trong lịch sử chúng ta thấy rất nhiều trường hợp như vậy. Hiện nay trong thế gian này chúng ta cũng thấy [được việc ấy] rất rõ ràng, minh bạch.

Hai câu [dạy con] tiếp theo [của Chu công là]: *“Người thông minh sáng suốt hiểu biết nhiều nhưng vẫn [khiêm hạ thấy mình] ngu dốt, đó là lợi ích. Người nghe rộng biết nhiều nhưng vẫn thấy mình cạn cợt, đó là học rộng.”*

Chu công dạy con là Bá Cầm sáu điều như trên, những lời vàng ngọc quý giá, chính là vận dụng ý nghĩa *“thụ sung nhược kinh”* (được vinh dự phải biết lo sợ) vào thực tế, là thực sự hiểu được cách đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, làm sao có thể bảo toàn được công danh phú quý của bản thân mình, rất đáng cho chúng ta học tập.

Chúng ta hoằng pháp lợi sanh nhất định không phải vì bản thân mình, mà vì phúc lành của hết thảy chúng sinh, vì một thế giới hòa bình hạnh phúc. Quý vị phải hiểu được rằng, một quốc gia của chúng ta được giàu mạnh, những quốc gia chung quanh không giàu mạnh [thì cũng không có hạnh phúc], đó là như lời cổ ngữ Trung quốc: *“Một nhà no ấm ngàn nhà oán hận.”* Đó là sự thật trong đời.

Mọi người đều được tốt đẹp thì điều tốt của chúng ta là chân thật. Chỉ một mình ta được điều tốt đẹp, mọi người đều không được tốt đẹp, đó là tai nạn đến ngay. [Khi ấy] quý vị là kẻ thù của mọi người, hứng chịu sự ganh ghét, hứng chịu sự sân hận, quý vị còn có được ngày tháng tốt đẹp hay chẳng? Cho nên, phải giúp đỡ, hỗ trợ hết thảy những người không cùng chủng tộc; giúp đỡ, hỗ trợ hết thảy những người không cùng tôn giáo; giúp đỡ, hỗ trợ hết thảy những người khổ nạn trong thế gian, khi đó thì mọi người mới có được cuộc sống thực sự hạnh phúc mỹ mãn. Đó chính là những gì các bậc hiền thánh xưa đã dạy bảo chúng ta.

Chỉ có [tấm lòng] không vị kỷ mới thực sự tích lũy được công đức. Nếu có mảy may ý niệm riêng tư xen tạp vào, bao nhiêu công đức của quý vị liền tiêu hoại hết. Điều này chúng ta phải luôn ghi nhớ.

Bài giảng thứ 76

(Giảng ngày 12 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 77, số hồ sơ: 19-012-0077)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua đã giảng đến câu: “*Thụ sủng nhược kinh.*” (Được vinh sủng phải biết lo sợ.) Trong phần chú giải của *Cảm ứng thiên* có dẫn một đoạn đối thoại vào triều Chu giữa Chu công với [con trai là] Bá Cầm. Chu công nêu ra sáu điều [răn dạy con].

Điều thứ nhất là: “*Người có đức hạnh rộng lớn nhưng luôn giữ sự cung kính khiêm hạ, đó là vinh dự.*” Người có đức lớn nhưng trong việc xử sự, đối đãi với người khác, tiếp xúc muôn vật vẫn có thể luôn giữ lòng khiêm hạ cung kính, đó thực sự là điều vinh dự. Nhất định không thể ngạo mạn kiêu căng. Ngạo mạn kiêu căng nhất định sẽ thất bại.

Cho nên, chúng ta xem như đức Phật Thích-ca Mâu-ni, đức Khổng tử, tất cả các vị thánh triết từ xưa đến nay, các ngài đều hết sức khiêm hạ nhún nhường, đều có thể rộng lòng bao dung, đối đãi với người khác đều hết sức cung kính. Đó là điều chúng ta phải học tập theo.

Điều thứ hai, Chu công nói: “*Người được đất phong mệnh mông nhưng vẫn luôn giữ sự cần kiệm, đó là an ổn.*” An ổn tức là thân tâm đều an ổn. Người Trung quốc khi chúc phúc thường nói [mong cho được] bình an. Cách nói này rất có ý nghĩa. Thế nào là bình? Đó là bình đẳng, bình đẳng mới là an ổn, ổn định nhất. Cho nên, chúng ta xem trong xã hội, xem trong lịch sử, từ xưa đến nay ở bất cứ quốc gia nào, vào những lúc xã hội rối loạn bạo động, nhất định là có sự nghèo giàu không quân bình, do vậy mới khởi sinh sự tranh giành.

Nghèo giàu không quân bình, mọi việc đều không bình đẳng, thực tế mà nói thì đó luôn là sự thật. Chúng ta xòe bàn tay ra, năm ngón dài ngắn khác nhau, làm sao có sự bình đẳng?

Nguyên nhân vì sao không bình đẳng? Mỗi người tạo nghiệp không giống nhau. Trồng nhân lành được quả lành. Người tạo nghiệp ác muốn được quả lành, lẽ nào có chuyện như vậy? Cho nên chúng ta hiểu được rằng, [chúng sinh trong] mười pháp giới nhất định không bình đẳng. Không bình đẳng là không an toàn, không thể tạo ra được một xã hội an toàn.

Cho nên các bậc hiền thánh xưa dùng đến phương pháp giáo dục, dạy người giàu sang phải biết bố thí, giúp đỡ người nghèo khó, dạy người nghèo khó phải hiểu được lẽ nhân quả trong ba đời. Chúng ta đời này nhận chịu quả báo [nghèo khổ] là do chính mình tự tạo [trong quá khứ], không được oán trời trách người. Chỉ có dùng phương pháp giáo dục như vậy khiến cho mọi người đều bình tâm lại.

Sự tướng dù không bình đẳng, chỉ cần tâm bình là được. Cho nên, người nghèo hèn thì cũng có thể lo tu tích phước đức, làm việc thiện, tương lai quả báo nhận được cũng sẽ tốt đẹp. Người giàu sang không biết tu tích phước đức, không làm việc thiện thì phước báo rồi sẽ hưởng cạn, đời sau không có nữa. Vì thế, phải có người đem ý nghĩa [nhân quả], chân tướng sự thật như vậy giảng giải rõ ràng, sáng tỏ, khiến cho mỗi người đều giác ngộ, hiểu rõ thì tâm được bình lặng. Như vậy thì một có thể đạt đến một xã hội an định, một thế giới hòa bình.

Thế nhưng, ý nghĩa này người đời hiện nay rất khó tiếp nhận. Khó tiếp nhận lại càng phải giảng giải [nhiều hơn]. Không thể nói là vì khó tiếp nhận nên không giảng giải nữa, như vậy không thể được.

Tối hôm qua, quý vị thấy Lý Đạo trưởng của Đạo giáo ngồi bên cạnh tôi. Ông ấy hiện cũng đang nghe [băng giảng] *Cảm ứng thiên*. Tôi có tặng ông các băng giảng, nên hiện nay ông ấy đang nghe. Ông ấy nói: “*Thật khó lắm, không có ai tin nhận được.*” Không có ai tin nhận tôi lại càng phải giảng. Vì sao không có ai tin nhận? Vì mê muội quá sâu. Người mê muội quá nhiều. Trong xã hội hiện nay, mọi người đều cho rằng việc làm điều xấu ác, gây hại cho kẻ khác là lẽ đương nhiên. Quý vị xem có ai là người không làm hại người khác? Có ai là người làm việc tốt? Làm việc tốt thì có kết quả gì đâu, làm người xấu, quý vị thấy kết quả [trước mắt] tốt biết bao, danh tiếng, lợi dưỡng đều có được. [Thế nhưng phải biết rằng,] sự giàu sang phú quý của người đó không phải do làm việc xấu ác mà có được, chính là do đời trước có tu tích [phước báo].

Trong Phật pháp nói [về việc này] rất hay: “*Dục tri tiên thế nhân, kim sinh thụ giả thị.*” (Muốn biết nhân đời trước, xem quả nhận đời này.) Quả báo chúng ta nhận lãnh trong đời này chính là do nhân ta đã tạo trong đời trước. “*Dục tri lai thế quả, kim sinh tác giả thị.*” (Muốn biết quả đời sau, xem việc làm đời này.) Quý vị muốn biết quả báo trong đời sau, chính là những điều tạo tác trong đời này. Đó chẳng phải là nói rõ nhân quả báo ứng tương quan trong cả ba đời [quá khứ, hiện tại và tương lai] hay sao?

Đời này hưởng giàu sang phú quý, tuyệt đối không phải do đời này làm việc xấu ác có được, mà là do trong mạng số [báo ứng] đã sẵn có. Đời này dựa vào sự giàu có, ỷ thế khinh người, làm điều sai quấy, giàu sang phú quý đời này hưởng hết, sang đời sau tái sinh về đâu? Chuyện đầu thai làm lợn là có thật. Quý vị xem trong Văn sao của Đại sư Ấn Quang có ghi chép, Tào Tháo là trường hợp như vậy. Tào Tháo cũng đầu thai làm lợn rồi. Đại sư Ấn Quang ghi chép câu chuyện này cho chúng ta xem rõ. Đó là chuyện hồi những năm đầu

Dân quốc.¹ Có người mổ lợn, moi lấy nội tạng con lợn ấy ra thì nhìn thấy trên lá gan có hai chữ Tào Tháo. Cho nên mọi người mới biết con lợn này chính là Tào Tháo đầu thai.

Tào Tháo [sống vào thời Tam quốc,] cách chúng ta đã hơn một ngàn [tám trăm] năm,² giờ vẫn còn đầu thai làm lợn. Chúng ta thật không thể biết được là ông ấy đã phải đầu thai làm lợn bao nhiêu lần rồi. Nhân quả báo ứng rõ ràng như vậy, chân tướng sự thật như vậy, không phải nói chuyện đùa cợt mua vui cùng quý vị, không phải mượn phương tiện bịa đặt nói như vậy để khuyến khích quý vị làm việc thiện. Nếu chúng ta suy nghĩ như vậy là hoàn toàn sai lầm. Các bậc thánh hiền thế gian cũng như xuất thế gian, thấy đều giống như trong kinh Kim Cang đã nói là [chỉ nói ra] “*chân ngữ*” (lời chân chánh), tuyệt đối không có lời nào giả tạo; là “*thật ngữ*” (lời đúng thật), tuyệt đối không có lời nào hư dối; là “*như ngữ*” (lời như thật), hoàn toàn đúng như sự thật, không thêm không bớt. [Các vị] nói với chúng ta toàn là lời chân thật. Quý vị nghe qua rồi hoài nghi không thể tin nhận, đó là vì quý vị không có căn lành, không có phước báo. Gặp được người sáng suốt chỉ cho đường đi mà quý vị không tin nhận, không tiếp thu, điều này phải gọi là ngu si, ngu si hết mức rồi.

Ý nghĩa trong điều thứ hai này là nói [trường hợp] quý vị được giàu có. Quý vị được giàu có thì phải làm sao để được thân tâm an ổn? Nhất định phải biết tiết kiệm. Đức Phật còn dạy chúng ta phải biết bố thí. Không chỉ là tiết kiệm mà thôi, còn phải biết bố thí, phải biết giúp đỡ người khác, như vậy thì quý vị mới được an ổn. Quý vị tự thân mình tiết kiệm nhưng không biết bố thí, vậy thì cũng không được an toàn. Cướp lớn trộm nhỏ đều chăm chăm nhắm vào nhà quý vị, bởi trong nhà quý vị có nhiều tiền bạc, của cải.

¹ Tức là bắt đầu từ năm 1912, năm thành lập chính phủ Trung Hoa Dân quốc.

² Tào Tháo sinh năm 155, mất năm 220.

Quý vị phải thường bố thí, thường giúp đỡ những người nghèo khổ ở gần gũi quanh mình, như vậy thì quý vị có thể an ổn ngủ ngon giấc. Trộm cướp có tìm đến, láng giềng lối xóm sẽ bảo vệ quý vị, sẽ quan tâm đến quý vị. Quý vị đối với họ có ân huệ, quý vị giàu có họ cũng được hưởng nhờ, nên họ mong cho quý vị càng giàu càng tốt. Nếu như quý vị giàu có nhưng không có lòng nhân ái, dù có tiết kiệm nhưng không chịu giúp đỡ hỗ trợ người khác, thì khi trộm cướp tìm đến thăm dò, hàng xóm sẽ vạch đường chỉ lối cho chúng. Nhà quý vị có bị cháy họ cũng chỉ đứng ngoài xem, cháy như vậy là tốt, đáng cháy lắm. Đó là chuyện thường tình của người đời. Cho nên, làm sao để [khi giàu có] được thân tâm an ổn? Phải hết lòng hết sức giúp đỡ người khác, giúp người nhất định là đang tự giúp mình. Phải hiểu rõ được ý nghĩa này.

[Chu công dạy con] điều thứ ba là: *“Người được bổng lộc nhiều, địa vị cao nhưng vẫn giữ được sự khiêm hạ, đó là đáng quý.”* Câu trước nói về sự giàu có, câu này nói về sự tôn quý, địa vị cao. Quý vị làm sao để có thể duy trì được sự giàu sang phú quý của mình?

Tôn quý nghĩa là trong xã hội quý vị có địa vị cao, làm quan chức lớn, vậy thì phải có thái độ như thế nào? Phải khiêm tốn, nhún nhường, hạ mình, không dám đứng trên người khác. Ý nghĩa này quý vị phải quan sát thật kỹ, quan sát những tấm gương người xưa, quan sát trong lịch sử, đọc lại những truyện ký của người xưa. Trong xã hội hiện nay quý vị cũng có thể quan sát kỹ, người ở địa vị cao mà có thể khiêm tốn nhún nhường đối với người khác thì địa vị của họ không chỉ như hiện nay, mà sẽ còn lên cao hơn nữa. Nhưng nếu như ỷ thế hơn người, lấn áp người khác, kiêu căng ngạo mạn, thì địa vị ấy không thể lâu dài, không thể giữ được lâu. Phước báo của người ấy hưởng hết rất nhanh. Chúng ta đều có thể thấy những điều ấy rất rõ ràng.

Tôi đã từng gặp gỡ Tổng thống Vương [Đĩnh Xương] của Singapore. Tối hôm qua quý vị cũng đều được thấy tiên sinh Nathan, ông ấy là ứng cử viên tổng thống. Chỉ duy nhất một ứng cử viên thôi, nên nhất định ông ấy sẽ đắc cử,¹ có được sự ủng hộ rộng rãi trong xã hội. Quý vị xem, ông ấy hết sức khiêm nhường, đối xử với ai cũng thận trọng giữ lễ, không một chút cao ngạo, nên ông ấy có thể duy trì, gìn giữ được sự phú quý của mình.

Người học lễ phải tự hạ mình mà tôn trọng người khác. Quý vị phải học theo như vậy. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đối với bất kỳ ai cũng đều cung kính như nhau, đối với vua chúa cũng không khác với người hành khất, xem hết thấy đều bình đẳng, nhất định không hề khởi tâm phân biệt. Đó là [cách hành xử] của chư Phật, Bồ Tát, chúng ta phải học theo. Sự cung kính [đối với người khác] đó xuất phát từ tâm chí thành, chân thành, không phải hư dối ngụy tạo, không phải giả vờ. Nếu là giả vờ có thể thấy biết ngay, hoặc [cách ứng xử] hư dối, ngụy tạo, khách sáo thì nhìn qua cũng có thể biết ngay. [Sự cung kính đó phải] xuất phát từ sự chân thành.

[Điều dạy con thứ tư của Chu công là:] “*Người có quân đông tướng mạnh nhưng vẫn giữ lòng cảnh giác lo sợ, đó là chiến thắng.*” Ý nghĩa này cần phải hiểu rõ. Đối với người bình dân chúng ta, ý nghĩa câu này cần được nhận hiểu mở rộng hơn. Có thể hiểu là chúng ta có tài hơn người, hoặc chúng ta giỏi nghề nghiệp hơn người, hoặc chúng ta có học thức hiểu biết hơn người, chỉ cần có một điều gì đó vượt hơn người khác thì đều là thắng. Đó là hơn người mà thắng, thắng như vậy

¹ Bài này được giảng ngày 12 tháng 8 năm 1999. Trong thực tế thì 6 ngày sau đó, ông Nathan đắc cử Tổng thống, tức vào ngày 18 tháng 8 năm 1999, trong cuộc bầu cử mà ông là ứng cử viên duy nhất, do hai đối thủ của ông đều đã bị loại trước đó vì lý do không đủ tiêu chuẩn theo Hiến pháp. Ông trở thành vị Tổng thống thứ 6 của Singapore và là Tổng thống thứ hai được dân bầu, kế nhiệm Tổng thống Vương Đĩnh Xương.

rất dễ dàng khỏi tâm kiêu ngạo, tự thấy xứng đáng để kiêu ngạo.

Trái lại với kiêu ngạo là biết lo sợ, thường giữ tâm lo lắng, sợ sệt, cảnh giác, trong lòng thấy mình không bằng người. Đó là [luôn nghĩ rằng] ngoài người này ra vẫn còn người khác [giỏi hơn], trên trời vẫn còn có trời, đâu có gì đáng để kiêu ngạo? Thực sự có nắm chắc phần thắng người hay chăng? Suy ngẫm cho kỹ, chúng ta cho dù có tài năng hơn, so với chư Phật Như Lai, so với chư Bồ Tát, hãy còn thua xa nhiều lắm. Không nói so với các vị ấy, chỉ so với vị Tu-đà-hoàn của Tiểu thừa ta cũng không so nổi, đâu có gì là hơn người khác.

[Cho nên] không được khinh thường, xem nhẹ đối với hết thầy chúng sinh. Trong số hết thầy chúng sinh cũng có chư Phật, chư Bồ Tát hóa thân trong đó. Đây là sự thật rất thường xảy ra. Chúng ta xem trong các sách xưa có thể thấy được [những trường hợp] chư Phật, Bồ Tát ứng hóa tại Trung quốc. Có lý nào thời xưa chư Phật, Bồ Tát ứng hóa, thời nay lại không có hay sao? Cứ theo lý mà suy, chúng sinh càng nhiều tai nạn, chư Phật, Bồ Tát càng hóa hiện nhiều hơn, vì là hiện đến để cứu khổ cứu nạn. Các ngài thị hiện đều trong hình tướng của người bình thường, quý vị không thể nhìn ra được, các ngài cũng không nói cho quý vị biết. Người thực sự học Phật có thể thấy biết được, trong lòng tự biết. Làm sao thấy biết được? Vì tư tưởng, hiểu biết, lời nói của các vị đều giống với Bồ Tát, dựa theo Kinh điển làm tiêu chuẩn. Nếu thấy rất giống Bồ Tát, mọi việc làm so với những lời răn dạy trong Kinh điển đều phù hợp, tương ứng, người ấy không phải Bồ Tát thì ai mới là Bồ Tát? Chúng ta tự mình muốn vượt phàm lên thánh phải từ chỗ này mà học tập [làm theo].

Cho nên, tôi thường khuyên bảo, khuyến khích quý vị đồng học, phải buông bỏ đi thành kiến của riêng mình, buông bỏ đi những vọng tưởng, phân biệt, bám chấp của mình,

vâng theo những lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát, nghe theo những lời chỉ bảo của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta thực sự nỗ lực học tập như vậy, đó gọi là học Phật, học Bồ Tát. Nếu thực sự tương ứng thì tự thân mình hoàn toàn không chủ định cũng tự nhiên vượt phàm lên thánh.

Cho nên, không được cho rằng thế gian này quá loạn lạc rồi, tai nạn quá nhiều rồi. Biết đâu được chính trong những điều kiện nhân duyên như hiện nay, chư Phật, Bồ Tát mới đến thế gian này để cứu khổ cứu nạn.

Thường giữ tâm lo lắng sợ sệt. Quý vị thấy trong Liễu Phàm tứ huấn, tiên sinh Liễu Phàm dạy con cũng đặc biệt chú trọng đến tâm lo lắng sợ sệt này.

Điều thứ năm tiếp theo, [Chu công dạy con rằng:] “*Người thông minh sáng suốt hiểu biết nhiều nhưng vẫn [khiêm hạ thấy mình] ngu dốt, đó là lợi ích.*” Lợi ích ở đây là đạt được lợi ích. Quý vị thông minh, có trí tuệ, là người thông minh trí tuệ thì có mấy ai biết giữ mình [khiêm hạ, thấy mình] ngu dốt? Có thể thấy mình ngu dốt, đó mới là người thực sự thông minh. Thường thì những kẻ “*phô tài khoe trí*” đều không phải là chuyện tốt.

Hồi tôi còn trẻ cũng mắc phải lỗi này, cha tôi dạy tôi phải biết “học ngu”, phải biết thu liễm, che giấu [tài năng]. Khi tôi theo học với Lão cư sĩ Lý Bình Nam, thầy giảng dạy cho tôi rất nhiều lần việc này, dạy tôi phải biết “học ngu”. Thầy nói cả đời thầy muốn học mà học chưa thành. [Lão tử nói:] “*Đại trí nhược ngu.*” (Bậc đại trí giống như ngu.) Lời thánh hiền đã dạy như vậy. Thầy Lý Bình Nam khuyến khích tôi học điều ấy, bảo tôi rằng tự thân thầy cũng đang học, học suốt cả đời mà xem như vẫn học chưa thành công. Thầy hết sức khích lệ tôi phải học. Tôi [hiện nay] cũng đang nỗ lực học, quý vị có thể thấy điều đó chăng?

Tôi cũng có một chút tâm đắc. Quý vị cho rằng tôi giảng giải việc này việc kia đều rất hay, nhưng tự tôi [nghe như vậy] cảm thấy hết sức bối rối, lúng túng, không thể có chuyện đó. Một đời tôi không đặt bút viết ra văn chương, vì sao vậy? Vì không dám viết, cảm thấy rất hổ thẹn. Tôi nói với quý vị như vậy là lời chân thật, tuyệt đối không phải giả dối. So với các bậc hiền thánh xưa, so với các bậc tổ sư, đại đức thời gần đây, bản thân tôi ngay cả việc theo hầu bên cạnh cũng không đủ tư cách. Tôi nói với mọi người đây là lời hoàn toàn chân thật. Cái ngu đó của tôi chẳng phải là học ngu, mà là ngu thật, đâu cần phải học? Học ngu là người thực sự có trí tuệ, như thế mới phải học ngu. Tôi không có trí tuệ, trí tuệ chưa khai mở, bất quá chỉ là đem tâm chân thành đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, không dám có chút hư dối ngụy tạo. Bản thân tôi trong việc tu học Phật pháp có được đôi điều tốt đẹp, nói ra đây để mọi người cùng được thụ hưởng, cùng chia sẻ mà thôi.

[Điều thứ sáu] tiếp theo [trong lời dạy con của Chu công] là: *“Người nghe rộng biết nhiều nhưng vẫn thấy mình cạn cợt, đó là học rộng.”* Đây là nói trên đường học vấn có được tài năng thiên phú, nghe nhiều nhớ giỏi. Quý vị thấy biết nhiều, nghe biết rộng, lại có khả năng ghi nhớ. Theo cách nói hiện nay là người có kiến thức phong phú, uyên bác, học rộng nghe nhiều. Trước sau nếu vẫn luôn thấy mình cạn cợt, thì học vấn, tri thức của quý vị mới có thể tăng thêm, mở rộng, không dám đem học thức của mình ra khoe khoang.

Tổng cộng [Chu công dạy con có] sáu điều. Trong sáu điều này, điều thứ nhất dạy chúng ta phải biết cung kính, điều thứ hai dạy ta phải biết tiết kiệm, điều thứ ba dạy ta phải biết khiêm hạ, điều thứ tư dạy ta phải thường giữ tâm lo lắng, tự tỉnh giác, [điều thứ năm dạy ta phải tự] thấy mình ngu dốt, [điều thứ sáu dạy ta phải] tự thấy học thức của mình cạn cợt.

[Làm được như vậy thì] quý vị mới có thể giữ gìn được đức hạnh, không đi đến chỗ thối lui, thất bại. Đó là những lời dạy của Chu công, chúng ta phải học tập.

Đức Phật cũng dạy chúng ta sáu điều, đó là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Các bậc thánh hiền dạy người, hết thầy đều dùng lời đơn giản, ý nghĩa bao gồm. Không nói nhiều lời, nội dung thông thường là lời đơn giản, ý nghĩa bao gồm. Ý nghĩa bao gồm đó, rốt cuộc là bao gồm đến phạm vi nào? Là [gồm khắp] hư không pháp giới, quá khứ, vị lai, không một chút giả dối. Đó mới thực sự là học vấn lớn lao. Thế nhưng chỗ “*đơn giản, bao gồm*” đó có mấy người hiểu được, có mấy người thể hội được? Chúng ta phải suy nghĩ thật kỹ càng, nếu không thì việc học Phật không thể biết được chỗ khởi sự công phu.

Những lời dạy của thánh hiền, một chữ, hai chữ cũng đều [hàm chứa ý nghĩa] sâu rộng vô cùng. Chỉ vì chúng ta dùng tâm ý thô tháo, thường chỉ xem xét qua loa, giản lược, không thực sự chú tâm tìm hiểu, nên căn bản đã không hề hiểu được những chỗ sâu cạn trong ý nghĩa lời dạy, như vậy thì học hỏi được gì? [Cho nên dù] gặp được rất nhiều cơ duyên, cơ duyên thù thắng không gì sánh bằng, nhưng hết thầy đều bỏ lỡ, thật đáng tiếc biết bao!

Nhất định không thể nói rằng, hiện nay không có người tin nhận nên không giảng giải. Không có ai tin nhận thì càng phải giảng, phải giảng nhiều hơn nữa, phải giảng rộng khắp nơi. Giảng giải nhiều rồi cũng có người tin nhận. Lời giả dối mà nói mãi nhiều lần người ta còn tin nhận, huống chi là lời chân thật. Cần phải hiểu rõ ý nghĩa này, chúng ta mới có thể giúp đỡ, hỗ trợ chúng sinh khổ nạn quay đầu hướng thiện.

Những lời giả dối mà nói mãi đến trăm lần, ngàn lần người ta còn tin là thật, lời chân thật chúng ta nói ra ngàn lần, vạn lần, làm sao người ta có thể không tin nhận? Làm

sao không quay đầu hướng thiện? Cho nên nhất định không thể cho rằng vì xã hội hiện nay đối với [giáo pháp] không tin nhận thì chúng ta không nên giảng giải, giảng giải chỉ làm cho người ta phản cảm, không thích. Không thích là việc của họ. Giảng một lần họ không thích, mười lần không thích, trăm lần không thích, đến ngàn lần họ sẽ không còn không thích nữa, đến vạn lần thì họ sẽ tin nhận. Bồ Tát giáo hóa chúng sinh, Phật dạy chúng ta qua kinh điển cũng đều là ngàn lần, vạn lần chúng ta mới tin nhận. Chúng ta cũng không phải nghe qua một lần, mười lần, hai mươi lần mà đã chịu tin nhận.

Chúng ta học tập như thế nào, chúng ta nên giúp đỡ hỗ trợ những người chưa có lòng tin như thế ấy, từ nơi kinh nghiệm của chính bản thân mình mà nhận hiểu, thể hội được phương pháp này, phương pháp hữu hiệu, lặp lại không ngừng, thực sự nỗ lực thực hiện, giới thiệu với mọi người.

Được rồi, hôm nay thời gian đến đây đã hết.

Bài giảng thứ 77

(Giảng ngày 13 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 78, số hồ sơ: 19-012-0078)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Chúng ta đã xem qua ba mục trong Cảm ứng thiên là “*thôi đa thủ thiếu*” (cho ra nhiều, giữ lại ít), ý nghĩa này trong nhà Phật gọi là *vô tham*, “*thụ nhục bất oán*” (chịu nhục không oán hận), trong nhà Phật gọi là *vô sân*, “*thụ sủng nhược kinh*” (được vinh sủng phải biết lo sợ), trong nhà Phật gọi là *vô si*.

Trong Kinh điển cũng gọi là *ba căn lành*, ở đây ba câu mười hai chữ này nêu ra với chúng ta cách vận dụng vào thực tế ba căn lành này. Phải biết vận dụng ba căn lành như thế nào trong đời sống thường ngày, trong việc đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, như vậy mới không thất bại [trong sự tu tập].

Phàm phu thật không dễ dàng chịu sống trong hoàn cảnh tịch tĩnh, vắng lặng. Cho nên, chỉ có bậc đại thánh đại hiền mới thực hiện được niềm vui tĩnh lặng. Phàm phu một khi không có việc gì [để làm] liền suy tưởng lung tung, làm càn làm bậy. Đó là do nguyên nhân gì? Chính là biểu hiện của phiền não ba độc *tham, sân, si* quá nặng, quá nhiều. Ý nghĩa này, chân tướng sự thật này, chúng ta phải hiểu thật rõ ràng, phải thay đổi sửa lỗi, như vậy mới là công phu tu hành. Đặc biệt là đối với hàng trí thức, người có học vấn, nếu dùng tâm bất thiện thì con đường học vấn, con đường tu tập đều nhất định không thể thành tựu.

Chúng ta xem gương người xưa, khoảng hồi nửa thế kỷ trước, như cư sĩ Giang Vị Nông, cư sĩ Từ Ủy Như, những vị

đại cư sĩ tu hành tại gia như vậy. Hoặc người xuất gia như Đại sư Ấn Quang, Pháp sư Đế Nhân, quý vị đều biết rất rõ, Pháp sư Viên Anh, Pháp sư Hưng Từ, các vị như thế người đời đều xem là hàng trí thức, những người có học vấn. Các vị ấy có thể đem hết tinh thần, đem hết thời gian tập trung vào sự học hỏi, vào pháp môn tu tập của bản thân mình. Trong thực tế, đối với họ thì một ngày hai mươi bốn giờ là không đủ dùng, họ làm gì có thời gian khởi sinh vọng tưởng? Làm gì có thời gian làm những việc ngoài bổn phận của mình? Điều này rất đáng để chúng ta tham khảo, cũng rất đáng để chúng ta tự cảnh tỉnh e sợ.

Cho nên, trong Kinh điển đức Phật khuyến khích người tu học, trước tiên phải phát tâm Bồ-đề. Người thực sự phát tâm Bồ-đề, việc tu hành chứng quả đâu cần đến ba đại a-tăng-kỳ kiếp? Một đời này nhất định được thành tựu. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm thấy Đồng tử Thiện Tài, vì sao có thể trong một đời được thành tựu? Chính là nhờ thực sự phát tâm Bồ-đề.

Nói theo ngôn từ thế gian thì đó là tận trung, là thực hành đạo hiếu. Tận trung với chức trách, bổn phận của mình, đó là chân chính phát tâm Bồ-đề. Toàn tâm toàn ý thực hiện bổn phận của quý vị cho đến mức tốt đẹp nhất, hoàn thiện nhất, đó là phát tâm Bồ-đề. Bất kể là công việc gì trong thế gian hoặc xuất thế gian, phải chuyên chú nhất tâm mới thành công. Không chỉ thành công, mà sẽ được thành công một cách trọn vẹn đầy đủ. Nói chung, nếu không thực hiện được đến mức trọn vẹn đầy đủ thì đó là quý vị đã không hết lòng hết sức.

Ba căn lành Phật dạy chúng ta, hoàn toàn là thiện tâm, hoàn toàn là thiện ý, là ý niệm hiền thiện. Thiện tâm là thể, trong thiện tâm nhất định không có ý niệm xấu ác. Thiện tâm này hoàn toàn không phải cái thiện trong thiện ác [phân

biệt đối đãi] mà chúng ta thường nói đến. Cái thiện trong thiện ác [phân biệt đối đãi] này không phải thiện tâm.

Thiện tâm là chân tâm, thiện tâm là tâm Bồ-đề. Thiện tâm cũng là tâm thanh tịnh, là tâm chí thành, trong đó không có thiện hay ác [theo nghĩa phân biệt đối đãi], không có chân hay vọng, không có tà hay chánh. Trong kinh Duy-ma-cật có Pháp môn Bất nhị, đó là *chân thiện*. “*Các bậc thượng thiện nhân cùng hội về một chỗ*” ở thế giới Cực Lạc, các vị này không phải hạng người thiện như trong ý nghĩa thiện ác phân biệt đối đãi. Thiện nhân trong ý nghĩa thiện ác phân biệt đối đãi còn cách biệt rất xa [với thiện nhân ở thế giới Cực Lạc]. Họ là người hiền thiện trong ba đường lành [của sáu đường]. Chúng ta phải nhận thức ý nghĩa này thật rõ ràng.

Tâm địa thuần chân đến mức cùng tốt, chân thành đến mức cùng tốt, đó gọi là tâm thuần thiện, cũng hoàn toàn là chân tâm, hoàn toàn là tâm thanh tịnh.

Thiện tâm khởi dụng là thiện ý. Thiện ý là nghĩa thứ hai, [hay nghĩa đối đãi,] thiện tâm là nghĩa thứ nhất, [hay nghĩa rốt ráo]. Thiện ý là gì? Là đại từ đại bi, phát xuất từ thiện tâm. Điều này chúng ta phải hiểu rõ.

Khi đối đãi với hết thảy mọi người, với hết thảy sự vật sự việc luôn thuần nhất là thiện ý. Trong thiện ý nhất định không có ý niệm xấu ác.

Thế nào là ý niệm xấu ác? Quý vị phải biết rằng, những ý niệm tự tư tự lợi là xấu ác. Hết thảy những nghiệp xấu ác đều từ ý niệm [tự tư tự lợi] này khởi sinh. Người không có [ý niệm] tự tư tự lợi thì nhất định không tạo nghiệp xấu ác.

Theo kinh luận của *Pháp tướng tông*, nguồn gốc của [ý niệm] tự tư tự lợi chính là ngã chấp. Đây là nguồn gốc, là căn bản của sáu đường luân hồi. Chỉ cần ý niệm [tự tư tự lợi] này còn tồn tại thì đừng mong ra khỏi sáu đường luân hồi. Sáu

đường luân hồi từ đâu mà có? Chính từ cội gốc [là ý niệm tự tư tự lợi] này biến hiện ra, tự mình làm, tự mình gánh chịu.

Cội gốc [ngã chấp] này, trong Pháp tướng tông giảng giải là *ngã si*, *ngã kiến*, *ngã mạn*, *ngã ái*. Bốn điều này quý vị chú tâm suy ngẫm kỹ thì thể hội được [đó chính là] *ngã*. Ngã là gì? Ngã là si mê, là kiến chấp (kiến là thành kiến, cố chấp), là ngạo mạn, là tham ái. Chúng ta ngày nay gọi là “*tự tư tự lợi*”, trong đạo Phật giảng giải tường tận, tỉ mỉ hơn, nhưng bốn điều [*ngã si*, *ngã kiến*, *ngã mạn*, *ngã ái*] này chính là tự tư tự lợi.

Chỉ cần có một mảy may ý niệm tự tư tự lợi này, tâm ý của quý vị đã là bất thiện, quý vị nhất định sẽ tạo vô số tội nghiệp mà tự mình cũng không biết được.

Chúng ta học Phật là học những gì? Chính là học thiện tâm, thiện ý. Thiện tâm, thiện ý lưu xuất thành thiện hạnh, cũng là biểu hiện trong đời sống của chúng ta, đời sống là thiện hạnh; biểu hiện trong công việc, biểu hiện trong việc xử sự, đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, không một điều gì là bất thiện.

Xin nói cùng quý vị, người nào có đủ *thiện tâm*, *thiện ý*, *thiện hạnh* thì hoàn toàn không có phiền não, tập khí cũng tiêu trừ, trí tuệ sinh khởi. Có trí tuệ rồi, quý vị tự nhiên có thể phân biệt được chân vọng, tà chánh, thị phi, thiện ác. Quý vị tự có năng lực phân biệt đó.

Trước đây tôi đã từng giảng qua, ở Trung quốc đại lục xảy ra hiện tượng Pháp Luân Công, vì sao có hiện tượng ấy? Chính là vì người thường không có năng lực phân biệt chân vọng, tà chánh, thị phi, thiện ác. Nếu như có năng lực phân biệt, chỉ nhìn qua một lần là thấy biết được ngay. Những việc làm như thế là giả, là tà, là ác, là bất thiện, ai cần quan tâm đến? Tôi giảng qua hy vọng mọi người nghe lại nhiều lần.

Trong thực tế, nói một lần không đủ, nghe lại nhiều lần thì quý vị tự nhiên hiểu rõ.

Những điều tôi giảng về *thiện tâm, thiện ý, thiện hạnh*, dựa vào đâu làm tiêu chuẩn? Nếu quý vị chưa có khả năng lý giải điều này thì xem như thất bại. Trong thực tế, kinh điển Phật giáo Đại thừa giảng giải việc này hết sức rõ ràng, trọn vẹn đầy đủ, chỉ có điều số lượng quá nhiều, chúng ta chỉ cần chọn đọc một bộ kinh Vô Lượng Thọ hoặc một bộ kinh Hoa Nghiêm là đủ. Nhưng phải thấu hiểu được nghĩa lý sâu xa, suốt một đời hết lòng hết sức dành trọn thời gian vào đó thì may ra mới có được chỗ vào. Nếu như không hết lòng hết sức, không dành hết thời gian cho sự tu học, thì nói thật ra quý vị không thể bước vào trong cửa, chỉ đứng ngoài nhìn mà thôi, chỉ là kẻ ngoại cuộc.

Vì sao nói là phải dành hết thời gian, phải hết lòng hết sức trong sự tu học mới được? Đó gọi là nhất tâm, nhất tâm liền được thành tựu. [Nhất tâm thì] quý vị không có vọng tưởng, không có tạp niệm. Tất cả phàm phu đều có phiền não, đều có tạp khí. Phiền não, tạp khí, hiện tượng đó là cảm xúc trong lòng. Cho nên chúng ta quan sát thấy chúng sinh rồi ren biết bao cảm xúc. Những cảm xúc ấy có mức độ cao hoặc thấp, giống như sóng nước, có lúc bình lặng được một chút, lại có lúc khởi lên gió lớn sóng to.

Vì sao có hiện tượng này? Đó là phiền não tạp khí từ vô thủy kiếp đến nay. Cảnh giới bên ngoài như gió, tạp khí phiền não trong lòng quý vị như nước, một cơn gió lớn thổi qua liền nổi sóng. Phàm phu trong sáu đường có ai không như thế? Tất cả đều là như thế. Tình cảm trong lòng mãi mãi bình lặng thì không phải phàm phu. Phàm phu nhất định không được vậy.

Đối với người bình thường chúng ta mà nói thì người thực sự có học vấn, thực sự có tu dưỡng, sự học vấn, tu dưỡng đó

biểu hiện ở điểm nào? Đó là tâm bình lặng, khí an hòa, mãi mãi giữ được như vậy. Đó là thực sự có học vấn, thực sự có tu dưỡng. Nói theo Phật pháp thì các vị Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát quyền giáo trong bốn thánh pháp giới là những vị thực sự có thể duy trì được tâm bình lặng, khí an hòa, không suy tưởng lung tung, không làm càn làm bậy. Đó thực sự là công phu học vấn đến nơi đến chốn. Tập khí phiền não của các vị này vẫn chưa dứt được, nhưng đã khuất phục được rồi. Các vị đã có đủ định lực và trí tuệ để hàng phục được phiền não. Nếu như có thể dứt trừ được hết phiền não tập khí thì đó là bậc thánh nhân. Trong kinh Hoa Nghiêm gọi đó là Pháp thân Đại sĩ.

Chúng ta học Phật, học kinh điển giáo pháp phải lấy đây làm tiêu chuẩn, nỗ lực sao cho trong một đời này phải chứng đắc được quả vị Bồ Tát Sơ trụ của Viên giáo. Điều này tuy khó khăn, nhưng Đồng tử Thiện Tài đã làm được. [Trước đó] ngài là người thường, cũng là phàm phu, so với chúng ta hoàn toàn không khác. Ngài có thể làm được, điều đó chứng minh rằng chúng ta ai ai cũng có thể làm được. Vấn đề nằm ở đâu? Đồng tử Thiện Tài đã phát tâm Bồ-đề, chúng ta không phát tâm Bồ-đề. Ngài một lòng một dạ học đạo Bồ Tát, chúng ta tuy học đạo Bồ Tát nhưng ngày ngày vẫn còn suy tưởng lung tung, khác nhau là ở chỗ này.

Ngài một lòng một dạ học đạo Bồ Tát, không có thời gian khởi sinh vọng tưởng. Cho nên, chúng ta thấy ngài thực sự tinh tấn, không phải giả tạo, thực sự là tinh tấn. Quý vị xem qua năm mươi ba lần tham vấn, mỗi lần tham vấn một vị thiện tri thức thì cảnh giới của Đồng tử Thiện Tài lại được nâng lên cao hơn một bậc. Khi tham vấn Tỳ-kheo Đức Vân, ngài ở địa vị Bồ Tát Sơ trụ. Khi đến tham vấn Tỳ-kheo Hải Vân, ngài vượt lên địa vị Bồ Tát Nhị trụ. Tham vấn Bồ Tát Diệu Trụ thì vượt lên đến Bồ Tát Tam trụ. Càng ngày càng vượt lên cao hơn. Nếu như có mảy may giải đãi, mảy may lười

nhắc thì hẳn ngài phải đọa lạc, làm sao có thể vượt lên cao hơn? Mãi mãi duy trì được sự tinh tấn không gián đoạn, cho nên ngài mới có thể ngay trong một đời chứng đắc viên mãn quả vị Bồ-đề.

Đó chính là trong kinh Hoa Nghiêm này đức Thế Tôn đã vì chúng ta đưa ra một tấm gương điển hình, nói rõ việc bất cứ ai cũng có thể chứng đắc quả vị Vô thượng Bồ-đề ngay trong một đời. Chỉ cần quý vị học theo sự phát tâm của Đồng tử Thiện Tài, nỗ lực tinh tấn giống như ngài. Điều đó có ai lại không làm được? Bất cứ ai cũng có thể làm được cả.

Đại sư Thiện Đạo nói rất hay, người ta sợ dĩ không thể làm được như vậy “*đều là do gặp duyên khác nhau*”. Câu này hết sức trọng yếu. Những gì là duyên? Đó là hoàn cảnh tu học, hoàn cảnh sống [của riêng mỗi người]. Nếu thực sự gặp được duyên phần tốt đẹp, gặp được bậc thiện tri thức tốt đẹp, gặp được hoàn cảnh sống tốt đẹp, có bạn đạo tốt đồng tham đồng học, thì trong một đời này quý vị nhất định được thành tựu, quá trình tu học của quý vị không gặp chướng ngại gì.

Thế nhưng, quý vị thử nghĩ xem, muốn gặp được những duyên phần tốt đẹp như vậy ắt phải có nhiều phước báo lớn lao. Chúng ta ngày nay ở trong hoàn cảnh này, một hoàn cảnh có thể nói là rất thù thắng, thế nhưng vẫn có những người gây khó khăn cho quý vị, nhìn quý vị thấy chướng mắt, nói với quý vị những lời khó nghe, khiến quý vị bức dọc. Chúng ta gặp những việc như vậy, trong lòng phải nghĩ rằng do mình chưa đủ phước báo.

Nhưng so với người bình thường ta vẫn được nhiều phước báo hơn, ta có được hoàn cảnh tu học tốt đẹp biết bao. Luôn luôn phải tự mình giác ngộ, luôn luôn phải tự mình thực sự nỗ lực, hết lòng hướng thượng, làm việc thiện cho người. Chúng ta trong một đời này giữ tâm thiện, ý thiện, làm việc thiện, gặp gỡ bất kỳ ai cũng chỉ nhìn thấy điều thiện của người ấy,

không nhìn những điểm xấu ác. Chúng ta sống một đời trong thế gian chỉ toàn điều thiện, quý vị nói xem, đời sống như vậy tốt đẹp biết bao, người như vậy hạnh phúc biết bao.

Cho nên, hạnh phúc hay không là do trong một niệm của quý vị. Một niệm chân chánh thì quý vị sống đời hạnh phúc mỹ mãn, một niệm tà vạy thì quý vị liền sống trong đời loạn lạc, cuộc sống đầy dẫy chông gai, đầy dẫy khổ nạn.

Cho nên, ở đây chúng ta tổng kết ba câu [không tham, không sân, không si] này lại, nhất định phải học theo chư Phật, Bồ Tát, đem *thiện tâm, thiện ý, thiện hạnh* đối đãi với hết thảy mọi người, đối đãi với hết thảy sự vật sự việc. Như vậy thì những người ta gặp không có ai không phải người hiền thiện, những nơi ta ở tất cả đều là cảnh giới hiền thiện. Như thế chẳng phải là thế giới Tịnh độ, thế giới Hoa Tạng đều ở ngay trước mắt rồi đó sao? Việc này đều phụ thuộc vào sự giác ngộ của chính bản thân ta.

Người giác ngộ mãi mãi duy trì một niệm thiện tâm. Một niệm thiện tâm đó cũng là chân tâm của chính mình, cũng là bản tánh của chính mình. Trong Thiền tông nói “*minh tâm kiến tánh*” (tâm ý sáng rõ thấy được bản tánh), cũng chính là nói đến điều này.

Đức Phật dạy chúng ta tu hành cũng là bắt đầu từ ba căn lành này khởi tu, *không tham, không sân, không si*. Điều này Phật dạy có đến hơn vạn lần, chúng ta nghe đã quen tai, chỉ có điều vẫn cứ không làm được. Nguyên nhân không làm được là vì không buông bỏ đi ý niệm tự tư tự lợi, không khởi sinh được ý niệm làm lợi ích chúng sinh.

Đối với người xuất gia chúng ta ngày nay, bốn phạm là phải vì người khác diễn nói [Giáo pháp]. Bốn phạm này chúng ta không làm được. Ngày hôm kia tôi hội kiến với vị tổng thống tương lai của Singapore là tiên sinh Nathan. Ông bảo

tôi rằng ông hết sức tôn kính Phật giáo, vì Phật giáo không xem trọng hình thức mà rất chú trọng sự tu tập nội tâm. Ông ấy nói ra câu này chứng tỏ là hết sức am tường [Phật giáo]. Ông ấy thấu hiểu rõ ràng, biết được rằng bốn phạm [của người Phật tử] là nỗ lực tu hành, là dùng nội lực công phu tu tập để nâng cao cảnh giới của chính mình.

Đức Phật dạy chúng ta phải vì người khác diễn nói. “Diễn” là biểu diễn, nghĩa là phải tự mình làm để người khác nhìn vào [học theo]. Cho nên, nói về cương lĩnh tổng quát của chúng ta trong việc giảng kinh thuyết pháp, trước đây có lần ông Đại sứ Trần hỏi tôi: “Cương lĩnh chung của quý vị là gì?” Tôi đáp: “Cương lĩnh tổng quát của chúng tôi là *‘Học vi nhân sư, hành vi thế phạm.’* (Học để làm thầy người khác, hành động để nêu gương cho đời.)” Hai câu này chính là vận dụng thực tiễn lời dạy của đức Thế Tôn: “*Vì người khác diễn nói.*” Diễn là biểu diễn, là làm khuôn mẫu, chuẩn mực [cho người khác làm theo].

Chúng ta phải làm được thì sau đó mới có thể dạy người khác. Tự thân mình còn chưa làm được mà giảng giải Kinh điển thế này sẽ cảm thấy rất hổ thẹn. Cảm thấy hổ thẹn như vậy thì có nên giảng giải hay không? Vẫn phải giảng, nếu không giảng là quý vị tiêu đời rồi, không được cứu chữa rồi. Mỗi lần giảng cảm thấy hổ thẹn, lương tâm khởi lên [bút rút], đó là điều tốt. Nếu như [những trường hợp này] không cảm thấy hổ thẹn, người như vậy là gỗ đá vô tri rồi, tiêu đời rồi. Vẫn còn thấy hổ thẹn thì vẫn còn cứu được, quý vị còn có lương tri. Cho nên nhất định phải giảng giải, thường xuyên giảng giải, giảng giải thật nhiều lần, dần dần như vậy rồi tự thân mình hoàn toàn không chủ định cũng tự nhiên khế nhập được vào cảnh giới [trong Kinh điển].

Cho nên chúng ta thấy được rằng tiên sinh Nathan rất hiểu chuyện. Nếu chúng ta có thể từ chỗ này bắt đầu hạ thủ

công phu, từ chỗ này thực sự nỗ lực [tu tập], thì con đường tu tập nhất định có sự tiến bộ, có sự thành tựu. Đặc biệt là đang trong thời đại có nhiều tai nạn như hiện nay, nếu chúng ta có thể một lòng chú tâm vào con đường tu tập, một lòng chuyên chú vào bốn phần của mình thì có thể quên đi những tai nạn của thế gian này.

Hôm nay tôi đem đoạn văn Duyên khởi trong Khoa văn biểu giải kinh Hoa Nghiêm in ra để quý vị đồng học tham khảo, quý vị hãy mang đi photocopy thêm ra. Quý vị [xem trong bài Duyên khởi này thì] thấy đó, giữa thời đại khổ gian nan như ngày nay mà người ta [cất công] làm học thuật như thế nào. Mỗi ngày đều kiên trì công việc này, lòng vui [trong công việc] đến không biết mỗi một, chuyện thiên hạ đại loạn cũng đều quên sạch không biết đến. Các vị ấy vì sao quên đi được hết? Vì tâm ý hoàn toàn chuyên chú vào công việc, không nghĩ đến chuyện gì khác, nhờ vậy mới thành công.

Ngày nay chúng ta phải chuyên chú vào Kinh điển giáo nghĩa thì thiên hạ tự nhiên thái bình, không có chuyện gì [bất ổn] xảy ra. “*Cảnh tùy tâm chuyển*” (hoàn cảnh do tâm chuyển đổi) là sự thật, tuyệt đối không phải chuyện nói suông, mà ngàn lần vạn lần chắc chắn đây là sự thật.

Bài giảng thứ 78

(Giảng ngày 14 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 79, số hồ sơ: 19-012-0079)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời xem *Cảm ứng thiên* đến đoạn thứ 32: “*Thi ân bất cầu báo, dữ nhân bất truy hối.*” (Làm ơn không cầu báo đáp, cho người rồi không hối tiếc.)

Ngày trước tôi giảng *Cảm ứng thiên* cũng có viết ra được một phần phân đoạn. Hai câu này ở đây giảng về việc thực hành bố thí đạt đến trạng thái đầy đủ trọn vẹn. Đạo Phật gọi là [bố thí đạt đến] “*tam luân thể không*” (bản thể của người thí, người nhận và vật thí đều là không). Đoạn này chính là phương tiện trước tiên để đạt đến “*tam luân thể không*”, cũng là bước đầu vận dụng “*tam luân thể không*” vào thực tiễn, là điều mà chúng ta có thể làm được.

Trong phần chú giải [của đoạn này] nói rất hay, làm ơn mà mong cầu báo đáp thì đó là: “*Tâm tham lam chưa mất, tặng cho người khác rồi hối tiếc, lòng keo kiệt chưa đổi, tham lam lại keo kiệt, người quân tử không dính vào.*”

Nho gia nói [đó là] tiêu chuẩn thấp nhất. Tiêu chuẩn cao nhất của Nho gia là thánh nhân, thấp hơn một bậc là người hiền, lại thấp hơn nữa là quân tử. Nói theo ngày trước là những người có học, có đọc sách, nuôi chí noi theo bậc thánh hiền. Người có học phải tự nâng cao cảnh giới của mình, mức thấp nhất cũng phải ngang bằng cảnh giới người quân tử, như vậy thì cái học của quý vị mới được xem là hữu ích.

Do đó có thể biết rằng, người quân tử của Nho gia tuy chưa dứt được phiền não ba độc, nhưng đã có thể hàng phục được. Trong Phật giáo gọi là hàng phục phiền não, họ có thể

hàng phục được rồi. Phiền não tập khí chưa hàng phục được, đó là ở mức thấp hơn quân tử, đó là tiểu nhân. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải sáng tỏ được điều này.

Vì sao phải đọc sách, phải học tập? Mục đích, ý nghĩa chân chánh của việc đọc sách là ở đâu? Nho gia, Phật giáo đều nói là không ngoài việc để làm một người hiểu biết sáng tỏ. Người hiểu biết sáng tỏ [hoàn toàn về] sự tướng và lý lẽ được tôn xưng là thánh hiền. Người hiểu biết một phần là quân tử.

Cho nên, bố thí nhất định không được mong cầu quả báo. Trong kinh điển quả thật đức Phật có dạy, trong cửa Phật bố thí [cúng dường] chư Phật, Bồ Tát, A-la-hán, quả báo không thể nghĩ bàn. Đó gọi là: “*Thí nhất đắc vạn báo.*” (Bố thí được quả báo gấp vạn lần.) Thật ra, nói “vạn lần” chỉ là cách nói hình dung, không phải con số thật, nên nhất định quả báo còn hơn gấp vạn lần. Chỗ này có nhiều người hiểu sai ý nghĩa, cho rằng trong cửa Phật thật dễ làm ăn buôn bán, một vốn vạn lời, mọi người đều kéo nhau vào chùa bố thí cúng dường, cầu phúc. Mục đích là gì? Là cầu được phát tài, cầu thăng quan tiến chức, cầu chư Phật, Bồ Tát bảo vệ giúp đỡ, hết thầy đều vì tham lam.

Vì lòng tham [mà bố thí] như vậy có được quả báo hay không? Nói thật ra, bố thí đó là gieo nhân, nên quả báo nhất định phải có, làm sao lại không có quả báo? Thế nhưng quả báo không lớn lao đến thế.

Ý nghĩa bố thí nếu giảng giải ra thật hết sức sâu xa, phải nói đến động cơ bố thí của quý vị là gì? Quý vị dụng tâm thế nào? Nếu động cơ của quý vị là thuần thiện, quý vị dụng tâm rộng lớn, thì quả báo rất lớn lao. Nếu động cơ là vì mong cầu lợi riêng cho bản thân mình, tâm lượng hết sức hẹp hòi, thì sự bố thí của quý vị có quả báo rất nhỏ nhoi.

Nhà Phật nói về trường hợp bố thí ít được quả báo nhiều,

quả báo lớn lao, đó là khi tâm người thanh tịnh, chân thành. Dem tâm thanh tịnh, rộng mở mà tu pháp bố thí, bố thí như vậy quả báo không thể nghĩ bàn. Chúng ta dù làm giống như vậy, đức Phật bố thí một đồng, ta cũng bố thí một đồng. Nhưng chúng ta bố thí một đồng, quả báo có thể chỉ được một đồng, đức Phật bố thí cũng một đồng như vậy nhưng quả báo là không thể nghĩ bàn, là vô lượng vô biên. Nguyên nhân vì sao? Vì đức Phật dùng chân tâm [bố thí], tâm Phật rộng lớn như hư không, trùm khắp các pháp giới, chúng ta sao có thể so sánh được? Cho nên nhà Phật nói bố thí được quả báo gấp vạn lần là sự thật, không phải giả dối. Chỉ có điều quý vị cần hiểu rõ được rằng, phải dùng tâm lượng như thế nào mới đạt được quả báo thù thắng không gì sánh được như thế.

Tôi thường nói với quý đồng học, có người đến mượn tiền quý vị hãy hoan hỷ đưa cho mượn, nhưng tuyệt đối không được nghĩ đến chuyện người ấy sẽ trả lại cho mình. Họ đến mượn, ta đưa cho mượn chính là biếu tặng họ. Mai sau họ trả lại thì quá tốt, họ không trả cũng tốt, quý vị không khởi sinh phiền não. Bạn bè giao hảo cùng quý vị như vậy ngày càng thâm tình hơn. Quý vị xem, có biết bao nhiêu trường hợp bạn tốt của nhau chỉ vì vay mượn tiền bạc rồi về sau hóa thành thù địch. Trong lịch sử cũng có, hoàn cảnh hiện nay chúng ta cũng thấy được không ít. Vì sao có sự thành ra như thế? Chính là vì đưa tiền cho mượn mà nghĩ đến việc lấy lại. Đó là sai lầm, nhất định là sai lầm.

Tiền cho mượn còn không mong lấy lại, huống chi là bố thí? Bố thí mong cầu quả báo thì tâm quý vị đã không thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh thì quả báo nhỏ nhoi. Tâm thanh tịnh, không mong cầu gì cả, nhưng quả báo lại rất lớn lao. Theo cách nói ngày nay chúng ta gọi là bố thí một cách vô tư, bố thí không điều kiện. Bố thí như vậy quả báo rất thù thắng.

Quý vị biếu tặng người khác lại kèm theo nhiều điều kiện. [Trong trường hợp đó,] người khác ví như có báo đáp cho quý vị, thường là chẳng bao giờ quý vị thấy vừa ý. Lấy ví

dụ trong thực tế, chỉ cần quý vị tỉnh táo suy xét một chút là thấy ngay. Hồi Thế chiến thứ hai, sau khi đại chiến kết thúc rồi, Hoa Kỳ đứng ra viện trợ kinh tế cho toàn thế giới, có nơi họ cho mượn, có nơi họ biếu không. Đối với những quốc gia chịu nhiều tai nạn, bị thiệt hại vì chiến tranh trên toàn thế giới, tất cả đều chấp nhận sự viện trợ kinh tế [từ Hoa Kỳ]. Đó là bố thí. Thế nhưng [sự bố thí này] kèm theo rất nhiều điều kiện. Kết quả là những quốc gia nhận viện trợ đó không một nước nào không chán ghét người Mỹ, không một nước nào không oán trách người Mỹ. Nguyên nhân vì sao? Vì [làm ơn mà] mong cầu báo đáp. Nếu như người Mỹ có đọc qua *Thái thượng Cảm ứng thiên*, có hiểu biết Phật pháp, thì ngày nay chắc chắn là họ có thể thống trị toàn thế giới rồi. Trên toàn thế giới này ai ai cũng biết ơn họ, ai ai cũng ủng hộ họ. Vì sao vậy? Vì họ bố thí không mong cầu báo đáp. Điều đó có ý nghĩa gì? Đó là ân đức bố thí có thể cảm động lòng người. Người Mỹ không hiểu được ý nghĩa đó.

Ngày nay quý vị gặp phải hoàn cảnh khó khăn, tôi mang tiền bạc đến giúp đỡ quý vị, kèm theo nhiều điều kiện. Quý vị đương nhiên là chấp nhận. Vì sao vậy? Phải chấp nhận để giải quyết hoàn cảnh khó khăn trước mắt, nhưng trong lòng không phục. Lẽ thường ai ai cũng vậy thôi. Nếu như những điều kiện kèm theo đó lại quá khắc nghiệt thì tâm oán hận sẽ mãi mãi không hóa giải được. Đó là vì không có trí tuệ, không đọc sách thánh hiền, không hiểu được ý nghĩa lớn lao này.

Trong kinh điển đạo Phật nói rằng, các bậc đế vương thống trị trong thế gian này thì cao nhất là vị Kim luân Thánh Vương. Vị này thống trị khắp Tứ thiên hạ,¹ chúng ta

¹ Theo giải thích trong kinh điển thì địa cầu của chúng ta chỉ là một phần trong Tứ thiên hạ, gọi là Thiệm-bộ châu nằm về phương nam, hay Diêm-phù-đề châu. Ba phần còn lại là phương tây có Ngưu-hóa châu hay Cồ-da-ni châu, phương đông có Thắng-thần châu hay Phất-bà-đề châu, phương bắc có Câu-lô châu, hay Uất-dan-việt châu. Vị Chuyển luân Thánh vương (tức Kim luân Thánh vương) thống trị hết bốn cõi này, gọi là Tứ thiên hạ.

ngày nay cũng dưới quyền thống trị của vị này nhưng không tự biết được, chúng ta cũng chưa từng nghe nói qua. Trường hợp này giống như thế nào? Giống như trong một quốc gia quá rộng lớn, có người sống ở nông thôn, suốt đời không ra khỏi cửa, làm sao biết được ai là hoàng đế? Ai là tổng thống? Người ấy không biết được. Người ấy mỗi ngày sống đời thái bình, phạm vi của họ là vùng đất họ đang sống mà thôi. Trong kinh Phật nói về Kim luân Thánh vương, phạm vi thống trị lớn đến đâu? Là cả một thế giới. Phần trước chúng ta đã nói một thế giới là một thái dương hệ. Vị này thống trị một thái dương hệ. Chúng ta chỉ là một tinh cầu nhỏ trong thái dương hệ này. Cho nên, có người nói đã nhìn thấy đĩa bay, tôi nghe nói có đĩa bay, tôi cũng từng thấy qua, có thể đó là Kim luân Thánh vương phái người đi tuần tra.

Vì sao gọi vị này là Luân vương? Trong kinh Phật nói rằng, vị này có bánh xe báu. Bánh xe báu này hình tròn như bánh xe, chính là phương tiện di chuyển của vua, cũng là binh khí, giống như hiện nay chúng ta gọi là chiến đấu cơ (máy bay chiến đấu). Bánh xe báu đó là phương tiện di chuyển của vua. Đĩa bay cũng hình tròn, chẳng phải rất giống bánh xe báu [của vua] hay sao? Tốc độ bay cực kỳ nhanh, trong kinh Phật nói là trong một ngày có thể bay đi tuần tra khắp thái dương hệ, phạm vi rộng lớn mà vua thống trị. Đó là theo cách tôi đã giải thích trước đây. Nếu theo cách giải thích của Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ thì một thế giới mà chúng ta đang nói đó là một hệ Ngân hà. Vị vua [cai quản] hệ Ngân hà là Kim luân Thánh vương. Chúng ta nằm trong hệ Ngân hà, hiện nay theo sự tính toán của các khoa học gia thì tất cả tinh cầu lớn nhỏ [trong hệ Ngân hà] ít nhất cũng lên đến cả chục triệu.¹ Địa cầu chúng ta trong hệ Ngân hà cũng chỉ được xem

¹ Nguyên tác bản văn là “至少有一百億個” (chí thiểu hữu nhất bách ức cá), một trăm ức là mười triệu. Trong thực tế, theo các nhà khoa học hiện nay thì dải Ngân Hà chứa khoảng 100 - 400 tỷ ngôi sao lớn nhỏ bên trong, và số lượng các hành tinh là hơn 100 tỷ.

là một tinh cầu nhỏ, không lớn. Đó là đức Phật nói về vị vua lớn nhất, có phước báo lớn nhất. Thấp dần xuống là Ngân luân vương, Đồng luân vương và Thiết luân vương. Các vị quốc vương ở thế gian này của chúng ta không nằm trong số đó, không được tính đến. Những vị vua ấy phước báo rất lớn, bất kể là so trong cõi người hay các cõi trời.

Nói về giàu có là tiền bạc của cải, về tôn quý là địa vị cao sang, hết thảy những điều đó đều là quả báo. Phú quý hay tuổi thọ đều có nhân duyên. Nếu không tu tập gieo nhân, quý vị làm sao có được quả báo? Người có địa vị càng cao thì càng thông minh trí tuệ vượt hơn người thường, đức hạnh cũng vượt hơn người thường. Những điều ấy từ đâu mà có? Không phải do trời sinh, hết thảy đều là nhờ nhận được một nền giáo dục tốt đẹp, nhờ giáo dục mà có.

Ngày trước khi Pháp sư Diễn Bồi còn tại thế, dường như là lần thứ hai tôi đến Singapore, khoảng năm 1979. Pháp sư mời tôi dùng cơm, hỏi tôi: “Ông tán thánh chế độ dân chủ hay chế độ quân chủ?” Tôi trả lời: “Tôi tán thành chế độ quân chủ.” Pháp sư nói: “Ông lạc hậu rồi.” Tôi nói: “Tôi hoàn toàn không lạc hậu.” Vị đế vương của chế độ quân chủ luôn mong muốn gìn giữ, duy trì truyền thống [hoàng tộc] của mình, mong muốn triều đại của mình truyền nối đời đời cho con cháu về sau. Ông ta có lòng mong muốn như vậy nên đối với người kế thừa phải lo bồi dưỡng, có thể nói là phải đem hết tâm huyết ra bồi dưỡng. Bởi vì có được người kế thừa tốt đẹp thì chính quyền, triều đại mới có thể duy trì được. Nếu như gặp đứa con hư hỏng thì nhất định nhà tan nước mất. Vì thế, đối với việc bồi dưỡng cho người kế thừa, dạy dỗ người kế thừa, nhà vua phải lo mời thỉnh những người tài giỏi nhất nước, có đức hạnh, có học vấn để dạy dỗ thái tử. Nói cách khác, thái tử nhận được sự giáo dục tốt nhất. Điều này rất khó được. Người khác không thể có được cơ hội này, chỉ thái tử mới có được cơ hội này. Chỉ cần [về sau] thái tử không bị những thứ

“tài, sắc, danh, thực, thù” mê hoặc làm cho điên đảo, thì việc cai trị đất nước nhất định không đến nỗi bại vong.

Chuyện quốc gia như vậy, chuyện gia đình cũng như vậy. Cho nên, ngày trước cha mẹ luôn hết lòng hết sức dạy dỗ con cái. Những điều này không có trong xã hội dân chủ. Nói thật ra, trong xã hội dân chủ thì tinh thần trách nhiệm không sánh được với các vị đế vương ngày trước. Dân chủ thì một nhiệm kỳ ba năm, bốn năm, hết nhiệm kỳ rồi có đắc cử nữa hay không hãy còn chưa biết. Cho nên tôi luôn cảm thấy chế độ dân chủ không sánh được với chế độ quân chủ. Đặc biệt là chế độ chính trị ở Trung quốc cổ đại, so với phương Tây hoàn toàn khác. Đế vương ở phương Tây đích thực đều là độc tài.

Nói thật ra, chế độ chính trị ở Trung quốc có thể nói từ triều Chu đã khá kiện toàn, đến triều Hán thì đã xác lập. Quý vị xem vào thời xưa, đọc qua lịch sử có thể thấy, *quân quyền* (quyền hạn của vua) với *tướng quyền* (quyền hạn của người đứng đầu hành chính) phân chia rất rõ ràng. Quan hệ giữa quân quyền với tướng quyền rất giống như trong công ty thời nay. Quân quyền là như Hội đồng Quản trị, là cơ cấu nắm quyền lực, tổ chức. Tướng quyền là như [Ban Giám Đốc], là cơ cấu thực hiện, điều hành công việc, như Tổng giám đốc. Tế tướng [ngày xưa] cũng như Tổng giám đốc; hoàng đế [ngày xưa] cũng giống như Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Quyền hạn và trách nhiệm được phân chia hết sức rõ ràng.

Hoàng đế không phải hoàn toàn chuyên chế, vẫn phải hỏi ý kiến người khác, tiếp thu ý kiến người khác, điều này từ nhỏ [hoàng đế] đã được giáo dục. Không biết tiếp thu ý kiến người khác, không biết tôn trọng người khác thì vị hoàng đế ấy nhất định không ngồi được lâu trên ngai vàng, nhất định sẽ có người nổi lên thay thế, lật đổ ngay. Cho nên, chế độ chính trị của Trung quốc [ngày xưa] hết sức tốt đẹp. Trước đây tiên sinh Phương Đông Mỹ ít nhất cũng đã giảng giải cho tôi nghe mười mấy lần, chỉ có điều tôi không có hứng thú

[với chính trị]. Thầy bảo tôi đọc Chu lễ, nói rằng Chu lễ là bản Hiến pháp chế độ hay nhất trên toàn thế giới, là do Chu công chế định. Nếu như con cháu đời sau của nhà Chu làm theo đó không trái nghịch, thầy bảo rằng có thể cho đến ngày nay thiên hạ vẫn còn là của nhà Chu. Vì con cháu [nhà Chu] không làm theo đó nên cũng không còn cách gì cứu vãn, đành mất nước.

Triều Thương-Ân, vua Trụ bại vong là do Đát Kỷ, do sủng ái nữ sắc mà mất nước. Chu U vương bại vong cũng vì sủng ái nữ sắc. Những hoàng đế ấy một khi chạy theo sắc dục là tiêu đời. Họ không vì nguyên nhân nào khác, chỉ vì mọi việc đều nghe theo người đẹp mà họ sủng ái. Những đại thần có lòng trung, lo việc nước, họ không quan tâm đến. Chẳng những không quan tâm mà còn ghét bỏ, sát hại, như vậy làm sao không mất nước? Cho nên, quý vị phải hiểu rằng, sự diệt vong của triều đại không phải do vấn đề chế độ, mà do những đế vương đời cuối này hôn mê nên mới diệt vong. Nếu họ có thể giữ làm theo phương pháp của tổ tông thì không thể diệt vong.

Giữ theo lời răn dạy của thánh nhân thì có thể thu phục được người trong thiên hạ, đó là [khiến cho họ] trong lòng vui vẻ vâng theo. Lời răn dạy của thánh nhân là: ở địa vị cao thì phải biết bố thí ân đức cho người trong thiên hạ.

Quý vị xem, chư Phật dạy các vị Bồ Tát, thứ nhất là bố thí, thứ hai là vâng giữ pháp tắc. Trì giới tức là vâng giữ pháp tắc, ý nghĩa vâng giữ pháp tắc sâu rộng vô cùng. Thứ ba là nhẫn nhục, phải có tâm nhẫn nại, phải nhẫn chịu được. Thứ tư là tinh tấn, thứ năm là thiên định. Thiên định tức là trong tâm ý có chủ định rõ ràng, không dễ dàng bị ngoại cảnh làm dao động, thay đổi. Cuối cùng là trí tuệ. Thế nào là trí tuệ? [Làm ơn] không mong cầu báo đáp là trí tuệ, [cho đi rồi] không hối tiếc là trí tuệ. Giúp đỡ người khác còn kèm theo nhiều điều kiện, đó là không có trí tuệ. Cho nên, chỉ có trí tuệ cao siêu mới thực sự giải quyết được vấn đề.

Đoạn sau của phần chú giải [trong *Cảm ứng thiên*] dẫn một câu trong kinh Kim Cang: “*Bồ Tát ư pháp, ưng vô sở trụ nhi hành bố thí.*” (Bồ Tát theo đúng pháp, [đem tâm] không có chỗ trụ mà thực hành bố thí.) Trạng thái này so với hai câu vừa nói [trong *Cảm ứng thiên*] là cao siêu hơn rất nhiều. Không có chỗ trụ là hoàn toàn không trụ nơi hình tướng, thực sự đạt đến “*tam luân thể không*”. Cho nên trong kinh dạy rằng: “*Nếu Bồ Tát bố thí không trụ nơi hình tướng, phước đức ấy không thể suy lường.*”

Trên đây đều là những lời chân thật, để giải quyết sự phân tranh trong thế giới, lãnh đạo thế giới, chủ trì thế giới này, chỉ cần [thực hiện theo] sáu ba-la-mật là đủ.

Trước đây tôi từng nói qua với quý vị nhiều lần. Các vị đã thấy được, Thế chiến thứ nhất, Thế chiến thứ hai, chiến tranh Vùng Vịnh... chúng ta đã mua các đĩa VCD và quý vị đều được xem qua, [chiến tranh] có giải quyết được các vấn đề bất ổn không? Không những đã không giải quyết được mà càng làm cho vấn đề trở nên phức tạp hơn. Chiến tranh nếu có thể giải quyết được vấn đề thì sau Thế chiến thứ nhất, vấn đề hẳn phải được giải quyết rồi, không thể tiếp tục có Thế chiến thứ hai. Thế chiến thứ hai rồi cũng không giải quyết được vấn đề, vậy thì sẽ có thế chiến lần thứ ba, tương lai rồi sẽ có thế chiến thứ tư, thứ năm, cho đến vô số lần. Điều này cho thấy rõ là chiến tranh không thể giải quyết được các vấn đề bất ổn.

Bằng cách nào có thể giải quyết được vấn đề? [Thực hành theo phương châm] “*Làm ơn không mong cầu báo đáp, cho đi rồi không hối tiếc*” thì các vấn đề bất ổn có thể được giải quyết. Người Mỹ tham gia chiến tranh Hàn quốc, chi phí hết 18 triệu Mỹ kim. Nếu đem 18 triệu Mỹ kim¹ đó bố thí vô điều

¹ Nguyên tác bản văn là “一百八十億美元” (nhất bách bát thập ức Mỹ nguyên), 180 ức, tức là 18 triệu Mỹ kim. Trong thực tế, theo các nghiên cứu gần đây thì chi phí của Hoa Kỳ trong cuộc chiến này là 67 tỷ Mỹ kim.

kiện cho Nam, Bắc Hàn, tôi nghĩ rằng vấn đề đã được giải quyết rồi. Sau khi bố thí rồi quý vị đến điều đình thì ai mà không tôn trọng quý vị? Ai mà không nghe theo quý vị? Quý vị là người tốt.

Chiến tranh Việt Nam tốn kém gấp mười lần, 180 triệu Mỹ kim,¹ chẳng những không thể giải quyết được vấn đề mà còn kết thành mối oán thù vĩnh viễn, hận thù vay trả không lúc nào dứt được. Có ai mong muốn sự việc như thế? Nếu như 180 triệu Mỹ kim ấy đem biếu tặng [vô điều kiện] cho Việt Nam, tôi tin rằng người Việt Nam khi gặp người Mỹ sẽ hết sức tôn kính gọi là đại ân nhân.

Cho nên, chúng ta tỉnh táo suy ngẫm sẽ thấy rằng, giúp đỡ người khác một cách vô tư, vô điều kiện, thực sự nghĩ đến lợi ích của người khác thì mới có thể giải quyết được vấn đề. Ngày nay sự tranh chấp trên thế giới này không giải quyết được, vì sao vậy? Đó là vì bất kể bên nào, khi xem xét đến vấn đề thì quan điểm trước tiên là: Việc này có lợi ích cho mình hay không? Chúng ta thường đọc thấy trên báo chí, người Mỹ xử lý các vấn đề cũng như khi quan hệ ngoại giao đều dựa trên tiêu chí có phù hợp với lợi ích của nước Mỹ hay không. Chỉ một ý niệm này đã là không giải quyết được vấn đề. Vấn đề bế tắc chính là ở chỗ này, cho dù có vận dụng phương cách gì cũng đều không thể giải quyết được.

Để giải quyết vấn đề, thánh hiền dạy rằng quý vị phải nghĩ đến lợi ích của đối phương, đến việc có phù hợp với lợi ích của đối phương hay không? Phù hợp với lợi ích của đại chúng hay không? Không được đem những gì phù hợp với lợi ích của mình đưa ra trước nhất. [Đòi hỏi] lợi ích của chính mình là tự tư tự lợi, làm sao có thể thuyết phục người khác?

¹ Nguyên tác bản văn là “一千八百億美元” (nhất thiên bát bách ức Mỹ nguyên), 1.800 ức, tức là 180 triệu Mỹ kim. Theo các nghiên cứu gần đây thì chi phí của Hoa Kỳ trong cuộc chiến này là vào khoảng 173 tỷ Mỹ kim.

Xin thưa cùng quý vị, nếu có thể lúc nào cũng nghĩ đến lợi ích của người khác, đến lợi ích của xã hội, của đại chúng, quên đi lợi ích của riêng bản thân mình, như vậy thì bản thân mình sẽ thực sự đạt được lợi ích thù thắng nhất.

Như vậy chúng ta đã thấy rõ, làm theo lời răn dạy của thánh hiền thì thực sự có thể giải quyết được vấn đề. Lời nói của người Trung quốc hiện nay người ta thực sự rất xem thường, không ai tin nhận. Nhưng câu nói của [nhà sử học, triết gia] người Anh là [Arnold Joseph] Toynbee thì người ta tin nhận. Ông này nói rất hay, không sai lệch chút nào: “Muốn giải quyết được vấn đề xã hội của thế kỷ 21, [thế giới này] chỉ có thể dựa vào Phật pháp Đại thừa và học thuyết Khổng Mạnh mà thôi.” Qua câu này ông đã chỉ ra rất rõ ràng [phương thức giải quyết vấn đề].

Nhưng những gì là Phật pháp Đại thừa? Những gì là học thuyết Khổng Mạnh? Phải tìm kiếm ở đâu? Hiện nay, muốn tìm sách vở [về học thuyết] Khổng Mạnh không khó, tìm [Kinh điển] Phật pháp Đại thừa cũng không khó, nhưng tìm được rồi thì không hiểu được. Nhà Phật thường nói: “Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải.” (Phật pháp không có người giảng giải, dù có trí tuệ cũng không hiểu được.) Tìm được rồi nhưng xem không hiểu, hoặc hiểu sai ý nghĩa, hoặc giải thích lệch lạc, như vậy cũng không thể giải quyết được vấn đề. Cho nên, tổng kết lại thì đây là vấn đề giáo dục, phải giải quyết được vấn đề giáo dục, mà trước tiên hết là nguồn lực giảng dạy, làm thế nào để bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, thầy cô giáo?

Ngày nay, công đức lớn lao nhất ở thế gian này chính là việc bồi dưỡng đội ngũ thầy cô giáo. Quý vị nhất định phải hiểu được rằng, ngày nay những vấn đề mất nước, diệt chủng đều không đáng sợ, chỉ là chuyện nhỏ. Truyền thống đạo pháp bị đứt mất mới là chuyện lớn. Nhà Phật gọi là pháp

thân tuệ mạng, là điều không thể để cho dứt mất. Nếu pháp thân tuệ mạng dứt mất thì người thế gian phải chịu khổ nạn vô biên. Cho nên, truyền thống đạo pháp không thể dứt mất. Có được một người, hai người nối tiếp cội nguồn trí tuệ của đức Phật thì hết thấy chúng sinh có hy vọng được cứu độ, có một tia sáng cho tương lai. Cơ hội như vậy không dễ dàng có được. Chúng ta có được rồi thì phải biết trân quý. Chúng ta phải gánh lấy sứ mạng kế tục nối truyền lâu dài truyền thống đạo pháp của chư Phật, Bồ Tát. Đây là sứ mạng vĩ đại nhất trong thế gian.

Quý vị có thể làm được chăng? Điều là do ở sự phát tâm của quý vị. Quý vị phải thực sự phát tâm, nhất định phải đầy đủ [các bước tu tập] như Đại sư Thanh Lương đã dạy là “tín, giải, hành, chứng” (tín nhận, hiểu rõ, thực hành, chứng đắc). Bốn bước này hoàn toàn đầy đủ thì quý vị đủ khả năng làm được, có thể gánh vác sứ mạng này. Bất kể hiện nay quý vị sống như thế nào, bất kể quý vị đang làm việc gì, ở cương vị nào cũng đều có thể làm được. Dù là người nghèo khổ lưu lạc cho đến kẻ hành khất cũng đều có thể làm được. Trong những người hành khất cũng có Phật, có Bồ Tát, cũng có thánh hiền. Vấn đề là quý vị có phát tâm hay không? Quý vị có chịu làm hay không? Vẫn là cương lĩnh tổng quát trong việc giảng kinh thuyết pháp hiện nay của chúng ta: “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*.” (Học để làm thầy người khác, hành động để nêu gương cho đời.)

Tự mình phải luôn suy ngẫm, khởi tâm động niệm, nói năng hành động có thể làm gương tốt cho người khác noi theo hay không? Nếu thực sự có thể nêu gương tốt cho hết thấy chúng sinh noi theo thì quý vị là thánh hiền, là Phật, là Bồ Tát. Điều này tôi đã giảng giải rất nhiều lần, quý vị nhất định phải chú tâm tham cứu.

Tâm hành của thánh nhân tương ứng với tánh đức. Tánh

đức là gì? Tánh đức là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, nhất định không có sự [phân biệt] cao thấp. Trong quý vị có một số đồng học đã từng cùng tôi tham quan một công ty truyền hình, truyền thông ở Sydney, Australia. Vị Tổng giám đốc tiếp đón chúng tôi, bảo tôi rằng, trong công ty này của ông, từ tổng giám đốc xuống đến nhân viên, cho đến người lao công dọn vệ sinh, tất cả đều là số một, đều được tôn trọng như nhau, đều bình đẳng như nhau.

Nhân khi chúng tôi đến nơi thì cũng vừa đúng lúc một người công nhân vệ sinh mang dụng cụ đến quét rác ở gần đó. Người này là số một [trong công việc của anh ta], anh ta quét rác vô cùng sạch sẽ, đúng là số một. Nhân viên phục vụ trong quầy tiếp tân tiếp đãi thân thiết, làm việc chăm chỉ trách nhiệm, quả là số một. Làm giám đốc, cũng là số một. Công ty của họ mỗi người đều là số một, quả đúng thật. Cho nên, khi vị Tổng giám đốc đưa chúng tôi vào, đến ngay chỗ gặp người công nhân quét rác thì chào hỏi thân thiết, đôi bên cùng chào hỏi nhau. Vì sao vậy? Vì ai ai cũng đều là số một, không có ai là hạng nhì. Công ty này gọi là công ty số một.

Mỗi người hết lòng hết sức làm thật tốt công việc, trách nhiệm được giao thì người ấy là số một, người người đều là số một, mỗi phần công việc đều là số một. Công ty như vậy mới thực sự gọi là công ty số một. Cho nên, chúng tôi đem Phật pháp đến với những người này, họ tiếp nhận rất dễ dàng. Những lời răn dạy của Phật so với chỗ nghĩ, chỗ làm của họ tương ứng với nhau. Xét về chức vụ vẫn có giai cấp nhưng về nhân cách là bình đẳng. Có giai cấp là vì chức vụ không giống nhau, nhưng người với người là bình đẳng vì không khác gì nhau.

Có giai cấp hay không? Sự thật là có. Có bình đẳng hay không? Sự thật cũng là có. Đúng như trong kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: *“Hành bố không ngăn ngại viên dung, viên dung*

không ngăn ngại hành bố.”¹ Hành bố là giai cấp, ví như có Chủ tịch Hội đồng Quản trị, có Tổng giám đốc, có Trưởng phòng, có nhân viên phòng, xuống đến các nhân viên cấp dưới, đó là có giai cấp, là hành bố. Thế nhưng tất cả đều bình đẳng, bất kể là ở trong cương vị công việc nào, quý vị thấy mọi người đều bình đẳng, thân thiết với nhau. Cho nên, chức vụ thì có cao thấp, nhưng chức vụ không gây trở ngại cho sự bình đẳng.

Khi tôi đến đó nhìn thấy, thật không nghĩ rằng [lời dạy trong] kinh Hoa Nghiêm lại có thể được vận dụng vào thực tiễn tại công ty này. Tôi hết sức bội phục, vô cùng ngợi khen tán thán. Tinh thần này, ý tưởng này, khi đó tôi còn hy vọng họ có thể phát triển lan rộng ra, lan rộng cho đến hết thảy các cơ quan chính phủ, các tổ chức tư nhân. Có thể lan rộng ra như thế thì Australia sẽ là số một, thế giới ấy là số một. Cho nên, khi quý vị bước vào đó, [cảm nhận] một bầu không khí an hòa, tốt lành, một bầu không khí đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ lẫn nhau, kính yêu nhau, hỗ trợ, hợp tác với nhau. Đó là nhờ vị Tổng giám đốc của họ có phương pháp lãnh đạo. Đó là trí tuệ, trí tuệ chân chánh vận dụng vào trong đời sống, vận dụng vào công việc, thật rất đáng cho người ta ngợi khen tán thán.

[Đạo tràng] Cư Sĩ Lâm, Tịnh Tông Học Hội của chúng ta cũng đang làm, xem ra cũng đã có kết quả, nhưng thực tế vẫn là chưa đủ, vẫn còn phải tích cực, vẫn phải nỗ lực [hơn nữa].

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

1 Hành bố và viên dung là hai khái niệm tu tập được nêu ra trong kinh Hoa nghiêm. Bồ Tát tu tập các giai vị trước sau tiệp tiến, từ thấp lên cao, đó gọi là hành bố. Chứng đắc thật tánh bản thể, thấy được tất cả các giai vị trước sau đều tương tức, đồng thời, đó gọi là viên dung. Câu kinh này hàm ý dạy rằng, cả hai khái niệm này đều được vận dụng đồng thời trong sự tu tập, không hề có sự mâu thuẫn, ngăn ngại lẫn nhau.

Bài giảng thứ 79

(Giảng ngày 15 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 80, số hồ sơ: 19-012-0080)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua chúng ta đã giảng đến đoạn: “*Thi ân bất cầu báo, dĩ nhân bất truy hối.*” (Làm ơn không cầu báo đáp, cho người rồi không hối tiếc.)

Hai chữ “*thi ân*” (làm ơn) cần phải chú ý. Việc bố thí ân đức, làm việc thiện cho người khác, trong khi giảng kinh tôi vẫn thường nói đến. Nói chung [khi thực hiện] phải luôn giữ tâm thuần thiện, ý niệm thuần thiện, lúc nào cũng nghĩ đến vì người khác, đó là bố thí ân đức. Nhưng bố thí ân đức là người khác nghĩ như vậy, người khác nói như vậy, còn nếu tự thân chúng ta mà khởi lên tâm niệm [mình đang] bố thí ân đức thì đó là sai lầm. Sai lầm ở đâu? Ở chỗ ta đã bám chấp vào hình tướng. Bám chấp hình tướng là [việc bố thí đó] không trọn vẹn đầy đủ, bám chấp hình tướng là gieo nhân lành [để thọ báo] trong sáu đường luân hồi, so với tánh đức không tương ứng.

Ý nghĩa này hết sức sâu rộng, người học Phật không thể không rõ biết. Quý vị không rõ biết thì không thể đạt được tâm thanh tịnh. Quý vị phải biết rằng, tâm thanh tịnh thì mới là chân thiện, mới là đại thiện.

Hôm qua tôi đến tham dự Đại hội của Hội giáo biểu dương các bà mẹ vĩ đại. Tôi không biết là ở đó lại quy tụ nhiều quan chức lớn. Có ba vị bộ trưởng của Singapore và tổng thống tiên nhiệm đến tham gia, ứng cử viên tổng thống nhiệm kỳ sắp tới là tiên sinh Nathan cũng tham gia, còn có các vị đại sứ thuộc Đại sứ quán của nhiều nước. Chúng tôi ở trong phòng

khách quý cùng nhau trò chuyện. Mọi người gặp tôi đều rất vui vẻ. Họ nói thoát nhìn thấy tôi có vẻ như còn rất trẻ tuổi, nên hỏi tôi bao nhiêu tuổi. [Khi biết tuổi thật của tôi,] họ hỏi tôi làm cách nào để giữ gìn được trẻ khỏe như thế. Tôi bảo họ: “*Thanh tâm quả dục.*” (Giữ tâm thanh tịnh, ít ham muốn.)

Giữ tâm thanh tịnh, ít ham muốn, đó không phải là không làm gì, mà chuyện gì cũng làm cả, làm rất nhiệt tình, làm rất cần mẫn, nỗ lực. Làm theo cách như thế nào? Làm mà không bám chấp vào hình tướng, đem hết tâm ý mà làm. [Nhưng nếu] làm được việc gì rồi thì giữ mãi trong lòng không quên là không được.

Tôi giảng với họ về giữ tâm thanh tịnh, ít ham muốn, giảng về buông xả mọi phân biệt bám chấp. Họ nghe qua đều hiểu được, nhưng thật khó, không dễ dàng làm được. Nói thật ra thì có gì là khó? Khó là vì không thực sự hiểu rõ được chân tướng vũ trụ nhân sinh. Khó là ở chỗ đó. Cho nên, khi đức Phật còn tại thế, mỗi ngày đều vì chúng ta khai thị trong suốt 49 năm, không gì khác hơn là giảng rõ ý nghĩa sự thật này. Sự thật [về thực tướng] đã hiểu rõ được thì không có gì là khó.

Sự thật đó là gì? Là người đạt được và pháp đạt được đều không thể [nắm bắt]. Nhà Phật thường nói: “*Vạn pháp giai không*” (Hết thảy các pháp [bản thể] đều là không), quý vị còn khởi sinh vọng tưởng hay sao?

Tiên sinh Viên Liễu Phàm [là người] đã hiểu rõ, nhưng chỗ hiểu của ông cũng chưa phải là ý nghĩa cực kỳ sâu xa này. Chỗ ông ấy hiểu được bất quá chỉ là ý nghĩa nhân quả báo ứng, đó là sự việc trong phạm vi hình tướng, rằng “*hạt com miếng nước [ta có được] đều do nhân đời trước*”. Trong một đời này của quý vị, được công danh phú quý, giàu hay nghèo, sống thọ hay chết yểu, hết thảy đều do sự tu tập, gieo nhân trong quá khứ, nên đời này chiêu cảm quả báo, may mắn hay không sai lệch.

Những sự tướng [nhân quả] như vậy chỉ là cái chân tướng ở mức độ rất cạn cợt, dễ thấy. Viên Liễu Phàm hiểu rõ được chân tướng này. Sau khi hiểu rõ thì ông đạt được sự an ổn không dao động. Thế nhưng vọng tưởng, phân biệt bám chấp vẫn chưa trừ dứt được, chỉ giảm nhẹ đi. So với người thường thì đã giảm nhẹ đi rất nhiều rồi. Tiên sinh cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong thiền đường đến ba ngày ba đêm không khởi sinh vọng tưởng. Nguyên nhân vì sao? Vì đã hiểu rõ *“hạt cơm miếng nước đều do nhân đời trước”* nên buông xả hết.

Nhưng đó vẫn chưa phải là sự thật chân tướng [rốt ráo]. Người hiểu rõ được sự thật chân tướng [rốt ráo] thì tâm mới thực sự được thanh tịnh. Quý vị xem, tiên sinh Liễu Phàm từ sau khi gặp được thiền sư Vân Cốc, được ngài khai thị, chỉ bày, liền phát tâm học hành cầu được công danh, thay đổi vận mạng của chính mình. Đó là tấm gương tốt trong thế gian, tấm gương tốt cho chúng sinh trong sáu đường luân hồi, nhưng chưa phải người học Phật.

Tuy chưa phải người học Phật, nhưng đã có nền tảng rất tốt cho việc học Phật. Việc học Phật phải được phát triển từ nền tảng đó, đây là điều không thể phủ nhận. Phật pháp là pháp lành lớn lao xuất thế. Pháp lành lớn lao nhất định phải được xây dựng trên nền tảng các pháp lành nhỏ. Ý nghĩa này hiện nay rất ít người hiểu được. Vào thời xưa thì có nhiều người hiểu được, nhưng chưa chắc đã làm được. Vì sao không làm được? Điều này có hai nguyên nhân. Nguyên nhân thứ nhất là hiểu biết không thấu đáo, không triệt để. Nguyên nhân thứ hai là không buông xả tập khí phiền não, không chống lại được sự dụ hoặc của danh tiếng, lợi dưỡng. Nguyên nhân là ở chỗ đó.

Chúng ta hiểu rõ được rồi thì phải biết cách làm như thế nào. Phải y theo lời răn dạy của Phật, [như vậy] nhất định không sai lầm. Dùng thiện tâm, thiện hạnh mà giúp đỡ, hỗ trợ người khác. Người khác lừa gạt mình, vẫn cứ dùng thiện

tâm, thiện hạnh đối đãi với họ. Nhất định không thể vì bị người khác lừa gạt rồi tránh xa họ, không quan tâm đến họ. Nếu như vậy là chúng ta vẫn còn khởi tâm động niệm, vẫn còn rơi vào chỗ phân biệt bám chấp hình tướng.

Người khác đối đãi với ta bằng thành ý hay lừa gạt ta, không thể không rõ biết. Không biết là hồ đồ, ngu muội. Mọi việc đều phải rõ biết, không một chút mơ hồ lẫn lộn, nhưng vẫn luôn đem tâm chân thành đối đãi với người, đó là Phật, Bồ Tát, là thực hành Bồ Tát hạnh, là thực sự làm ơn cho người. Làm ơn nhưng tự bản thân mình không có ý nghĩ mình đang làm ơn, như vậy làm sao có việc mong cầu báo đáp? Giúp đỡ người khác, thành tựu cho người khác, bố thí cúng dường người khác, nhất định không có ý niệm hối tiếc về sau.

Hôm qua tôi có nói rồi, nếu có ý niệm mong cầu báo đáp thì đó là tâm tham chưa dứt trừ, việc bố thí không được đầy đủ trọn vẹn. Nói về pháp bố thí ba-la-mật, quý vị tuy có bố thí nhưng không có ba-la-mật. Quý vị biếu tặng cho người rồi sau đó lại hối tiếc, đó là tâm keo kiệt vẫn còn, lòng bủn xỉn tiếc của chưa mất. Đó là một trong ba độc, phiền não tham lam không thể dứt trừ. Đức Phật dạy pháp bố thí để giúp chúng ta nhổ trừ tâm tham lam, keo kiệt. Nếu quý vị quả thật có lòng mong cầu báo đáp, [cho đi rồi lại] có tâm hối tiếc về sau, đó là phiền não tham lam keo kiệt không thể nhổ trừ, tuy có bố thí nhưng không thể gọi là bố thí ba-la-mật.

Bồ Tát tu hành bố thí ba-la-mật. Phàm phu chúng ta tu bố thí nhưng không đạt đến ba-la-mật. Thế nhưng, không tu tập bố thí ba-la-mật thì chúng ta nhất định không thể vượt thoát sáu đường luân hồi, nhất định không thể dứt trừ phiền não, không thể khai mở trí tuệ. Trí tuệ vốn là sẵn có, hết thảy chúng sinh trong tự tánh xưa nay đều sẵn đủ, nhưng trí tuệ ấy vì sao không khai mở? Chính là vì bị phiền não che lấp, cho nên trí tuệ không thể biểu lộ hiện tiền. Đức Phật dạy chúng ta phải trừ dứt hết phiền não thì trí tuệ liền hiển hiện.

Phiền não nghiêm trọng nhất chính là tham lam keo kiệt. Hai câu “*Thi ân bất cầu báo, dĩ nhân bất truy hối*” (Làm ơn không cầu báo đáp, cho người rồi không hối tiếc) là dạy chúng ta phải hết sức cần mẫn, hết sức nỗ lực học làm theo. Chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay tập khí phiền não hết sức nặng nề, những ý niệm mong cầu báo đáp hay [cho đi rồi] hối tiếc vẫn thường hiện hữu.

Quý vị cũng từng nghe tôi kể qua chuyện cư sĩ Giản Phong Văn ở Đài Bắc. Ông hiến cho tôi một giảng đường ở Hàng Châu Nam Lộ. Về sau ông hết sức thảng thẩn kể với tôi rằng, sau khi hiến rồi ông hối tiếc đến một năm rưỡi, nửa đêm thường giật mình tỉnh giấc, suy nghĩ vì sao số tiền lớn đến thế lại đem cho mất hết đi. Sau một năm rưỡi, mỗi ngày đều nghe giảng kinh, ông mới dần dần hiểu ra, sau đó mới không còn hối tiếc. Thật không dễ dàng chút nào.

Cho nên hiện tượng [cho rồi hối tiếc] đó là bình thường. Quý vị nếu như không có việc ấy, đó là căn lành, phúc đức của quý vị [hết sức sâu dày], người bình thường không thể sánh được. Chịu bố thí đã là việc không dễ dàng. Bố thí rồi mong cầu báo đáp, rồi hối tiếc, đều là những việc hết sức bình thường. Thế nhưng chúng ta phải hiểu rằng, nếu vẫn còn những ý niệm như vậy thì phiền não không trừ được hết, trí tuệ không thể hiện tiền. Phải thường suy ngẫm đến sự thật này.

Tham lam, sân hận, si mê, thị phi, nhân ngã, hết thảy đều buông xả được thì tâm của quý vị mới được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi sinh trí tuệ. Khi đó quý vị mới hiểu được, tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn khởi sinh phiền não, không khởi sinh trí tuệ. Chúng ta nếu muốn khai mở trí tuệ, [làm theo] hai câu này [trong Cẩn ứng thiên] là rất tốt, phải thường làm ơn cho người, dùng trí tuệ giúp đỡ hỗ trợ người khác, đem sức lực giúp đỡ người khác, đem tiền tài giúp đỡ người khác, hết thảy đều phải buông xả.

Quý vị phải hiểu được rằng, tiền tài càng buông xả càng được nhiều hơn. Không phải buông xả đi là không có nữa, mà càng buông xả càng được nhiều hơn. Buông xả là nhân, được nhiều hơn đó là quả. Tu nhân có lẽ nào lại không được quả? Nhưng có điều không được có ý niệm mong cầu quả báo. Vì sao vậy? Khởi niệm mong cầu quả báo, đó là tâm tham. Quả báo hiện tiền là chân lý, nhân quả nhất định tương ứng nhau.

Sau đó quý vị sẽ hiểu được rằng, đem sức lực của mình ra bố thí, thân thể càng được khỏe mạnh hơn. Đem trí tuệ của mình ra bố thí, quý vị càng có thêm nhiều ý niệm tốt đẹp, tư tưởng tốt đẹp, chủ ý tốt đẹp. Giúp đỡ người khác giải trừ nguy nan, quý vị tu nhân như vậy sẽ tăng trưởng trí tuệ.

Trí tuệ của đức Phật vì sao rộng lớn đến như thế? Đức Phật mỗi ngày đều giảng kinh thuyết pháp, bố thí [cho chúng sinh] những chủ ý tốt đẹp, dạy người phá trừ si mê, mở ra giác ngộ. Cho nên trí tuệ mới rộng lớn đến như thế. Chúng ta tự thân mình có được chút gì tốt đẹp thì hết sức tham tiếc, keo lận, chỉ sợ người khác học được. Như vậy có lý nào lại được trí tuệ? Cho nên có rất nhiều người mang đến tặng cho tôi tác phẩm của các vị pháp sư. Quý vị có biết trước hết tôi nhìn gì không? Là nhìn vào trang bản quyền phía sau sách. Trên trang ấy nếu thấy ghi “Giữ bản quyền, cấm in lại” thì quyển sách đó tôi gấp lại không xem. Vì sao vậy? Tâm lượng [người viết sách] quá nhỏ hẹp, họ làm gì có thể viết ra được điều gì tốt đẹp? Chỉ mất thời gian của tôi thôi. Tâm lượng quá nhỏ hẹp thì không có trí tuệ. Tự mình có được chút gì tốt đẹp thì ôm giữ khư khư quyền lợi của riêng mình. Quyền tài sản trí tuệ gì chứ, họ làm gì có trí tuệ? Người thực sự có trí tuệ thì muôn duyên buông xả, bản quyền cũng buông xả, không cần đến. Người như vậy mới có trí tuệ. Đó là nguyên tắc đọc sách của tôi. Như vậy mới không lãng phí thời gian.

Cho nên phải học theo chư Phật, Bồ Tát, nhiệt tình giúp đỡ người khác, phải thực sự làm mà không mong cầu quả báo, làm rồi không hối tiếc. Nhất định phải thâm nhập Kinh tạng, lý lẽ, sự tướng đều phải thấu triệt. Nhất định phải vận dụng thực tiễn vào đời sống, thực sự nỗ lực thực hiện.

Trong phần chú giải [của đoạn này] có mấy câu rất hay. Chỗ này trích dẫn trong kinh nói, người đem tài vật giúp đỡ người khác, trong lòng không thấy có ta là người bố thí. Đem cái ta quên bỏ đi. Bên ngoài cũng không nắm nín, bám chấp có người nhận sự bố thí. Khoảng giữa cũng quên đi không còn có vật bố thí. Đó gọi là “*tam luân thể không*” (người thí, vật thí và người nhận thí bản thể đều là không).

Chư Phật, Bồ Tát giúp đỡ hỗ trợ người khác đều là như vậy. Dùng tài vật bố thí, đúng Chánh pháp bố thí, dùng sự an ổn không lo sợ bố thí, tâm địa [các ngài] vĩnh viễn thanh tịnh bình đẳng, bố thí ít cũng được phước báo lớn lao. Trong phần ví dụ nói, bố thí một đấu gạo được vô lượng vô biên phước báo. Đó là sự thật, hoàn toàn không giả dối. Vì sao vậy? Vì tương xứng với tự tánh. Người bố thí ấy được vô lượng vô biên phước báo, đó là tánh đức của họ khai mở hiển lộ. Ý nghĩa là như vậy. Bỏ một xu tiền bố thí có thể tiêu trừ được tai nạn trong ngàn kiếp. Lời này cũng là chân thật, không giả dối.

Chúng ta ngày nay tu phúc, đạt được quả báo hết sức nhỏ nhoi, cũng không cách gì tiêu trừ tai nạn. Nguyên nhân tại đâu? Vì tâm không thanh tịnh. Bố thí cũng rất nhiều, nhưng so với tánh đức vẫn không thay đổi, còn cách xa một bậc. Cho nên vẫn như cũ, phải ở trong sáu đường luân hồi sống đời khổ sở. Cũng vì chúng ta vẫn còn ý niệm mong cầu báo đáp. Ý niệm mong cầu quả báo còn tồn tại, cho nên tu tập cách gì rồi so với chư Phật, Bồ Tát cũng vẫn sai lệch rất lớn.

Đặc biệt là ý niệm [cho rồi] hối tiếc. Đây là điểm then chốt rất lớn. Nếu như làm việc xấu ác rồi sau hối tiếc thì rất tốt. Ý

niệm xấu ác như thế dần dần không còn nữa. Nhưng nếu làm việc tốt, việc thiện rồi lại hối tiếc, cội gốc của ý niệm hiền thiện tốt đẹp đó liền bị dứt mất, về sau không còn tu thiện nữa.

Người đời hiện nay tu thiện, có phải dùng chân tâm tu thiện hay không? Nhất định về sau có quả báo, họ thấy như vậy là đúng, nhưng giống như đánh bạc, họ đặt tiền xuống cũng có lúc thấy sai. Đó không phải dùng tâm thanh tịnh.

Không dùng tâm thiện chân chính, không một điều gì không vì tự tư tự lợi, những gì có lợi ích cho bản thân mình thì mới thường làm. Chư Phật, Bồ Tát làm việc thiện, bên trong nhất định không có lợi ích riêng. Cho nên tâm các ngài thanh tịnh, các ngài khởi sinh trí tuệ, các ngài có đại phúc đức, vô lượng vô biên phúc đức. Chúng ta ngày nay không chỉ tự mình phải hiểu rõ ý nghĩa đó, hiểu rõ sự thật chân tướng đó, giảng giải cho người khác nghe, mà còn phải thực sự tự mình làm tốt để nêu gương cho người khác noi theo.

Giảng giải cho người khác nghe, làm tốt cho người khác noi theo, mục đích là gì? Tuyệt đối không có mục đích của riêng mình, chỉ mong cho người khác được tốt, mong cho xã hội được tốt, mong cho mọi người đều sống chung hòa thuận vui vẻ. Tự bản thân mình vẫn luôn không nhiễm bụi trần, vẫn luôn thanh tịnh vô vi. Đó mới là đệ tử Phật, đó mới là người chân chính học Phật.

Nếu như giúp đỡ người khác rồi sau hối tiếc, ngược lại chẳng bằng là không giúp đỡ. Vì sao vậy? Sợ rằng căn lành của bản thân do đó mà dứt mất.

Trong phần tiểu chú [của đoạn này] có thí dụ, cũng có thuyết pháp, thuyết giảng rất hay. Đoạn thứ hai nói: *“Bố thí có ba loại. Pháp thí, tài thí và tâm thí.”* Điều này so với sự giảng giải thông thường của chúng ta có một điểm sai biệt. Bình thường chúng ta nói có tài thí, pháp thí và vô úy thí. Cách giải thích này thường gặp nhất.

Ở đây nói “*tâm thí*”, vậy tâm là gì? Đó là chân tâm. Chân tâm bố thí như thế nào? Đó là dạy cho người khác cũng hiểu được họ có chân tâm, chân tâm của họ cũng có thể nhờ vào sự giáo hóa, giảng giải của quý vị mà có sự khởi phát, chân tâm của họ được hiển lộ. Đó là tâm thí. Đó là việc khó nhất, nhưng công đức thật [lớn lao] không có giới hạn, không cùng tận. Điều này chỉ có chư Phật Như Lai, các bậc Pháp thân Đại sĩ mới làm được.

Nhưng trong phần chú giải ở đây giảng giải [tâm thí] theo nghĩa hẹp. Nghĩa hẹp là gì? Là tự mình không đủ sức bố thí, chỉ cần có tâm bố thí, như tục ngữ nói “*tâm nguyện có thừa nhưng sức không đủ*”, không phải không có tâm, vẫn thường giữ được tâm [mong muốn bố thí]. Đó là ý nghĩa hẹp của tâm thí. Thường thường có tâm bố thí, có nguyện vọng giúp đỡ người khác, chỉ có điều tự mình không đủ sức. Tâm [mong muốn bố thí] đó vĩnh viễn không bỏ mất, điều đó tốt. Tâm [thí] đó là nghĩa hẹp, chúng ta có thể khởi sự từ đây. Nhưng trong hoàn cảnh sinh hoạt thường ngày thì chúng ta chỉ cần hết sức làm tốt công việc, bổn phận của mình, đó là tâm thí.

Chúng ta là người xuất gia. Người xuất gia làm những việc gì? Công việc bổn phận của người xuất gia là gì? Đó là “vì người khác diễn nói”.

“*Diễn*” là biểu diễn, đời sống của người xuất gia là biểu diễn [cho người khác nhìn vào]. “*Học để làm thầy, hành để làm khuôn mẫu*.” Làm thầy là tự mình nêu lên mẫu mực. Khuôn mẫu là chuẩn mực cho người khác noi theo. Đời sống của người xuất gia chúng ta là khuôn mẫu cho hết thảy chúng sinh [nhìn vào] noi theo. Chúng ta mặc y phục là vì hết thảy mọi người mà làm khuôn mẫu cho việc mặc y phục, nên phải sạch sẽ, phải chỉnh tề. Y phục có rách cũng không sao, rách thì có thể vá lại, nhưng nhất định phải sạch sẽ, nhất định phải nghiêm chỉnh, ngay ngắn. Người xuất gia ăn cơm là nêu

khuôn mẫu cho việc ăn cơm. Ăn cơm phải có quy củ, phải có cách thức, phải suy ngẫm xem chúng ta ăn theo cách thức như thế nào để có thể làm khuôn mẫu cho người khác noi theo. Đó là Phật pháp. Phật pháp là giáo dục trong đời sống, mỗi mỗi sự việc đều phải làm khuôn mẫu tốt đẹp cho chúng sinh noi theo. Chúng ta có làm được như vậy hay không?

“Nói” là vì chúng sinh mà giảng giải, nói rõ. Người khác nhìn thấy khuôn mẫu của chúng ta [nêu lên], sẽ hướng về ta mà thưa hỏi, ta phải vì họ mà giải thích, vì họ mà nói rõ.

Chúng sinh nhìn thấy [khuôn mẫu] rồi, họ tin nhận, đó là *tín*; nghe [chúng ta giải thích] rồi, họ nhận hiểu, đó là *giải*. Khi họ có tín, có giải rồi, họ cũng sẽ bắt chước làm theo, họ cũng sẽ học tập. Phật pháp không phải chỉ nói mà không làm. Phật pháp là nói với làm tương ứng, phù hợp nhau, sự hiểu biết và thực hành đều xem trọng như nhau.

Trong Kinh điển Đại thừa, sự hành trì được xếp trước, sự nhận hiểu được đặt sau. Trong Tịnh độ tông cũng vậy, Bồ Tát Quán Thế Âm được xếp ở trước, Bồ Tát Đại Thế Chí được đặt phía sau. Bồ Tát Quán Thế Âm là tiêu biểu cho sự hành trì, Bồ Tát Đại Thế Chí là tiêu biểu cho sự nhận hiểu. Trong kinh Hoa Nghiêm thì Bồ Tát Phổ Hiền tiêu biểu cho hành trì, đặt ở vị trước trước tiên. Bồ Tát Văn Thù tiêu biểu cho sự nhận hiểu, được xếp ở vị trí thứ hai.

Nhận hiểu và hành trì vốn chỉ là một, không phải hai. Đặc biệt nhấn mạnh thực hành [là hàm ý] nói được phải làm được, có như vậy chúng ta mới thực sự đạt được lợi ích. Chỗ lợi ích thực sự đó là tràn đầy niềm vui, tràn đầy pháp hỷ. Niềm vui đó không phải do [trần cảnh] bên ngoài kích thích tạo thành.

Hiện tại người đời thụ hưởng những niềm vui gì? Đó là thụ hưởng niềm vui được kích thích từ năm món dục trong sáu trần cảnh. Đó là loại niềm vui từ bên ngoài đến, cũng

giống như những cảm giác khoái lạc khi uống thuốc kích thích, chích morphine, không phải niềm vui chân thật. Phật pháp dạy rằng niềm vui [chân thật] phải từ trong tâm [khởi sinh], cũng giống như suối từ trong nguồn tuôn trào ra bên ngoài. Đó là niềm vui chân thật, đó gọi là tràn đầy pháp hỷ.

Chúng ta không đạt được, vì sao không đạt được? Vì không làm được. Dem những lời răn dạy của đức Phật vận dụng được vào đời sống thường ngày, [nhờ đó] trong đời sống khởi sinh được niềm vui. Đó là niềm vui chân thật. Niềm vui đó không phải từ bên ngoài đến. Hơn nữa, xin nói cùng quý vị, niềm vui chân thật này là sự hàm dưỡng thù thắng nhất trong đời người.

Người đời cũng có người hiểu được, đó gọi là “gặp lúc vui tinh thần sảng khoái”, tinh thần [phấn chấn] ngay. Cho nên, chư Phật, Bồ Tát chẳng bao giờ mệt chán, không mỗi mệt, không phiền nhọc. Đó là ý nghĩa gì? Vì luôn có niềm vui tràn đầy, luôn có pháp hỷ.

Chúng ta làm việc vì sao thường mỗi mệt, buồn chán, phiền nhọc? Vì không có niềm vui. Chúng ta tu học Phật pháp mà không có được pháp hỷ thì làm sao có khả năng tiến bộ? Sau khi quý vị đạt được pháp hỷ rồi thì mới thực sự có được bước tiến dài, không còn thoái chuyển. Không đạt được pháp hỷ thì rất dễ dàng thoái chuyển.

Pháp hỷ nhất định phải từ chỗ xem trọng cả nhận hiểu và hành trì thì mới có thể đạt được, thiên lệch về một bên thì không thể đạt được. Có nhận hiểu mà không hành trì cũng không thể được, có hành trì mà không nhận hiểu cũng không thể được. Đó là chỗ mà Đại sư Thanh Lương trong chú giải kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Hữu giải vô hành, tăng trưởng tà kiến; hữu hành vô giải, tăng trưởng vô minh.*” (Nhận hiểu mà không hành trì, tà kiến thêm lớn; hành trì mà không nhận hiểu, vô minh thêm dày.) Cả hai trường hợp trên đều không

đạt được pháp hỷ. Pháp hỷ nhất định phải [khởi sinh từ] nhận hiểu và hành trì tương ứng, phù hợp nhau.

Trong Thiên tông dạy là định và tuệ phải đồng thời tu học, trong chỗ tu học đó quý vị mới đạt được pháp hỷ. Nếu định và tuệ không quân bình nhau thì không thể đạt được pháp hỷ. Nhất định phải quân bình nhau thì từ trong đó mới khởi sinh pháp hỷ.

Hai câu này [trong Cảm ứng thiên: *“Thi ân bất cầu báo, dữ nhân bất truy hối”* (Làm ơn không cầu báo đáp, cho người rồi không hối tiếc)] là nói về sự hành trì. Hy vọng chúng ta phải lưu ý, phải thực sự thể hội, phải suy ngẫm, nỗ lực thực hành, nhất định phải vận dụng vào thực tế đời sống.

Chúng ta ngày nay làm ơn với người khác, biếu tặng người khác, nhất định phải lấy Phật pháp là chính, không phải tài vật là chính. Từ nay về sau, quý vị có nhận sự bố thí của người khác, tức là những trường hợp có được tiền của, có được rồi phải tức thời chuyển sang người khác, phải bố thí ra ngay, nhất định không lưu giữ lại. Quý vị lưu giữ ắt sẽ có điều xấu xa, khởi sinh điều xấu xa. Vì sao vậy? Vì [do sự lưu giữ tiền bạc ấy mà] phiền não khởi sinh, tăng trưởng tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn. Cho nên phải buông xả, phải xả bỏ hết, nhất định không để cho phiền não tăng trưởng, phải làm cho trí tuệ tăng trưởng.

Hãy luôn nhớ rằng, chỉ có trí tuệ mới có thể giải quyết vấn đề, giải quyết vấn đề [vượt thoát] sáu đường luân hồi, giải quyết vấn đề sinh tử, giải quyết hết thảy các vấn đề của thế gian và xuất thế gian. Nhưng phải là trí tuệ chân thật.

Bài giảng thứ 80

(Giảng ngày 16 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 81, số hồ sơ: 19-012-0081)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Mời quý vị xem đến đoạn thứ 33: “*Sở vị thiện nhân.*” (Gọi là người hiền thiện.) Đoạn này chỉ có một câu bốn chữ như thế. Từ đây cho đến câu “*Thần tiên khả ký*” là nói về người hiền thiện.

Từ đoạn thứ 33 đến 35, văn tự không nhiều, đều là nói về quả báo hiền thiện, gieo nhân lành nhất định được quả lành. Phước báo của người hiền thiện không những rất lớn lao, hơn nữa còn chắc chắn không bao giờ sai lệch. Từ xưa đến nay, dù ở đâu cũng vậy, chúng ta nhìn trong lịch sử cũng thấy, mà ngay trong xã hội hiện tiền, chỉ cần lưu ý quan sát kỹ cũng sẽ thấy rất rõ ràng, nhân duyên quả báo không mấy may sai lệch. Quả báo hiền thiện là như vậy, quả báo xấu ác cũng là như vậy. Chỉ cần lưu tâm quan sát kỹ [là thấy ngay].

Nhà Phật nói: “*Không phải không có quả báo, chỉ là chưa đến lúc.*” Nói “*chưa đến lúc*” đó, cũng có ý nghĩa. Đó là nói về những phước lành, hoặc quả báo xấu ác trong quá khứ còn lưu lại. Đời này làm việc thiện, ví như không thấy quả báo tốt đẹp, đó là do nghiệp ác trong quá khứ quá nặng nề, cho nên việc nhận lãnh những quả báo xấu ác từ quá khứ vẫn chưa dứt hết, quả báo tốt đẹp ngày nay chưa thể được thấy ngay. Vì thế mà dù tu thiện thế nào cũng không thấy được quả báo hiền thiện.

Người làm việc xấu ác mà vẫn đang hưởng phước báo, đó là do phước báo rất nhiều trong quá khứ, từng làm rất nhiều việc thiện, nên phước báo của những việc hiền thiện ấy vẫn còn lưu lại chưa hưởng hết. Những việc làm xấu ác trong đời

này, một khi phước báo ngày trước đã hết thì quả báo xấu ác sẽ hiện tiền. Ý nghĩa là như vậy.

Những người tâm ý thô tháo chỉ nhìn thấy được việc trước mắt, cho nên có lúc khởi sinh cách nghĩ sai lầm, rằng người làm việc xấu ác được hưởng phước lành, người làm việc thiện phải chịu khổ sở, từ đó đánh mất đi ý niệm dứt ác tu thiện. Đó là một cách nhìn, cách nghĩ hoàn toàn sai lầm.

Trong phần chú giải [của đoạn này] có mấy câu rất hay cho ta thấy được một nguyên tắc chung. Thế nào gọi là thiện? *“Thực sự là người hiền thiện thì trước tiên không nhằm lẫn đúng sai, nên trí tuệ dũng lực đều có đủ, sau là không còn bám chấp nhân ngã, nên nhân từ khoan thứ cùng thực hành.”* Hai câu này rất hay, nói rõ được cả việc thiện của thế gian cũng như xuất thế gian.

Bản văn *“Cảm ứng thiên”* là của Đạo giáo, nhưng phần chú giải có Nho giáo, có Đạo giáo, cũng có Phật giáo, tất cả đều hòa lẫn trong cùng một bản văn, thật là ít có. Những lời răn dạy của các bậc hiền thánh xưa đều có đủ trong bản văn này.

Khổng tử suốt đời lo lắng nhất một điều là: *“Học mà không dạy, có lỗi không sửa.”* Từ sự ưu tư đó của Khổng tử, chúng ta tự mình cũng phải tỉnh táo quan sát. Bậc thánh nhân vì sao được tôn xưng là thánh nhân? Chư Phật, Bồ Tát vì sao có thể tu tập thành Phật, Bồ Tát? Hai việc của Khổng tử nêu ra, chúng ta phải hiểu rõ, phải nhận biết sáng tỏ, như vậy thì câu trả lời có thể biết được. Một là học rồi phải dạy [cho người khác], hai là phải sửa chữa lỗi lầm.

Học rõ nghĩa là *giải môn*, sửa đổi lỗi lầm là *hành môn*. *Giải hành tương ưng* (nhận hiểu và hành trì phù hợp với nhau), định lực và trí tuệ cùng tu học, như vậy mới có thể thành bậc đại thánh đại hiền. Nhà Phật gọi đó là vượt phạm lên thánh.

Khổng tử suốt một đời dạy người khác học, sửa đổi lỗi lầm, mỗi ngày đều sửa lỗi. Đức Phật Thích-ca cũng vậy, bốn

mười chín năm đều dạy người khác học, mỗi ngày đều sửa lỗi, khuyên người sửa lỗi. Đó là điều chúng ta phải học theo.

Trong việc này ý nghĩa hết sức sâu xa, hết sức rộng lớn. Kẻ phạm phũ không hề tự biết mình có lỗi lầm. Chúng ta suy ngẫm trong Phật pháp Đại thừa, cho đến quả vị Bồ Tát Đẳng giác vẫn còn phải sửa lỗi. Chúng ta hẳn sẽ thắc mắc, Bồ Tát Đẳng giác còn có lỗi lầm gì? Các ngài vẫn còn có một phẩm *vô minh sinh tướng* chưa phá trừ hết, đó là lỗi lầm của các ngài. Bồ Tát Đẳng giác còn như thế, chúng ta có lý nào lại không lỗi lầm?

Cho nên, quý vị có thể phát hiện được lỗi lầm của mình thì đó là giác ngộ. Sửa chữa được lỗi lầm ấy, đó gọi là chân chánh tu hành, đó gọi là người hiền thiện.

Trong phần chú giải này nói “*thực sự là người hiền thiện*”, đó là nói thực chất, như thế nào mới có thể gọi là người hiền thiện? “*Trước tiên không nhầm lẫn đúng sai*”, đó là tiêu chuẩn đầu tiên, ở mức thấp nhất thì người hiền thiện phải có khả năng phân biệt đúng sai, tà chánh, có khả năng phá trừ tà pháp, thực hành chánh đạo. Cho nên nói là “*trí tuệ dũng lực đều có đủ*”, trí tuệ có thể phân biệt, dũng lực có thể giữ lấy hoặc buông bỏ, giữ điều thiện bỏ điều ác, đó là người hiền thiện.

“*Sau*” là nói đến mức độ cao hơn. Mức độ cao hơn đó theo nhà Phật là “*nhân ngã đều quên*”, kinh Kim Cang nói là phá trừ bốn tướng: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng.*” (Kết hợp có các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.) Tâm đại từ đại bi lưu xuất hiển lộ, đó là bậc đại thiện nhân.

Theo tiêu chuẩn này mà nói, bậc đại thiện nhân đó chính là chư Phật, Bồ Tát. Hạng tiểu thiện nhân hay người hiền thiện chính là bậc hiền nhân quân tử của thế gian [theo Nho gia]. Câu văn này chúng ta phải đặc biệt xem trọng, vì sao vậy? Trong kinh luận đức Phật nhắc đến rất nhiều lần, trong kinh nói “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, quý vị đều đọc thấy

rất nhiều. Chúng ta tự mình suy ngẫm, tâm hành của mình đã phù hợp với những tiêu chuẩn đức Phật giảng trong kinh điển hay chưa?

Trong khi nghiên cứu kinh điển giáo pháp, tôi đã từng nêu ra với quý vị, đạo Phật giảng về “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” có ba mức độ là bậc cao, bậc vừa và bậc thấp. Bậc thấp là nói tiêu chuẩn thấp nhất của một người hiền thiện. Chúng ta dùng “*tịnh nghiệp tam phúc*” (ba phước lành tạo nghiệp thanh tịnh) để nói thì mọi người đều hiểu rõ, cũng là ý nghĩa Phật dạy. [Thứ nhất là] “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*” (hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự bậc sư trưởng, giữ lòng từ không giết hại, tu mười nghiệp lành). Đây là [tiêu chuẩn] của “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” thuộc bậc thấp trong Phật pháp. [Tiêu chuẩn của] bậc trung là: “*Thọ trì tam quy, cù túc chúng giới, bất phạm oai nghi*.” (Thọ trì tam quy, giữ theo các giới, không mất oai nghi.) [Tiêu chuẩn của] bậc thượng là: “*Phát Bồ-đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại thừa, khuyến tán hành giả*.” (Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, tụng độc kinh điển Đại thừa, khuyến bảo khuyến khích người tu.)

Chúng ta suy ngẫm xem mình đang ở phẩm bậc nào [trong ba bậc này]? Kinh Phật thường nói đến rất nhiều quả báo thù thắng, chúng ta xem trước đó đều có thêm danh xưng “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”. Chúng ta tụng đọc, tu học [theo kinh điển] không đạt được quả báo [như trong kinh nói], thường sinh lòng hoài nghi cho rằng kinh Phật nói những điều ấy chỉ là lời để khuyến khích người tu, không phải sự thật. Chúng ta đã làm y theo đó rồi, không thấy được kết quả thực tế. Nhưng thật không biết rằng, những lời Phật giảng đó đều có nêu giới hạn áp dụng. Giới hạn đó chính là dành cho “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”. Chúng ta suy ngẫm xem, chúng ta đã phù hợp với những tiêu chuẩn Phật dạy hay chưa? Cũng chính là ý nghĩa mà trong chú giải chỗ này nói rõ, chúng ta

có khả năng phân biệt tà chánh hay không? Điều này không thể không rõ biết.

Phá trừ bốn tướng [như kinh Kim cang nói] là điều quá khó khăn, không phải thuộc tầm mức của chúng ta. Người xưa nói: “*Dao ngôn chỉ ư trí giả*.” (Lời đồn đại không qua được kẻ trí.) Người trí tuệ có khả năng phân biệt, người không có trí tuệ bị mắc mưu người khác, bị người khác lừa gạt. Nếu như thật có một chút trí tuệ, người khác nói với mình chuyện gì, ta cần phải điều tra ngay xem có phải thật vậy hay không? Có thể tin được hay không? Nếu sự việc không liên quan gì đến mình, có thể không cần quan tâm đến. Nếu có quan hệ với mình, cần điều tra cho rõ. Đó là điều nên làm. Sau khi điều tra, sự việc đã rõ ràng, sáng tỏ, chúng ta mới biết nên xử lý sự việc như thế nào, tự nhiên sẽ có [cách ứng xử] chừng mực, hết sức thích hợp, thỏa đáng. Trải qua việc điều tra cũng biết được động cơ của người đặt điều sinh sự. Có những động cơ có thể châm chước tha thứ được, cũng có những động cơ không thể tha thứ, nhưng dù không thể tha thứ cũng phải tha thứ cho họ. Người nào tạo nghiệp người ấy chịu quả báo.

Trong phần chú giải, đoạn sau cũng nói: “Hơn nữa còn lập tâm dụng ý, đối đãi với tự thân mình cũng như người khác, trong thì luôn vâng theo năm đạo thường,¹ tu trăm đức hạnh, ngoài đối với sự vật luôn khéo léo thích hợp, không một điều gì là không cặn kẽ.” Câu này nói về sự dụng tâm, dụng ý của người hiền thiện.

Phần trước tôi đã giảng qua về thiện tâm, thiện ý, thiện hạnh. Thuần nhất thiện tâm là chân tâm. Thuần nhất thiện ý xử sự, đối đãi với người khác, tiếp xúc với muôn vật, đó mới thực sự đạt đến mức hiền thiện tột bậc. Trong Phật pháp Đại thừa gọi là tâm Bồ-đề. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy rằng tâm chí thành là thiện tâm, là tâm sâu vững, tâm phát nguyện hồi hướng là thiện ý. Thiện ý đem vận dụng vào

¹ Năm đạo thường (Ngũ thường), tức nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

thực tế đời sống, vào việc đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, đó là thiện hạnh.

Nói tóm lại, thiện hạnh cũng không ngoài sự ưa thích đức hạnh, hiền thiện, không ngoài năm giới, mười nghiệp lành. Đó là cương lĩnh chung, là nguyên tắc tổng quát. Các bậc thánh nhân thế gian và xuất thế gian trong mọi hành vi, việc làm, đem công hạnh chính mình giáo hóa người khác, đều không ra ngoài nguyên tắc này. Chư Phật, Bồ Tát cũng vậy, quỷ thần trong trời đất cũng là như vậy. Quỷ thần trong trời đất cũng ưa thích điều hiền thiện, [như Nho gia nói:] *“Thiên tâm háo thiện.”* (Lòng trời ưa thích điều hiền thiện.) [Chư thiên ở các cõi trời] Tứ vương thiên, Đao-lợi thiên, quý vị đều biết, nhờ tu mười nghiệp lành mới chiêu cảm được quả báo [sinh về các cõi trời ấy]. Do đó có thể biết rằng, chư thiên ở các cõi trời đều là người hiền thiện. Những kẻ tâm hành bất thiện nhất định không thể sinh về cõi trời.

Trong cảnh giới quỷ và súc sinh thì xấu ác nhiều, hiền thiện ít. Thế nhưng chúng ta xem trong kinh Địa Tạng, mọi người đều tụng niệm qua rất nhiều, thấy nói rằng trong các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, các vị quỷ vương đều hết sức hiền thiện. Tâm địa họ lương thiện, vì sao phải堕 vào những cảnh giới quỷ, địa ngục? Chúng ta vừa xem qua liền hiểu ngay, đó là chư Bồ Tát hóa thân, vào đó làm quỷ vương, vào địa ngục làm Diêm vương. Bồ Tát thị hiện trong những cảnh giới ấy để giáo hóa những chúng sinh nghiệp ác quá sâu nặng.

Đoạn này cho thấy rõ chư thiên đều là hiền thiện, chúng ta tin được. Các vị quỷ vương hiền thiện là chư Phật, Bồ Tát hóa thân trong đó. Chúng sinh càng tạo nhiều tội nghiệp, càng phải chịu nhiều khổ nạn, chư Phật, Bồ Tát càng thị hiện nhiều hơn, hiển thị lòng đại từ đại bi chân thật. Cho nên, người xưa nói: *“Thiên tâm háo thiện nhi ố ác.”* (Lòng trời ưa điều thiện, ghét điều ác.) Trời không vui với những việc làm xấu ác. *“Nhân tâm hữu thiện nhi vô ác.”* (Lòng người có thiện không có ác.) Câu này là thật, chẳng phải giả.

Thế nhưng con người hiện nay, chúng ta nhìn qua thấy dường như chỉ có ác không có thiện. Cho nên thế giới hiện tại mới phải chịu những tai nạn hết sức lớn lao. Vì sao lại hóa ra như thế? Đó là như câu nói của Khổng tử: “*Học rồi không dạy, có lỗi không sửa.*” Lỗi lầm không sửa được là không tu hành theo chánh đạo. Tu hành chính là tu sửa [lỗi lầm].

Chúng ta suy ngẫm, vào thời xưa, trong các bản văn xưa ta còn đọc thấy được, những người có đạo đức, có học vấn, thường làm việc giảng giải, dạy học. Trong xóm dăm ba nhà cũng có một vị tú tài nghèo mở lớp dạy học. Người đến nghe, đến học chừng dăm bảy người, mười người là chuyện thường. Ở các đô thị thì quy mô giảng dạy lớn hơn, mấy chục người nghe, một hai trăm người nghe. Từ đô thị đến làng quê [đều có người dạy học].

Khi tôi còn nhỏ, khoảng bảy, tám tuổi, tôi vẫn còn nhớ được rất rõ, trong làng quê tôi sống khuynh hướng giáo dục, dạy học vô cùng phát triển. Người dạy học đa số là mượn nhờ các từ đường, nhà thờ tộc họ. Trong các từ đường thì dạy học, trong các chùa chiền thì những vị pháp sư xuất gia giảng kinh. Đạo trường nào cũng có người giảng kinh. Cho nên, xã hội thời ấy bình an, ổn định, lòng người hướng về điều thiện, không tạo nghiệp ác.

Xã hội hiện nay vì sao hóa thành như thế này? Vì không có người dạy học, không có người giảng kinh. Nỗi lo lắng ưu tư của Khổng tử là hoàn toàn chính xác. Cũng có người rất muốn mời chúng ta đến giảng kinh, nhưng trong lòng còn lo sợ. Họ lo sợ quý vị đến giảng kinh rồi mang hết tín đồ của họ đi, sự cúng dường của tín đồ bị quý vị lấy đi mất. Cho nên họ không dám mời quý vị [đến giảng kinh].

Chúng ta cần phải hiểu rõ được yếu tố đó, phải trừ bỏ đi sự lo lắng của họ. Họ mời ta đến giảng kinh, nhất định không tiếp xúc với tín đồ của họ. Giảng kinh xong là đi ngay, không

cùng tín đồ gặp gỡ chào hỏi gì cả. Tín đồ có cúng dường, để lại hết cho những người chủ trì ở đó, một xu cũng không lấy đi. Như vậy thì họ không còn lo sợ. Tín đồ muốn quy y, [bảo họ] quy y với vị pháp sư trụ trì ở đó, người giảng kinh chúng ta không tiếp nhận. Như vậy thì họ yên tâm không lo gì nữa. Họ sẽ vui vẻ mời quý vị đến giảng.

Thế nhưng các vị pháp sư đi giảng kinh [lại không làm như vậy,] đều nhận phong bì. Đối với tín đồ không chỉ xin tên họ, số điện thoại, địa chỉ, còn muốn xin một tấm hình dán vào [sổ tay], sợ quên đi. Quý vị nói xem như vậy thì thế nào? Thu nhận nhiều đệ tử quy y, khiến vị trụ trì ở đó lo sợ chết được, lần sau không dám mời quý vị [giảng kinh] nữa. Không chỉ là không mời quý vị, mà bất cứ ai muốn đến giảng kinh, vị ấy đều sẽ cự tuyệt, đều không muốn mời đến. Tôi đã gặp qua như vậy rồi.

Cho nên, chúng ta biết được phải làm cách nào để người khác không lo sợ, vui vẻ khi mời quý vị đến giảng kinh. Phải hết sức đề xướng, thúc đẩy việc giảng giải, giáo dục, sửa đổi lỗi lầm, như vậy thì xã hội mới mong được cứu vãn. Chúng ta ta tham lam mưu cầu một chút lợi riêng, công đức giảng kinh như vậy không có, còn mang lấy tội nghiệp đầy mình, khiến cho rất nhiều vị pháp sư mất đi cơ hội, duyên lành được giảng kinh. Quý vị nói xem, tội lỗi ấy có nặng nề không? Điều này phải hiểu thật rõ ràng, phải biết tự mình nên làm thế nào.

Cho nên, người hiền thiện có tiêu chuẩn xác định, chúng ta có phải người hiền thiện hay không? Nếu như quả thật chưa phải người hiền thiện, không chỉ là việc tu học Phật pháp phải gặp rất nhiều khốn khổ, rất khó thành tựu, mà cho đến việc đọc kinh, nghe giảng kinh, khai ngộ cũng đều gặp nhiều chướng ngại.

Hôm nay giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 81

(Giảng ngày 17 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 82, số hồ sơ: 19-012-0082)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Mời quý vị xem đến hai đoạn 33 và 34 [trong *Cảm ứng thiên*]: “*Sở vị thiện nhân, nhân giai kính chi, thiên đạo hữu chi, phúc lộc tùy chi, chúng tà viễn chi, thần linh vệ chi.*” (Là người hiền thiện, người người đều kính trọng, đạo trời nâng đỡ, phúc lộc tùy theo, tà ác tránh xa, thần linh hộ vệ.)

Cho đến đoạn này, tiêu chuẩn về người thiện nêu ra rất nhiều. Trong đó tiêu chuẩn cao nhất là bậc đại thánh đại hiền. Trong kinh A-di-đà gọi là “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (các bậc thượng thiện cùng hội về một chỗ). Đức Phật nói ra câu này không phải là tùy tiện, đích thực là vì chúng ta xác lập một tiêu chuẩn [về người được vãng sinh]. Tiêu chuẩn này cũng chính là “*tịnh nghiệp tam phúc*” (ba điều phúc lành tạo nghiệp thanh tịnh) được giảng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

Trong ba điều này, tổng cộng có mười một câu, nếu làm được tất cả thì đó là bậc *thượng thiện*. Nếu làm được hai điều trước tiên, chỉ điều cuối cùng không làm được thì là bậc *trung thiện*. Nếu chỉ làm được duy nhất một điều trước tiên, điều thứ hai và thứ ba không làm được thì là bậc *hạ thiện*. Thế nhưng người làm được điều thứ nhất thôi cũng đã không nhiều. Cho nên người niệm Phật nhiều mà người được vãng sinh ít. Vì sao vậy? Được sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc nhất định phải là người hiền thiện.

Trong điều thứ nhất có bốn câu, câu thứ nhất là “*hiếu dưỡng phụ mẫu*” (hiếu dưỡng cha mẹ), câu thứ hai là “*phụng*

sự sư trưởng” (phụng sự bậc sư trưởng), câu thứ ba là “từ tâm bất sát” (tâm từ không giết hại), câu thứ tư là “tu thập thiện nghiệp” (tu mười nghiệp lành). Chúng ta đối với bốn câu này có làm được hay không? Nói thật ra, nếu bốn câu này không làm được thì cho dù niệm Phật theo bất kỳ cách nào, ngày đêm không gián đoạn, nói như người xưa là niệm đến mức [vãng chãi] như “tuồng đồng vách sắt”, cũng không thể được vãng sinh. Vì sao vậy? Vì quý vị không phải người hiền thiện. Người vãng sinh về [Cực Lạc] đều là người hiền thiện tụ họp về một nơi. Không chỉ là người hiền thiện, mà còn là các bậc thượng thiện tụ họp về nơi ấy, quý vị làm sao có khả năng về được [nếu không phải người hiền thiện]?

Kinh Vô Lượng Thọ cũng nêu ra với chúng ta một điều kiện: “*Phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm.*” (Phát tâm Bồ-đề, một lòng chuyên niệm.) Câu “*phát tâm Bồ-đề*” này nằm ở đâu? Đây chính là câu thứ nhất trong điều thứ ba của “*tịnh nghiệp tam phúc*”: “*Phát Bồ-đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả.*” (Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, tụng đọc kinh điển Đại thừa, khuyến bảo khuyến khích người tu.) Đây là bậc thượng thiện. Cho nên, người phát tâm Bồ-đề thì đó là bậc bậc thượng thiện.

Thế nào gọi là tâm Bồ-đề? Tâm Bồ-đề là tâm chân chánh giác ngộ. Bồ-đề là tiếng Phạn, có nghĩa là “giác ngộ”, đã chân chánh giác ngộ. Giác ngộ điều gì? Kinh Kim Cang nêu rõ tiêu chuẩn giác ngộ, chân chánh giác ngộ là [thấu hiểu được]: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng.*” (Hết thấy hình tướng đều là hư vọng.) Nếu quý vị đối với câu này thực sự giác ngộ thì mọi thứ đều buông xả, quý vị còn có gì không buông xả được? Vì là hư vọng nên chẳng có gì là không buông xả được. Buông xả được rồi thì không phải phàm phu, đó là bậc đại thánh, đã triệt để buông xả tất cả.

Câu kinh này chúng ta tụng đọc đã quá quen thuộc,

nhưng ý nghĩa trong đó vẫn chưa hiểu thấu. Chúng ta không hề buông xả, cũng là chưa hề giác ngộ. Đức Phật dùng tỉ dụ để nói với chúng ta về chân tướng của vũ trụ nhân sinh là “*như mộng ảo bào ảnh, như lộ diệt như điện*” (như mộng huyễn, bọt nước, như sương, như điện chớp) và dạy chúng ta “*ưng tác như thị quán*” (nên quán sát như vậy). Cách nhìn như vậy chính là cách nhìn của chư Phật Như Lai, là cách nhìn chân thật nhất, không một chút sai lệch. Nếu thực sự nhìn được rõ ràng, sáng tỏ [thật tướng] của tất cả các pháp thì quý vị còn lo âu, phiền não gì nữa? Trong lòng quý vị còn vướng mắc, bám chấp gì nữa? Không, không còn gì cả. Đúng như Đại sư Huệ Năng đã nói: “*Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?*” (Xưa nay không một vật, bụi trần bám vào đâu?)

[Các vị hiền thánh] vì sao có thể làm được? Vì các vị đối với những lời Phật dạy nhận thức được rõ ràng, sáng tỏ. Đó là tâm Bồ-đề hiện tiền.

Tâm Bồ-đề vận dụng vào đời sống hằng ngày là phải hiếu dưỡng cha mẹ mới thực hiện được trọn vẹn đầy đủ. Thế nào gọi là hiếu? Phần trước đã giảng với quý vị rất nhiều. Người xưa nói rất hay, chữ “hiếu” đó là hợp cả cha mẹ, anh chị em, vợ con trong một người, đó gọi là hiếu. Đó không phải là sự chia tách, đó là một thể thống nhất. Cha con, anh em, vợ con... là một hợp thể thống nhất. Chúng ta nhìn thấy [quan điểm này] không có gì sai lệch, có thể nói đã [thành tựu] được phần nào. Đây là đức hiếu ở mức độ nhỏ. Chúng ta xem như chư Phật Như Lai, bậc Pháp thân Đại sĩ, các ngài hợp nhất hết thảy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không thành một thể. Đức hiếu này mới là trọn vẹn đầy đủ.

Nếu chúng ta đối với cha mẹ, anh chị em, vợ con... có sự [phân tách], họ là họ, ta là ta, đó là đại bất hiếu, quý vị làm sao có thể thành tựu được? Ý nghĩa chữ hiếu quý vị còn chưa hiểu rõ, làm sao có thể vận dụng vào thực tế? Chư Phật Như

Lai, chư đại Bồ Tát, các ngài đương nhiên là được như ở đây nói “*nhân giai kính chi, thiên đạo hữu chi*” (người người đều kính trọng, đạo trời nâng đỡ). Đạo trời ở đây là nói các vị thiên thần, chư thiên. Các vị theo bảo vệ, hộ vệ cho các ngài. Các ngài hợp nhất hết thấy chúng sinh trong pháp giới cùng khắp hư không thành một thể, cho nên mới có sự cảm ứng như vậy. Đây mới gọi là bậc thiện nhân chân chánh.

Chúng ta tự mình suy ngẫm xem, đến bao giờ ta mới đạt được mức độ như vậy? Theo lý mà nói thì trong khoảng thời gian một niệm, chỉ cần quý vị chuyển đổi được ý niệm liền có thể chuyển phàm thành thánh, có thể chuyển mê thành ngộ. Một niệm không chuyển đổi được thì vĩnh viễn là phàm phu, luân chuyển trong sinh tử luân hồi. Một niệm chuyển đổi được thì vượt phàm lên thánh.

Từ đâu bắt đầu chuyển đổi? Là chuyển đổi từ tất cả những vọng tưởng, phân biệt, bám chấp. Những thứ này gây hại cho chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp khiến ta lăn lộn trong sáu đường luân hồi, kết thành vô lượng vô biên ân oán nợ nần với hết thấy chúng sinh. Có thể nào trả hết [những ân oán nợ nần đó] chẳng? Không thể được. Những ân oán nợ nần này chỉ có mỗi đời trôi qua càng chồng chất tăng thêm, nhất định không thể nào tiêu trừ hết được. Quý vị ngẫm nghĩ xem có phải đúng vậy hay chẳng?

May thay, đức Phật đã chỉ rõ cho chúng ta thấy được sự thật ấy. Những ân oán nợ nần kia cũng giống như bóng tối, tuy là đời đời kiếp kiếp tích lũy tăng thêm, nhìn chung cũng vẫn là một vùng bóng tối, chỉ cần một ngọn đèn sáng là có thể xua tan bóng tối này. Đó gọi là, một ngọn đèn có thể xua tan bóng tối ngàn năm trong nhà tối. [Ngọn đèn đó] ý nói là gì? Là quay đầu hướng thiện. Chỉ cần quay đầu hướng thiện là không còn gì nữa cả. Tiếp tục đọa lạc trong đó thì vay trả, trả vay vĩnh viễn không cùng tận. Cho nên quay đầu hướng thiện là rất quý.

Ân đức của Phật đối với chúng ta chính là ở chỗ này. Nếu không có đức Phật dạy bảo, chúng ta làm sao thấy được chân tướng sự thật này? Làm sao biết quay đầu hướng thiện? Đây thật là đại ân đại đức của Phật đối với chúng ta.

Người có thể quay đầu hướng thiện mới thực sự gọi là người hiền thiện. Do đây mới biết chúng ta tự mình có vô lượng vô biên tội lỗi, điều này hoàn toàn là sự thật. Hết thấy chúng sinh cũng có vô lượng vô biên tội lỗi, so với bản thân ta không khác. Chúng ta có thể châm chước, khoan thứ cho bản thân mình, vì sao không thể khoan thứ cho người khác? Người xưa dạy rất hay: “Đem tâm khoan thứ cho chính mình để khoan thứ người khác thì oán thù có thể được hóa giải, đem tâm chê trách người khác để chê trách chính mình thì mới có thể sửa lỗi, hoàn thiện bản thân.” Lời dạy này rất hay, chúng ta phải ghi nhớ, phải theo đó vâng làm.

Hiếu dưỡng cha mẹ, phải nuôi dưỡng cha mẹ cả thân và tâm, nuôi dưỡng tâm chí của cha mẹ, đem [tâm nguyện đối đãi với] cha mẹ mở rộng ra đối với tất cả chúng sinh, xem hết thấy chúng sinh đều là cha mẹ của mình, hết thấy chúng sinh đều là chư Phật Như Lai. Hiếu dưỡng, phụng sự [như vậy] đạt thấu hư không pháp giới, thiện hạnh như vậy mới là trọn vẹn đầy đủ. Đức Phật đã làm được như vậy, các vị Pháp thân Bồ Tát làm được như vậy. Chúng ta vì sao không làm được? Là do phân biệt, vọng tưởng, bám chấp gây hại, khiến chúng ta không thể làm được, khiến chúng ta phải vĩnh viễn làm người xấu ác.

Lấy tiêu chuẩn người hiền thiện trong Phật pháp thì dù chỉ ngoài mép thôi chúng ta cũng chưa chạm được. Đây là chỗ khó của Phật pháp. Nhưng chỗ khó đó không phải là không thể khắc phục. Tự mình có quyết tâm, có nghị lực, có trí tuệ thì quý vị có thể khắc phục được. Trí tuệ là hiểu rõ được sự thật chân tướng. Quyết tâm, nghị lực khắc phục được vọng

tưởng, phân biệt, bám chấp của chính tự thân mình, cảnh giới của quý vị liền được nâng lên, nâng lên rất cao.

Chúng ta ngày nay tuy nói là đã phát tâm rồi, đã học Phật rồi, muốn giúp đỡ hỗ trợ chúng sinh, nhưng thật ra chỉ mới có ý niệm vậy thôi. Ý niệm đó còn hết sức yếu ớt. Nói cách khác, trong mắt ta chưa thấy có chúng sinh mà chỉ xem trọng bản thân mình. Xem trọng bản thân mình đến chín mươi chín phần, chúng sinh chỉ được một phần, không hề đặt mình vào vị trí người khác để suy nghĩ, không hề có ý niệm thực sự giúp đỡ người khác. Vì thế dẫn đến điều gì? Trí tuệ của ta không khai mở. Người khác không có lỗi trong chuyện này, lỗi hoàn toàn là ở chúng ta.

Thực sự muốn tu thiện thì trong Phật pháp dạy ta có ba giai đoạn dứt ác tu thiện. Tiêu chuẩn [phân biệt] thiện ác thấp nhất [để khởi đầu] là mười nghiệp ác, mười nghiệp lành. Tiêu chuẩn thấp nhất này chưa đạt đến mức như năm giới. Phật dạy chúng sinh như vậy, chúng ta đối với tiêu chuẩn thấp nhất này đã làm được chưa? Đối với bài học đầu tiên này thực sự làm cho thật tốt, học tập cho thật trọn vẹn đầy đủ thì mới có thể tiếp tục nâng cao lên đến [giai đoạn thứ hai là] năm giới, rồi tiếp tục đến [giai đoạn thứ ba là] mười giới.

Quý vị nếu suy ngẫm kỹ chỗ này thì làm sao có thể không thấy hổ thẹn? Chúng ta thọ giới là thọ giới gì? mười nghiệp lành của người thế gian mà ta chưa làm được thì còn có giới luật gì? Hiện tại mọi người cùng nhau sống lây lất qua ngày, không thực sự nỗ lực tu tập. Nếu thực sự nỗ lực tu tập, nhất định không cần nghĩ nhiều đến những chuyện cao siêu viển vông. Quý vị là người xuất gia, người khác đối với quý vị xưng một tiếng “sư phụ”. Chỉ một tiếng tôn xưng ấy đã đẩy quý vị xuống tận địa ngục A-tỳ rồi. Vì sao vậy? Quý vị thực có phải sư phụ hay không, có xứng đáng làm sư phụ [người khác] hay không? Làm sư phụ thì tối thiểu phải giữ được năm giới, thực

hành được mười điều lành. Làm được mười điều lành nhưng chưa giữ trọn được năm giới thì không thể xưng là sư phụ.

Đây là chúng ta đã hạ thấp tiêu chuẩn xem xét đến mức không thể thấp hơn được nữa rồi, so với tiêu chuẩn đức Phật đưa ra là rất thấp. Theo tiêu chuẩn Phật dạy thì [như vậy] quý vị chỉ mới được gọi là tiểu sư thôi. Tiểu sư là gì? Là chú sa-di. Thử hỏi mười giới của bậc sa-di, hai mươi bốn môn oai nghi, quý vị đã làm tròn được hay chưa? Quý vị làm được thì mới xứng gọi là tiểu sư.

Người khác tôn xưng quý vị, danh xưng với thực chất không tương xứng thì quý vị phải chịu đọa lạc, đâu phải dễ xưng hô? Xưng là đại sư có được không? Những ai có thể xưng là đại sư? Bậc Pháp thân Đại sĩ mới có thể xưng là Đại sư. Trong đạo Phật, quý vị cứ xem trong Cao tăng truyện, những ai dám xưng là Đại sư? Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Quán Âm, các ngài đều không dám xưng, chỉ xưng là Đại sĩ, không dám xưng là Đại sư. Ai xưng là Đại sư? Chỉ có Phật xưng là Đại sư. Danh xưng ấy dám tùy tiện sử dụng được sao? Quý vị không phải Phật, người khác tôn xưng quý vị là Đại sư, đó là quý vị giả mạo làm Phật. Giả mạo làm Phật sao có thể được? Quý vị đi ra ngoài kia giả mạo Tổng thống, người ta lập tức bắt quý vị giam vào tù ngục, xử tội ngay. Quý vị giả mạo Phật sao có thể được?

Cho nên chúng ta luôn phải biết rõ, học Phật là học để làm người hiểu biết sáng tỏ, không phải học để thành người hồ đồ tối tăm. Người chân thật bao giờ cũng được nhiều người tôn kính. Vì sao vậy? Vì quý vị là một người chân thật, quý vị là một người giữ đúng phận mình. Người chân thật, biết giữ phận mình thì nhất định không cuồng vọng, không hư ngụy, không kiêu mạn. Thực sự nỗ lực học tập theo Phật, nhất định phải dứt trừ tập khí, tập khí phiền não rất nặng nề. Tập khí xấu nhất là ưa thích dò xét tìm hiểu chuyện

người khác, trong đầu chứa đầy những chuyện thị phi, nhân ngã. Đây là thứ tập khí, thói quen xấu nhất, dễ dàng [khiến ta] tạo nghiệp.

Nếu như làm việc phá hoại Tam bảo, tội nghiệp ấy rất nặng nề. Trong kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Lạc, Phật dạy rằng những tội [phá hoại Tam bảo] này đều dọa vào địa ngục A-tỳ. Vì sao phải tạo nghiệp? Có miệng biết nói, sao không dùng để khuyên người khác làm điều tốt đẹp? Vì sao phải nói những lỗi lầm sai sót của người khác, tạo ra vô lượng vô biên tội nghiệp? Một người thông minh sáng suốt hay hồ đồ ngu muội, nhìn ở điểm này là thấy được ngay hết sức rõ ràng. Người hiền thiện, kẻ xấu ác cũng do ở điểm này mà phân biệt rõ.

Đọc kinh, học pháp không ngoài mục đích để hiểu rõ lý lẽ. Việc thiện lớn nhất trong thế gian cũng như xuất thế gian là dạy người khác học. Khổng tử một đời dạy người khác học. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni một đời dạy người khác học. Các ngài tự mình giáo hóa người khác không ngoài hai việc: một là dạy người khác học, hai là sửa lỗi bản thân. Học rồi không dạy, có lỗi không sửa, một đời Khổng tử ưu tư lo lắng nhất là hai việc này.

Học rồi sao không dạy? Quý vị học rồi phải dạy lại cho người khác, quý vị có hiểu được ý nghĩa này không? Học rồi phải dạy lại [cho người khác], phải giảng giải nhiều lần cho người khác nghe, đi đến đâu cũng khuyên bảo, khuyến khích người khác. Có lỗi phải sửa, quý vị học rồi không dạy [người khác] thì đó là lỗi lầm lớn nhất.

Quý vị nói rằng không có cơ hội để dạy. Trong một ngày hôm nay, từ sáng đến tối quý vị không gặp được một người nào hay sao? Gặp được một người thì giảng giải cho một người ấy. Gặp được hai người thì giảng giải cho hai người. Thực tế nếu chẳng gặp ai thì như Sinh công [ngày xưa] cũng

giảng giải cho những tảng đá nghe. Vui thích giảng giải, vui thích trong việc cứu độ chúng sinh, vui thích trong việc giúp đỡ hỗ trợ người khác. Phải biết rằng, khuyên bảo người khác là khuyên bảo chính mình. Khuyên được thật nhiều lần, thời gian lâu dài thì tự nhiên có sự ngấm ngấm, âm thầm biến đổi, tự mình không hay biết mà có sự chuyển hóa tốt đẹp, tự thân mình thực sự tỉnh ngộ.

Có thể thấy việc dạy người khác học có hiệu quả lớn lao biết bao, sao có thể không dạy? Nói thật ra, hiện tại so với quá khứ thuận tiện hơn rất nhiều. Quý vị mua một máy ghi âm, máy ghi hình, không có ai đến nghe cũng giảng, đứng trước máy mà giảng. Giảng xong rồi mở ra nghe, quý vị nghe lại bài giảng trong máy. Quý vị giảng cho máy nghe, máy giảng cho quý vị nghe. Đó là trong thời hiện đại này biết lợi dụng khoa học kỹ thuật phát triển để tu học. Chúng ta sử dụng phương pháp này để hỗ trợ bản thân trong việc ngăn sửa điều lỗi, khuyến khích điều thiện. Khi có cơ hội phải giúp đỡ người khác, không được để luống qua. Chúng ta biết được bao nhiêu thì giảng giải bấy nhiêu, không biết thì không giảng, như vậy tránh được việc giảng sai. Điều gì hiểu biết được cần phải giảng dạy [cho người khác], có chỗ nghi hoặc nhất định phải hỏi, tìm đến người khác thưa hỏi, lắng nghe người khác chỉ bày. Khi có ý kiến bất đồng, phải có trí tuệ, năng lực phân biệt, phải có tâm lượng bao dung rộng lớn thì mới khai mở được trí tuệ, trên đường tu tập mới có sự tiến bộ.

Những câu tiếp theo đều dễ hiểu, không cần phải giảng giải nhiều.

“Người người đều kính trọng”, điều này rất rõ ràng dễ thấy, như Khổng tử, Phật Thích-ca Mâu-ni, các vị Bồ Tát, là người trước đây cả mấy ngàn năm mà người đời nay nhắc đến vẫn tôn kính.

“Đạo trời nâng đỡ”, là thiên thần theo bảo vệ, giúp đỡ.

“*Phước lộc tùy theo*”, là nói người thực sự hiền thiện trong tâm ý, hành vi nhưng không có phước báo. Không có phước báo quý vị cũng được phước báo. Phước từ đâu đến? Phước từ sự hiền thiện mà đến, sự cảm ứng của hiền thiện là phước lộc.

“*Tà ác tránh xa*”, tà ác là nói các loài yêu ma quỷ quái, tự nhiên sẽ tránh xa [khi quý vị là người thiện].

“*Thần linh hộ vệ*”, là nói thần hộ pháp bảo vệ, che chở người hiền thiện.

Bài giảng thứ 82

(Giảng ngày 18 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 83, số hồ sơ: 19-012-0083)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời xem tiếp đoạn thứ 35 và 36 trong Cảm ứng thiên.

Đoạn thứ 35: “*Sở tác tất thành, thần tiên khả ký.*” (Việc làm ắt thành tựu, có thể thành thần tiên.)

Đoạn thứ 36: “*Dục cầu thiên tiên giả, đương lập nhất thiên tam bách thiện. Dục cầu địa tiên giả, đương lập tam bách thiện.*” (Nếu muốn thành thiên tiên, phải làm một ngàn ba trăm điều thiện. Nếu muốn thành địa tiên, phải làm ba trăm điều thiện.)

Bản văn cho đến chỗ này là giảng xong về quả báo hiền thiện. Tiếp theo bên dưới sẽ giảng về quả báo xấu ác, trong chương thứ tư. Ngày trước [khi giảng *Cảm ứng thiên*] tôi có ghi ra một bảng phân đoạn, gọi tên đoạn này là “*thành sở tác*”, thành tựu những việc mình làm. “*Việc làm ắt thành tựu*” là một câu khẳng định mạnh mẽ, nói rõ với chúng ta rằng nhân lành phải được quả lành. Phạm vi ý nghĩa câu này hết sức rộng lớn.

Phần tiểu chú của câu này nói rằng: “*Ở đời không việc gì không thể thành tựu. Người trong thiên hạ đều có khả năng làm được.*” Hai câu này nói rất hay, người người đều có thể làm việc thiện, người người đều có thể thành tựu sự nghiệp kỳ vọng của mình. Đó gọi là “*hữu nguyện tất thành*” (có nguyện ắt sẽ thành tựu). Đây là điều mà các bậc thánh hiền xưa, chư Phật, Bồ Tát đều thuyết dạy.

Thế nhưng trong kinh nghiệm đời này của chúng ta, có vẻ như làm một điều gì tốt đẹp thì lại gặp rất nhiều khó khăn. Đó gọi là “việc tốt nhiều chướng ngại”. Điều này là sự thật. Hai cách nói trên liệu có mâu thuẫn nhau hay chẳng? Cách nói nào là chính xác? Chúng ta phải thận trọng tham cứu tường tận. Nói theo ngôn ngữ hiện nay là phải nghiên cứu thật kỹ.

Làm việc tốt gặp nhiều khó khăn chướng ngại là sự thật. Khó khăn chướng ngại từ đâu đến cần phải biết rõ. Khó khăn chướng ngại nếu không thể khắc phục vượt qua thì việc tốt cũng không thể thành tựu, nhất là trong xã hội hiện đại này, vì sao vậy? Vì khi quý vị làm một điều tốt đẹp, nhất định sẽ phương hại đến những người đang được hưởng lợi ích nào đó. Những người này nhất định sẽ cố gây chướng ngại. Chúng ta thường cho là ganh ghét, chướng ngại. Điều này có ý nghĩa rất sâu rộng.

Thế nhưng lời dạy của thánh nhân “Gieo nhân lành được quả lành, việc làm hiền thiện nhất định có sự thành tựu”, điều này cũng chính xác. Vấn đề là sự phát tâm của quý vị có thuần thiện hay không, có chân chánh hay không? Nếu phát tâm thuần thiện, chân chánh, đó gọi là “*người có đạo được nhiều trợ giúp*”.

Chướng ngại khó khăn nhất định phải có. Đức Thế Tôn thị hiện thành Phật còn có ma chướng. [Khi ấy ngài là] Bồ Tát tu hành đã chứng quả, lẽ nào còn có ác ý? Đó là tâm địa thực sự thuần thiện vẫn có ma chướng. Chúng ta phải hiểu rằng, khó khăn chướng ngại đó là đến từ những ân oán nợ nần giữa ta với chúng sinh đã kết thành từ vô lượng kiếp đến nay. Ân nghĩa không thể báo đáp hết, oán thù cũng không cách gì chấm dứt, nợ nần càng không thể trả sạch, nên quý vị có thể thấy được sự vấn vít ân oán nợ nần chằng chịt. Đó chính là nguyên nhân khi Bồ Tát thành Phật vẫn phải gặp ma chướng.

Từ vô lượng kiếp quá khứ đến nay, chúng ta đời này sang đời khác cũng tạo tác những ân oán nợ nần như vậy. Ngày nay trên đường tu đạo Bồ-đề, cho dù muốn theo đuổi sự nghiệp làm lợi ích hết thảy chúng sinh, trong ý niệm không một mảy may tự tư tự lợi, nhưng vẫn không thể né tránh được ma chướng.

Bồ Tát có trí tuệ, người học Phật chính là phải học được trí tuệ. Sự khởi dụng của trí tuệ là biết cách làm sao tiêu trừ ma chướng, làm sao chuyển đổi ma chướng thành trợ lực. Đó là trí tuệ, đó là điều chúng ta phải học theo đức Thế Tôn. Thế Tôn có thể làm cho Ma vương biến thành Hộ pháp, chân thành cảm hóa lòng người. Đây chính là chỗ khiếm khuyết của chúng ta, không có tâm ý chân thành.

Có lòng tốt là điều đúng đắn, nhưng lòng tốt không thôi thì chưa đủ, vẫn chưa có cách gì cảm hóa được tâm địa chúng sinh. Điểm này chúng ta cần phải nghiêm túc, nỗ lực.

Phần cuối chú giải này có mấy câu rất hay: *“Duy dĩ thật tâm hành thiện, tắc nhân sự ký hợp thiên tâm, nhi thiên ý khởi vi nhân nguyện.”* (Chỉ cần đem lòng chân thật làm việc thiện, ắt việc người làm đã phù hợp với lòng trời, mà ý trời đâu lẽ nào trái với tâm nguyện của người.)

“Chỉ cần đem lòng chân thật làm việc thiện.” Tâm chân thật chính là tâm chân thành, trong Phật pháp gọi là tâm Bồ-đề, nhà Nho gọi là *“thành ý chánh tâm”*, phải thành ý chánh tâm mà làm việc thiện.

“Ắt việc người làm đã phù hợp với lòng trời.” Ở đây gọi là *“lòng trời”*, trong đạo Phật gọi là tánh đức. Quý vị khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều phải tương ưng, phù hợp với tánh đức.

“Mà ý trời lẽ nào trái với tâm nguyện của người.” Ở đây nói *“ý trời”* để chỉ quỷ thần trong trời đất. Tâm quý vị chân

chánh, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi thì quý thần kính ngưỡng. Ví như gặp phải kẻ oán thù hay có nợ nần cũ, người ấy nhìn thấy quý vị như vậy cũng sinh lòng bội phục, kính ngưỡng, dù không hỗ trợ giúp đỡ cũng không thể ra tay làm hại, đó là lễ nhất định.

Nói thật ra, giáo dục vào thời xưa so với giáo dục thời nay không giống nhau. Thời xưa, người ta hiểu rõ được lý lẽ này. Ví như người nào đó cùng ta có mối thù giết cha, có mối thù không đội trời chung, nhất định phải báo thù. Thế nhưng người ấy hiện nay vì xã hội phụng sự, vì đại chúng phụng sự, thì ta không thể ra tay trả thù được. Vì sao vậy? Nếu ta vì báo thù mà giết người ấy đi thì chúng sinh không còn được hưởng phúc. Người ấy hiện nay đang thực sự vì chúng sinh phụng sự. Phải đợi đến lúc nào mới báo thù? Phải đợi khi người ấy không còn làm việc nữa, lui về nghỉ hưu, không phục vụ cho xã hội nữa. Vào thời điểm đó mới có thể ra tay báo thù. Đó là lễ nghĩa thời xưa của Trung quốc. Lấy ví dụ người ấy đang làm Tri huyện, đó là đang vì nhân dân trong huyện mà phục vụ. Chẳng những không thể ra tay báo thù mà còn phải hỗ trợ người ấy trong công việc, giúp cho người ấy được thành tựu. Vì sao vậy? [Chúng ta làm vậy] là vì [lợi ích của] chúng sinh, vì cả xã hội, không phải vì cá nhân người ấy. Đó gọi là hiểu biết lý lẽ.

Thế nhưng người đời nay không được giáo dục như vậy, làm sao hiểu được lý lẽ này? Không biết rằng việc gây chướng ngại một người làm việc thiện là gây tổn hại nghiêm trọng, nặng nề cho hết thảy chúng sinh trong xã hội. Việc quý vị báo thù là một lễ, nhưng cái trách nhiệm nhân quả của sự việc ấy quý vị phải gánh lấy. Người thực sự có trí tuệ thì thấy biết sáng tỏ, nên món nợ oán cừu này họ mới có thể tính toán được rõ ràng. Người ngu si làm sao hiểu được lý lẽ này?

Việc này xét đến nguồn gốc vẫn là do vấn đề giáo dục. Cho

nên Khổng tử dạy rằng: “*Học rồi không thể không dạy [cho người khác].*” Ngày ngày đều giảng giải [những điều đã học], đó là giáo hóa chúng sinh.

Dạy học không nhất định phải có trường lớp cố định, cũng không cần phải có số lượng người học nhất định, phải linh hoạt tùy nơi, tùy lúc. Chúng ta ngày nay gọi là cơ hội giáo dục, trong Phật pháp gọi là tùy duyên, “*tùy loại hiện thân, tùy duyên thuyết pháp*” (tùy theo chủng loại chúng sinh mà hiện thân thích hợp, tùy nhân duyên mà thuyết pháp). Theo cách nói ngày nay thì cơ hội giáo dục có thể là với ba người, năm người, bất kể ở nơi nào.

Khi tôi còn nhỏ đã từng thấy, những người già dạy học phần lớn là ở đầu quý vị có biết không? Là ở quán trà, họ dạy học phần nhiều là ở quán trà. Có dăm ba người bạn bè đến uống trà, họ liền ở đó giảng giải đạo lý. Những người uống trà chung quanh cũng lắng nghe, thật hết sức thú vị. Lắng nghe những lời của họ được tăng thêm học vấn, tăng thêm kiến thức. Quán trà thành ra lớp học ở vùng nông thôn.

Tuy nhiên, các vùng nông thôn khác có thể không có hiện tượng này. Ở quê tôi khuynh hướng văn chương rất mạnh, điều này mọi người đều biết. Đời nhà Thanh có văn phái Đồng Thành chính là xuất phát từ quê tôi. Cho nên ở vùng nông thôn quê tôi, các em nhỏ đều đi học, đều biết viết chữ. [Hồi đó] tôi nghĩ rằng các vùng nông thôn khác cũng vậy, nhưng rồi nghe nói các vùng khác không giống như quê tôi. Khuynh hướng văn chương, học tập ở quê tôi rất mạnh mẽ. Cho đến ngày nay, tuy có phần ít đi nhưng vẫn còn giữ được đôi chút căn bản.

Cho nên, đối với câu nói Khổng tử nói: “*Học mà không dạy, có lỗi không sửa*”, tôi có sự thể hội rất sâu sắc. Cách làm của người xưa rất đáng cho chúng ta noi làm theo, chúng ta phải học tập theo người xưa. Trong đạo Phật có *Tứ vô ngại*

biện (bốn biện tài không ngăn ngại) thì biện tài sau cuối là *Nhạo thuyết vô ngại biện* (Ưu thích giảng giải không ngăn ngại), vui vẻ thuyết giảng, vui vẻ dạy người. Người khác tìm đến thưa hỏi, đương nhiên ta phải giảng dạy. Người không tìm đến thưa hỏi, Bồ Tát cũng làm bạn không mời. Người ta không mời thỉnh, quý vị không thể lôi kéo họ đến để giảng giải. Điều đó không hợp lý. Quý vị có thể giảng giải với những người quen của mình, khiến họ đang ở gần đó cũng nghe thấy. Đó là vì họ mà làm người bạn không mời.

Thật ra, những điều nghi vấn của chúng sinh là vô lượng vô biên, nhưng có mấy người biết hướng Phật thỉnh pháp? Chúng ta xem trong Kinh điển thấy rõ, những vị hướng Phật thỉnh pháp đều là Phật, Bồ Tát hóa thân thị hiện. Do đó có thể biết rằng, đức Thế Tôn cũng thường vì chúng sinh mà làm *“bằng hữu không mời”*. Việc này có ý nghĩa sâu xa, súc tích, chúng ta cần phải có khả năng thể hội.

Tóm lại, lúc nào cũng mong cho hết thấy chúng sinh đều được phá trừ si mê, mở ra giác ngộ, khai mở trí tuệ chân thật; lúc nào cũng mong cầu hết thấy chúng sinh đều dứt ác tu thiện. Phá mê khai ngộ, đó là trí; dứt ác tu thiện, đó là đức. Những gì chư Phật, Bồ Tát, các bậc hiền thánh thực hiện ở thế gian này đều là như thế. Ngoài việc này ra, các ngài không có mong cầu gì khác. Các ngài thực sự đạt đến mức *“không tranh với người, không mong cầu trong đời”*. Đó thực sự là gương sáng để người tu học chúng ta noi theo.

Cho nên, chúng ta cần phải thực sự phát tâm Bồ-đề. Đạo Phật nói tâm Bồ-đề, trong thực tế thì nhà Nho cũng nói tâm Bồ-đề. Quý vị đem những điều nhà Nho với đạo Phật đã giảng giải so sánh với nhau sẽ thấy rõ ràng. Nhà Nho nói *thành ý*, trong Quán kinh [của đạo Phật] nói là *tâm chí thành*. Quý vị suy ngẫm xem *thành ý* với *tâm chí thành* có giống nhau chăng?

Nhà Nho nói *chính tâm*, trong Kinh Phật nói *tâm sâu vững, tâm hồi hướng phát nguyện*. Nhà Nho chỉ nói một điều, gọi là *chính tâm*. Phật pháp giảng thành hai điều, *tâm sâu vững* là tự mình lợi lạc, *tâm hồi hướng phát nguyện* là làm lợi lạc người khác, nhà Nho chỉ gọi chung là *chính tâm*.

Cho nên, các bậc thánh nhân thế gian hay xuất thế gian cũng đều lấy tâm Bồ-đề làm căn bản. Sự lợi lạc tự thân của *chính tâm* là tâm sâu vững. Tâm sâu vững là ưa thiện mến đức, trong lòng không một mảy may ý niệm xấu ác.

Tâm hồi hướng phát nguyện, trong luận Khởi tín gọi là tâm đại từ bi, đem tâm từ bi đối đãi với người khác. Chí thành là thể của tâm Bồ-đề, tâm sâu vững là lợi lạc của tâm Bồ-đề đối với chính mình, tâm hồi hướng phát nguyện là lợi lạc của tâm Bồ-đề đối với người khác.

Nhà Nho nói đơn giản, *thành ý* là thể, *chính tâm* là khởi dụng, sau đó mới có thể tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Nói “*bình thiên hạ*”, đó là hết thảy chúng sinh trong thiên hạ đều đạt đến sự bình đẳng, ý nghĩa là như vậy. Đem tâm thanh tịnh, bình đẳng đối đãi với hết thảy chúng sinh, đó là ý nghĩa của việc bình thiên hạ.

Tương tự như vậy, hai câu sau [trong chú giải] nói: “*Tự nhiên được sự giúp đỡ âm thầm, làm việc gì cũng thông suốt, làm việc gì cũng thành tựu.*” Trong Phật pháp gọi đây là chư Phật hộ niệm, các vị trời, rồng, thiên thần theo hỗ trợ, giúp đỡ quý vị. Không phải do điều gì khác, vẫn là một tấm lòng thành.

Quý vị xem, nữ cư sĩ họ Tề từng kể cho chúng ta nghe một câu chuyện cũ. Ở núi Thiên Mục, đạo tràng kia có một nhóm quỷ cư ngụ. Những quỷ này là quỷ nào? Là quỷ từ địa ngục vừa mới ra. Quý vị nên biết, người tạo tác nghiệp ác phải đọa vào địa ngục, thời gian chịu tội trong đó rất lâu. Nhóm quỷ này sau thời gian chịu tội trong địa ngục, vừa ra khỏi thì trú

ngụ trên núi ấy. Những quỷ thần như vậy đều không phải hiền thiện, nhưng nhìn thấy nữ cư sĩ họ Tề ở nơi ấy hộ trì đạo trường, không một chút lòng riêng tư, cho nên những quỷ thần này theo hộ trì bà. Họ hỏi bà xin một căn phòng, chuyện này bà ấy không kể với quý vị. Đó là phòng số 8. Phòng này luôn đóng cửa, mỗi năm chỉ mở một lần, chỉ duy nhất một mình bà Tề được vào đó, người khác không ai được vào.

Nhóm quỷ ấy từ địa ngục ra, ở nơi ấy tu hành. Những quỷ ấy cũng hộ trì đạo trường. Cho nên, tâm địa quý vị chân thành, vì Phật pháp, vì chúng sinh, những quỷ thần ấy thấy biết rất rõ ràng, họ theo giúp đỡ quý vị. Nếu quý vị không tu hành chân chánh, lên núi đó ở thì họ quấy phá quý vị, căn bản là quý vị không thể nào ở được trên núi ấy. Tương lai quý vị nào có cơ hội cứ lên núi ấy ở lại thử xem, cũng là để khảo nghiệm xem quý vị đã thật tu hay còn giả dối? Xem quý vị có đạt đến mức được quỷ thần hỗ trợ, giúp đỡ hay sẽ bị quỷ thần quấy phá, đùa bỡn?

Nữ cư sĩ Tề có kể lại, cũng đã có nhiều vị pháp sư lên núi ấy muốn ở lại, nhưng chưa được hai, ba hôm đã phải tự ý xuống núi. Chuyện này cho thấy rõ luân hồi là có thật. Quỷ thần trong trời đất theo giúp đỡ hay quấy phá người cũng là chuyện có thật. Chúng ta tự mình phải rõ biết để cảnh tỉnh, phải biết để phát khởi tâm nguyện phấn chấn hướng thượng tu tập.

Chỗ mong cầu của người theo Đạo giáo là được làm thần tiên, cho nên phần cuối đoạn thứ 35 nói “*thần tiên khả ký*” (có thể được làm thần tiên). Chúng ta học Phật, chí nguyện không ở chỗ được làm thần tiên, cũng không phải sinh về các cõi trời. Người học Phật chí nguyện là được thành Phật, nên chỉ cầu được vãng sinh Tịnh độ, so với chỗ mong cầu của Đạo giáo không giống nhau. Nhưng muốn thành Phật, thành Tổ, muốn được vãng sinh, thì thiện tâm, thiện hạnh

của chúng ta phải vượt xa hơn họ rất nhiều. Ở đây nói muốn thành thiên tiên phải làm được một ngàn ba trăm điều thiện, muốn thành địa tiên phải làm ba trăm điều thiện. Điều này cho chúng ta thấy được một sự thật là, tất cả thần tiên đều là người hiền thiện. Tâm hành bất thiện chỉ có thể làm quỷ, không thể làm thần tiên.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 83

(Giảng ngày 19 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 84, số hồ sơ: 19-012-0084)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua đã giảng đến đoạn cuối cùng nói về quả báo hiền thiện trong *Cảm ứng thiên*: “*Sở tác tất thành, thần tiên khả ký.*” (Việc làm ắt thành tựu, có thể thành thần tiên.) Tu hành theo Đạo giáo, mục đích cuối cùng là mong được làm thần tiên. Mục đích tu hành của đạo Phật là để thành Phật. Mục đích tu dưỡng của Nho gia là hướng về thánh hiền. Nói tóm lại, tất cả đều là những cảnh giới tu dưỡng cao nhất của đời người.

Trong Tam giáo, cách giảng nói tuy không giống nhau, nhưng nguyện vọng tu tập hết sức tương tự, tất cả đều dạy người dứt ác tu thiện, tu dưỡng tâm tánh, như vậy mới mong đạt đến mục đích tu tập cuối cùng.

Thế nhưng, trong Phật pháp giảng giải đặc biệt tinh tế, đề cập đến những phiền não hết sức vi tế, nhỏ nhặt, không chỉ là không dễ dứt trừ, mà trong thực tế còn là rất khó phát hiện. Những phiền não thô tháo, nặng nề rất dễ phát hiện, vừa nói ra thì chúng ta đều có thể lý giải được, còn với các phiền não vi tế chúng ta không có cách gì lý giải được. Chẳng hạn như đức Phật giảng rằng vọng tâm, vọng niệm sinh khởi và diệt mất trong từng sát-na, đó là điều chúng ta không cách gì thấy được, cũng không cách gì thể hội, cảm nhận được.

Thần tiên cũng chưa ra ngoài *ba cõi*. Nói cách khác, họ có khả năng hàng phục được phiền não, đó là kiến hoặc và tư hoặc, có thể hàng phục được nhưng chưa dứt trừ hết. Trong

kinh Phật dạy rằng, những cảnh giới của Tứ thiên và Bát định đều là công phu thiền định rất cao sâu, không phải loại công phu của người bình thường. Hành giả đi vào cảnh giới ấy rồi có khả năng thấy rõ được trạng huống của sáu đường luân hồi. Trong sáu đường luân hồi thì đặc biệt là cõi Địa ngục. Kinh Địa Tạng nói rất rõ, cảnh giới địa ngục nếu như không phải hàng Bồ Tát, không phải những tội nhân đã tạo ác nghiệp phải vào đó, thì không ai khác có thể nhìn thấy được. Thế nhưng đối với hành giả có công phu thiền định rất sâu [như nói trên], các vị khi nhập định có thể thấy được cảnh giới địa ngục ấy. Điều này cho chúng ta biết, cảnh giới trong thiền định đột phá vượt qua các chiều kích không gian và thời gian, cho nên hành giả trong định có thể thấy được sáu đường luân hồi, có thể thấy được quá khứ, có thể thấy được tương lai.

Thiền định trong Phật pháp so với các mức định ấy còn sâu xa hơn, những gì hành giả nhìn thấy được so ra còn rộng hơn. Hết thấy tâm hành của chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không đều có thể nhìn thấy.

Trong kinh Lăng Nghiêm giảng về “*Tịnh cực quang thông đạt*”, an tịnh đến mức cùng cực. Trong thực tế, nói an tịnh đến mức cùng cực đó cũng chính là bình thường chúng ta gọi là buông xả, buông xả hết mức. Cho đến tự thân ý niệm buông xả cũng buông xả luôn, bản năng của tự tính khôi phục hoàn toàn rồi thì việc dứt ác tu thiện, tu tâm dưỡng tính liền có hiệu quả viên mãn hiện tiền.

Công danh phú quý mà người thế gian mong cầu, hay sống lâu khỏe mạnh, đều là chuyện nhỏ nhặt, đương nhiên có thể cầu được. Quý vị xem trong *Liễu Phàm tứ huấn* có thể thấy được. Trong phần chú giải của *Cảm ứng thiên* cũng có rất nhiều trường hợp điển hình. Vận mạng có thể thay đổi, trong thực tế đó là quả báo, quả báo đó có thể thay đổi. Vì

sao quả báo còn có thể biến hóa thay đổi? Vì nhân thay đổi, mà nhân với quả lại tương ứng. *Nhân* ở đây là mọi sự khởi tâm động niệm. Trong quá khứ [chúng ta] không hiểu được ý nghĩa này, khởi tâm động niệm đều tạo tác ác nghiệp, tùy thuận phiền não, cho nên quả báo không được như ý. Ngày nay [chúng ta] tiếp nhận được sự răn dạy của thánh hiền, đối với việc này hiểu biết rõ ràng, biết rằng những ý niệm xấu ác, hành vi xấu ác đều là sai trái, có thể sửa đổi tất cả thành chân chánh, đó là khởi sự công phu [sửa đổi vận mạng] từ việc gieo nhân. Nhân đã được thay đổi, sửa chữa, quả đương nhiên phải khác đi. Nhân lành được quả lành, nhân ác phải chịu quả xấu ác, đó là sự thật. Tại Trung quốc, các bậc thánh nhân của Tam giáo đều dạy chúng ta như vậy. Trong Cảm ứng thiên có dẫn chứng rất nhiều sự việc, quý vị có thể lấy đó tham khảo.

Trong phần đầu [của chú giải đoạn này] dẫn chuyện Lý Doan Nguyên vào triều Tống hỏi thiền sư Đạt Quán: “Thiên đường, địa ngục rốt lại là có hay không?” Đây không phải vấn đề của riêng ông này, mà là nghi vấn của rất nhiều người. Đặc biệt là trong xã hội hiện đại, có rất nhiều người nêu ra vấn đề này. Có lẽ trong tương lai chúng ta cũng sẽ gặp rất nhiều người đưa ra câu hỏi này. Như vậy [thiên đàng và địa ngục] rốt lại là có hay không có?

Ngài Đạt Quán là thiền sư nên câu trả lời của ngài đầy thiền ý, là cảnh giới của thiền. Ngài đáp không sai, nhưng ý tứ quá cao siêu, người hiện nay có thể nghe qua mà hiểu được tôi cho là không nhiều. Câu trả lời của ngài là: “*Chư Phật nhắm vào chỗ không mà nói có, như mắt thấy hoa đốm. Thái úy lại đi tìm cái không từ trong chỗ có.*”

Lý Doan Nguyên thời ấy làm chức Thái úy, là một vị quan lớn, địa vị rất cao. Thiền sư bảo: “*Ông đi tìm không trong chỗ có, như mò trăng đáy nước.*” Câu trả lời này rất hay. Thế nhưng

ngày nay nếu có người hỏi chúng ta vấn đề này, nếu dùng hai câu trên để trả lời, chắc chắn là họ không thể hiểu được.

Trả lời với người đời nay phải nói thẳng rằng những sự việc [như thiên đàng, địa ngục] chắc chắn thật có. Vì sao nói khẳng định là có? So với câu trả lời của thiền sư không giống nhau. Thiền sư trả lời đó là chẳng có chẳng không, là cảnh giới cao tột. Vì sao nói khẳng định là không? Là vì quý vị có tâm. Quý vị có tâm là những việc ấy có, quý vị không có tâm thì không có. Sự thật là như vậy.

Nói có tâm, tâm đó là ý niệm. Quý vị có ý niệm là những sự việc ấy có. Quý vị không có ý niệm thì không có. Ý niệm là gì? Là những vọng tưởng, phân biệt, bám chấp [của quý vị]. Sáu đường luân hồi là do vọng tưởng, phân biệt, bám chấp biến hiện mà có. Bốn thánh pháp giới cũng do vọng tưởng, phân biệt biến hiện, nhưng trong đó không có sự bám chấp. Cho nên, lìa dứt được vọng tưởng, phân biệt, bám chấp thì không chỉ sáu đường luân hồi không còn nữa, mà cho đến mười pháp giới cũng không còn. Chúng ta cần phải hiểu rõ ý nghĩa này.

Hiểu rõ được ý nghĩa này rồi thì sẽ hiểu được việc dứt trừ hết thảy mọi việc xấu ác, tu tập hết thảy mọi pháp lành là lẽ đương nhiên phải vậy. Lợi ích cho hết thảy chúng sinh là sự nghiệp duy nhất của chúng ta trong đời này. Bất kể thân phận hiện nay của chúng ta là gì, bất kể ta đang làm công việc gì, nói chung đều là vì chúng sinh phục vụ, vì xã hội phục vụ, giúp đỡ hết thảy chúng sinh sửa lỗi, hướng thiện, giúp đỡ xã hội được bình an, ổn định và phồn vinh. Nếu không như vậy thì sinh ra ở thế gian này để làm gì?

Nhưng việc giúp đỡ chúng sinh, hỗ trợ xã hội có nhiều phương thức, cách làm không giống nhau, linh hoạt biến hóa vô cùng. Phần cuối kinh Hoa Nghiêm với 53 lần tham vấn [của Đồng tử Thiện Tài] chỉ bày cho chúng ta rất nhiều điều.

Chúng ta xem trong kinh thấy có những người hiền thiện, làm việc thiện, nhưng dường như cũng thấy những người rất giống như xấu ác, làm việc ác. Những vị ấy tất cả đều là Bồ Tát, đều là Phật, [việc làm] không gì là không lợi ích xã hội. Trong xã hội ấy căn tánh chúng sinh không tương đồng. Có những người đem lời hiền thiện khuyên bảo thì họ quay đầu hướng thiện. Lại có những người dùng lời hiền thiện khuyên bảo thì họ hết sức xem thường, phải dùng biện pháp dữ dội xấu ác thì họ mới chịu khuất phục, nghe lời. Cho nên, chư Phật, Bồ Tát gặp người hiền thiện thì đối với họ cũng hiền thiện, họ liền mến phục. Gặp người xấu ác, các ngài dùng biện pháp xấu ác với họ, người xấu ác cũng khuất phục. Cho nên các ngài thị hình hình tướng dù là thiện hay ác, vẫn thuần một tấm lòng lành, thuần nhất thiện tâm.

Chúng ta xem tượng Bồ Tát Quán Âm mười một khuôn mặt, trên đầu lại có thêm đầu khác, những khuôn mặt không giống nhau. Có khuôn mặt hết sức hiền từ, có khuôn mặt hết sức hung ác. Bồ Tát lẽ nào lại có nhiều đầu đến thế? Đó chỉ là phương pháp biểu trưng thôi, để cho chúng ta biết rằng, khuôn mặt [Bồ Tát] linh hoạt biến hóa vô cùng, gặp người như thế nào thì có khuôn mặt [thích hợp] như thế ấy. Khuôn mặt linh hoạt biến hóa vô cùng, phương cách [giáo hóa] cũng linh hoạt biến hóa vô cùng, nhưng tâm bất biến. Tâm địa [các ngài] luôn chân thành, thanh tịnh, từ bi, bình đẳng, điều này vĩnh viễn không thay đổi. Chúng ta phải học tập ở điểm này.

Người đời nói học để làm người, chúng ta trong Phật pháp phải học làm Bồ Tát, như vậy mới thành tựu được bản thân mình. Chỗ cao tột sáng suốt của chư Phật Bồ Tát là từ trong sự không phân biệt khởi sinh phân biệt, phân biệt mà không phân biệt; từ trong chỗ không bám chấp khởi sinh bám chấp, bám chấp mà không bám chấp.

Không bám chấp, không phân biệt là từ nơi chân tâm các ngài lưu xuất hiển lộ. Phân biệt, bám chấp là phương tiện

cách thức để giúp đỡ hỗ trợ chúng sinh. Cho nên, chỉ là một thể đồng nhất, không phải hai việc khác nhau.

Ma chướng phiền não của chúng ta hôm nay đều là vì không có được trí tuệ như thế, đem sự phân biệt với không phân biệt, bám chấp với không bám chấp, nhất định phân chia thành hai việc khác nhau, không hiểu được rằng đó chỉ là một thể đồng nhất. Như thế chẳng những không thể làm lợi ích chúng sinh, mà đối với chính bản thân mình cũng hết sức bất lợi, vậy nên vọng tưởng, phân biệt, bám chấp vĩnh viễn không dứt trừ được.

Không thể dứt trừ vọng tưởng, phân biệt, bám chấp thì cho dù chúng ta có dứt ác tu thiện, trì giới, niệm Phật, hết thấy đều là những việc thiện [hưởng phước báo] trong sáu đường luân hồi. Điều này chúng ta không thể không rõ biết.

Những việc thiện trong sáu đường luân hồi chiêu cảm quả báo tốt đẹp trong ba đường lành. Chúng ta học Phật, mục đích là thành Phật, thành Bồ Tát, đối với mục đích [hưởng phước báo trong ba đường lành] là mâu thuẫn nhau. Làm thế nào để phá trừ được sự mê chấp này là điều hết sức khó khăn. Nhưng nếu chúng ta thực sự phát tâm muốn thành tựu [đạo nghiệp] ngay trong một đời mà không giải quyết được [mê chấp] này thì nguyện vọng của chúng ta sẽ vĩnh viễn không thể nào đạt được.

Nếu muốn đột phá vượt qua cửa ải này, đức Phật dạy chúng ta biện pháp duy nhất là tụng đọc Kinh điển Đại thừa. Nhưng trong việc tụng đọc Kinh điển Đại thừa phải có đủ các yếu tố “*tín, giải, hành, chứng*” (tin nhận, hiểu rõ, hành trì, chứng nghiệm), như vậy mới thực sự là tụng đọc.

Phải tin nhận lời Phật răn dạy trong kinh. Bằng cách nào có thể khởi sinh lòng tin? Quý vị nhất định phải nhận hiểu, lý giải thật chính xác. Sự tin nhận được phát sinh từ sự hiểu rõ, sự hiểu rõ lại từ sự tin nhận mà đạt được. *Tín* và

giải phụ thuộc lẫn nhau và thành tựu cho nhau. Nếu như lý giải, nhận hiểu được chính xác, nhất định sẽ y theo lời dạy vâng làm. Nhận hiểu được một phần, quý vị sẽ có thể thực hành được một phần. Thực hành được một phần sẽ có thể lý giải nhận hiểu lên được hai phần. Cho nên, *giải* và *hành* cũng phụ thuộc lẫn nhau và thành tựu cho nhau.

Chỗ học được của chúng ta nếu không thể vận dụng vào thực tế thì sẽ không có cách gì hướng thiện nâng cao hơn nữa. Sự vận dụng thực tế này, Khổng tử nói rất đơn giản, nói rất hay, rằng vận dụng thực tế chính là dạy người khác học và sửa lỗi [của chính mình]. Vui vẻ giảng giải cho người khác, mỗi ngày đều tự phản tỉnh sửa chữa lỗi lầm. Đó là cái học thực sự, thực sự được lợi lạc. Nếu không chịu giảng giải cho người khác [những điều mình học được], không thể sửa chữa được lỗi lầm của mình. Như vậy không chỉ là không phù hợp với cảnh giới của thánh hiền, mà ngay cả những lời giảng dạy của thánh hiền quý vị cũng không có cách gì lý giải, nhận hiểu được. Cho nên, “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” (nguyện hiểu được ý nghĩa chân thật [trong lời dạy của] Như Lai) là việc không dễ dàng.

Hai câu cuối cùng, [đoạn thứ 36] là: “*Dục cầu thiên tiên giả, đương lập nhất thiên tam bách thiện. Dục cầu địa tiên giả, đương lập tam bách thiện.*” (Nếu muốn thành thiên tiên, phải làm một ngàn ba trăm điều thiện. Nếu muốn thành địa tiên, phải làm ba trăm điều thiện.) Trong phần chú giải có chú thích rất hay về thiên tiên và địa tiên, trích dẫn kinh Lăng Nghiêm nói về mười loại thần tiên. Hán Chung Ly là một vị trong Bát tiên, từng nói rằng có năm hạng thần tiên. Những điều này chúng ta có thể tham khảo. Chúng ta hiểu được cảnh giới tu học của những người theo Đạo giáo, đó cũng là những hiểu biết thường thức rất tốt.

Bài giảng thứ 84

(Giảng ngày 20 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 85, số hồ sơ: 19-012-0085)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Đoạn cuối cùng nói về quả báo hiền thiện trong *Cảm ứng thiên*, sách *Vị biên* có đưa ra một kết luận. Sự tu hành theo Đạo giáo, quả báo là thành tiên. Trong Phật pháp chỉ có kinh Lăng nghiêm nói đến vấn đề này. Thông thường trong kinh Phật đều chỉ nói đến sáu đường [luân hồi], riêng trong kinh Lăng nghiêm đề cập đến bảy cõi, tức là bảy đường [luân hồi]. [Ở đây] ngoài sáu đường [thông thường] ra còn nói thêm đến cõi tiên hay tiên đạo. Kinh nói đến mười hạng thần tiên, đều được trích dẫn liệt kê ở phần này trong *Vị biên*, quý vị có thể xem qua, có thể tham khảo.

Ngay trong Đạo giáo nói về thần tiên cũng có tầng bậc cao thấp khác nhau. Theo họ thì thấp nhất là quỷ tiên, tức là trong cảnh giới quỷ có loại tiên này. Tiếp theo, [cao dần lên] có nhân tiên, địa tiên, thần tiên, thiên tiên. Theo Đạo giáo thì cao nhất là thiên tiên, cũng giống như nhà Phật nói về cảnh giới chư thiên. Chúng ta xem thấy Đạo giáo nói về thần tiên rất giống với [nhà Phật nói về] chư thiên trong Dục giới, giống như Tứ vương thiên, Đao-lợi thiên, nhưng thiên tiên [của Đạo giáo] có thể là các vị [thiên tử] cao hơn, đến tận các tầng trời thuộc Sắc giới. Đó là quả báo của sự tu hành.

Chỗ mong cầu đạt đến của Nho gia là thánh nhân, hiền nhân, quân tử. Chỗ mong cầu của người tu theo Phật là thành Phật, Bồ Tát, A-la-hán. Có thể thấy rằng sự tu hành [của Tam giáo] đều có mục tiêu hướng đến, đều hy vọng có thể được chứng quả thánh. Quả báo trong Tam giáo cao thấp

bất đồng, công phu tu hành khác biệt, thế nhưng từ nơi việc dứt ác tu thiện, tích lũy công đức mà nói thì cả Tam giáo đều cùng một ý như nhau. Do đó chúng ta có thể nhận hiểu được rằng, trong việc tích lũy công đức, dứt ác tu thiện, công phu quả thật có sâu cạn khác nhau, rộng hẹp bất đồng, cho nên quả báo cũng khác biệt nhau rất lớn.

[Người tu hành trong] nhà Phật có thể đạt đến quả báo tốt ráo chính là nhờ nơi tâm Bồ-đề. Chúng ta tuy đã được nghe rất nhiều về tâm Bồ-đề, đã quá quen thuộc với tên gọi này, thế nhưng nói đến chỗ tốt ráo [của tâm Bồ-đề] thì chúng ta vẫn còn mịt mờ không biết. Hàm nghĩa của danh từ này hết sức sâu rộng, chúng ta không thể dùng sự suy nghĩ, tưởng tượng của mình để hiểu thấu hết được.

Trong kinh điển đức Phật dạy rằng, những suy nghĩ, tưởng tượng của chúng ta hết thảy đều không thể vượt ra ngoài ý thức. Nói cách khác, ý thức là một giới hạn, là một phạm vi. Phạm vi giới hạn đó trong kinh điển gọi là mười pháp giới. Vượt qua được [giới hạn] mười pháp giới mới gọi là pháp giới nhất chân. Chúng ta trong hiện tại không dễ dàng vượt qua được cánh cửa này. Hết thảy chúng ta đều để cho ý thức làm chủ bản thân mình. Dùng ý thức đó mà tu hành thì dù đạt đến [quả vị] cao nhất, viên mãn nhất, cũng chỉ đến mức như trong tông Thiên Thai gọi là *Tương tự tức Phật*, chưa phải là giai vị *Phần chứng*.¹ Bốn thánh pháp giới trong

¹ Theo giáo lý tông Thiên Thai, Đại sư Trí Giả căn cứ kinh Đại Bát Niết-bàn phân chia sáu giai vị từ phàm phu đến thành Phật như sau: (1) Lý tức (理即) hay Lý tức Phật, (2) Danh tự tức (名字即) hay Danh tự tức Phật, (3) Quán hành tức (觀行即) hay Quán hành tức Phật, (4) Tương tự tức (相似即) hay Tương tự tức Phật, (5) Phần chứng tức (分証即) hay Phần chứng tức Phật, và (6) Cứu cánh tức (究竟即) hay Cứu cánh tức Phật. Chỉ khi đạt đến Cứu cánh tức Phật mới là quả Phật viên mãn, tốt ráo. Các giai vị trước đó đều còn đang trong quá trình tu tập nâng cao, chẳng hạn như bốn mươi mốt giai vị Pháp thân Đại sĩ được nói trong kinh Hoa Nghiêm đều thuộc về Phần chứng tức Phật.

mười pháp giới là *Tương tự tức*, tuy chưa phải là cứu cánh viên mãn nhưng cũng không phải dễ dàng chứng đắc.

Tông Thiên Thai nói về giai vị *Quán hành* (quán xét và tu hành), chúng ta thông thường gọi là nỗ lực công phu tốt. Giai vị *Quán hành* chưa thể thoát ly sáu đường [luân hồi]. [Hành giả] có thể sinh về các tầng trời Dục giới, Sắc giới, thậm chí có thể sinh về các tầng trời Vô sắc giới, nhưng không ra khỏi sáu đường [luân hồi]. Giai vị *Tương tự* thì ra khỏi được sáu đường, nhưng chưa thể ra khỏi mười pháp giới.

Do đó có thể biết rằng, việc tu hành chứng quả thật không phải chuyện dễ dàng. Chỉ riêng với người toàn tâm toàn ý tu học theo Tịnh độ mới được Phật lực gia trì. Chúng ta ngẫm nghĩ xem, dựa vào đâu mà được Phật lực gia trì? Trong kinh A-di-đà dạy chúng ta là phải dựa vào *thiện tâm* (tâm hiền thiện), *thiện hạnh* (hành vi hiền thiện) và *nguyện tâm* (tâm phát nguyện) mới có thể được Phật lực gia trì. Thiện tâm và thiện hạnh đó phải phù hợp với những tiêu chuẩn Phật dạy.

Những tiêu chuẩn Phật dạy đó, trong thực tế chính là *tịnh nghiệp tam phúc* (ba phước lành tạo nghiệp thanh tịnh). Chúng ta làm sao biết được như vậy? Trong *Quán kinh*, phu nhân Vi-đề-hy vì chán bỏ thế gian này, mong muốn được vãng sinh về cõi lành, nên thỉnh cầu đức Phật Thích-ca Mâu-ni chỉ bày cho bà. Đức Phật dùng thần lực khiến các cõi Phật trong mười phương đều hiện ra ngay trước mắt bà, giống như chúng ta ngày nay xem trên truyền hình vậy, để cho bà tự chọn lựa. Bà xem qua hết rồi liền chọn thế giới Tây phương Cực Lạc. Đức Thế Tôn hết sức ngợi khen sự chọn lựa của bà, đó là một sự chọn lựa đầy trí tuệ.

Chọn lựa xong rồi thì phải làm sao để được sinh về thế giới Cực Lạc? Đức Phật khi còn chưa dạy về phương pháp vãng sinh, trước đó đã thuyết dạy về *tịnh nghiệp tam phúc* (ba phước lành tạo nghiệp thanh tịnh). Thuyết dạy xong, đức

Phật nói với phu nhân Vi-đề-hy rằng, ba điều [phước lành] này là “*chánh nhân tạo nghiệp thanh tịnh của chư Phật trong mười phương, ba đời*”. Câu này hết sức trọng yếu, cực kỳ trọng yếu, vì cho chúng ta hiểu rõ được rằng, trong Phật pháp bất kể là tu học theo pháp môn nào, quý vị muốn chúng quả đều phải lấy ba điều phúc lành này làm nền tảng. Bất kể là quý vị học theo pháp môn nào, quý vị đều phải lấy ba điều này làm nền tảng thì mới có thể được thành tựu. Cho nên, đây là “*chánh nhân tạo nghiệp thanh tịnh của chư Phật trong mười phương, ba đời*”.

Vì thế, chúng ta hiểu được rằng, bất kể là tu học pháp môn nào, có thể thành tựu hay không thì phải quan sát xem ba điều phúc lành này quý vị có làm được hay không? Không có nền tảng là ba điều phúc lành này, dù tu pháp môn nào cũng đều không thể thành tựu, niệm Phật cũng không thể thành tựu, cũng không thể vãng sinh. Do đây chúng ta biết rằng ba điều phúc lành này là hết sức trọng yếu. Đây là pháp tu hành căn bản trong Phật pháp.

Có được nền tảng [là ba điều phúc lành] này rồi, thêm lòng tin sâu vững, tâm nguyện thiết tha thì nhất định sẽ được vãng sinh. Nếu không có được nền tảng như vậy, trong một đời này dù có niệm Phật cũng không thể vãng sinh.

Thế nhưng, việc niệm Phật cũng không phải hoàn toàn vô ích, [dù không vãng sinh nhưng] sẽ được phước báo trong hai cõi trời, người. Nói rằng được phước báo trong hai cõi trời người, nhưng cũng nhất định phải tương ứng, phù hợp với mười nghiệp lành thì mới được sinh trong hai cõi trời, người. Nếu như niệm Phật mà tâm bất thiện, việc làm bất thiện, tuy cũng được phước báo nhưng là phước báo phải sinh vào trong cảnh giới ngạ quỷ, súc sinh mà thụ hưởng. Riêng cảnh giới địa ngục thì dù có phước báo cũng không cách gì được hưởng. Trong địa ngục nhất định không có phước báo. Thế

nhưng phước báo quý vị đã tu tích cũng không hề mất đi. Sau khi ra khỏi địa ngục sinh làm quỷ, hoặc sinh làm súc sinh, làm người, thì phước báo ấy sẽ hiển hiện.

Điều này quý vị có thể nhận hiểu được từ lời kể lại của nữ cư sĩ họ Tề trong mấy ngày qua. Bà kể rằng ở núi Thiên Mục có một nhóm quỷ vừa mới từ địa ngục ra. Đó là những kẻ [trước đây] tạo mười nghiệp ác và năm tội nghịch,¹ phải đọa vào địa ngục, chịu tội trong một thời gian rất lâu. Chịu tội xong rồi mới được thoát ra. Những kẻ này vừa ra khỏi địa ngục lại sinh làm quỷ, nhưng trong quá khứ nhất định đã có duyên phần rất sâu với Phật pháp, cho nên ra khỏi địa ngục sinh làm thân quỷ mà biết tu hành. Họ đi tìm một chỗ thanh tịnh để tu hành.

Những vị này nương gá vào thân người để nói ra những điều họ muốn nói. Họ nói những điều rất có ý nghĩa. Trên núi ấy tất nhiên có rất nhiều người, nhưng họ không dám nương gá vào, vì người bị quỷ nương gá sẽ tổn hại nguyên khí rất nặng nề. Cho nên họ phải đi tìm một người còn trẻ có thân thể cường tráng. Người thân thể yếu ớt, suy nhược họ không tìm đến. Họ còn có tâm từ bi, không tùy tiện gây tổn hại cho người khác. Từ chỗ này chúng ta có thể quan sát thấy được hết sức rõ ràng, minh bạch, chuyện này quả là sự thật, không phải giả dối.

Vì thế, lần này nữ cư sĩ họ Tề đến đây chính là Phật, Bồ Tát bảo bà đến để vì chúng ta mà làm một sự chứng thực, làm người chứng thực mắt thấy tai nghe. Như nói rằng bà ấy đến đây để thỉnh kinh, để tham học, thật không bằng nói rằng chư Phật, Bồ Tát sai phái bà đến đây để vì chúng ta làm một người chứng mắt thấy tai nghe, giúp chúng ta tăng trưởng lòng tin.

¹ Năm tội nghịch hay ngũ nghịch tội, bao gồm các tội: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm ô uế hình tượng Phật và phá hòa hợp Tăng.

Hy vọng quý vị đồng học chúng ta, trong tương lai nếu có dịp nào đến núi Thiên Mục tham học, hãy giúp đỡ hỗ trợ cho đạo trường nơi ấy, khôi phục lại đạo trường nơi ấy. Chúng ta biết rằng đạo trường ấy có Phật, Bồ Tát an trụ ở đó, lại có rất nhiều loài chúng sinh mà mắt thường chúng ta không thể nhìn thấy cũng tu hành nơi đó. Thậm chí bà Tề còn tiết lộ thông tin là ở đó có cả những con vật biết tu hành. Trên núi ấy quả thật có Hộ pháp.

Do đó có thể biết rằng, trong Phật pháp không phân chia tộc loại, hết thảy đều bình đẳng, [phát tâm tu hành thì] là quý cũng tốt, súc sinh cũng tốt, chỉ cần thực sự chân tu thì đều được chư Phật hộ niệm, các vị hộ pháp, thiện thần theo giúp đỡ bảo vệ. Theo lời bà ấy kể lại rõ ràng, nếu không phải bậc chân tu, tâm hạnh không chân chánh, thì dù là người xuất gia, một lão hòa thượng đến hơn tám mươi tuổi, cũng bị đuổi xuống khỏi núi.

Chúng ta nghe qua điều này thì trong lòng hết sức sáng tỏ, cũng thấy được an ủi hết sức, chỉ cần có chư Phật, Bồ Tát ở đâu thì địa phương ấy đều là đất lành, là phúc địa. Nơi ấy sẽ được che chở bảo vệ, không có tai nạn lớn, đó là phúc báo của người dân Trung quốc. Những nơi chư Phật, Bồ Tát, thần tiên tu hành, thảy đều là những thánh địa hết sức tốt đẹp. Tôi hiện nay bị chút hư danh trói buộc, tùy ý hành động không thuận tiện, nếu không thì nghe qua việc này rồi tôi nhất định sẽ lên núi [Thiên Mục] ấy mà tham học. Cho nên hy vọng quý vị đồng tu ghi nhớ kỹ điều này, đó là một nơi tốt đẹp [để tu hành].

Trước đây tôi từng nghe nói, Trung quốc có nhiều đạo trường thù thắng, nhưng sự cảm ứng, linh nghiệm cũng không nghe được nhiều lắm, nhất là những cảm ứng rõ ràng như [ở núi Thiên Mục] này, tôi thật rất ít nghe nói đến. Chúng ta biết rằng đó là chư Phật, Bồ Tát thị hiện cho chúng ta thấy

được, để giúp chúng ta tăng trưởng thiện tâm, thiện nguyện, khuyến khích chúng ta [tu hành], ngay trong một đời này nhất định phải có sự thành tựu, giúp cho chúng ta có thể ở nơi đâu sào trăm thước tiến thêm bước nữa.

Đoạn này trong *Vị biên chú* giải không nhiều, nhưng mỗi câu đều hết sức chọn lọc, súc tích, hết thảy đều là trích từ kinh Phật, thực sự là tinh hoa trong kinh điển, hy vọng quý vị đồng môn có thể tự mình xem kỹ. Phần cuối [của chú giải], sách này dẫn ra hai câu trong *Vạn thiện đồng quy tập*: “*Vạn điều lành là hành trang Bồ Tát trên đường tu đạo. Muôn công hạnh là giai tầng thang bậc trợ đạo chư Phật.*” Hai câu này hết sức quan trọng thiết yếu. Quý vị đồng tu học Phật không thể không có thiện tâm, không thể không có thiện ý. Những thiện tâm, thiện ý này biểu hiện ngay trong cuộc sống thường ngày là những công hạnh, việc làm, bởi tâm ý biến thành hành vi, đó cũng là thiện hạnh. Hai câu này chúng ta có thể diễn đạt lại theo cách hơi khác một chút. Thiện tâm, thiện ý là điều kiện tất yếu để Bồ Tát tu hành chứng quả. Thiện hạnh là giai tầng thang bậc trợ đạo của chư Phật, tức là những nhân tố để không ngừng hướng thượng vươn lên.

Chư Phật [đang nói ở đây] là *Phần chứng tức Phật*. Trong kinh Hoa Nghiêm, bốn mươi một giai vị Pháp thân Đại sĩ là thuộc về *Phần chứng tức Phật*. Tuy đã thành Phật nhưng [vì là *Phần chứng tức Phật* nên] vẫn còn tầng bậc, vẫn không ngừng hướng thượng vươn lên. Phải nhờ nơi việc làm thiện, công hạnh thiện này mới hỗ trợ quý vị nâng cao, tăng tiến thêm. Muốn vượt qua bốn mươi một tầng bậc giai vị, chứng đắc quả Phật viên mãn rốt ráo, đều phải dựa vào việc làm, công hạnh hiền thiện.

Cho nên, [ba yếu tố] thiện tâm, thiện ý, thiện hạnh này chúng ta nhất định phải học tập, phải y chiếu theo tiêu chuẩn trong kinh điển. Trong giai đoạn hiện nay của chúng ta thì

tiêu chuẩn chính là ba điều phúc lành [tạo nghiệp thanh tịnh]. Trong ba điều phúc lành này có nói đến mười nghiệp lành, có nói đến Tam quy y, có nói đến các điều giới, giới luật, cuối cùng nói đến tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, trong đó bao quát hết thủy thiện tâm, thiện ý, thiện hạnh.

Nhất định phải nghe theo lời răn dạy của đức Phật, phải buông xả hết mọi thành kiến của bản thân, triệt để buông xả hết mọi sự phân biệt bám chấp của bản thân, theo đúng lời răn dạy của đức Phật. Như vậy thì một đời này của chúng ta mới có sự thành tựu, mới không luống qua vô ích.

Hôm nay giảng đến đây là tôi đã giới thiệu xong hết chương [thứ ba nói về quả báo hiền thiện]. Phần tiếp theo bắt đầu từ đoạn thứ 37 là thuộc về chương thứ tư, nói về quả báo xấu ác.

Hôm nay chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 85

(Giảng ngày 21 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 86, số hồ sơ: 19-012-0086)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Xin mời xem đoạn thứ 37 trong *Cảm ứng thiên*: “*Cầu hoặc phi nghĩa nhi động, bội lý nhi hành.*” (Nếu như nghĩ điều phi nghĩa, làm việc trái lẽ.)

Từ câu này cho đến câu thứ 44, “*Cường cường bất nhân, ngân lệ tự dụng*” (Cứng rắn chẳng có lòng nhân, làm điều tàn nhẫn tự cho là đúng) là nói về những điều ác lớn.

Nội dung trong toàn bản văn *Cảm ứng thiên* không gì khác hơn là khuyên làm việc thiện, ngăn làm việc ác. Phần văn khuyên làm thiện ít, phần nói về ngăn việc ác nhiều, chỗ dụng ý này của bản văn chúng ta có thể nhận hiểu được. Chính như trong kinh Địa Tạng, đức Phật cũng có dạy: “*Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, khởi tâm động niệm không một điều gì là không tạo tội.*” Chúng ta cũng thấy rõ trong luận *Bách pháp minh môn*, chỉ có 11 pháp lành nhưng đến 26 pháp xấu ác.

Do đó có thể biết rằng, Tuân tử nói về tánh ác không phải là vô lý. Tánh ác đó là tập tánh, do thói quen tập thành, không phải bản tánh vốn có. Bản tánh thì không thể nói là thiện hay ác. Cho nên, Khổng tử nói về tánh so với Mạnh tử, Tuân tử là khác biệt. Khổng tử nói về [tánh là] bản tánh, cho nên “*tánh tương cận*” (tánh [của mọi người] đều gần nhau). Bản tánh của hết thảy chúng sinh đều rất gần gũi nhau. Trong Phật pháp dạy rằng bản tánh [của tất cả chúng sinh] là một, [không chia tách], không phải hai. Ý nghĩa này còn sâu sắc hơn nữa.

Mạnh tử, Tuân tử nói về [tánh là] tập tánh, cho nên “*tập tương viễn*” (tập quen thì ngày càng xa). Tập tánh đó [mỗi ngày đều tiêm nhiễm, tập thành thói quen], dần dần xa lìa bản tánh. Nói “*ngày càng xa*” đó là xa lìa bản tánh. Trong Phật pháp dạy rằng đó là mê muội đánh mất bản tánh. Tập tánh [thành thói quen] mê muội đánh mất đi bản tánh.

Một lần mê muội rồi không hiểu biết để quay đầu hướng thiện, mê muội không phản tỉnh, không biết quay đầu. Không quay đầu hướng thiện thì càng mê càng lún sâu. Quý vị xem, từ nơi Phật pháp giới, trong mười pháp giới, từ Phật pháp giới xuống dần đến Bồ Tát, Duyên giác, Thanh văn, đến sáu đường luân hồi, thẳng vào ba đường ác, càng mê càng lún sâu, quả thật là kiếp sau lại càng tồi tệ hơn kiếp trước. Đây là hiện trạng thực tế [của hết thảy chúng sinh], cứ mỗi kiếp sinh ra lại càng tồi tệ hơn kiếp trước đó. Cho nên mới làm khổ nhục chư Phật, Bồ Tát [phải vào] trong sáu đường, mười pháp giới để giáo hóa chúng sinh.

Người căn tánh nhanh lẹ sáng suốt, có duyên cùng chư Phật, Bồ Tát thì nghe qua lời khuyên dạy liền dễ dàng giác ngộ, chịu quay đầu hướng thiện, đó gọi là được cứu độ. Người duyên phần cạn cợt không được gặp chư Phật, Bồ Tát thì không có cách nào [giải thoát]. Người gặp được chư Phật, Bồ Tát, nghe được lời răn dạy của chư Phật, Bồ Tát, nhưng không thể tin sâu, không thể vâng làm, vẫn như cũ tạo tác ác nghiệp đọa lạc vào đường ác, nhưng khi ấy trong thức a-lại-da cũng đã gieo cấy được căn lành. Chỉ là căn lành ấy còn rất mong manh yếu ớt, mà tập khí phiền não thì mạnh mẽ lớn lao, nên căn lành không chống chọi được với tập khí phiền não, vẫn phải chịu luân chuyển nhiều kiếp dài lâu.

Chúng ta đời này gặp được Phật pháp, thật hết sức may mắn là có thể tin nhận, vâng làm theo. Nên biết rằng đó là căn lành được tích lũy từ vô lượng kiếp đến nay, trải qua đời đời kiếp kiếp đã từng được nghe Phật pháp, đến đời này [căn

lành ấy] mới khởi sinh tác dụng [tốt đẹp] này. [Căn lành] khởi sinh tác dụng là được cứu độ, vì chư Phật, Bồ Tát từ bi, nên nói rằng “*trong cửa Phật không bỏ một ai*”.

Hôm qua, Lý Hội trưởng bảo tôi cách đây hai ngày có một vị lão bà cư sĩ, đã hơn sáu mươi tuổi, thường đến Niệm Phật đường của chúng ta niệm Phật. Bà có bệnh, mà bệnh rất nặng, liền nói với Lý cư sĩ là bà sắp vãng sinh, nhờ Lý cư sĩ giúp bà lo hậu sự. Lý cư sĩ nói: “Ngày 26 này tôi phải đi Trung quốc, bà nếu có vãng sinh thì phải đi trước ngày này, tôi mới có thể lo hậu sự cho bà. Nếu bà đi sau ngày đó thì tôi không lo được.”

Bà nói: “Được.” Thế rồi đến ngày hôm qua, tức là ngày 20, bà nói đến 5 giờ chiều sẽ vãng sinh. Điều này trước đó mấy ngày bà cũng nói với người khác rồi. Hôm qua, quả đúng 5 giờ chiều, không sai lệch một giây một phút nào, bà thực sự vãng sinh. Lý cư sĩ nhận lời bà nên đứng ra lo hậu sự. Ông nói sau khi lo hậu sự rồi, đến ngày 25 thì mới hoàn tất viên mãn, ngày 26 ông sẽ đi Trung quốc.

Chuyện như thế này không chỉ xảy ra một lần, trước đây đã gặp như vậy nhiều lần rồi. Không chỉ là biết trước ngày giờ vãng sinh, mà còn có thể đi trước đó, hoặc chậm lại sau đó. Trong Phật pháp gọi là “*sinh tử tự tại*” (sống chết tùy ý muốn). Bà ấy có thể đi trước đó, cũng có thể đi sau đó, muốn đi ngày nào thì đi, đó thật là sinh tử tự tại. Một lão bà niệm Phật trong Niệm Phật Đường [mà được như thế].

Quý vị phải biết rằng, đó gọi là chúng sinh căn cơ đã chín muồi. Bà lão này thực sự đã thành tựu. Bà về làm Phật ở thế giới Tây phương Cực Lạc rồi. Cho nên tôi cũng thường nói, đạo trường thù thắng, Niệm Phật Đường thù thắng, không phải ở chỗ có đông người, mà ở chỗ thực sự vãng sinh được bao nhiêu người, đó mới gọi là thù thắng. Chúng ta xem trong sách *Tây phương xác chỉ*, Bồ Tát Giác Minh Diệu Hạnh cùng

một nhóm người đồng tu, cả thầy chỉ có 12 người, tất cả 12 người đều được vãng sinh. Quý vị nói xem, thật thù thắng biết bao. [Đạo trưởng] thù thắng hay không phải xét ở điểm này. Đồng người thì ồn ào náo nhiệt, có gì là thù thắng?

Niệm Phật nhờ đâu có thể vãng sinh? Những ý nghĩa, phương pháp, phạm vi này, chúng ta hiện nay đã hiểu được cũng khá rõ ràng rồi. Tu học theo đúng lý, đúng pháp thì như các bậc đại đức xưa đã nói: “*Muôn người tu, muôn người vãng sinh.*” Đó là sự thật. Nói chung tu hành [niệm Phật] không thể vãng sinh là do quý vị đối với thế gian này còn có sự lưu luyến, đó cũng gọi là không buông xả được. Điều này thực sự là chướng ngại.

Chúng ta mỗi ngày đều tụng đọc Kinh điển Đại thừa, nhất định phải hiểu rõ được rằng thế gian này là hư ảo, không phải chân thật. Hết thấy những gì có hình tướng đều là hư vọng, hết thấy các pháp hữu vi đều như mộng ảo, như bọt nước, bất kể sự việc gì cũng đều không xem là chân thật, chỉ có việc niệm Phật cầu vãng sinh là chân thật, quyết tâm kiên định, người như vậy là tuổi thọ vô lượng, là sáng suốt vô lượng.

Vị lão bà cư sĩ hôm qua vừa vãng sinh, trước đó khi bà đến đây niệm Phật, nhiều Phật cũng đều là tuổi thọ vô lượng, đều là sáng suốt vô lượng. Vãng sinh đó là sống mà vãng sinh, không phải chết rồi mới vãng sinh. Phật pháp như vậy gọi là Phật pháp thành tựu khi đang sống. Sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc thì cái túi da hôi thối này không cần đến nữa, vất bỏ hẳn đi, chuyển đổi một thân thể khác, chuyển sang một thân thể không khác với thân Phật A-di-đà. Trong kinh cho chúng ta biết đó là “*tử ma chân kim sắc thân*” (sắc thân bằng vàng ròng tử ma),¹ tướng tốt vẻ đẹp rực rỡ tươi sáng so với Phật hoàn toàn tương đồng.

¹ Tử ma chân kim: vàng ròng tử ma, một loại vàng quý hiếm nhất được đề cập đến trong kinh điển, có màu vàng sáng ngả sang màu đỏ tía rất đẹp.

Thế giới Tây phương Cực Lạc là thế giới bình đẳng, đó mới là chân thật, ngoài ra thì mọi thứ đều là giả. Đã là giả thì giữ trong lòng để làm gì? Chúng ta phải hiểu rõ được ý nghĩa này, phải nhận biết được sự thật này.

Dứt ác tu thiện là căn bản của việc học Phật, là điều kiện phải có để được vãng sinh. Khi giảng kinh tôi cũng đặc biệt nhấn mạnh, đã sinh về thế giới Tây phương Cực Lạc thì mỗi người đều là bậc thượng thiện, ắt phải có đủ các điều kiện của bậc thượng thiện.

Về bậc thượng thiện, tôi đã có nói qua, tâm phải thiện, ý phải thiện, công hạnh phải thiện, trong đời sống thường ngày, đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật không một mảy may ác ý. Chúng ta có đủ được những điều kiện này thì niệm Phật mới được vãng sinh.

Do đó có thể biết rằng, có rất nhiều người niệm Phật, suốt một đời niệm Phật, cuối cùng không thể vãng sinh. Đại đa số là vậy. Ngày trước khi tôi ở Đài Trung, lão sư Lý Bình Nam thường nói với tôi: *“Muôn người niệm Phật, thực sự được vãng sinh chỉ vài ba người mà thôi.”*

Vì sao có hiện trạng như vậy? Nguyên nhân này hiện nay chúng ta đã hiểu được rồi. Niệm Phật rất tốt, cũng hết sức tinh tấn, dũng mãnh, trì giới thật tinh nghiêm, nhưng vẫn không thể vãng sinh. Nguyên nhân là gì? Vì ba tiêu chuẩn *tâm thiện, ý thiện, công hạnh thiện* vẫn chưa đạt được. Trong hoàn cảnh thuận vẫn còn khởi sinh tham ái, trong hoàn cảnh trái nghịch vẫn còn khởi sinh sân hận. Như vậy thì không thể vãng sinh. Điều này chúng ta phải hiểu rõ thật sáng tỏ.

Thế nào là ác niệm, thế nào là ác hạnh, đặc biệt cũng phải nhận hiểu rõ. Điều ác dứt trừ được hết thì đó chính là thiện. Cho nên, trong Cẩn ứng thiên giảng về quả báo xấu ác rất nhiều, không chỉ nhiều hơn nói về quả báo hiền thiện một phần. Chúng ta xem về phân lượng thì giảng về quả báo

hiền thiện chỉ một phần tư, trong khi giảng về quả báo xấu ác có đến ba phần tư.

Câu đầu tiên [của chương này] là nói tổng quát: “*Cầu hoặc phi nghĩa nhi động, bội lý nhi hành.*” (Nếu như nghĩ điều phi nghĩa, làm việc trái lẽ.) Phần chú giải của câu này nói rất rõ: “*Từ nay đến chết luôn ghi nhớ, rõ ràng làm ác là chuốc điều tai họa. Hai câu này nêu lên đề cương bao quát.*” Ở đây nói hai câu này là cương lĩnh tổng quát.

Lại trong chú giải nói rất hay: “*Nghĩ là khởi lên trong lòng, làm là thể hiện thành sự việc.*”

Ở đây, “*động*” là khởi tâm động niệm, đó là nói tâm xấu ác, ý xấu ác. “*Làm việc trái lẽ*” là làm việc xấu ác, so với *thiện tâm, thiện ý, thiện hạnh* là hoàn toàn trái ngược.

Nói “*nghĩ điều phi nghĩa*”, chữ “*nghĩa*” ở đây là nghĩa lý, chỉ một chữ này [hiểu theo] tiêu chuẩn sâu cạn đã khác nhau rất nhiều.

Theo tiêu chuẩn [sâu xa] của Đại thừa, “*nghĩa*” ở đây là đức của tự tánh. Những ý niệm nào không phù hợp với đức của tự tánh thì đều là xấu ác. Tiêu chuẩn dựa theo đức của tự tánh là rất cao, là tiêu chuẩn của hàng Bồ Tát. Chúng ta lấy một ví dụ trong Đàn kinh mà nói, Đại sư Huệ Năng dạy rằng “*bản lai vô nhất vật*” (xưa nay không một vật), nên chỉ cần “*có một vật*” là đã sai rồi. Vì thế, Thiên tông [có câu nói rằng]: “*Niệm một tiếng Phật, súc miệng ba ngày còn chưa sạch.*” Nói như vậy có ý nghĩa gì không? Quả thật có ý nghĩa. Trong tâm xưa nay vốn không có một vật, Phật từ đâu đến?

Quý vị xem, ngay cả việc niệm Phật còn là sai lầm, trong lòng khởi lên bất kỳ ý niệm gì, dù nghĩ đến Phật cũng là sai trái, huống chi nghĩ đến chuyện gì khác? Chúng ta thử đặt lại câu hỏi, trong tâm không có bất cứ điều gì, không có bất cứ ý niệm gì, như vậy đúng hay không? Không đúng, như vậy vẫn là sai lầm. Sai lầm như thế nào? Đó là quý vị rơi vào vô

minh. Quý vị thực sự không nghĩ tưởng gì trong tâm, tương lai quý vị sẽ sinh về đâu? Sinh về cõi trời Vô tưởng. [Sinh về] cõi trời Vô tưởng đều là ngoại đạo.

Như vậy, quý vị nói khởi tâm động niệm là sai, không khởi tâm động niệm cũng là sai, rốt lại phải làm thế nào? Các bậc tổ sư, đại đức thường đến chỗ then chốt này thì không nói nữa, quý vị phải tự mình tham cứu.

Sự tu học Phật pháp, bất kể là Đại thừa hay Tiểu thừa, đều phải ghi nhớ một cương lĩnh chung, một nguyên tắc chung, đó là định và tuệ phải song song tu học. Có định mà không có tuệ thì rơi vào vô minh. Có tuệ mà không có định thì rơi vào vọng tưởng. Vô minh và vọng tưởng, cả hai bên đều không rơi vào, đó gọi là *“định tuệ cùng học”*, cũng gọi là *“phước tuệ cùng tu”*. Mọi thứ đều rõ biết, đó là *tuệ*. An nhiên không lay động, đó là *định*. Trong lúc an nhiên không lay động thì cũng đồng thời mọi thứ đều rõ biết. Trong lúc mọi thứ đều rõ biết thì cũng đồng thời an nhiên không lay động. Đó là công phu chân thật.

Bất kể rơi vào hoàn cảnh thuận hay nghịch, gặp phải thiện duyên hay ác duyên, đối với hành giả đều không thấy trở ngại. Bên ngoài không bám chấp hình tướng, bên trong không dao động nội tâm, sáng tỏ rõ ràng. Kinh điển Đại thừa thường nói là *“tĩnh lặng mà sáng suốt, sáng suốt mà tĩnh lặng”*. Tĩnh lặng là an nhiên không lay động, sáng suốt là mọi thứ đều rõ biết. Cho nên, bất kể làm gì thì vẫn luôn sống trong định tuệ, so với kẻ phạm phu hoàn toàn khác biệt.

Cảnh giới ấy rất cao, những người mới học như chúng ta nhất định không đạt đến. Không thể đạt đến thì tiêu chuẩn hiểu về chữ *“nghĩa”* ở đây cần phải hạ thấp xuống. Hạ xuống đến tiêu chuẩn thấp nhất, như tôi thường khuyên mọi người là, vâng theo lời răn dạy của Phật, đó là *“nghĩa”*, hiểu theo trình độ của chúng ta hiện nay.

Chúng ta y theo kinh Vô Lượng Thọ, y theo *Cảm ứng thiên*. *Cảm ứng thiên* có thể dựa theo được, tuy không phải là kinh Phật, nhưng được Tổ Ấn Quang đề xướng. Những gì trong *Cảm ứng thiên* giảng giải đều chính là [lời Phật dạy]: “*Không làm các việc ác, thành tựu các hạnh lành.*” Trong chú giải của sách *Vị biên* cũng có [lời Phật dạy]: “*Tự làm trong sạch tâm ý.*” Những điều này so với lời Phật dạy không khác, chúng ta nên dựa vào, nên y theo, [tu tập] thành tựu *thiện tâm, thiện ý, thiện hạnh* của mình.

Cho nên, mỗi lúc khởi tâm động niệm đều phải thường tự suy ngẫm xem ý niệm của mình, tư tưởng của mình có thuận theo lời Phật dạy hay không? Nếu theo như trong kinh điển đức Phật không cho phép những suy nghĩ như vậy, không cho phép ta khởi lên ý niệm như vậy thì phải nhanh chóng buông bỏ đi. Nếu trong kinh điển đức Phật có cho phép những suy nghĩ như vậy, khuyến khích chúng ta khởi lên những ý niệm như vậy, thì nhất định phải sinh khởi những ý niệm đó.

Hôm nay nói thật với mọi người, trong pháp môn Tịnh độ chỉ nhờ có “*đổi nghiệp vãng sinh*” (mang theo nghiệp cũ mà vãng sinh) chúng ta mới có thể làm được. [Để có thể] “*đổi nghiệp vãng sinh*”, Phật dạy chúng ta phải chấp trì danh hiệu [Phật]. Vì thế, đối với thiên học, quả thật chúng ta ngay cả mép ngoài cũng không chạm được tới, vì cảnh giới ấy cao siêu quá. Chúng ta [tu tập là] từ chỗ có đi đến chỗ không, hành giả tu thiên là từ chỗ không đến chỗ có.

Phương pháp [niệm Phật] của chúng ta ngày nay là từ chỗ có đi đến chỗ không. Phật dạy chúng ta niệm Phật, nhớ tưởng đến Phật. Nhớ tưởng là nghĩ tưởng, chúng ta ngày ngày nghĩ tưởng đến Phật, nghĩ tưởng đến tướng hảo của Phật, nghĩ tưởng đến sự sáng suốt của Phật, nghĩ tưởng đến tâm lượng của Phật, nghĩ tưởng đến công hạnh của Phật. Nghĩ tưởng

nhiều rồi thì chúng ta dần dần trở nên tương tự như Phật, phát nguyện cầu vãng sinh liền có thể được vãng sinh.

Nếu như trái lời Phật dạy, hành động trái ngược với đức của tự tánh, đó là đại ác. Chúng ta bình thường chỉ nói như thế là sai lầm, trong *Cảm ứng thiên* ở chỗ này gọi là đại ác. Hai câu này là nguồn gốc của những điều đại ác: “*Nghĩ điều phi nghĩa, làm việc trái lẽ.*”

Hai câu này vừa mới nghe qua thật hết sức ôn hòa, nhưng ý nghĩa quả trách [sự sai lầm của] chúng ta thật hết sức sâu xa. Chúng ta phải thể hội, nhận hiểu thật thấu đáo.

Bài giảng thứ 86

(Giảng ngày 22 tháng 8 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 87, số hồ sơ: 19-012-0087)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Trước đây đã giới thiệu xong phần quả báo hiền thiện trong *Cảm ứng thiên*. Kể từ đoạn thứ 37 trở về sau là một đoạn văn rất dài giảng về quả báo xấu ác. Mở đầu là hai câu cho chúng ta biết nguồn gốc khởi sinh những quả báo xấu ác: “*Cầu hoặc phi nghĩa nhi động, bội lý nhi hành.*” (Nếu như nghĩ điều phi nghĩa, làm việc trái lẽ.)

Hai câu này ý nghĩa rất sâu sắc, người thời nay thường xem thường bỏ qua, bởi tâm ý thô tháo nên lơ là xem nhẹ. Văn chương của người xưa thường hết sức hàm súc, nhưng trong *Cảm ứng thiên* những lời văn hàm súc như vậy rất ít, đa phần đều hết sức rõ ràng, dễ hiểu. Tuy nhiên, hai câu này lại thuộc loại hàm súc, nghĩa lý hết sức sâu xa.

Thế nào là *nghĩa*, thế nào là *lý*? Hai chữ này không chỉ là đối với người học Phật, mà hết thảy người thế gian đều phải tuân theo. Nếu như không có hai chữ *nghĩa lý* này, thế gian nhất định sẽ hỗn loạn. Những người viết sử ở Trung quốc vào thời cổ đại, thường dùng hai chữ *nghĩa lý* này làm tiêu chuẩn thẩm định. Phù hợp với nghĩa lý thì gọi là thời an trị, đó là thiên hạ được trị vì yên ổn, cũng có nghĩa là việc trị nước rất tốt đẹp, xã hội bình an ổn định, phồn vinh, đời sống nhân dân được an vui hạnh phúc. Nếu là thời loạn lạc, xã hội không an định, rối loạn không trật tự, đời sống người dân hết sức khốn khổ, đó là khi chẳng còn ai trong xã hội tuân theo nghĩa lý.

Chúng ta ngày nay nhìn vào xã hội có vẻ như hết sức phồn vinh, khoa học kỹ thuật phát triển, đời sống vật chất

của con người được rất nhiều phương tiện thuận lợi. Thế nhưng nghĩa lý đích thực đã không còn nữa. Cho nên trong xã hội ngày nay chúng ta thấy rất rõ ràng, người giàu có không được vui vẻ, đời sống vật chất hết sức tốt đẹp mà tinh thần hết sức khốn khổ, trong lòng bất an. Vì thế, quý vị cần phải hiểu rằng, hạnh phúc chân thật là “*tâm an lý đắc*” (hiểu rõ lý lẽ thì tâm an ổn).

Tâm nhờ đâu được an? Vì đạt được nghĩa lý, tức là thấu hiểu rõ ràng, sáng tỏ, khởi tâm động niệm, hết thảy mọi việc làm, hành động, cũng tức là mọi sinh hoạt trong đời sống, trong công việc, trong đối đãi với người, tiếp xúc muôn vật, hết thảy đều phù hợp với nghĩa lý. Như vậy thì thân tâm đều được an ổn, đó mới thực sự là hạnh phúc mỹ mãn.

Nếu như không thấu hiểu được nghĩa lý thì đời sống của chúng ta nhất định sẽ tùy thuận phiền não, tùy thuận tập khí. Những tập khí này đều là tập khí xấu xa gây hại. Tôi vẫn thường nói hết sức nôm na để hiểu rằng đây là những tập khí tự tư tự lợi, tập khí tham lam mưu cầu danh lợi, tập khí tạo tác muôn nghiệp ác. Những tập khí này mỗi ngày đều phát triển tăng thêm, không hề thấy giảm nhẹ đi.

Cho nên, trong thế kỷ 20 có rất nhiều người nói rằng đạo đức đã mất hết, đạo đức không tồn tại nữa. Nói đúng ra, đạo đức so với nghĩa lý cao hơn một bậc. Vấn đề này đức kết lại ở đâu? Đức kết lại vẫn là vấn đề thuộc về giáo dục. Thời đại này không có người dạy [đạo đức] nữa. Vì sao không có người dạy? Vì không có ai chịu học.

Nguyên nhân trong việc này hết sức phức tạp. Trung quốc vào thời cổ xưa, tuy nói là một đất nước nghèo yếu [hơn so với bây giờ], nhưng người dân ai ai cũng được an cư lạc nghiệp. Chúng ta quan sát kỹ trong lịch sử từ xưa đến nay, so sánh khắp mọi nơi, có thể nói một câu công bình là người dân Trung quốc [ngày xưa] hết sức lương thiện. Nhân tố tạo

thành sự lương thiện này chính là sự giáo hóa qua nhiều ngàn năm của các bậc thánh hiền, thật là hết sức không dễ dàng. Thế nhưng cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, súng dài pháo lớn từ nước ngoài đổ vào đã phá tan đi nền văn hóa cổ xưa của Trung quốc. Từ đó, những người trẻ tuổi mê muội chạy theo văn minh vật chất phương Tây, phủ nhận hết toàn bộ nền văn minh tinh thần của Trung quốc, cho nên mới tạo thành kiếp nạn của ngày hôm nay.

Chúng ta nhớ đến nổi ưu tư của Khổng tử, ngày nay ta đã thực sự nhìn thấy. Nổi ưu tư của Khổng tử là: *“Học mà không dạy, có lỗi mà không sửa.”* Hai câu này của ngài quả là lời vàng ngọc. Dạy ở đây là dạy cái học của thánh hiền. Có lỗi phải lập tức sửa đổi, đó là hành động phù hợp với nghĩa lý. Học mà không dạy [cho người khác] thì ai hiểu rõ được nghĩa, ai thấu triệt được lý? [Như vậy thì] có lỗi chẳng những không thể sửa, mà còn xem điều lỗi ấy là việc thiện, là việc tốt đẹp nên làm, chẳng phải nguy hiểm lắm sao?

Cho nên, câu tiếp theo [trong *Cảm ứng thiên*] nói rằng: *“Dĩ ác vi năng, nhân tác tàn hại.”* (Lấy việc làm ác cho là tài năng, nhân tâm gây tàn hại.) Đây chính là những gì hiện nay chúng ta đang nhìn thấy trong xã hội này. Ngày nay, nếu mang đạo thánh hiền ra nói, người đời thấy được, nghe được sẽ sỉ nhục quý vị, sẽ bảo là quý vị lạc hậu rồi, quý vị không hợp thời. Họ hoàn toàn không có khả năng tiếp nhận. Cho nên, [người đời] đua nhau tạo ác nghiệp, trong lòng chỉ toàn tự tư tự lợi, tham lam, sân hận, si mê ngày một tăng trưởng, trong cuộc sống có thể nói là không việc ác nào không làm. Như thế cho nên mới chiêu cảm kiếp nạn hiện nay cùng thiên tai, nhân họa.

Tai họa do con người tạo ra, chúng ta hiện nay đều biết, chiến tranh vũ khí nguyên tử, chiến tranh hạt nhân, so với trong quá khứ thật hoàn toàn khác nhau. Kiểu chiến tranh

hạt nhân này, theo trong kinh Phật nói thì đó là tiểu tam tai. Tiểu tam tai có khả năng đến trước rồi.

Những lời tiên tri thời cổ của phương Tây hiện nay lưu hành rất nhiều, quý vị hết sức dễ dàng tìm thấy. Tất cả đều nói rằng năm 2000 tới đây, thế kỷ này vừa hết sẽ là ngày tận thế. Hôm kia, Hiệp hội Hồi giáo mời tôi đến diễn giảng. Họ nêu vấn đề hỏi tôi: “Trong kinh Phật có nói đến ngày tận thế vào năm 2.000 này hay không?” Tôi trả lời họ rằng, tận thế là những lời [tiên tri] của phương Tây, của Cơ đốc giáo, của Thiên chúa giáo nói ra, trong Phật pháp hoàn toàn không nói như vậy. Trong Phật pháp chỉ nói đến việc có tai nạn, không nói ngày tận thế, nhân vì pháp vận của Phật vẫn còn đến chín ngàn năm. Pháp vận của đức Phật Thích-ca Mâu-ni kéo dài mười hai ngàn năm, giờ mới qua ba ngàn năm, vẫn còn lại chín ngàn năm. Nhưng vấn đề tai nạn thì chúng tôi cho là có khả năng có. Vì sao? Chúng tôi hiểu rõ ý nghĩa cảm ứng, gieo nhân lành gặt quả lành, gieo nhân ác phải chịu quả báo xấu ác. Nguyên nhân chiêu cảm thiên tai, nhân họa đều là ở chỗ này.

Cho nên, học rồi thì phải giảng dạy [cho người khác], chúng ta ở đây phải nỗ lực đề xướng việc này. Hiện tại nơi đây, đồng học chúng ta có được mười mấy vị pháp sư trẻ tuổi, tôi khuyên bảo, khuyến khích họ, trong gia đình các vị đồng tu có người nào vui vẻ chịu nghe đạo lý thánh hiền thì mỗi tuần nên đến nhà cư sĩ ấy giảng giải một lần, giảng trong một giờ hoặc một giờ rưỡi. Tôi nghĩ rằng giảng trong một giờ là thích hợp, vì người đời hiện nay tâm nhẩn nại không bằng ngày trước, giảng kéo dài người ta không thích nghe. Chỉ giảng một giờ thôi, còn nửa giờ thảo luận. Nghe giảng xong thì nêu ra vấn đề, rồi giải đáp, rồi thảo luận, mỗi tuần làm một lần như vậy.

Phương thức này trước đây lão cư sĩ Lý Bình Nam ở Đài Trung đã thực hiện trong rất nhiều năm. Khi tôi mới vừa

đến Đài Trung cầu học, gần như mỗi buổi chiều đều đến nhà cư sĩ để nghe giảng kinh. Ban đầu Lão sư tự mình đi giảng. Thầy không hề nghỉ ngơi, ngày thứ Hai giảng ở nhà cư sĩ họ Trương, sang thứ Ba giảng ở nhà cư sĩ họ Lý, đến thứ Tư lại giảng ở nhà cư sĩ họ Vương... cứ luân chuyển mà giảng ở nhiều nơi như vậy. Người đến nghe được khoảng mười mấy người, là người trong gia đình ấy cùng với bạn bè, láng giềng, chừng khoảng mười mấy hai mươi người. Mỗi ngày đều giảng, không hề dừng nghỉ.

Về sau thầy đào tạo một số học sinh giảng kinh chúng tôi. Thầy mở ra một lớp trong hai năm, đào tạo được khoảng hơn hai mươi người. Đào tạo thành công được hơn hai mươi người này rồi, phân chia đi giảng ở rất nhiều nhà cư sĩ, cũng theo phương thức luân phiên giảng. Cho nên, tôi nói với các bạn đồng học rằng, quý vị học một bộ kinh, ít nhất phải giảng giải bộ kinh ấy được mười lần. Giảng mười lần là theo phương thức nào? Mỗi tuần quý vị giảng bảy lần, đều là đến nhà cư sĩ giảng. Thứ Hai giảng tại một nhà, thứ Ba sang nhà khác... đến mỗi nhà đều giảng lại cùng một nội dung đó. Quý vị xem, như vậy [trong một tuần] quý vị giảng đoạn kinh văn đó được bảy lần, đến tuần thứ hai lại giảng đến đoạn kinh tiếp theo. Không thể nói là học xong một bộ kinh rồi mới mang ra giảng lại. Không phải vậy. Học đến đâu, giảng đến đó. Tuần này giảng giải một đoạn kinh, còn đoạn tiếp theo thì sao? Đoạn tiếp theo còn chưa học đến. Cách học thành tựu của chúng tôi là như vậy. Cho nên, học đến điều gì cũng hết sức tinh tường, hết sức nhuần nhuyễn, đích thực phù hợp với lời dạy của Khổng tử: *Học rồi cần phải giảng dạy*.

Việc học không thể không giảng dạy. Điều này có nghĩa là quý vị học một câu cần phải giảng dạy một câu, học một đoạn phải mang ra giảng dạy [cho người khác] một đoạn, mỗi ngày đều phải giảng dạy. Việc giảng dạy, khuyên bảo người khác cũng là khuyên bảo chính mình, hỗ trợ chính mình sửa

lỗi hoàn thiện, ý nghĩa là ở chỗ này. Nếu như việc giảng giải [Kinh điển] thịnh hành ở nơi nào, nơi ấy nhất định được bình an, ổn định, người ở địa phương ấy nhất định hiểu rõ được nghĩa lý, nhất định có trí tuệ.

Người nào có thể hiểu rõ được nghĩa lý, có trí tuệ thì cuộc sống nhất định hết sức hạnh phúc. Bất kể là đời sống hiện tại giàu có hay nghèo túng, người ấy đều có thể sống ung dung tự tại, đều có thể hoan hỷ vui sống. Con người giàu sang phú quý hay nghèo hèn thiếu thốn đều là do đã tạo nhân khác nhau trong quá khứ. Cho nên, hiểu rõ được ý nghĩa này thì người giàu sang an ổn trong giàu sang, mà người nghèo khó cũng an ổn trong nghèo khó, xã hội như thế không thể rối loạn.

Ngày nay có nhiều người không hiểu biết, cho rằng sự hỗn loạn trong xã hội này là do khoảng cách khác biệt giàu nghèo tạo ra. Những người này chỉ nhìn thấy được hình thức bên ngoài của hiện tượng, họ không thấy được nguồn gốc của hiện tượng đó. Sự khác biệt giàu nghèo trong xã hội này là sự thật. Có thể nào làm cho quân bình như nhau hay không? Không thể nào. Vì sao vậy? Vì mỗi người tạo nhân, gieo nhân không giống nhau. Trồng dưa được dưa, trồng đậu hái đậu, làm sao có thể khiến cho dưa đậu trộn lẫn thành một loại giống nhau? Không thể được.

Người xưa vì sao có thể cai trị xã hội một cách hết sức tốt đẹp? Phải đem ý nghĩa [nhân quả] giảng giải thật rõ ràng, sáng tỏ. Người nghèo khổ hiểu rõ ý nghĩa này rồi, biết được rằng trong quá khứ mình đã không gieo nhân lành, nên hiện tại phải chấp nhận đời sống như thế này. Đã biết là phải chấp nhận thì họ sẽ vui vẻ chấp nhận, sẽ không gây rối loạn. Người giàu có cuộc sống dư thừa [khi hiểu được ý nghĩa nhân quả] cũng sẽ thường xuyên bố thí, cứu giúp những người nghèo khổ.

Ngày trước xã hội được bình an ổn định đều là nhờ [sự hiểu biết] ý nghĩa nhân quả. Người giàu sang biết rõ vì sao mình được giàu sang, là nhờ trong đời quá khứ làm việc bố thí nên nay được hưởng phước báo. Hiện tại đã được hưởng phước báo lại càng phải bố thí nhiều hơn, mong rằng đời sau được hưởng phước báo lớn hơn, nhiều hơn. Họ hiểu rõ ý nghĩa này nên vui thích làm việc bố thí. Người nghèo khổ cũng vui thích làm việc tu phúc. Tu phúc thì không tạo nghiệp ác, không làm những việc hại người lợi mình. Làm việc hại người lợi mình không phải là tu phúc.

Người người đều có tâm hiền thiện, ý hiền thiện, công hạnh hiền thiện, xã hội như vậy sao có thể không tốt đẹp? Đương nhiên sẽ hài hòa tốt đẹp. Nếu chúng ta nói về chủng tộc khác nhau, cũng có thể nói như vậy. Người giàu sang là một chủng tộc, người nghèo khổ cũng là một chủng tộc, hai chủng tộc này có thể vui vẻ sống chung hòa thuận, có thể hỗ trợ hợp tác cùng nhau, không khởi sinh mâu thuẫn, không nảy sinh xung đột, vấn đề xã hội đã được giải quyết.

Mọi người đều biết, tôn chỉ giáo dục của Phật pháp, các bậc tổ sư, đại đức vẫn thường nói là: “*Phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc*.” (Phá trừ si mê mở ra giác ngộ, lìa khổ được vui.) Nói được vui là được vui ngay trong hiện tại, không phải nói đời sau, kiếp sau mới được vui. Kiếp sau chúng ta còn chưa thấy được, phải được vui ngay trong hiện tại này.

Thời xưa ở Trung quốc đại lục, những người ăn mày, phải đi xin cơm ăn, nghe được Phật pháp cũng hoan hỷ vui mừng vô cùng. Vì sao họ vui mừng? Vì thấu hiểu rõ ràng được lý nhân quả. Tuy là người ăn mày, nhưng đối với những tài vật phi nghĩa họ cũng không nhận lấy, không cần đến. Họ giữ tròn bốn phận của mình. Quý vị nói xem, đây quả thật là điều khó làm, đáng quý, đáng cho mọi người tôn kính. Xã hội

tôn xưng [những người ăn mày ấy] là “*nghĩa cái*”, tức là ăn mày có đạo nghĩa.

Vào thời đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế, ngài [và Tăng đoàn] sinh sống hằng ngày bằng cách đi khất thực, tức là ôm bình bát đi đến từng nhà. [Thật là một phương thức] thực sự có trí tuệ, có đạo đức, có học vấn. Ngài chọn phương thức này để dạy cho chúng ta một bài học rất lớn. Ngài dạy chúng ta điều gì? Một khi không tranh giành với người, không mong cầu gì ở đời, thì cuộc sống của quý vị hết sức ung dung tự tại. Người như vậy thì tâm được thanh tịnh biết bao, hoan hỷ biết bao, hoàn toàn không ưu tư, không phiền não, không trói buộc, cuộc sống hết sức đơn giản, càng đơn giản lại càng khỏe mạnh.

Về sự trụ thế của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, trong thực tế ngài có thể trụ thế lâu dài, chỉ tiếc là không có người khai thỉnh, thỉnh cầu ngài trụ thế lâu hơn. Người đời có sự sơ sót thì Ma vương được thuận lợi. Ma vương Ba-tuần đến gặp Phật, yêu cầu Phật nhanh chóng nhập diệt, đừng ở lâu nơi thế gian này. Ma yêu cầu như vậy thì đức Phật gật đầu chấp thuận, đáp ứng yêu cầu của ma. Đức Phật nhập Niết-bàn như thế.

Sự việc này cho chúng ta một bài học. Chúng ta vì sao không thỉnh Phật trụ thế? Trong mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền cũng dạy chúng ta: “*[Lục giả] thỉnh chuyển pháp luân, [thất giả] thỉnh Phật trụ thế.*” (Nguyện thứ sáu thỉnh chuyển pháp luân, nguyện thứ bảy thỉnh Phật trụ thế.) Chúng ta [là đệ tử Phật] mỗi ngày không thỉnh Phật, nên ma đến thỉnh, đó là lỗi lầm của chúng ta. Đức Phật đã cho chúng ta một lời cảnh tỉnh, trong đó có hai việc. Thứ nhất là phải thân cận, gần gũi thiện tri thức. Cơ duyên [được gần gũi thiện tri thức] là ít có, khó gặp, nhất định phải gấp rút nắm chắc lấy, phải tận dụng. Thứ hai là phải thỉnh Phật trụ thế, phải thỉnh [Phật] chuyển pháp luân.

Trong thực tế, mười đại nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền thì hai điều nguyện này là chủ yếu, là quan trọng thiết yếu nhất. Thỉnh chuyển pháp luân là [thỉnh người] giảng dạy. Bốn nguyện trước đó đều là sửa lỗi, bao gồm *lễ kính chư Phật, xưng tán Như lai, rộng tu cúng dường, sám hối nghiệp chướng*. Đó đều là sửa lỗi. Người có thể sửa lỗi thì có thể “*thường tùy Phật học*” (thường học theo Phật). Muốn thường học theo Phật thì phải có Phật trụ thế mới được. Phật không trụ thế, chúng ta học theo với ai? Cho nên mới có hai đại nguyện: “*thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế*”.

Chư Phật, Bồ Tát đích thực là như thế, chúng ta đọc trong Kinh điển Đại thừa thấy được rất nhiều. Chúng ta phải đặt lòng tin sâu vững, không thể hoài nghi. Chúng sinh có *cảm* thì chư Phật, Bồ Tát liền có *ứng*. Cảm ứng giao hòa trong đạo thể, mảy may không sai lệch. Chúng ta có lòng mong muốn học Phật pháp, chư Phật, Bồ Tát liền ứng hóa thị hiện đến nơi này. Nếu không có tâm nguyện mong muốn ấy thì chư Phật, Bồ Tát không hóa hiện đến. Các ngài đến như vậy không có ý nghĩa, không có tác dụng gì.

Cho nên, chư Phật, Bồ Tát trụ thế hay không, có hóa hiện đến giáo hóa hay không, vấn đề là ở phía chúng ta có chịu học Phật hay không? Có thật học hay không? Nếu là chịu học, là thật học thì chư Phật, Bồ Tát mới hóa hiện đến. Chỉ học hình thức bên ngoài, trong lòng không học theo thì chư Phật, Bồ Tát không đến, phải thực sự nỗ lực học tập mới được.

Vì thế, phải nhận hiểu rõ ràng nghĩa lý. Thuận theo nghĩa lý nhất định được quả báo tốt lành. Trái nghịch với nghĩa lý thì đó là đại ác. Cho nên lấy hai câu: “*phi nghĩa nhi động, bội lý nhi hành*” (nghĩ điều phi nghĩa, làm việc trái lẽ) này làm cương lĩnh chung [để xác định điều xấu ác] là rất có ý nghĩa.

Những sự việc nào trái với nghĩa lý? Tiếp theo sẽ nêu ra từng điều để nói rõ với chúng ta. Trong thực tế cũng không

thể nêu ra hết được, chỉ là một số điều tiêu biểu, hy vọng chúng ta từ những điều tiêu biểu này mà có thể lĩnh hội, giác ngộ. Chúng ta hiện nay đối đãi với người, ứng đối với sự vật, sự việc, từ cách nghĩ, cách nhìn, cách làm, hết thảy đều là ác, chẳng phải thiện. Chỉ khi hiểu được rõ ràng, sáng tỏ như vậy chúng ta mới có thể quay đầu, dứt ác hướng thiện, không chỉ là có thể tự cứu lấy mình mà cũng có thể cứu vãn xã hội, cũng có thể hỗ trợ giúp đỡ chúng sinh, đó là đại thiện.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 87

(Giảng ngày 4 tháng 9 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 88, số hồ sơ: 19-012-0088)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Đoạn thứ 37 trong *Thái thượng Cảm ứng Thiên*, bắt đầu chương thứ tư, giảng đến quả báo xấu ác, dùng hai câu trước tiên làm cương lĩnh tổng quát [để xác định điều ác]: “*Phi nghĩa nhi động, bội lý nhi hành.*” (Nghĩ điều phi nghĩa, làm việc trái lẽ.)

Hai chữ *nghĩa lý* ở đây [ý nghĩa] vô cùng sâu rộng. Có thể thấu hiểu rõ ràng nghĩa lý là bậc đại học vấn. Người Trung quốc xưa kia gọi đó là thật học. Thật học nghĩa là học vấn chân thật. Tiêu chuẩn của chân thật ở đây là gì? Là hoàn toàn có thể mang lại lợi ích thiết thực, không phải cái học cao siêu xa vời; là những điều tốt xấu, lành dữ, thiết thực đối với bản thân chúng ta, như vậy mới gọi là thật học.

Chúng ta lấy trường hợp của người xuất gia ra làm ví dụ, *nghĩa* là điều nên làm. Điều nên làm thì quý vị phải làm. Nói “*nghĩ điều phi nghĩa*”, *phi* là không nên làm. Điều không nên, nếu quý vị làm thì đó là ác. Chẳng những là ác, mà là đại ác.

Thuận theo lý mà làm là thiện. *Lý* đó là gì? Lý là đức của tự tánh. Nếu trái nghịch với lý, đó cũng là đại ác. Chúng ta tuy có những lúc dường như không thấy rằng đây là điều ác rất lớn, đâu biết rằng tích lũy lâu ngày liền hóa thành đại ác. Đó là nhiều điều ác nhỏ dồn lại thành điều ác lớn, nhiều điều ác lớn dồn lại thành cực ác. Ý nghĩa là ở chỗ này.

Người xuất gia chúng ta phải tùy thuận nghĩa lý như thế nào? Đức Phật đã nêu gương cho chúng ta noi theo. Các vị Bồ

Tát đã nêu gương cho chúng ta noi theo. Các bậc Tổ sư qua nhiều đời cũng nêu gương cho chúng ta noi theo. Phật, Bồ Tát là những tấm gương theo đúng tiêu chuẩn tuyệt đối. Các bậc Tổ sư, đại đức là những tấm gương có phần linh hoạt nói lỏng. Vì sao vậy? Vì sợ chúng ta làm theo không nổi, cho nên có phần linh hoạt nói lỏng. Tuy nói lỏng nhưng vẫn không trái nghịch quá lớn, cho nên các ngài vẫn có thể thành tựu.

Nếu như quên mất hai chữ nghĩa lý này, ý nghĩ việc làm hoàn toàn trái nghịch nghĩa lý, người xuất gia như vậy nhất định sẽ堕 vào địa ngục A-tỳ. Điều này chúng ta phải rõ biết.

Đức Phật nêu gương cho chúng ta noi theo những gì? Là một lòng cầu đạo, tu đạo, hành đạo. Thế nào là đạo? Đạo là *giới, định, tuệ* chân thật. Đó là đại đạo. Đức Như Lai thuyết giảng hết thảy các pháp trong suốt một đời ngài, quy nạp lại chính là ba môn học *giới, định, tuệ*. Do đó có thể biết rằng, nghĩa lý cũng có ba tầng ý nghĩa. Ý nghĩa cao nhất của nghĩa lý là tuệ học, tiếp theo là định học và thấp nhất là giới học. Chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng hành động có phù hợp, tương ứng với ba môn học này hay không? Chúng ta cần phải từ chỗ này mà xem xét.

Hai môn định, tuệ thật rất cao. Tuy cao nhưng vẫn cần phải học. Vì sao vậy? Vì không học thì [đường tu] không thể thành tựu. Nếu muốn thấu triệt lẽ sinh tử, thoát ra ngoài ba cõi, không có định tuệ thì không thể làm được.

[Tu tập] giới học đến mức thù thắng nhất cũng chỉ được hưởng phước báo trong hai cõi trời người mà thôi, không phải堕 vào ba đường ác. Quý vị nhất định phải nhận hiểu rõ ràng, nếu muốn ngay trong một đời này thấu triệt lẽ sinh tử, thoát ra ngoài ba cõi, cho dù có niệm Phật cầu sinh Tịnh độ cũng cần phải [tu tập] định tuệ. Công phu niệm Phật ở mức thấp nhất cũng phải đạt đến công phu kết thành một khối mới có thể được vãng sinh. Công phu kết thành một khối, đó

là bước đầu của định tuệ. Không có điều này thì không thể vắng sinh.

Quý vị niệm Phật thật tốt, trì giới thật nghiêm, thì việc niệm Phật này cũng chỉ mang lại phước báo trong hai cõi trời người mà thôi. Cho nên, cần phải nhận hiểu cho thật rõ ràng thế nào là định, thế nào là tuệ.

Ở Trung quốc, bất kể là tông phái nào, bất kể là người học Phật nào, cũng đều đọc qua kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang chính là tiêu chuẩn của định và tuệ. [Kinh dạy:] “*Bất thủ ư tướng, như như bất động.*” (Không vướng mắc nơi hình tướng, an nhiên không lay động.) Đó là định tuệ. Đó là thiên định. Một lòng cầu sinh thế giới Tây phương Cực Lạc, đó là tuệ. Nếu đối với cảnh giới bên ngoài vẫn còn bị dẫn dụ mê hoặc, sáu căn tiếp xúc với sáu trần vẫn còn dao động, người như vậy dù trì giới rất tốt, niệm Phật rất tốt cũng không thể vắng sinh.

Cho nên, muốn được vắng sinh phải chấm dứt được sự dẫn dụ mê hoặc, không để cảnh duyên bên ngoài làm dao động trong tâm, chỉ một lòng chuyên niệm. Người như vậy nhất định được vắng sinh. Chúng ta học Phật, mục tiêu cuối cùng là ở chỗ này, nhất định không thể làm sai.

[Những điều] phi nghĩa, trái lý, trong xã hội ngày nay chúng ta nhìn thấy quá nhiều. Rõ ràng dễ thấy nhất là việc tín đồ ưa thích một vị pháp sư, gần gũi thân cận vị pháp sư đó, trong chỗ ưa thích khởi sinh tình cảm. Đó là phi nghĩa, đó là trái lý. Pháp sư thì gần bó, ve vuốt tín đồ vì tín đồ ấy có quyền thế, giàu có, sợ rằng vị “đại hộ pháp” này bỏ đi mất. Đó là phi nghĩa, đó là trái lý.

[Người ta] cúng dường bốn món thiết yếu¹ cho quý vị,

¹ Cúng dường bốn món thiết yếu: tức là tứ sự cúng dường, bao gồm cúng dường thực phẩm, thuốc men, y phục và chỗ trú ngụ. Vị tỳ-kheo tối thiểu cũng phải cần đến bốn món thiết yếu này để tu tập.

giúp quý vị sống thật thông thả thoải mái, đạo tâm hoàn toàn không có. Đối với người bình thường thì cho đây là vị đại hộ pháp, tốt lắm. Nhưng thật ra là gì? Trong mắt tôi thì đó là đại ma vương, không phải đại hộ pháp. Quý vị từ vô lượng kiếp đến nay không dễ dàng có được thân người trong kiếp này, được nghe Phật pháp, có được một cơ hội để giải thoát, ngay lúc ấy thì người này lôi kéo quý vị lại. Đó chính là ma vương. Ngày nay có rất nhiều người xem ma vương là thiện tri thức, xem mười nghiệp ác là thiện tri thức. Đó là sai lầm.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni vì chúng ta nêu tấm gương sáng. Quý vị là người xuất gia, công việc của quý vị trong một đời này là gì? Chúng ta suy ngẫm thật kỹ về cuộc đời đức Phật [sẽ thấy rõ], bao nhiêu danh tiếng, lợi dưỡng của thế gian, năm món dục trong sáu trần cảnh ngài đều buông bỏ hết sạch. Đó là điều trước tiên chúng ta phải học theo. Thứ hai, ngài gần như dành trọn thời gian, ngày đêm không nghỉ, dững mãnh tinh tấn tu tập ba môn học giới, định, tuệ. [Đức Phật] tự mình tu học có chỗ tâm đắc, [mang ra] giáo hóa hết thấy chúng sinh, đó là công đức vô lượng. [Đức Phật] tự mình sống hết sức đơn giản, một bình bát với ba tấm y, trong lòng vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ. Người phàm phu chúng ta nhìn thấy đời sống của Phật thanh đạm khắc khổ, tự thân ngài trong [cuộc sống ấy] thụ hưởng niềm an lạc vô biên, chúng ta không cách gì tưởng tượng biết được. Điều này chúng ta phải hiểu thật rõ ràng.

Xin nói để quý vị được biết, chư Phật, Bồ Tát, các vị Tổ sư, đại đức không có vị nào xây dựng đạo trường. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni suốt đời không có đạo trường. Tinh xá Trúc Lâm, tinh xá Kỳ Hoàn (vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc), những cơ sở ấy đều có chủ nhân, họ thỉnh cầu Phật đến đó hoằng pháp. Đức Phật chỉ ở tạm nơi đó thôi. Cho nên chúng ta đọc trong kinh Phật thấy ghi “*Phật tại*” (Phật ở tại), Phật đang ở tại một nơi nào đó, không nói là “*Phật trụ*”. Khi nói [một người]

trụ [ở đâu] tức là nhà của người ấy, có nhà mới trụ. Phật “ở tại” một nơi nào đó, so với “trụ” là không giống nhau. Nói “ở tại” là không có nhà, nói “trụ” là có nhà.¹

Cho nên, chư Phật, Bồ Tát đều là những bậc đã giác ngộ thị hiện ra đời mà các ngài còn như vậy, người tu hành chúng ta phải tự xét xem mình là hạng người nào? Đều là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, nếu như thật có những sự việc [cám dỗ mê hoặc] như vậy phá hoại, sự nghiệp tu hành nhất định phải tiêu tan.

Cho nên, tôi thường khuyên các vị đồng tu, chân chánh học đạo thì phải làm theo giống như tôi trong việc này. Tôi rất may mắn, suốt một đời tôi không hề quản lý người khác, không quản sự việc, không quản tiền bạc, không có một việc gì phải bận tâm, cho nên mới có được đôi chút thành tựu [trong tu tập]. Nếu như bảo quý vị phải quản lý người khác, phải quản công việc, quản tiền bạc thì quý vị xem như tiêu đời rồi.

Chúng ta phải tự mình suy ngẫm, nghĩ cho thật kỹ, chúng ta vì việc gì mà xuất gia? Không thể làm trái với bản nguyện ấy.

Người xuất gia có nên xây dựng đạo trường hay không? [Quý vị] chiếm hữu một đạo trường thì so với người thường trong xã hội nào có khác gì? Trong công việc này là tranh danh đoạt lợi, vậy có làm hay không? Cứ làm đi, nếu quý vị

¹ Đây là một quan điểm giải thích khá mới mẻ của Hòa thượng. Tuy nhiên, trong thực tế thì chữ đại đức dịch kinh xưa nay vẫn dùng cả hai cách nói này. Chúng tôi tìm thấy gần 700 bản kinh hiện còn trong Đại Chánh Tạng dùng chữ “Phật trụ”, mà tiêu biểu là A-di-đà kinh sơ, soạn vào đời Tống của ngài Trí Viên. Mặt khác, các từ điển Hán Việt đều giải thích chữ “trụ” cũng có nghĩa “tạm trú”, không hẳn phải là chủ nhà. Như từ điển Trần Văn Chánh đưa ví dụ: 我昨天在朋友家住了一夜 (Ngã tạc thiên tại bằng hữu gia trụ liễu nhất dạ. - Hôm qua tôi ở trọ nhà bạn một đêm.) Chúng tôi nêu ra điều này để quý đồng tu không sinh tâm ngờ vực khi đọc Kinh điển.

có phước báo này, quý vị cũng có thể đạt được đôi chút, nhưng chỉ trong chớp mắt là sẽ đi vào địa ngục A-tỳ.

Trong đời tôi, có người mang đạo trường dâng cúng cho tôi, tôi không nhận. Năm xưa, cư sĩ Giản Phong Văn hiến cúng đạo trường Hàng Châu Nam Lộ, tôi hỏi ông ấy: “Có phải ông muốn hại tôi không?” Ông ấy nghe hỏi thì sửng người, rồi nói: “Pháp sư, con sao lại hại thầy?” Tôi nói: “Ông hiến cúng đạo trường cho tôi, đó là hại tôi. Đạo trường này có cần phải quản lý hay không?” Ông ấy đáp: “Đương nhiên cần phải quản lý.” Tôi lại hỏi: “Vậy có cần đến chi phí hay không?” Ông ấy đáp: “Đương nhiên phải cần đến chi phí.” Tôi nói: “Thế không phải ông hại tôi sao?”

Cuối cùng tôi đưa ra điều kiện với ông ấy: “Ông hiến cúng đạo trường cho tôi cũng được, nhưng ông phải lo việc quản lý, lo việc chi tiêu.” Ông ấy chấp nhận hoàn toàn. Như vậy thì được, tôi nhận. Tôi không quản đến mọi sự việc. Việc tôi nhận đạo trường này cũng như nhận cái hư danh thôi, thực sự không quản đến công việc, như vậy thì trong tâm tôi mới có sự chuyên nhất.

Mỗi ngày đều đọc kinh, lúc không đọc kinh thì suy ngẫm nghĩa kinh, mỗi giây mỗi phút đều ghi nhớ những lời Phật dạy trong tâm, tông môn gọi đó là nghi tình. Lâu ngày chảy thán, không nhất định khi nào, gặp được cơ duyên nào đó tự nhiên có chỗ vỡ ra, ý nghĩa Phật dạy [trong kinh] liền hiểu rõ. Đó gọi là: “*Đại nghi đại ngộ*.” (Nghi tình càng lớn, chỗ ngộ càng cao.) Nghi ở đây không phải hoài nghi, mà là [ý nghĩa] lý lẽ quá sâu xa nên chưa thấu hiểu ngay được. Chỉ cần thường nhớ nghĩ đến trong tâm, không biết được là đến lúc nào về sau, khi gặp cơ duyên liền bừng hiểu sáng tỏ.

Nếu như quý vị có việc phải để tâm lo nghĩ, quý vị mỗi ngày từ sáng đến tối nghĩ tưởng lung tung rối loạn, điều đó không chỉ gây chướng ngại cho sự khai ngộ, chướng ngại sự

định tâm, mà cũng chướng ngại cả việc trì giới. Cả ba môn học *giới, định, tuệ* đều bị chướng ngại. Mỗi ngày từ sáng đến tối [trong tâm] sinh khởi những điều gì? Sinh khởi toàn là phiền não, toàn là vọng tưởng, phân biệt, bám chấp. Nói cách khác, quý vị đang tạo nghiệp, thật là quá sai lầm đến mức không còn gì sai lầm hơn.

Cho nên suốt một đời tôi, mỗi khi giảng kinh cũng thường nói đến điều này, đạo trường nhất định phải là của cư sĩ tại gia. Cư sĩ xây dựng đạo trường, lễ thỉnh người xuất gia đến hoằng pháp lợi sinh. Cũng giống như vào thời đức Phật Thích-ca Mâu-ni, đạo trường đều là của các vị quốc vương, đại thần, trưởng giả giàu có. Các vị này lễ thỉnh đức Phật đến giảng kinh thuyết pháp, cứu độ giáo hóa chúng sinh.

Người xuất gia đối với năm món dục trong sáu trần cảnh không một mảy may dính mắc nhiễm ô, như vậy là tốt. Thanh tịnh, tự tại, vĩnh viễn duy trì được trí tuệ cao minh của mình, dù một mảy may cũng không dính mắc nhiễm ô. Cho nên nhất định phải có tâm xuất trần, phải có tâm vượt ngoài thế tục. Nếu còn muốn tranh đoạt đạo trường, giành lấy đạo trường, chiếm hữu đạo trường, kiểm soát đạo trường, đó là tâm luân hồi. Tâm luân hồi thì dù có tham thiền, niệm Phật, giảng kinh, thuyết pháp cũng đều là nghiệp luân hồi, vẫn không ra khỏi được sáu đường luân hồi. Hơn nữa [còn tạo] tội nghiệp vô cùng nghiêm trọng. Nghiêm trọng ở chỗ nào? [Ở chỗ] quý vị mang chiêu bài [là đệ tử] Phật để tạo nghiệp luân hồi, cho nên quả báo phải vào địa ngục. Nếu như không mang chiêu bài [là đệ tử] Phật, quả báo chưa hẳn phải vào địa ngục. Chỉ cần mang chiêu bài [là đệ tử] Phật để làm những việc như vậy, không ai thoát khỏi địa ngục. Chúng ta cần phải hiểu rõ điều này.

Hai chữ *ngĩa lý* phải hiểu thật sáng tỏ. Hai chữ này [ý nghĩa] sâu rộng vô cùng. Cho nên các bậc cổ đức dạy ta “cùng

lý tận tính” ([thấu hiểu] trọn lý tận tánh), đạt đến mức trọn vẹn đầy đủ nhất chính là quả vị Như Lai.

Là đệ tử Phật, bất kể là người xuất gia hay tại gia, đối với hai chữ *nghĩa lý* này phải nhận hiểu rõ ràng, sáng tỏ. Chúng ta biết được đến đâu phải thực hành đến đó, mà thấp nhất thì mọi người đều biết là năm giới với mười nghiệp lành.

Vâng theo lời Phật dạy là thuận với nghĩa lý. Trái lời Phật dạy thì đó là *“phi nghĩa nhi động”* (nghĩ điều phi nghĩa, làm việc trái lẽ). Phật dạy chúng ta hiếu dưỡng cha mẹ, chúng ta đã làm được chưa? Phật dạy chúng ta phụng sự bậc sư trưởng, chúng ta đã làm được chưa? Quý vị có thể hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự bậc sư trưởng thì đó là [đạt được] nghĩa lý nhỏ.

Sâu hơn nữa, rộng hơn nữa, trong kinh đức Phật dạy rằng: *“Hết thấy nam giới đều [từng] là cha ta, hết thấy nữ giới đều [từng] là mẹ ta.”* Quý vị có thể đem tâm hiếu dưỡng cha mẹ mở rộng ra mà hiếu dưỡng đối với hết thấy kẻ nam người nữ, đó là quý vị [đạt được] nghĩa lý lớn, nhưng vẫn chưa phải là trọn vẹn rốt ráo.

[Đạt đến] trọn vẹn rốt ráo là như kinh Hoa Nghiêm nói: *“Tinh dữ vô tình, đồng viên chủng trí.”* ([Hết thấy] chúng sinh vô tình cũng như hữu tình đều trọn thành Phật trí.)¹ Không chỉ hiếu dưỡng đối với tất cả mọi người như đối với cha mẹ mình, mà đối với hết thấy các loài súc sinh, đối với hết thấy chúng sinh cũng đều hiếu dưỡng. Như vậy mới gọi là trọn vẹn rốt ráo. Đó là nghĩa lớn của chư Phật, Bồ Tát, là chân lý của chư Phật, Bồ Tát.

Chúng ta hiện nay chưa làm được như vậy. Nếu quý vị có thể đạt đến mức hiếu dưỡng, cung kính hết thấy nhân

¹ Chủng trí trong câu này là nói tắt của Nhất thiết chủng trí, là trí tuệ viên mãn rốt ráo nhất nên cũng là Phật trí. Theo luận Trí Độ thì có ba trí giải thoát từ thấp lên cao: Nhất thiết trí (của hàng Thanh văn, Duyên giác), Đạo chủng trí (của hàng Bồ Tát) và Nhất thiết chủng trí là trí tuệ viên mãn của Phật.

loại thì cũng đã xem là rất tốt rồi. Tạm thời không nói đến cả mười pháp giới, chỉ nói pháp giới con người. Quý vị có thể [đem sự hiếu dưỡng] mở rộng đến khắp nhân loại, như vậy đã xem là tốt lắm rồi.

Thế nào mới gọi là hiếu thuận? Phần trước tôi đã giảng đoạn nói đến “*trung hiếu*” rất nhiều. Thuận theo tự tánh chính là hiếu thuận, không phải thuận theo tình cảm. Thuận theo tình cảm con người là sai lầm, phải thuận theo đức của tự tánh. Những gì là đức của tự tánh? năm giới là đức của tự tánh, mười nghiệp lành là đức của tự tánh.

Nói cách khác, chúng ta [phạm vào năm giới như] giết hại, trộm cướp, tà dâm... đó là trái nghịch nghĩa lý, là bất hiếu. Chúng ta [phạm vào mười nghiệp ác như] nói dối, nói hai lưỡi... đó là trái với đức của tự tánh, là bất hiếu, là không [hiếu] thuận. Các bậc thánh nhân thế gian cũng như xuất thế gian dạy cho ta những tiêu chuẩn đã xác lập, chúng ta nhất định phải thuận theo, phù hợp với những tiêu chuẩn ấy, không thể trái nghịch. Đây là ranh giới phân biệt giữa thiện và ác.

Thế nhưng chúng ta làm việc thiện rất khó, rơi vào việc ác rất dễ, nguyên nhân là tại đâu? Là do tập khí từ vô lượng kiếp. Trong Kinh điển Phật dạy rất rõ ràng, chúng ta có đến 26 tâm sở phiền não, chỉ có 11 tâm sở thiện. Quý vị thử nghĩ xem, ác nhiều thiện ít, cho nên làm việc ác rất dễ, làm việc thiện rất khó. Ngay ở chỗ này phải có sự giác ngộ nhận biết cao độ, phải thực sự tỉnh giác. Người như thế gọi là khai ngộ, là giác ngộ.

Khống chế được tập khí phiền não của bản thân, hành động đều thuận theo nghĩa lý thì chúng ta sẽ được thành tựu.

Người xuất gia phải luôn ghi nhớ, tôi nói lời này thành thật, nếu như quý vị sở hữu đạo trường, quý vị nhất định phải đưa vào địa ngục A-tỳ.

Những người nào có thể giữ đạo trường? Phải là người đã đại triệt đại ngộ. Thời xưa, khi Phật giáo truyền sang Trung quốc thì người xuất gia mới quản lý các đạo trường. Quản lý đạo trường là những người nào? Đều là chư Phật, Bồ Tát thị hiện. Quản lý đạo trường là phục vụ người tu hành, đó là chư Phật, Bồ Tát, chẳng phải phàm phu. Nếu chúng ta là Phật, Bồ Tát thị hiện thì làm được, không có vấn đề. Quý vị làm là vì tâm đại từ đại bi nên làm một vị hộ pháp. Quản lý đạo tràng là người hộ pháp, không phải người tu hành theo pháp. Làm một vị hộ pháp [như vậy] thì quý vị là Bồ Tát, là Phật thị hiện.

Nếu như chúng ta tự biết mình chỉ là phàm phu, tập khí phiền não chưa dứt trừ hết thì không nên làm [chủ đạo trường]. Cho dù tập khí phiền não đã dứt trừ hết cũng còn phải xem duyên phần như thế nào. Không có duyên phần, miễn cưỡng [mà làm] không thể được.

Một đời này của chúng ta thời gian có hạn, hết sức ngắn ngủi. Nếu quý vị đã vào tuổi trung niên, quý vị có biết còn sống được bao nhiêu năm nữa hay chẳng? Nếu tự cho mình sống được đến tám mươi, chín mươi, điều đó không chắc. Có rất nhiều người chết ở độ tuổi bốn, năm mươi. Trong số các đạo hữu đồng học với tôi thời mới xuất gia, khoảng ba phần tư nay đã không còn. Bọn họ đều qua đời ở tuổi bốn, năm mươi. “*Hoàng tuyên lộ thượng vô lão thiếu.*” (Đường đến tuổi vàng không phân già trẻ.) Cho nên, mỗi một phút giây còn được sống, chúng ta đều phải luôn nắm chắc, không được lãng phí.

Bài giảng thứ 88

(Giảng ngày 5 tháng 9 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 89, số hồ sơ: 19-012-0089)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Đoạn thứ 37 trong *Cảm ứng thiên* nói về cương lĩnh tổng quát [để xác định] quả báo xấu ác: “*Phi nghĩa nhi động, bội lý nhi hành.*” (Nghĩ điều phi nghĩa, làm việc trái lẽ.) Câu này tôi đã giảng qua hai lần, hai chữ “*nghĩa, lý*” [dùng trong câu này] cực kỳ quan trọng thiết yếu, không chỉ là trong đạo làm người cần phải hiểu rõ [thuận theo], mà việc tu hành chứng quả cũng vĩnh viễn không được trái nghịch. Có thể nói [*nghĩa lý* này] sâu rộng vô cùng, là nguồn gốc của hết thảy mọi pháp lành trong thế gian cũng như xuất thế gian. Nếu thực sự phi nghĩa, trái lý lẽ, đó chính là nguồn gốc của mọi điều xấu ác.

Đức Thái thượng tại chỗ này đặc biệt thức tỉnh chúng ta. Theo trong Phật pháp mà nói thì nhận thức được hai chữ “*nghĩa lý*” này càng sâu xa, phẩm vị càng cao hơn. Đối với hai chữ này nhận thức được đến mức trọn vẹn đầy đủ thì đó là quả vị Như Lai. Cho nên, nhất định phải hiểu thật rõ ràng thế nào là *nghĩa*, thế nào là *lý*.

Phần cuối của chú giải có câu kết luận rất hay: “*Duy ư nghĩa lý, kiến đắc tinh thực, cố thủ chi tuần chi, xuất ư tự nhiên.*” (Chỉ cần thấy biết tinh tường rõ rệt về nghĩa lý, giữ làm theo đó thì [mọi hành vi] đều phát xuất tự nhiên.) Phần trước là nói sự nhận biết về nghĩa lý, phần sau nói sự vận dụng nghĩa lý vào thực tế, cho nên mọi hành vi đều trở nên hết sức tự nhiên.

Vì sao chư Phật, Bồ Tát, các bậc thánh hiền có thể hành

xử hoàn toàn tự nhiên, khởi tâm động niệm, nói năng hành động đều có thể thuận theo nghĩa lý? Không gì khác hơn là nhờ vào sự nhận biết thấu triệt. Phạm phu chúng ta khởi tâm động niệm đều trái nghịch với nghĩa lý, [đó là do] đối với hai chữ này nhận thức không rõ ràng, nhận thức không được thấu triệt. Khiếm khuyết [của chúng ta] là ở chỗ này.

Câu tiếp theo là: “*Dĩ ác vi năng*.” (Lấy việc làm ác cho là tài năng.) Chúng ta nhất định không được xem thường câu này. Vì sao vậy? Câu này chính là [nói đúng] khuyết điểm của bản thân chúng ta. Phạm vi của cái ác quá lớn, quá rộng. Tiêu chuẩn trong Phật pháp để xác định thiện ác là gì? Khởi tâm động niệm, tất cả đều vì bản thân mình, đó là ác. Khởi tâm động niệm, tất cả đều vì người khác, đó là thiện.

Vì sao áp dụng tiêu chuẩn phân biệt này? Người đời nghe qua đều nghi hoặc. Có người nào lại không vì bản thân mình? Vì bản thân mình thì có gì là sai chứ? Mỗi người đều cho rằng vì bản thân mình là chuyện đúng đắn. Đặc biệt là trong xã hội hiện đại còn có quyền riêng tư, khắp nơi đều luôn tìm kiếm mọi phương cách làm sao để có thể bảo vệ mỗi cá nhân khỏi sự gây hại từ người khác. Pháp luật cũng bảo vệ điều này. Vì sao đức Phật lại nói như vậy là ác?

Tiêu chuẩn, dụng ý của đức Phật, chúng ta cần phải hiểu rõ. Tiêu chuẩn của thế gian là không ra khỏi luân hồi, không vượt ngoài ba cõi. Tiêu chuẩn của Phật pháp là dạy chúng ta thấu triệt sinh tử, thoát khỏi luân hồi, vượt ngoài ba cõi. Nghiệp nhân nào đưa chúng sinh vào ba cõi sáu đường? Chính là ngã chấp, là sự bám chấp vào bản ngã. Chúng ta cần phải hiểu rõ ý nghĩa này. Quý vị hiểu được rồi thì sẽ thấy tiêu chuẩn xác định [thiện ác] của đức Phật đưa ra là chính xác.

Đức Phật đem nguyên nhân [chấp ngã] này quy vào ba nhóm lớn là: vọng tưởng, phân biệt và bám chấp. Hiện nay tôi dùng cách nói như vậy thì mọi người đều dễ hiểu, trong

kinh Phật dùng các thuật ngữ là phiền não “*vô minh, kiến tư, trần sa*”. *Vô minh* chính là vọng tưởng, *trần sa* là phân biệt, *kiến tư* là bám chấp. Quý vị có đủ ba loại phiền não này thì là chúng sinh trong sáu đường [luân hồi].

Trong [nhóm phiền não] bám chấp thì nghiêm trọng nhất là [bám chấp vào] bản ngã. Khởi tâm động niệm, [mọi thứ] đều là vì bản ngã. Sự bám chấp vào bản ngã là nguồn gốc của muôn điều xấu ác. Cho nên, hôm nay [nói đến] “*dĩ ác vi năng*” (lấy việc làm ác cho là tài năng), chúng ta hãy tự nghĩ xem bản thân mình có phải như vậy không? Quả là đúng vậy, không sai chút nào. Hết thấy đều tự cho mình là đúng, tự cho mình là tài năng. Một ngày nào đó giác ngộ rồi, buông bỏ sự bám chấp vào bản ngã, không còn quay trở lại bám chấp vào bản ngã, không còn trở lại bám chấp vào những điều tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm đều có thể vì hết thấy chúng sinh, đó là thiện.

Cho nên Phật dạy tham, sân, si là phiền não ba độc, ngược lại thì không tham, không sân, không si là ba căn lành. Hết thấy các pháp lành đều từ nơi không tham, không sân, không si mà sinh khởi. Đức Phật dạy như vậy là rõ ràng, sáng tỏ, thực sự giúp chúng ta giải quyết được vấn đề. Chúng ta tự mình phải nhận hiểu rõ ràng, phải nhận thức sáng tỏ sự việc này.

Đức Phật dạy đệ tử, mỗi ngày ít nhất phải có hai thời khóa công phu sáng tối. Ý nghĩa của hai thời khóa công phu sáng tối tôi cũng đã giảng qua nhiều lần. Thời công phu sáng là tự cảnh tỉnh mình. Thời công phu tối là tự nhìn lại, phản tỉnh, tự kiểm điểm [lỗi lầm trong ngày], sám hối, sửa lỗi để hoàn thiện chính mình. Mỗi ngày đều sám hối, mỗi ngày đều phản tỉnh, mỗi ngày đều sửa lỗi, đó gọi là chân chánh tu hành, ba môn học giới, định, tuệ của chúng ta mới có thể tăng trưởng, phát triển.

[Ý nghĩa hai chữ] *nghĩa lý* càng được nhận biết thấu triệt, quý vị càng buông xả được nhiều hơn. Người buông xả được tự tư tự lợi thì gọi là bắt đầu giác ngộ. Quý vị bắt đầu giác ngộ rồi, từ trên nền tảng đó phải không ngừng hướng thượng vươn lên. Nếu nói theo quả vị của hàng Bồ Tát Đại thừa thì bắt đầu giác ngộ là Bồ Tát ở giai vị Sơ tín. Vươn lên nữa [phải vượt qua] 52 giai vị mới đạt đến quả vị rốt ráo viên mãn.

[Hiểu được như vậy] rồi quý vị mới hiểu được hai chữ “*kiến đạo*” (thấy đạo) trong nhà Phật. Thế nào là đạo? Nói theo vấn đề chúng ta đang bàn ở đây thì nghĩa lý chính là đạo. Nhận biết về nghĩa lý càng thấu triệt thì phẩm vị [tu tập] của quý vị càng cao hơn, từ Thập tín lên đến Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, cho đến Đẳng giác, Diệu giác rồi viên mãn. Quý vị thử nghĩ xem, đó chẳng phải là như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “*Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất*” (Một là tất cả, tất cả là một) đó sao? Hoàn toàn không sai chút nào.

Phần chú giải của bốn chữ “*dĩ ác vi năng*” (lấy việc làm ác cho là tài năng) nói rất hay: “*Bốn chữ này chính là căn bệnh của hết thấy những kẻ ác lớn nhỏ trong ngàn vạn đời qua, cho nên xếp ở hàng đầu trong tất cả các điều ác.*”

Câu này rất hay, không sai chút nào. Chúng sinh trong sáu đường, có ai không “*lấy việc ác cho là tài năng*”? Ai là người giác ngộ? Ai là người quay đầu hướng thiện? Thời xưa đọc sách thánh hiền, đọc kinh Phật thì mới được khai ngộ. Khai ngộ là đối với việc này có thể xem như nhận hiểu được một vài phần. Người thời nay không đọc sách thánh hiền, cũng không tìm cầu pháp Phật, nên căn bệnh “*lấy việc ác cho là tài năng*” từ trước đến nay đã được nuôi dưỡng thành tập quán, cũng giống như dùng chất gây nghiện, đã thành nghiện ngập rồi, không cách gì dứt bỏ được.

Lúc ấy phải làm sao? Chư Phật, Bồ Tát vốn luôn từ bi,

cho nên ngày nay muốn cứu vãn [sự suy thoái đạo đức trong] cuộc đời, trong lòng người, dạy cho mọi người hiểu rõ nghĩa lý, khuyên bảo mọi người dứt ác tu thiện, chỉ có thể dựa vào nền giáo dục của tôn giáo. Giáo dục xã hội đã không giảng dạy được nội dung này, hầu như là không có khả năng, nên chỉ có thể dựa vào giáo dục tôn giáo để bổ sung vào.

Lần này tôi đến Australia, nghe các vị đồng tu ở đó nói rằng chính phủ Australia đã có luật quy định việc học sinh tiểu học trong các nhà trường, nếu có vài ba em tin theo tôn giáo khác [với Thiên chúa giáo] thì phụ huynh có thể yêu cầu nhà trường mời thầy dạy [về tôn giáo ấy để dạy riêng] cho các em đó. Chính phủ Australia hiện nay đã khảo sát đến vấn đề này. Giáo dục tôn giáo bắt đầu từ đâu? Từ trong vườn trẻ mẫu giáo, từ bậc tiểu học. Hay lắm, như vậy là thực sự hiểu rõ được vấn đề. Cho nên họ nhờ tôi giúp biên soạn giáo trình dạy về tôn giáo cho các em nhỏ. Tôi đã mang các thông tin ấy về đây.

Hiện nay giáo trình tôn giáo dạy ở bậc tiểu học là một quyển “Thích-ca Mâu-ni Phật truyện ký” do Đài Loan in ấn, được dùng làm sách giáo khoa. Các em nhỏ trong vườn trẻ mẫu giáo phải dùng giáo trình có hình ảnh là chủ yếu, càng ít chữ càng tốt, dùng để bắt đầu triển khai giáo dục [tôn giáo] cho các cháu ở độ tuổi mẫu giáo trong vườn trẻ.

Ngày nay ở nước ngoài, tôi tin rằng Australia chịu ảnh hưởng của người Anh nên đã nghĩ đến việc giáo dục đạo đức phải bắt đầu từ tuổi nhỏ. Các cháu mẫu giáo cho đến học sinh bậc tiểu học, trung học, đại học đều có môn học tôn giáo. Các em thuộc tín ngưỡng, tôn giáo nào cũng đều có thể mời thầy dạy thuộc tôn giáo ấy đến truyền dạy. Điều này rất đáng cho chúng ta tôn kính, rất đáng ngợi khen tán thán, rất đáng cho chúng ta phổ biến, tuyên dương. Người ta có điểm tốt như vậy, chúng ta phải học tập theo.

Trung quốc là một quốc gia Phật giáo, hiện nay vẫn chưa nghĩ đến việc [giáo dục tôn giáo cho trẻ em] như thế. Nước ngoài [như Australia] là một quốc gia Cơ đốc giáo, Thiên chúa giáo, vậy mà họ đã nghĩ đến việc này rồi. Hơn nữa, tâm lượng của họ lại lớn lao, có thể bao dung bất kể tôn giáo nào. Cho dù quý vị tin theo tôn giáo nào cũng đều có thể yêu cầu nhà trường mời thầy thuộc tôn giáo đó đến dạy. Cũng không có sự giới hạn yêu cầu phải là đa số học sinh, chỉ cần vài ba em học sinh [có nhu cầu] là đã có thể yêu cầu nhà trường mời thầy dạy. Nếu như trong trường học có một số học sinh thuộc gia đình tin theo Phật giáo, phụ huynh có thể [yêu cầu nhà trường] mời các vị pháp sư đến dạy đạo cho các em.

Chúng ta thấy nghe qua sự việc này, rất đáng để tự phản tỉnh suy ngẫm sâu xa. Thế kỷ [21] tới đây, sự phát triển quốc gia lớn mạnh sẽ không phụ thuộc vào khoa học kỹ thuật, mà phụ thuộc vào đạo đức. Khoa học kỹ thuật phát triển hơn nữa, công thương nghiệp phát triển hơn nữa, nhưng giữa người với người không có lòng thương yêu, hết thảy mọi sự giao tiếp đều dựa trên tiêu chuẩn lợi nhuận, [giao tiếp] có lợi là bạn bè, không có lợi là thù địch, như vậy sao có thể được? Xã hội như thế làm sao không hỗn loạn? Đất nước như vậy đây đây các nguy cơ. Nguy cơ không đến từ bên ngoài. Nguy cơ ở ngay trong nội bộ đất nước.

Cho nên, những bậc cao minh trí tuệ ở thế gian, các bậc chí sĩ nhân ái, đều nhìn thấy được nguyên nhân của vấn đề này, phải dùng giáo dục tôn giáo để bổ sung vào, phải giáo dục bồi dưỡng đạo đức [cho người dân]. Trung quốc từ xưa đến nay, vào thời Hán Vũ Đế đã chính thức lấy học thuyết Khổng Mạnh làm phương châm giáo dục. Chính sách đó kéo dài cho đến triều Mãn Thanh vẫn không hề thay đổi, thực hiện trải qua không dưới hai ngàn năm. Cho đến thời đại Dân quốc, chỉ còn biết học theo phương Tây, vất bỏ hết những lời răn dạy của thánh hiền xưa, nên trăm năm gần đây phải

chịu nhiều khổ nạn lớn lao. Phải biết rõ, nguyên nhân khổ nạn từ đâu đến? Vì đem phương pháp từ xưa của tổ tông vất bỏ đi nên phải gặp khổ nạn.

Nhật Bản chỉ là một đất nước nhỏ như thế mà có thể trở thành cường quốc trên thế giới, đó là dựa vào đâu? Là dựa vào nền giáo dục theo Nho gia của Trung quốc. Chúng ta từ bỏ, còn họ học làm theo, họ giữ gìn không để mất, một mặt khác họ lại học theo khoa học kỹ thuật của phương Tây. Cho nên Nhật Bản trở thành cường quốc số một trên thế giới, người phương Tây đối với họ ngưỡng mộ mà không theo kịp.

Chúng ta thực sự có những điều tốt đẹp [trong văn hóa], người phương Tây hiện nay đã phát hiện được, họ thu thập để học theo. Chúng ta nếu không chịu giác ngộ hiểu ra, vẫn không thể đón đầu chạy đuổi thì trong vài ba mươi năm nữa, họ phát triển lên rồi, Trung quốc sẽ thành suy thoái, lạc hậu. Điều này thật đáng cho chúng ta tự cảnh tỉnh lo sợ, hy vọng mọi người chúng ta đều có lòng cảnh giác.

Đọc *Cảm ứng thiên* cần phải đọc giống như đọc kinh Phật, phải hiểu sâu nghĩa lý, phải thực sự nỗ lực phản tỉnh, phải tìm cho ra tất cả những nguyên nhân căn cơ, vì sao chúng ta không thể tu thiện, không thể khai ngộ, không thể thành tựu. Sau đó mới [đem những nguyên nhân ấy mà] chỉnh sửa, thay đổi. Đó gọi là tu tập bắt đầu từ căn bản.

Mỗi câu trong *Cảm ứng thiên* đều có nhiều câu chuyện được nêu ra làm ví dụ, cũng nói đến sự hành trì trong đời sống thường ngày, nêu ra rất nhiều ví dụ để chúng ta có thể tham khảo, học tập.

Chúng ta cần phải nhận biết rõ ràng thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là giác ngộ, thế nào là mê muội. Sau đó mới có thể dứt ác tu thiện, mới không trở thành những lời nói suông vô bổ. Thực sự nỗ lực làm thì mới có được công đức, lợi ích thù thắng.

Trong chú giải nêu ra rất nhiều ví dụ, chúng ta không thể giải giải kỹ lưỡng, chỉ có thể nêu ra một số điều, để mọi người đọc qua rồi trong tâm cảm nhận được sự thiết thực. Tự nghĩ xem, trong câu *“lấy việc làm ác cho là tài năng”*, chúng ta có những chỗ nào phạm vào ý này.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 89

(Giảng ngày 6 tháng 9 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 90, số hồ sơ: 19-012-0090)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua đã giảng đến câu: *“Phi nghĩa nhi động, bội lý nhi hành, dĩ ác vi năng.”*

Trong kinh Phật có một câu được trích dẫn ở đoạn chú giải của phần này: *“Phật dạy rằng, tất cả những người ác trong thế gian khi chết đều đọa vào địa ngục.”*

Trong địa ngục cũng có người quản lý, tên gọi là *Ngưu Đầu A Bàn*, dân gian Trung quốc thường gọi là *“ngưu đầu mã diện”* (đầu trâu mặt ngựa). Đây là người quản lý, điều hành các hình phạt ở địa ngục. Ngưu Đầu A Bàn cực kỳ hung ác, người bình thường chúng ta đều thấy như một mảy may từ bi cũng không có. Vị này nhìn thấy chúng sinh chịu khổ sở nhưng tuyệt đối không khởi lên một chút gì thương xót. Ngược lại còn thấy người chịu khổ như vậy chưa đủ, gia tăng hình phạt cũng vẫn chưa đủ nặng, cho nên thường ôm lòng ác độc.

Những người đọa vào địa ngục, trong kinh Phật dạy rằng, đó đều là những người *“bất hiếu với cha mẹ, hủy báng Tam bảo, mạ nhục thân bằng quyến thuộc, khinh mạn bậc sư trưởng, vu cáo hãm hại người hiền thiện, giết hại chúng sinh, tạo các nghiệp ác”*.

Chúng ta thử nghĩ xem, những điều Phật nói đó, bản thân chúng ta có mắc phải hay không? Chúng ta đã nghe nói về hiếu thuận với cha mẹ, bản thân ta có làm được hay chưa?

Ý nghĩa của hai chữ *hiếu thuận* này sâu rộng vô cùng, trước đây tôi đã giảng giải rất nhiều.

Tuổi trẻ còn đi học, không chuyên tâm học hành tốt, phẩm hạnh đạo đức không tốt, đó là bất hiếu. Những người trẻ tuổi hiện nay mấy ai biết được?

Sau khi hoàn tất việc học, bước chân vào xã hội, lập gia đình, gây dựng sự nghiệp, nếu gia đình bất hòa, trong công việc không thể hòa thuận vui vẻ cùng đồng nghiệp, bạn bè, thường khiến cho cha mẹ phải đem lòng lo lắng, đó là bất hiếu.

Người xuất gia không nỗ lực tu hành chân chánh, ba môn học *giới, định, tuệ* không tăng trưởng, trong một đời này không thể vượt ngoài ba cõi, thoát ly sáu đường luân hồi, đó là bất hiếu.

Cho nên, chúng ta đọc đến một câu “*bất hiếu với cha mẹ*”, phải biết rằng đức Phật không phải nói với người nào khác, chính là đang nói với bản thân chúng ta.

Mỗi người trong cương vị bổn phận của mình, trong công việc đang làm của mình, làm thế nào để tận trung tận hiếu? Cơ duyên để quần chúng quảng đại trong xã hội tiếp nhận nền giáo dục của thánh hiền, tiếp nhận sự giáo dục của Phật pháp đang ngày càng ít hơn. Chúng ta thật may mắn đã được gặp [Phật pháp]. Sau khi gặp rồi thì trong một đời này nhất định phải nắm chắc lấy cơ hội khó được này, phải tận dụng thật tốt. Hai chữ *trung hiếu*, nếu chúng ta nhìn khái quát từ góc độ Phật pháp thì có thể khái quát được hết sự thị hiện giáo hóa chúng sinh của tất cả chư Phật Như Lai. Thế nào là Phật pháp? Trung hiếu là Phật pháp, trung hiếu là đạo lớn Bồ-đề.

Trong Quán kinh dạy về “*tam phúc tịnh nghiệp*” (ba phước lành tạo nghiệp thanh tịnh) thì câu đầu tiên là “*hiếu*

đưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”. Thực hiện được câu này đến mức rất ráo trợn tức là thành Phật, vì chỉ đạt đến quả vị Như Lai mới thực hiện được câu này rất ráo trợn vẹn. Đối với hàng Bồ Tát Đẳng Giác vẫn còn một phẩm *vô minh sinh tướng* chưa phá trừ, nên việc hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự bậc sư trưởng vẫn còn có một phần khiếm khuyết, không thể đạt đến mức rất ráo trợn vẹn.

Cho nên, lời Phật dạy về “*bất hiếu với cha mẹ*”, thậm chí đối với hàng Bồ Tát Đẳng Giác mà nói cũng vẫn là một lời cảnh tỉnh, nhắc nhở, rằng đạo hiếu của quý vị ấy vẫn còn chưa thực hiện được rất ráo trợn vẹn. Chúng ta nghe đến câu này phải khởi tâm cảnh giác cao độ, đó gọi là học Phật.

Đức Phật là bậc đại hiếu rất ráo viên mãn, là bậc phụng sự sư trưởng đến mức rất ráo viên mãn. Sư trưởng của Phật là tất cả chư Phật trong quá khứ. Không chỉ là tất cả chư Phật trong quá khứ, mà còn là hết thảy chư Phật trong hiện tiền, hết thảy chư Phật trong tương lai, đức Phật đều phụng sự cúng dường, chúng ta nào đâu biết được?

Về tội “*hủy báng Tam bảo*”, chúng ta rất nhiều khi phạm vào. Quý vị đồng học nghe nói như vậy hẳn cho là không đúng. Kỳ thực, chúng ta là bốn chúng đệ tử của Phật, bao gồm hết thảy nam nữ tại gia và xuất gia, nếu như không chân chánh vâng làm theo lời Phật dạy để biểu hiện một hình tượng chân thật của người đệ tử Phật giữa xã hội này, thì đó là chúng ta đã hủy báng Tam bảo, khiến cho người trong xã hội nhìn vào [chê cười rằng] đệ tử của Phật là như thế đấy! Quý vị nghĩ xem, như thế chẳng phải là hủy báng Tam bảo hay sao?

Cho nên, hình tượng [của người đệ tử Phật] rất quan trọng thiết yếu. Chúng ta là bốn chúng đệ tử Phật, bất cứ khi nào, bất kỳ ở đâu, khi chung sống, tiếp xúc với mọi người, nếu có thể khiến cho người khác lễ kính Tam bảo, cung kính

Tam bảo, tán thán Tam bảo, thì đó là làm vẻ vang Tam bảo, khiến cho Phật pháp thêm tỏa sáng. Đó là làm lợi ích chúng sinh. [Ngược lại] nếu như hành vi của chúng ta vẫn là tạo tác nghiệp ác, khiến cho người khác khinh chê hủy báng, khiến cho người khác vì ta mà tạo nghiệp, đó chẳng phải là hủy báng Tam bảo rồi sao?

Vì thế, là đệ tử Phật thì việc hành trì trong đời sống, nói năng hành động đều phải làm chuẩn mực tốt đẹp cho tất cả chúng sinh noi theo.

Cho nên, đức Phật dạy câu này, chúng ta phải thực sự nỗ lực phản tỉnh, phải suy nghĩ, phải học tập như thế nào để tránh được những lỗi lầm như trên. Những lỗi lầm như thế đều là nghiệp nhân đẩy ta vào địa ngục A-tỳ.

Về tội “*mạ nhục thân bằng quyến thuộc*”, *mạ* là hủy báng, *nhục* là làm nhục, làm những việc này với quyến thuộc, với người thân trong gia đình.

Về tội “*khinh mạn sư trưởng*”, khinh là khinh thị, xem thường. Đối với bậc sư trưởng sinh tâm ngạo mạn, trong mắt nhìn xem bậc sư trưởng không ra gì.

Phạm vi nói đến của hai chữ *sư trưởng* là rất lớn. Thầy cô giáo dạy dỗ chúng ta là sư trưởng. Chúng ta từng học qua tiểu học, trung học, có một số quý vị đồng tu cũng học qua đại học, những người đã từng trực tiếp giảng dạy chúng ta trong quá trình đó đều là bậc sư trưởng của ta. Nếu đem phạm vi này mở rộng hơn, thì tất cả những vị nhân sĩ dân thân vào công việc giáo dục đều là sư trưởng. Người thời xưa biết tôn kính những vị này, tôn kính hàng trí thức, vì trí thức giáo hóa, dạy dỗ cho đại chúng trong xã hội. [Thời ấy] hầu như mỗi một người trí thức đều là một vị thầy giáo dục xã hội. Chúng ta tôn trọng bậc trí thức, tôn trọng những người làm công việc giáo dục trong xã hội, đó là “*tôn sư trọng đạo*” (tôn kính thầy, xem trọng đạo lý). Họ là những người giúp thay

đổi tập quán phong tục [cho hoàn thiện hơn], đó là việc thiện lớn lao, có mấy người hiểu được?

Hiện tại chưa nói đến những người làm công việc phổ cập giáo dục rộng rãi trong xã hội, chỉ nói những thầy cô giáo đã từng trực tiếp dạy dỗ chúng ta, liệu có mấy người còn nhớ đến họ? Còn có mấy người quan tâm nhớ nghĩ đến thầy cô giáo cũ? Trong xã hội hiện tại, chúng ta thấy rất rõ ràng, thực hiện được điều này là chánh đạo, là làm cho xã hội an định, thế giới hòa bình, là phúc lành cho hết thảy chúng sinh.

Cho nên đức Phật mới đem vấn đề “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*” này kể ra đầu tiên trong “*tam phúc tịnh nghiệp*”. Không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, chỉ cần là người làm công việc giáo dục, chúng ta đều phải hiếu dưỡng, đều phải phụng sự. Trong xã hội này, chúng ta phải dẫn đầu khởi xướng việc này, phải xây dựng một khuôn mẫu [tôn sư trọng đạo] tốt đẹp.

Cho nên, mỗi một câu [nói trên] đều có ý nghĩa sâu rộng vô cùng, chúng ta có thể dùng kinh Hoa Nghiêm để ấn chứng. Mỗi lời Phật dạy đều có phạm vi cùng tận hư không biến khắp pháp giới, không chỉ giới hạn trong một vùng miền, trong một giai đoạn. Chúng ta là người học Phật phải nhận biết rõ ràng, trong hiện tại ở vùng miền này, trong giai đoạn này phải làm như thế nào [là thích hợp]. Đó gọi là quán cơ. Lý lẽ và cơ duyên cùng khế hợp, như vậy mới có thể tự cứu độ mình và cứu độ người khác.

Về tội “*vu cáo hãm hại người lương thiện*”, phần lớn đều là do sinh lòng đố kỵ, ganh ghét. Những phiền não như đố kỵ, sân hận đều là *câu sinh* (cùng sinh ra), nghĩa là tích lũy từ đời trước, nên khi chúng ta vừa sinh ra đã sẵn có. Khi nhìn thấy người khác làm được điều gì tốt đẹp, nhất là khi thấy người khác vượt trội hơn mình, trong lòng ta liền cảm thấy hết sức khó chịu. Cảm thấy khó chịu nhưng không làm gì gây

chướng ngại cho họ thì nghiệp ấy cũng nhẹ. Nhưng nếu thực sự có hành vi gây chướng ngại, ngăn cản người khác làm việc thiện, tội ấy thật rất nặng.

Trong Giới kinh quy kết đánh giá tội này tùy theo ảnh hưởng việc thiện của người kia đối với xã hội. Nếu đó là việc có ảnh hưởng càng lớn thì tội gây chướng ngại này càng nặng. Nếu việc thiện ấy đối với xã hội không có ảnh hưởng lớn thì việc gây chướng ngại đó tạo tội tương đối nhẹ. Đó là nói về quả báo của hành vi.

Chúng ta học Phật, là người tu hành, nếu nhìn thấy người khác làm được việc tốt đẹp mà trong lòng cảm thấy ganh ghét đố kỵ như thế, phải ngay lập tức khởi tâm cảnh giác, phải sinh lòng hổ thẹn. Chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta, các bậc thánh hiền thế gian cũng dạy chúng ta phải “*thành nhân chi mỹ*” (thành tựu điều tốt đẹp cho người khác). Điều này có nghĩa là, khi thấy người khác làm việc tốt đẹp, việc hiền thiện, đối với xã hội, đối với chúng sinh có lợi ích, chúng ta chẳng những không được ganh ghét đố kỵ, mà còn phải hỗ trợ, giúp đỡ họ, giúp cho họ thành tựu công việc. Chúng ta giúp đỡ họ, thành tựu cho họ, ngợi khen tán thán họ thì tự bản thân mình cũng được phước báo, công đức, lợi ích tương đương như người đứng ra làm việc thiện ấy.

Do đó có thể biết rằng, khi gặp những trường hợp như thế thì lành hay dữ, họa hay phúc thực sự đều do trong thời gian một niệm của chính bản thân ta. Một niệm giác ngộ, nhận biết thì đó là tốt lành, là phước báo hiện tiền. Một niệm mê muội, ganh ghét đố kỵ, gây chướng ngại cho người thì đó là việc dữ, là tai họa sẽ đến.

Việc thiện nhỏ chỉ giới hạn trong một vùng miền, trong một nhóm người. Việc thiện lớn thì không giới hạn trong vùng miền, không giới hạn chủng tộc, không giới hạn trong tôn giáo tín ngưỡng. Thật là lớn lao. Người xưa nói rất hay:

“Không đọc Hoa Nghiêm không thể biết được cảnh giới Như Lai. Không thâm nhập Hoa Nghiêm, không thể mở rộng tâm lượng của chính mình.”

Tâm lượng của chính ta so với tâm lượng của chư Phật Như Lai xưa nay vốn không khác biệt. Tâm ấy bao trùm cả hư không, rộng khắp các pháp giới. Chúng ta hiện nay vì mê hoặc, vì tình chấp nên đem tâm lượng của chính mình hạn cuộc thành nhỏ hẹp, không thể bao dung người, không thể bao dung mọi việc. Đó là lỗi lầm của chính ta.

Cho nên, nhìn thấy người khác làm việc thiện, chúng ta phải nhiệt tâm tận tình tán trợ giúp đỡ. Quý đồng tu học Phật rất nhiều, trong đó cũng có một số ít, nói như lời Lý lão sư trước đây là nghiêng theo lậu hoặc, thiên kiến, bám chấp. Những người này học Phật chỉ giới hạn phạm vi bên trong Phật giáo, nhìn các tôn giáo khác đều là đối lập; giới hạn bên trong chủng tộc của mình, nhìn các chủng tộc khác, người nước khác đều là đối lập. Họ cũng trì giới, cũng tụng kinh, cũng ăn chay, cũng lễ Phật, nhưng tâm lượng của họ hoàn toàn không rộng mở.

Khi thấy tôi tiếp xúc với các tôn giáo khác, các chủng tộc khác, những người như vậy khởi sinh trùng trùng nghi vấn, nói rằng: *“Pháp sư Tịnh Không làm gì vậy chứ, hiện nay sao không lo học Phật, sao lại đi làm chuyện đa nguyên văn hóa?”* Tôi nghe như vậy rất buồn. Phật giáo chúng ta dạy phát tâm Bồ-đề, dạy rằng *“chúng sinh vô biên thế nguyện độ”*. Những người không học Phật mới gọi là *“đa nguyên văn hóa”*. Đa nguyên văn hóa là gì? Đa nguyên văn hóa chính là *chúng sinh vô biên thế nguyện độ*. Tên gọi khác nhau nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng.

Người chủ trương đa nguyên văn hóa không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, hết thấy đều xem bình đẳng như nhau, yêu kính lẫn nhau, tôn trọng lẫn nhau, hợp tác

hỗ trợ cho nhau. Quý vị nghĩ xem, như thế chẳng phải chúng sinh vô biên thệ nguyện độ thì là gì? Họ thực sự làm được điều đó, còn chúng ta ngày ngày chỉ biết hô to khẩu hiệu “*chúng sinh vô biên thệ nguyện độ*”, nhưng lại xem hết thấy chúng sinh như oan gia đối đầu với mình, thật sai lầm.

Chúng ta ngày nay cúng dường những tôn giáo khác trong việc xây dựng viện dưỡng lão, viện cô nhi, trại cai nghiện, cùng các hoạt động từ thiện xã hội khác. Chúng ta cúng dường họ một số tiền, tín đồ Phật giáo thấy vậy thì phiền lòng khó chịu, [họ nói] vì sao đem tiền của chúng ta đưa cho các tôn giáo khác?

Tôi hỏi lại những người ấy: Chúng ta có nên xây viện dưỡng lão hay không?

Họ nói, nên xây.

Tôi lại hỏi, có nên xây viện cô nhi hay không?

Họ cũng nói, nên xây.

Tôi hỏi: Có nên làm các việc từ thiện xã hội hay không?

Họ nói, nên làm.

Tôi bảo: Vậy thì quý vị làm đi!

Họ đáp: Chúng tôi không có thời gian, không có tiền bạc.

Tôi nói, vậy người ta đã làm xong cả rồi, chúng ta chỉ đầu tư thêm vào, chẳng phải kết quả cũng giống như chúng ta làm đó sao? Chúng ta là cổ đông góp vốn cùng họ, quý vị nói có đúng không? Đã có người phát tâm làm rồi, chúng ta chỉ đầu tư thêm vào như cổ đông góp vốn, lẽ nào những sự nghiệp từ thiện đó ta không có một phần trong đó? Quý vị cúng dường cho tôi, tôi đem tiền bạc ấy đầu tư rộng khắp, quý vị mỗi người đều thành cổ đông góp vốn làm từ thiện xã hội. Tôi không hề đem tiền cúng dường của quý vị sử dụng hoang phí.

Quý vị tự mình cũng biết được, quý vị đều là những ông chủ, những cổ đông góp vốn trong các sự nghiệp từ thiện ấy, bất kể là đưa ra bao nhiêu tiền cũng đều tốt cả. Vì sao tâm lượng lại hẹp hòi đến thế? Vì sao không thể bao dung người khác? Vì sao không thể thấy được việc tốt người khác làm? Cứ như là việc tốt chỉ để riêng cho quý vị tự mình làm, người khác làm thì mình phiền lòng, khó chịu. Như vậy thì dù vô tình hay cố ý cũng đều tạo thành nhiều tội nghiệp, tự mình còn cho rằng học Phật cũng không tệ, học rất tốt, nhưng tương lai堕 vào địa ngục A-tỳ cũng không biết vì sao mình phải堕. Vua Diêm-la khi ấy mới vì quý vị giải thích cặn kẽ từng điều từng điều, nhưng đến lúc ấy mới hối hận thì đã không kịp rồi.

Cho nên, trong hai câu trước đã giảng rất kỹ, người học Phật phải hiểu sâu, sáng tỏ nghĩa lý. Nhưng đối với việc hiểu sâu và sáng tỏ nghĩa lý, nếu mỗi ngày không đọc kinh, mỗi ngày không nghiên cứu, thảo luận, giảng giải, thì quý vị làm sao thâm nhập? Vì thế, quy cứu đến tận ngọn nguồn vẫn là do lỗi lầm không hiểu rõ giáo nghĩa Đại thừa. Nếu như quả thật hiểu sâu giáo pháp, hiểu sâu Phật lý, thì những vọng tưởng, phân biệt, bám chấp của quý vị tự nhiên tiêu mất. Khi ấy, cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của quý vị đều tự nhiên tương ứng với chư Phật, Bồ Tát.

Bài giảng thứ 90

(Giảng ngày 7 tháng 9 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 91, số hồ sơ: 19-012-0091)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua đã giảng một đoạn trích dẫn kinh Phật trong chú giải của *Cảm ứng thiên*, nói rõ việc tạo các tội nghiệp nặng nề phải đọa vào địa ngục A-tỳ, đó là: *“bất hiếu với cha mẹ, hủy báng Tam bảo, mạ nhục thân bằng quyến thuộc, khinh mạn bậc sư trưởng, vu cáo hãm hại người hiền thiện”*. Hôm qua đã giảng đến chỗ này.

Tiếp theo [trong kinh còn đề cập đến] hai tội nữa là *“giết hại chúng sinh, tạo các nghiệp ác”* và nói: *“Những người như vậy, phải đọa vào địa ngục để chịu sự khổ này.”* Phần bên dưới quý vị có thể tự mình xem qua thì rõ.

Về tội *“giết hại chúng sinh”*, đặc biệt nhất là các loài sinh vật nhỏ, thường quấy nhiễu chúng ta, như ruồi, muỗi, kiến, bọ chét... Người không học Phật thì không nói làm gì, người đã học Phật rồi cũng không tránh khỏi có những lúc vô tình hay cố ý làm tổn hại đến các loài chúng sinh này. Chúng ta là những người chân chánh học Phật, muốn không giết hại chúng sinh phải bắt đầu từ đâu? Phải từ chỗ này mà bắt đầu. Những sinh vật nhỏ bé này quấy nhiễu, gây khó chịu cho ta, ta phải có lòng nhẫn nại, phải nhẫn chịu được.

Từ xưa đến nay, các bậc đại đức chân chánh tu hành, khi gặp những sự quấy nhiễu khó chịu này đều không sinh lòng oán giận bực tức, mà ngược lại sinh tâm hổ thẹn. Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều không ra ngoài nhân quả, vì sao cũng có nhiều người khác mà các con vật nhỏ

này không quấy nhiễu, chỉ đến quấy nhiễu ta? Như vậy nhất định là có nhân từ đời trước. Trong quá khứ hẳn chúng ta cũng đã từng là kiến, là muỗi, là ruồi... cũng quấy nhiễu gây khó chịu người khác, nên ngày nay ta chuyển sinh thân này phải chịu [quấy nhiễu].

Cho nên, thuyết nhân quả nói rằng: “*Nhất ẩm nhất trác mạc phi tiên định.*” (Mỗi một miếng cơm ngụm nước đều đã định trước.) Giữa người với người, hoặc giữa người với hết thảy chúng sinh, nghiệp duyên [kết nối] từ vô lượng kiếp đến nay không ngoài bốn việc: báo ân, trả oán, đòi nợ, trả nợ. Nếu không có một trong bốn duyên này thì có gặp nhau cũng không nhìn thấy, hoặc cũng có lúc thấy như không thấy, [chẳng lưu tâm gì nhau]. Những việc như thế là sự thật, tôi nghĩ là mỗi vị đồng tu đều có thể nhận hiểu, thể hội được. Chỉ có điều là thể hội chưa được sâu sắc mà thôi.

Nguyên nhân thể hội chưa được sâu sắc là vì đối với giáo nghĩa kinh điển chưa có chiều sâu thâm nhập. Trong kinh Phật dạy chúng ta phải hiểu sâu nghĩa lý. Nếu như chúng ta thực sự có chiều sâu thâm nhập, khế hợp vào sâu trong kinh điển, thì quý vị sẽ tự nhiên hiểu biết sáng tỏ rõ ràng. Sau đó thì sống giữa thế gian này quý vị có thể giữ được tâm bình thản, điềm đạm. Gặp hoàn cảnh thuận lợi cũng không khởi tâm tham chấp bám víu, gặp hoàn cảnh trái nghịch cũng không khởi tâm chán ghét bất bình. Đối với người hiền thiện, kẻ xấu ác đều xem bình đẳng như nhau, trong tâm liền được an bình. Ý nghĩa này chúng ta phải hiểu thật rõ ràng.

Tu hành phải tu ở chỗ nào? Chính là phải ở nơi chỗ [gặp việc khó chịu] này mà tu. Tu hành không chỉ giới hạn trong việc tụng kinh, niệm Phật, cũng không giới hạn trong việc trì danh hiệu Phật. Bất cứ pháp môn nào cũng đều hàm chứa, dung nhiếp tất cả các pháp môn. Rất ít người hiểu được ý nghĩa này, mà người thực hành được lại càng ít hơn. Trong

kinh Phật dạy ta rằng, thực sự hiểu thấu và làm được [điều này] là các vị Pháp thân Đại sĩ, Bồ Tát Quyền giáo. Các bậc thánh giả Nhị thừa tuy thấu hiểu được nhưng chưa làm được. Những lý luận, phương pháp, cảnh giới này, trong kinh Hoa Nghiêm giảng giải thấu triệt nhất, rõ ràng nhất.

Năm xưa Đại sư Hoàng Nhất dạy người học Phật, đặc biệt là đối với giới trí thức, nên bắt đầu từ bộ *Hoa Nghiêm số sao*. Điều này rất hữu lý. Thông đạt được lý luận, cảnh giới, phương pháp trong kinh Hoa Nghiêm thì bất kể là tu học pháp môn nào cũng đều là pháp Đại thừa Viên đốn, đều có thể hỗ trợ chúng ta ngay trong đời này vượt lên đến cảnh giới thù thắng. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, thấy đều là đời sống của chư Phật trong kinh Hoa Nghiêm. Cho nên các bậc đại đức xưa xưng tán bộ kinh này là căn bản của [việc chuyển] bánh xe pháp, thật hết sức hữu lý.

Câu cuối cùng đề cập đến việc “*tạo các nghiệp ác*”. Nghiệp ác có vô lượng vô biên vô số, theo tiêu chuẩn của hàng Bồ Tát thì những gì trái nghịch với đức của tự tánh đều là nghiệp ác. [Những việc] người thế gian chúng ta cho là pháp lành, Bồ Tát xem là xấu ác, vì sao vậy? Vì không ra khỏi sáu đường luân hồi, phải ở trong ba đường lành của sáu đường mà hưởng phước báo. Như vậy không phải pháp lành chân thật, vì phước báo hưởng hết rồi cũng vẫn phải đọa lạc. Không chỉ trong sáu đường luân hồi không có pháp lành chân thật, mà cho đến bốn thánh pháp giới cũng không có pháp lành chân thật. Pháp lành chân thật nhất định phải siêu việt khỏi mười pháp giới, đó mới là pháp lành chân thật. Vĩnh viễn không còn thối chuyển, đó mới là pháp lành chân thật.

Đoạn văn này đưa ra kết luận: “*Người làm ác nhất định phải đọa vào địa ngục.*” Cách nói ở đây hết sức khẳng định, dứt khoát, không một mảy may do dự, phân vân: “*Nhất định phải đọa vào địa ngục.*”

Câu cuối cùng khuyên bảo chúng ta: “Còn ở đời một giây phút nào, phải ra sức thực hành nhân từ.”

Việc “còn ở đời” chính là quý vị đang hết sức may mắn có được thân người trong mười pháp giới. Được thân người trong giai đoạn này của chúng ta là thời kỳ mạt pháp của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, tuổi thọ con người không dài. Đời nhà Đường, Đỗ Phủ từng nói: “*Nhân sinh thất thập cổ lai hy*.” (Người sống đến bảy mươi tuổi xưa nay hiếm có.) Người đời Đường nói thế, có thể mọi người cho rằng hiện nay y học rất phát triển, tuổi thọ con người hẳn phải lâu dài hơn. Nhưng không phải vậy. Nếu quả cho rằng y học phát triển, tuổi thọ con người có thể kéo dài, vậy chẳng phải định luật nhân quả bị thay đổi rồi sao? Tuổi thọ được dài lâu riêng có nguyên nhân khác, chúng ta phải hiểu rõ điểm này.

Nếu xét theo tuổi thọ bình quân của người dân trên toàn thế giới thì [hiện nay] không đến bảy mươi tuổi. Đây là tuổi thọ bình quân. Cá biệt có những trường hợp tuổi thọ được dài hơn, là do sự tu tập trong quá khứ. Nghiệp nhân, quả báo của mỗi người đều khác nhau, chúng ta phải hiểu rõ điều này, phải tin sâu không nghi ngại.

Cho nên, [nói chung thì] thời gian ta “còn ở đời” này không lâu. Nhưng trong Phật pháp có câu rất hay: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*.” (Trong cửa Phật, có cầu liền có ứng.) Cầu sống lâu sẽ được sống lâu. Cầu sống lâu tuyệt đối không phải là cầu thuốc men [kéo dài tuổi thọ], không phải cầu sự bảo vệ nuôi dưỡng [thân mạng]. Những điều đó không cách gì thay đổi được vận mạng [do nghiệp nhân từ trước].

Vậy làm thế nào mới cầu được sống lâu? Phải sửa đổi nghiệp nhân của chính mình. Quý vị xem trong sách *Liễu Phàm tứ huấn* đã thấy, tiên sinh Liễu Phàm tuổi thọ chỉ đến 53 tuổi, nhưng ông đã sống được đến hơn 70 tuổi. Điều này cho thấy nghiệp nhân quả báo không mấy may sai lệch.

Chúng ta muốn cầu loại quả báo nào thì phải tạo loại nghiệp nhân ấy. Nhân quả nhất định tương ứng, phù hợp nhau.

Cho nên, chư Phật, Bồ Tát ở đây khuyên dạy chúng ta. Thời gian chúng ta còn được sống trong đời này rất ngắn ngủi, phải hiểu rõ được ý nghĩa đó, phải “*ra sức thực hành nhân từ, rộng tu các pháp lành, tiêu trừ ba chướng, thanh tịnh sáu căn, niệm Phật trì trai, tham thiền học đạo, vượt ngoài ba cõi, vượt thoát bốn loài*”.¹ Khuyên dạy chúng ta những điều như vậy. Khi mới bắt đầu học thì làm hết sức miến cưỡng, sau mấy năm thực hành thì sẽ dần dần thành thói quen.

Tôi mang thân phàm phu, nghiệp chướng, tập khí rất nặng nề, nhưng nói như Đại sư Chương Gia thì trong đời này tôi thực sự được chư Phật, Bồ Tát quan tâm chiếu cố. Chư Phật, Bồ Tát khiến tôi phải chịu nhiều sự trắc trở thử thách, tôi tin lời thầy dạy, [biết rằng] những trắc trở thử thách này đều là sự quan tâm của chư Phật, Bồ Tát đối với tôi.

[Chẳng hạn, hoàn cảnh] khiến cho tôi phải tu bố thí, vì sao? Người ta cứ nhất định theo xin, tôi không cho không được, tốt thôi, vậy là học bố thí. Dần dần học như thế, học qua bao nhiêu năm thành tự nhiên. Về nhẫn nhục, người ta lần lượt ức hiếp quý vị, làm nhục quý vị, giày vò quý vị, cứ nhẫn chịu hết. Từ sự nhẫn chịu đó dần dần tâm được bình lặng, tâm được an định. Nhẫn nhục là phương tiện chuẩn bị trước cho thiền định. Tâm thanh tịnh, tâm an định rồi thì trí tuệ liền khai mở. Cho nên, những người nào giày vò tôi, hủ nhục tôi, trong mắt tôi đều xem đó là chư Phật, Bồ Tát thị hiện. Không có những người như vậy gây trắc trở, tôi làm sao có

¹ Bốn loài ở đây là chỉ tất cả chúng sinh được sinh ra bởi một trong bốn cách (tứ sinh): 1. sinh ra từ bào thai (thai sinh), 2. sinh ra từ trứng (noãn sinh), 3. sinh ra các nhân duyên trong môi trường ẩm ướt (thấp sinh) và 4. sinh ra từ sự biến hóa (hóa sinh). Vượt thoát bốn loài là không còn sinh ra bởi một trong bốn cách này, nói cách khác là đã vượt thoát sinh tử, đạt đến chỗ không sinh không diệt.

thể thành tựu? Tu tập sáu ba-la-mật được thành tựu là nhờ như thế, sao có thể nói ở trong những hoàn cảnh thuận buồm xuôi gió mà tu tập được thành tựu sáu ba-la-mật? Không có lý như vậy.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni [trước khi] thành Phật còn phải trải qua rất nhiều ma nạn. Trong tám tướng thành đạo cũng có tướng hàng phục chúng ma.¹ Nói để quý vị được biết, [đức Phật] hàng phục chúng ma không phải chỉ trong một giai đoạn, một thời kỳ, mà từ khi Phật đản sinh cho đến thị hiện thành đạo, trong mấy chục năm đó mỗi ngày đều hàng phục chúng ma, vì mỗi ngày đều có ma chướng. Nói cách khác, quý vị phải chịu đựng, vượt qua được những khảo nghiệm thì quý vị mới có thể thành tựu.

Con người phải có lòng thương yêu. Chúng ta hiện nay đọc Kinh điển Đại thừa, trong đó giảng giải rất rõ ràng, chư Phật Như Lai lấy tất cả chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không làm thân tướng của chính mình. Bậc Pháp thân Đại sĩ không có thân tướng, hết thấy chúng sinh trong các pháp giới cùng khắp hư không chính là thân tướng của các ngài, gọi là pháp thân. Thân các ngài hiện ra là báo thân. Báo thân là trí tuệ, trí tuệ cũng không có hình tướng. Báo thân là Bát-nhã, pháp thân là lý thể, ứng hóa thân là giải thoát. Giải thoát chính là tự tại, là đại tự tại.

Vì sao ứng hóa thân gọi là *giải thoát*? Đó là đối với chúng

¹ Tám tướng thành đạo, là nói 8 giai đoạn, sự kiện quan trọng nhất trong cuộc đời đức Phật, mang ý nghĩa thị hiện giữa cõi Ta-bà này. Tám tướng này bao gồm: 1. Đâu suất lai nghi, từ cung trời Đâu-suất giáng trần; 2. Lam-tì-ni viên giáng sinh, đản sinh trong vườn Lumbini; 3. Tứ môn du quan, dạo chơi bốn cửa thành nhận ra sự thật của đời sống. 4. Du thành xuất gia, lìa bỏ hoàng cung xuất gia tìm đạo. 5. Tuyết sơn thị tu, thị hiện tu hành khổ hạnh trên Tuyết sơn. 6. Bồ-đề thụ hàng ma, hàng phục chúng ma dưới cội Bồ-đề và thành đạo. 7. Lộc dã uyển chuyển pháp luân, thuyết pháp chuyển bánh xe pháp lần đầu tiên nơi vườn Lộc dã. 8. Sa-la lâm hạ Bát Niết-bàn, nhập Niết-bàn dưới cây Sa-la, trong rừng Sa-la song thọ.

sinh mà nói, thân thể nghiệp báo của chúng sinh không được tự tại, bị phiền não trói buộc, bị sinh tử hạn cuộc. Phật thị hiện đủ mọi thân tướng, tùy chủng loại [của chúng sinh] mà hiện thân. Thân thị hiện đó không có phiền não, đã giải trừ phiền não, không có sinh tử. Không có sinh tử gọi là *thoát*, không có phiền não gọi là *giải*. Thân thị hiện của chư Phật, Bồ Tát so với chúng ta không giống nhau. Thân giải thoát đó thông thường gọi là Pháp thân Đại sĩ, thoát ly sáu đường, vượt ngoài mười pháp giới, phiền não *kiến tư* đều đã giải trừ, phiền não *trần sa* cũng đã giải trừ, phiền não *vô minh* cũng đã phá được một phần. Cho nên, ứng hóa thân của chư Phật, Bồ Tát so với phàm phu chúng ta không giống nhau.

Phật dạy chúng ta phải có tâm thương yêu chân thành, tâm từ bi đối với tất cả chúng sinh, không phân biệt tà chánh, không phân biệt thiện ác, không phân biệt lợi hại, hết thấy đều bình đẳng thương yêu bảo bọc.

Phần trước chúng ta đã nói, phải thuần nhất thiện tâm, thuần nhất thiện ý, thuần nhất thiện hạnh, phải thuần thiện. Thế nhưng đối với tà chánh, đúng sai, thiện ác, hết thấy đều như thật rõ biết, nhận thức sáng tỏ, minh bạch, biết rõ chúng sinh làm việc thiện sẽ được quả lành, làm việc ác phải chịu quả báo ác.

Thấy biết tất cả rõ ràng minh bạch, đó là sự quán chiếu của trí tuệ. Quán chiếu thấy biết rõ ràng nhưng trong lòng nhất định không hề dao động, không hề khởi tâm động niệm, cũng chính là không có tốt xấu. Không phải [nghe người khác] nói điều lành thì hoan hỷ vui mừng với họ, nghe điều xấu ác thì ghét bỏ họ. Không phải vậy. Không khởi tâm, không động niệm là như vậy. Đó là trong tâm thuần thiện. Cái thiện này không phải cái thiện trong thiện ác đối đãi phân biệt. Thiện ác đối đãi phân biệt cũng là bất thiện. Hai bên thiện ác đều là khởi, hai bên tà chánh đều là khởi, hai bên lợi hại đều là khởi, đó mới gọi là cái thiện chân thật.

Cho nên bất cứ khi nào, bất cứ ở đâu, dù trong hoàn cảnh nào, tâm thức cũng luôn thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ. Đó mới gọi là “*rộng tu các pháp lành*”.

Về “*tiêu trừ ba chướng*”, khi ấy ba chướng tự nhiên tiêu trừ. Nếu không có công phu tu tập này, việc tiêu trừ ba chướng là rất khó. Ba chướng là chỉ *hoặc nghiệp khổ*, cũng có thể nói như chúng ta hiện nay là vọng tưởng, phân biệt, bám chấp.

Về “*thanh tịnh sáu căn*”, sáu căn tiếp xúc với sáu trần cảnh bên ngoài thực sự không hề nhiễm ô. Tiếp xúc thì rõ biết sáng tỏ, minh bạch, đó là trí quán chiếu Bát-nhã. Không nhiễm bụi trần, đó là thiên định hết sức thâm sâu. Hoàn toàn sáng tỏ, rõ ràng minh bạch, quả thật không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không bám chấp, đó là sáu căn thanh tịnh, đó là thâm nhiếp được sáu căn.

Về “*niệm Phật trì trai*”, chữ “*trai*” hàm nghĩa [giữ cho] thân tâm đều thanh tịnh. Hiện nay về mặt tập tục, những người trì trai đều cho rằng chỉ ăn chay là đã trì trai rồi, như vậy cũng được, nhưng thật ra ăn chay chỉ là một phần trong ý nghĩa trì trai.

Về “*tham thiền học đạo*”, chữ “*tham*” ở đây không dùng đến ý thức mới gọi là tham, dùng đến ý thức thì không gọi là tham. Quý vị xem, trong Thiên tông dạy rằng: “*Ly tâm ý thức tham*.” (Lìa tâm, ý, thức mà tham.) *Tâm, ý, thức* là [thuộc về] tám thức, *tâm* là thức a-lại-da [thứ tám], *ý* là thức mặt-na [thứ bảy], *thức* là ý thức thứ sáu. Ý thức thứ sáu là phân biệt, mặt-na là bám chấp, a-lại-da là ghi lại ấn tượng. Lìa *tâm, ý, thức* chính là nói không bám chấp, không phân biệt, không ghi lại ấn tượng. Đó gọi là *tham*.

Thiền là gì? Thiền là tâm Phật, giới là hạnh của Phật, giáo pháp là ngôn ngữ của Phật, nhưng một câu Phật hiệu thâm nhiếp được hết thảy những điều đó. Đây là quy về pháp môn niệm Phật.

Cho nên, đoạn văn này rất hay, trước nói “*niệm Phật trì trai*”, [sau nói] “*tham thiền học đạo*”. Đồng tử Thiện Tài qua 53 lần tham học, lần đầu tiên đến tham học Tỳ-kheo Cát Tường Vân. Tỳ-kheo Cát Tường Vân giảng dạy cho 21 pháp môn niệm Phật. 21 pháp môn đó triển khai ra, hết thủy vô lượng vô biên Phật pháp mà chư Phật Như Lai đã thuyết giảng, không một pháp nào có thể vượt hơn pháp môn niệm Phật.

“*Vượt ngoài ba cõi, vượt thoát bốn loài*”, không chỉ là vượt thoát sáu đường luân hồi, vượt thoát mười pháp giới, cho đến bốn cách sinh ra là *thai sinh, noãn sinh, thấp sinh* và *hóa sinh* cũng vĩnh viễn thoát khỏi, [đạt đến chỗ] không sinh không diệt. Đó là đức Phật ở đây đem tâm từ bi hết sức khéo nhọc khuyên dạy dẫn dắt chúng ta, ta phải thực sự nỗ lực ngay trong cuộc sống thường ngày, trải qua sự rèn luyện tâm thức, phải chịu đựng, vượt qua được sự gian nan rèn luyện, luyện đến mức công phu thành tựu viên mãn, khéo nhập vào cảnh giới của chư Phật.

Cảnh giới của chư Phật đó mới là “*bản lai diện mục*” (mặt mũi xưa nay) của chính ta, là môi trường điều kiện sống xưa nay của chính ta. Đó thực sự là quay đầu, thực sự là về nhà. Sáu đường luân hồi là ở bên ngoài dạt trôi lưu lạc, thể nhập pháp giới nhất chân là quay về nhà, đó mới là đạt được sự an ổn chân thật.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Bài giảng thứ 91

(Giảng ngày 8 tháng 9 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 92, số hồ sơ: 19-012-0092)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Hôm qua đã giảng đến đoạn kinh Phật khuyên chúng ta phải “*ra sức thực hành nhân từ, rộng tu các pháp lành, tiêu trừ ba chuồng, thanh tịnh sáu căn, niệm Phật trì trai, tham thiền học đạo, vượt ngoài ba cõi, vượt thoát bốn loài*”. Những câu này có thể nói là đã nêu rõ được cương lĩnh tổng quát về sự giáo hóa chúng sinh của tất cả chư Phật trong mười phương ba đời.

Tiếp theo, Phật lại dạy chúng ta: “*Thiết vật túng tham sân si, hành sát đạo dân*.” (Tuyệt đối không buông thả tham, sân, si, làm những việc giết hại, trộm cướp, tà dâm.)

Hai chữ “*thiết vật*” (tuyệt đối không) là khẳng định một cách dứt khoát, một cách hết sức khẩn thiết, muôn ngàn lần [dù vì bất cứ lý do gì] cũng không được làm.

Tham, sân, si là ba độc phiền não, chư Phật, Bồ Tát khác biệt với phàm phu chính là ở điểm này. Chư Phật, Bồ Tát đã dứt trừ hoàn toàn *tham, sân, si*, nhất định không hề có những hành vi giết hại, trộm cướp, dâm dục. Chẳng những không có hành vi, mà ngay cả những ý niệm này cũng không có. Đó là thánh nhân.

Tham, sân, si của phàm phu cùng những ý niệm giết hại, trộm cướp, dâm dục xưa nay chưa từng dứt trừ. Chỉ vì không có duyên bên ngoài nên không hiện khởi, một khi gặp duyên từ bên ngoài, những thứ này liền lập tức hiện khởi, bộc lộ. Đây là nguyên nhân khiến cho kẻ phàm phu tu hành không thể chứng quả, không thể khai ngộ.

Quý vị đồng tu học Phật, không ít người thường bàn luận với tôi, làm sao mới có thể khế nhập vào cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát? Khế nhập đây chính là chứng đắc. Làm sao mới có thể khế nhập? Cần phải khai mở sự nhận hiểu, nhận hiểu được rồi mới có thể khế nhập. Nhận hiểu với hành trì là một, không phải hai. Nhận hiểu ở trong hành trì, hành trì ở trong nhận hiểu, như vậy là khế nhập.

Nếu chúng ta chỉ đơn thuần y theo những lễ nghi phép tắc đức Phật nói ra mà làm, nhưng không có khả năng hiểu sâu nghĩa lý, thì vẫn không có khả năng khế nhập cảnh giới [của chư Phật, Bồ Tát]. Điều này nhất định phải hiểu rõ.

Đại sư Thanh Lương trong phần chú giải *Hoa Nghiêm* số sao có một câu rất hay: “*Hữu giải vô hành, tăng trưởng tà kiến; hữu hành vô giải, tăng trưởng vô minh.*” (Nhận hiểu mà không hành trì, tà kiến thêm lớn; hành trì mà không nhận hiểu, vô minh thêm dày.) Cả hai trường hợp này đều không thể thành tựu.

Cho nên người thực sự dụng công, công phu thực sự hiệu quả, nhất định phải xem trọng cả nhận hiểu và hành trì như nhau. Định và tuệ phải cùng học, *tuệ* là nhận hiểu, *định* là hành trì. Trong hai câu nói trên thì “*không buông thả tham, sân, si*” là thuộc về pháp nhận hiểu, “*không làm những việc giết hại, trộm cướp, tà dâm*” là thuộc về pháp hành trì. Có hành trì mà không nhận hiểu thì sự hành trì đó là miễn cưỡng, không thể đạt đến cảnh giới tự nhiên vốn có của các pháp. Có nhận hiểu mà không hành trì thì sự nhận hiểu đó nhất định là không thấu triệt, không khởi sinh ra những kiến giải sai lệch, bám chấp hẹp hòi. Cho nên, hai câu này rất quan trọng, thiết yếu.

Chúng ta xem trong xã hội hiện nay, không cần phải nhìn nơi nào khác, chỉ ngay trong cửa Phật đây thôi, trong đạo trường này của chúng ta, các đạo hữu đồng học quanh đây,

liệu được mấy người có thể dứt trừ tham, sân, si? Liệu được mấy người có thể không làm những việc giết hại, trộm cướp, tà dâm? Chỉ là ở mức độ khác nhau mà thôi.

Những tập khí, ý niệm sai lầm này của chúng ta chưa thực sự buông bỏ hết thì đối với sự nhận hiểu hay hành trì của chúng ta đều nhất định khởi sinh chướng ngại.

Trong kinh điển Phật dạy rằng, căn tánh của hết thảy chúng sinh có lạnh lợi sáng suốt, có chậm lụt trì độn, nên mới chia ra thượng căn, trung căn và hạ căn. Ba căn này từ đâu mà có? Chúng ta thuộc về căn nào? Nói thật ra, ba căn này chẳng phải là yếu tố nhất định, không thay đổi. Phật không nói ra một pháp nào nhất định không thay đổi. Quý vị chịu buông bỏ thì quý vị thuộc hàng thượng căn. Có thể buông bỏ một phần, vẫn còn một phần không thể buông bỏ thì quý vị thuộc về trung căn. Hoàn toàn không thể buông bỏ, đó là quý vị thuộc về hạ căn. Đâu có gì nhất định? Hoàn toàn do nơi tự thân mình.

Nhất thời buông bỏ hết thân tâm, thế giới, các pháp thế gian và xuất thế gian, ngay khi đó quý vị là hàng thượng thượng căn. Do đó có thể biết rằng, căn tánh với sự tụng đọc [kinh điển], nghe [thuyết giảng] giáo pháp, có sự quan hệ hết sức mật thiết. Đọc nhiều kinh điển Đại thừa, nghe giảng giải nhiều thì dễ dàng giác ngộ. Nói cách khác, [điều này] giúp đưa chúng ta từ hàng hạ căn lên đến trung căn, từ trung căn lên đến thượng căn.

Các bậc tổ sư, đại đức dạy chúng ta tụng đọc [kinh điển] phải nhận hiểu rõ ràng ý nghĩa, từ nơi văn kinh đi vào quán chiếu. Nương theo câu chữ trong kinh điển, nương theo hết thảy các pháp đức Thế Tôn thuyết dạy, [dần dần rồi] tự bản thân mình không hề hay biết nhưng đã thâm nhập vào cảnh giới [của chư Phật, Bồ Tát]. Đó là nhập quán.

Theo cách nói hiện nay thì trong chỗ không hề tự biết mà

chuyển biến được cách nghĩ, cách nhìn của bản thân mình. Đó là “*tùy văn nhập quán*” (từ nơi văn kinh đi vào quán chiếu). Đọc [kinh điển] lâu ngày, đọc rất nhiều, nghe giảng nhiều, đó gọi là sức huân tu. Sức huân tu rõ ràng nhất là “*vị nhân diễn thuyết*” (vì người khác diễn nói). Sức tu tập theo cách này rất lớn, hiệu quả cực kỳ thù thắng. Vì người khác giảng giải một lần, ấn tượng phải sâu sắc hơn so với bản thân mình đọc qua mười lần. Cho nên, trong *Tứ vô ngại biện* của chư Phật, Bồ Tát có *Nhạo thuyết vô ngại biện*, đó là ưa thích, vui vẻ giảng giải [cho người khác].

Chư Phật, Bồ Tát [thị hiện] không gì khác hơn là nêu gương tu học tốt cho chúng ta noi theo. Chúng ta phải học được đến mức vui thích giảng giải [cho người khác], như vậy mới có tiến bộ. Vui thích thưa hỏi [đạo lý], người khác không hỏi mình thì mình quay sang thưa hỏi họ. Như vậy đối với trí tuệ, kiến giải của bản thân đều được tăng trưởng. Trí tuệ thực sự tăng trưởng được một phần thì đối với các duyên trong đời, bao gồm cả các duyên với Phật pháp, quý vị đều có thể tự nhiên buông bỏ được một phần.

Tôi nói cùng quý vị điều này, không chỉ các duyên trần tục không được vướng nhiễm, mà ngay cả các duyên với Phật pháp cũng không được vướng nhiễm. Quý vị cũng từng nghe Thiên tông dạy rằng: “*Niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày chưa sạch.*” Đó là cách nói biểu trưng, để giúp chúng ta thấy được vấn đề, để nói cho chúng ta biết rằng, Phật pháp ở bậc cao thì các pháp thế gian cũng như Phật pháp đều không vướng nhiễm.

[Như vậy thì] pháp thế gian và Phật pháp có cần phải xa lìa, cách ly hay không? Không cần. Vì sao vậy? Không có gì chướng ngại, nếu quý vị xa lìa, cách ly là sai lầm. Bám chấp [vào đó] là sai, xa lìa cũng là sai. Xa lìa thì thế nào? Đó là quý vị đã khởi tâm động niệm rồi. Nhất định phải không khởi

tâm, không động niệm. Tất cả các pháp vốn dĩ tự nhiên như vậy.

Chúng ta nói buông bỏ, buông bỏ thì hai bên đều phải buông bỏ. Bên có phải buông bỏ, bên không cũng phải buông bỏ; bám chấp phải buông bỏ, không bám chấp cũng phải buông bỏ; phân biệt phải buông bỏ, không phân biệt cũng phải buông bỏ. Đó mới là thực sự buông bỏ.

Buông bỏ sự bám chấp, hết thấy đều không bám chấp, nếu quý vị lại bám chấp vào chỗ *“hết thấy đều không bám chấp”* thì quý vị vẫn chưa buông bỏ. Cho nên mới nói: *“Lưỡng biên phóng hạ, trung đạo bất tồn.”* (Hai bên đều buông bỏ, khoảng giữa cũng không còn.) Như vậy thì quý vị mới thể nhập được vào cảnh giới chư Phật.

Đồng tử Thiện Tài cầu học với ngài Đức Vân, trải qua bảy ngày không gặp được ngài. Đại sư Thanh Lương trong phần chú giải cho rằng bảy ngày không gặp được đó, bảy ngày là biểu thị cho bảy giác chi. Bảy giác chi còn chưa quên mất, cho nên quý vị không thể thấy đạo. Bảy giác chi buông bỏ hết rồi, như vậy mới có thể thấy đạo.

Cách giảng của Đại sư Thanh Lương không thể nói là không có lý. Đó là cách giải thích của ngài. Nhưng chúng ta cũng có thể thay đổi một cách giải thích khác. Bởi vì trong kinh Phật không nói [con số] bảy ngày này nhất định là biểu trưng cho điều gì, ý nghĩa này có thể linh hoạt. Theo tôi thì số bảy này trong Phật pháp tượng trưng cho sự viên mãn, rất ráo trộn vẹn. Số bảy cũng hàm nghĩa bốn phương cộng với phương trên, phương dưới và khoảng giữa.

Tôi nghĩ, chúng ta có thể không dùng cách giải thích của Đại sư Thanh Lương mà dùng ý nghĩa biểu trưng của số bảy, đó là sự rất ráo trộn vẹn, hết thấy mọi thứ đều buông bỏ [đến rất ráo trộn vẹn], đó là ý nghĩa của số bảy. Buông bỏ được rất ráo trộn vẹn rồi thì quý vị mới có thể thấy đạo. Bởi vì Tỳ-kheo

Đức Vân là biểu trưng cho [Bồ Tát ở] địa vị Sơ trụ, nên mọi thứ đều buông bỏ được rồi thì quý vị mới có thể nhập vào địa vị Sơ trụ [như ngài].

[Nếu] còn có một điều không buông bỏ, điều cuối cùng phải buông bỏ là gì? Đó là Phật pháp. Khi còn phân biệt Phật pháp, bám chấp vào Phật pháp thì quý vị không thể thấy đạo.

Bồ Tát Mã Minh soạn bộ luận Đại thừa khởi tín. Quý vị nên biết, cảnh giới trong bộ luận này là gì? Chính là cảnh giới Bồ Tát Sơ trụ theo Viên giáo [của tông Thiên Thai]. Đồng tử Thiện Tài bảy ngày không gặp [ngài Đức Vân], sau bảy ngày thì gặp được. Chính là Bồ Tát Mã Minh trong luận Khởi tín đã nói. Tuy ngài chỉ nêu một sự việc, nhưng đó là một ví dụ biểu trưng, chúng ta có thể từ đó suy ra để hiểu biết nhiều hơn. Trong luận nói, chúng ta nghe pháp phải lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên. Nói *lìa* chẳng phải là *buông bỏ* đó sao?

Nghe kinh có thể lìa ba tướng ấy, đọc kinh có thể lìa tướng văn tự. Nhưng mở quyển kinh ra không phải không cần đến văn tự. Hai mắt vẫn nhìn vào chữ nghĩa trong kinh đó thôi, nhưng trong đó chỉ thấy rất nhiều những danh từ tướng pháp, lìa cũng là không lìa, đó là chân lý.

Không phải là mọi việc thế này thế khác đều không cần, đều vứt bỏ, như thế thì quý vị cũng không phải là lìa. Quý vị lìa cái có, lại bám chấp vào cái không. Lìa tướng ngôn thuyết nghe kinh, không phải là không lắng tai nghe kinh, cũng vẫn nghe rõ ràng từng câu từng chữ. Vậy thì lìa thế nào? Không bám chấp, không phân biệt. Chúng ta nghe, nghe với tâm không phân biệt, không bám chấp, ngay nơi tướng mà lìa tướng. Chúng ta nhìn, nhìn với sự không phân biệt, không bám chấp, đó gọi là “*diệu quán sát*” (sự quán sát nhiệm mầu).

Chúng ta nhìn hình sắc, nghe âm thanh, phiền nhiễu là

tại đâu? Chính là vì có sự phân biệt, có bám chấp, khởi sinh vọng tưởng là hổng rồi. Lỗi lầm là ở chỗ này. Những thứ ấy hết thấy đều buông bỏ, ngay hiện tại liền được thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ. Thanh tịnh, bình đẳng, giác ngộ là Phật chân thật. Bồ Tát Sơ trụ của Viên giáo là Phật chân thật, không phải Phật giả, đó là Phần chứng tức Phật.

Do đó có thể biết rằng, Đồng tử Thiện Tài tham học với Tỳ-kheo Đức Vân, con số bảy trong bảy ngày [không gặp] đó là biểu trưng cho vọng tưởng, vô minh. Sau bảy ngày [được gặp], ý nghĩa là đã phá trừ được một phẩm vô minh. Phá trừ một phẩm vô minh là chứng được một phần pháp thân, chứng nhập giai vị Sơ trụ của Viên giáo.

Cách giải thích này của chúng ta so với chú giải của ngài Thanh Lương dễ hiểu hơn, ý nghĩa cũng trọn vẹn đầy đủ. Cho nên, những gì của các bậc đại đức xưa chúng ta có thể tham khảo, nhưng không thể bám chấp vào. Nếu nhất nhất mọi thứ đều vâng theo, tự thân quý vị không thể khai ngộ.

Thế nhưng trong lúc mới bắt đầu học thì cần phải vâng theo. Không vâng theo [người xưa] thì tự bản thân mình tư tưởng rối loạn hỗn tạp. Chúng ta tự mình chưa giác ngộ, nếu tùy tiện giảng giải ý nghĩa kinh điển theo ý mình, giảng không tròn nghĩa, người khác nêu ra vài ba vấn đề thắc mắc liền bế tắc, như vậy sao có thể được? Tự mình thực sự có chỗ chứng ngộ rồi mới buông bỏ những chú giải của người xưa. Buông bỏ những chú giải của người xưa mới thể nhập được vào kinh điển giáo pháp. Lại buông bỏ cả kinh điển giáo pháp, quý vị mới có thể thấy tánh.

Cho nên, đức Phật đã đưa ra một ngụ ý hết sức sâu xa khi nói rằng: “*Phật vô hữu pháp khả thuyết.*” (Phật không một pháp nào có thể thuyết.) Không chỉ là không có pháp nhất định, mà Phật không có một pháp nào có thể thuyết. Đây chính là dạy chúng ta không nên bám chấp vào hết thảy các

pháp mà đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã thuyết dạy. Quý vị bám chấp vào hết thấy các pháp Phật đã thuyết dạy, vậy thì quý vị cũng sẽ bảy ngày không gặp được Tỳ-kheo Đức Vân.

Hết thấy pháp của Phật Thích-ca Mâu-ni đều buông bỏ, pháp của tự tánh liên hiện tiền, quý vị liền kiến tánh. Tâm ý sáng tỏ, thấy được tự tánh, thấy tánh thành Phật. Thế nhưng mọi người nghe tôi nói những điều này, muôn ngàn lần cũng không được nhận hiểu sai lầm. Trong hiện tại quý vị nhất định phải y theo Phật pháp. Không những là y theo Phật pháp, mà còn phải y theo chú giải của các bậc đại đức xưa nay. Vì sao vậy? Hiện tại là phàm phu, một phẩm phiền não cũng chưa dứt trừ, chúng ta sao có thể so sánh được với Thiện Tài? Quý vị nên nhớ, Đồng tử Thiện Tài tham học với Tỳ-kheo Đức Vân, [khi ấy] phiền não kiến tư đều đã dứt hết, phiền não trần sa đều dứt hết, cũng có nghĩa là phân biệt, bám chấp đều đã dứt hết, chỉ còn vọng tưởng chưa dứt trừ, cho nên bảy ngày không gặp được. Dứt trừ được một phẩm vọng tưởng, tự tánh liên hiện tiền, thể nhập pháp giới.

Sau khi nhập pháp giới thì tu pháp môn gì? Tu pháp môn niệm Phật. Về mặt hình tướng, theo hiện tướng mà nói, Tỳ-kheo Đức Vân thị hiện trên đỉnh núi cách biệt, ngài ở trên ngọn núi. Núi là biểu trưng sự cao vút, hàm ý siêu xuất. Ngài riêng ở trên một đỉnh núi cao mà kinh hành. Riêng ở trên một đỉnh núi cao là biểu trưng cho ý nghĩa gì? Là biểu trưng cho một pháp môn đặc biệt. Pháp môn niệm Phật là pháp môn đặc biệt. Người xưa nói đây là “*môn dư đại đạo*” (đạo lớn nằm ngoài tất cả pháp môn), hàm ý nói niệm Phật là pháp môn đặc biệt nằm ngoài hết thấy tám vạn bốn ngàn pháp môn. Tỳ-kheo Đức Vân ở trên núi cao kinh hành niệm Phật, chúng ta hiện nay gọi là *Ban-chu Tam-muội*, chuyên niệm A-di-đà Phật.

Trong kinh Phật có đủ cách thị hiện, hết thấy đều hàm chứa ý nghĩa rất sâu xa. Nếu bám chấp nơi câu chữ, bám

chấp vào lời nói thì quý vị không thể nhận hiểu, thể hội được ý nghĩa. Cho nên, “*ly tướng tức tướng, ly tức đồng thời, ly tức bất nhị*” (lìa tướng là tướng, lìa cũng là không lìa, lìa với không lìa chẳng phải khác nhau), như vậy thì quý vị mới có chỗ thể nhập.

Quý vị đồng học chúng ta hiện nay học kinh điển giáo pháp, đối với ý nghĩa này nhất định phải rõ biết, phải thực sự nỗ lực học tập. Không chỉ đối với việc học kinh điển giáo pháp phải rõ biết “*tùy văn nhập quán*” (từ nơi văn kinh nhập vào quán chiếu), mà còn phải đem những điều học được trong kinh điển giáo pháp áp dụng vào đời sống, tùy sự việc mà đi vào quán chiếu, sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, mỗi sự việc sự vật đều có thể dùng trí tuệ quán sát.

Dùng trí tuệ quán sát [thấy được] những biểu hiện hình tướng đó là gì? Nói một cách tổng quát, những biểu hiện hình tướng đó là “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng ảo bào ảnh*” (hết thấy các pháp hữu vi đều như mộng huyễn, như bọt nước). Cần phải ở ngay trong đời sống thực tế mà quán chiếu, không phải khởi lên vọng tưởng, không phải cứ nhìn sự việc rồi nghĩ tưởng cho đó là mộng huyễn, bọt nước. Không phải vậy. Không dùng đến sự suy tưởng. Quán chiếu là không dùng đến *tâm, ý, thức*, không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có bám chấp, phải quán sát [các pháp] theo cách như vậy. Luôn luôn ghi nhớ, đề khởi nguyên tắc trong bốn câu kệ của kinh Kim Cang:

“*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng ảo, bào ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.*”

(*Hết thấy pháp hữu vi,
Như mộng huyễn, bọt nước,
Như sương sa, điện chớp,
Nên quán chiếu như vậy.*)

Vận dụng nguyên tắc này so sánh đối chiếu khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc với sáu trần cảnh, sau đó quý vị mới đạt đến một kết luận chung là: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng.*” (Hết thấy những gì có hình tướng đều là hư vọng.) [Khi ấy] tâm quý vị liền tự nhiên được thanh tịnh, tự nhiên buông bỏ được hết, không còn vướng nhiễm trở lại. Trí tuệ của quý vị được khai mở.

Khi quý vị nhận thức rằng hết thấy mọi sự vật sự việc đều là chân thật, đều là thực có, quý vị đã sai lầm. [Như vậy,] không chỉ là quý vị không thể khai mở trí tuệ, mà nhất định quý vị còn sẽ tạo nghiệp giết hại, trộm cướp, dâm dục, vãn sinh khởi tham sân si, vãn tạo các nghiệp ác như vậy. Tạo các nghiệp ác thì nhất định phải nhận lãnh quả báo xấu ác.

Sáu đường luân hồi là do chính ta tạo ra, ba đường ác, địa ngục cũng do chính [tâm thức] ta biến hiện ra. Lìa khỏi tâm này của chính mình thì không một pháp nào có thể nắm bắt. Không lìa bỏ tâm thức của chính mình, tuy biến hiện hết thấy các pháp nhưng tất cả pháp ấy cũng đều không thể nắm bắt. Pháp thế gian không thể nắm bắt, Phật pháp cũng không thể nắm bắt.

Trong kinh Đại Bát-nhã, ba chữ “*bất khả đắc*” (không thể nắm bắt) này được lặp lại đến mấy ngàn lần. Chúng ta phải ngay trong đời sống thường ngày, khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần mà trải nghiệm, xem xét, thực chứng [ý nghĩa này]. Như thế gọi là chứng quả. Như thế gọi là chứng đạo.

Bài giảng thứ 92

(Giảng ngày 9 tháng 9 năm 1999 tại Tịnh Tông Học Hội Singapore, file thứ 93, số hồ sơ: 19-012-0093)

Thưa quý vị đồng học, cùng tất cả mọi người.

Chúng ta xem tiếp phần thứ 39 trong Cảm ứng thiên: “*Nhẫn tác tàn hại*” (Nhẫn tâm làm những việc tàn ác tổn hại) và phần thứ 40 gồm hai câu: “*Âm tắc lương thiện, ám vũ quân thân*” (lén lút hại kẻ hiền lương, âm thầm khinh nhờn hủy báng người trên).

Từ đây cho đến hết phần “*mạn kì tiên sinh, bạo kì sở sự, cưỡng chư vô thức, bàng chư đồng học, hư vu trá nguy, công yết tông thân, cương cường bất nhân, ngận lệ tự dụng*” (khinh thường thầy dạy, không kính phụng thầy, lừa gạt người không biết, bôi xấu bạn học, dối trá lừa bịp, công kích bói móc thân tộc, cương rắn không nhân từ, làm điều tàn nhẫn tự cho là đúng) là một đoạn lớn. Trong đoạn lớn này, hầu như mỗi câu đều là một đoạn nhỏ, tất cả đều nói về những điều ác lớn, nêu lên nhiều ví dụ điển hình.

Trong phần chú giải của câu “*nhẫn tác tàn hại*” (nhẫn tâm làm những việc tàn ác tổn hại) đề cập “*chỉ nói riêng về sinh mạng loài vật*”, [đây là nói đến] những chuyện giết hại sinh mạng. Về việc này, người đời nay hầu như đều không tiếp nhận được những lời răn dạy của các bậc thánh hiền, đối với chuyện nhân quả ba đời dường như không thể tiếp nhận. Hơn nữa, khuynh hướng chung trong xã hội [ngày nay mọi người đều] chạy theo lợi ích thực dụng, chỉ tìm cầu lợi ích riêng tư cho bản thân mình, không quan tâm đến sự sống chết của chúng sinh, của người khác, cho nên đối với loài vật thì rõ ràng không cần phải nói, họ có thể tùy ý giết hại, ăn nuốt.

Thời gian sống của một đời này rất ngắn. Thế nhưng trong thời gian ngắn ngủi ấy lại tạo ra bao nhiêu nghiệp xấu ác, cùng với chúng sinh kết thành những mối oán cừu [giết hại sinh mạng], như vậy thì đời đời kiếp kiếp về sau phải đền trả mãi mãi không dứt.

Những ý nghĩa, sự thật này, chỉ trong kinh Phật mới nói được thấu triệt. *Cảm ứng thiên* cũng nói rất rõ ràng. Hành vi [giết hại vật mạng] này, trong thực tế đều xuất phát từ sự tàn nhẫn, không có mảy may lòng trắc ẩn thương xót. Đến khi bản thân mình gặp tai nạn cũng sẽ không có ai thương xót nghĩ đến. Vì sao vậy? Vì nghiệp nhân, quả báo không một mảy may sai lệch.

Trong phần chú giải nói rất hay: “*Chư thiện bản ư nhất từ.*” (Căn bản của mọi việc thiện là tâm từ.) Một niệm từ bi là nguồn gốc của tất cả điều lành. “*Chư ác bản ư nhất nhẫn.*” (Căn bản của mọi việc ác là sự nhẫn tâm.) Do sự tàn nhẫn nên người ta dám làm hết thảy mọi điều xấu ác mà không hề có sự kiêng dè sợ sệt. “*Trừ bỏ sự nhẫn tâm, tu tập từ bi*” thì ngay nơi đó là công đức của chư Phật, Bồ Tát, của các bậc thánh hiền. Chúng ta học Phật, mong cầu làm bậc thánh hiền, phải từ chỗ này mà bắt đầu tu tập.

Nhưng thế nào gọi là từ bi? Thế nào là tàn nhẫn? Hình tướng thô thiển thì rõ ràng dễ thấy, nhưng hình tướng vi tế thật không dễ thấy được rõ ràng. Trong sách *Liễu Phàm tứ huấn* nói rất hay: Việc thiện có thật, có giả, có thiên lệch, có trọn vẹn. Sách trình bày rất nhiều [về vấn đề này]. Có thể thấy rằng, đối với những chỗ [phân biệt] chi ly, vi tế như vậy, nếu quý vị không có trí tuệ, không có học vấn thì không thể nào thấy được.

Trong xã hội hiện nay, có quá nhiều những sự việc tưởng chừng như đúng mà thật ra là sai, nhiều không thể nói hết. Việc tin vào những gì tự thân mình nhìn thấy, tin vào cách

nhìn, cách nghĩ của bản thân mình thường luôn dẫn đến sai lầm lớn lao, không thể cứu vãn. Chúng ta xem trong lịch sử có những nhân vật giết hại đến muôn ngàn người, đến muôn ức người, nếu truy cứu đến nguyên nhân căn bản của sự giết hại ấy thì đều là do những kẻ giết hại đã tin vào cách nghĩ, cách nhìn của họ, [cho đó là đúng đắn]. Thế chiến thứ nhất, Thế chiến thứ hai, đều là do có những cá nhân tin vào cách nghĩ, cách nhìn của riêng họ, khiến cho muôn ức người phải chịu họa hại, tạo thành vô lượng vô biên tội nghiệp.

Chúng ta ngày nay không có quyền lực, địa vị, uy thế như những nhân vật ấy, nhưng trong đời sống thường ngày nếu không biết cẩn thận, không biết tìm cầu trí tuệ, buông thả theo những vọng tưởng, phân biệt, bám chấp của bản thân mình, thì cũng sẽ tạo ra những tội nghiệp không khác gì họ. Chúng ta làm sao mà biết được ảnh hưởng của những tội nghiệp ấy? Cho nên, mỗi lúc khởi tâm động niệm, nói năng hành động, không thể không hết sức cẩn thận.

Những kẻ trí thức thời xưa lấy Khổng tử, Mạnh tử làm khuôn mẫu noi theo. Người học Phật chúng ta xem đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Thập đại đệ tử Phật là những khuôn mẫu cho sự tu hành của mình. Đó là ta có chỗ để noi theo, có chỗ để quay về nương tựa. Vậy phải chân chánh tu học mới được. Chỉ học Phật ngoài cửa miệng, chỉ học Phật một cách hình thức thì không phải thực sự vận dụng khuôn mẫu của chư Phật, Bồ Tát để xây dựng bản thân mình. Như vậy thì trong một đời này rất khó được thành tựu, giỏi lắm cũng chỉ là kết được mối duyên lành với Phật mà thôi.

Như chúng ta từ vô lượng kiếp quá khứ đến nay, đời đời kiếp kiếp từng kết duyên với Phật mà chưa được thành tựu. Chúng ta lại nghĩ đến những ai là người được thành tựu? Có hai hạng người được thành tựu. Thứ nhất là các vị Bồ Tát thị hiện, vì chúng sinh giảng kinh thuyết pháp, chúng ta

cũng hết sức hướng về nơi theo nhưng thực sự rất khó làm được. Hạng thứ hai quả thật là những chúng sinh hiện thời, [nguyên nhân] sự thành tựu của họ không gì khác hơn là lặng lẽ ít nói, chơn chất tu hành.

Quý vị cần quan sát thật kỹ Niệm Phật Đường này của chúng ta, xem những người niệm Phật đã được vãng sinh, vãng sinh tức là được thành tựu, các vị ấy đều hiện điềm lành hiếm có. Sau đó suy ngẫm đến [cuộc sống] lúc còn sinh tiền của các vị ấy, nhất là sự biểu hiện trong vòng một, hai năm ngay trước lúc vãng sinh. Từ sự quan sát ấy chúng ta có thể thấy ra được rằng, nhìn chung những người tu hành được thành tựu đều là những người bớt nghĩ, bớt việc. Quả thật [đối với họ] nhiều việc không bằng ít việc, ít việc không bằng vô sự, nên tâm họ mới được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là Niệm Phật Tam-muội, cho nên công phu [tu hành] của họ đạt hiệu quả.

Quý vị ở trong cửa Phật mà quá nhiều vọng tưởng, quá nhiều tạp niệm, quá nhiều chuyện thị phi vô bổ thì bất kể quý vị có là người xuất gia hay tại gia cũng chỉ có thể tu phước mà thôi. Người giảng kinh thuyết pháp nhưng nếu vọng niệm vẫn còn nhiều, vọng tưởng còn nhiều, ngoại duyên vướng víu nhiều, thì [việc giảng kinh thuyết pháp] đó cũng chỉ là được phước báo hữu lậu của thế gian mà thôi, không có công đức.

Quý vị nhất định phải làm rõ điều này, công đức là tâm thanh tịnh. Vọng tưởng của quý vị qua mỗi năm đều giảm đi so với năm trước, mỗi tháng đều giảm đi so với tháng trước, đó là công đức. Ngoại duyên vướng víu cũng ít hơn, đó là biểu hiện của công đức. Chúng ta là phàm phu, là người mới học, không phải Bồ Tát ứng hóa ra đời. Bồ Tát ứng hóa ra đời thì [đối với ngoại duyên] không có quan hệ gì, các ngài tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, không rơi vào thiên lệch, cực đoan,

như vậy là được. Chúng ta công phu chưa đạt được đến mức ấy, nếu muốn trong một đời này được thành tựu, nhất định phải dựa vào sự chọn lựa bằng trí tuệ của bản thân mình.

Trong bảy giác chi, yếu tố đầu tiên là Trạch pháp [giác chi], tức là sự chọn lựa. Phải lựa chọn pháp môn tu học nào có lợi ích đối với bản thân mình, chọn lựa hoàn cảnh sống nào có lợi ích đối với sự tu học của mình, tránh né những sự mê hoặc dẫn dụ, tránh né những bó buộc quá nhiều, hy vọng một đời này không đến nỗi luống qua vô ích. Như vậy là người thực sự có trí tuệ, là người thực sự có thành tựu. Tự bản thân mình phải có tâm nguyện như thế, nhất định phải cầu nguyện chư Phật, Bồ Tát gia trì. Không có sức Phật gia trì, phàm phu chúng ta làm không nổi.

Trước đây trong thời gian tôi đang cầu học, giai đoạn vừa mới bắt đầu công việc hoằng pháp, khó khăn chồng chất. Trong cả đời tôi, giai đoạn này chính là nhiều thử thách khốn đốn nhất, thế nhưng tôi vui lòng chấp nhận. Thầy tôi dạy rằng, hết thảy những gì trong cuộc đời này đều do chư Phật, Bồ Tát sắp xếp cho tôi. Cho nên, dù gặp bất kỳ hoàn cảnh nào, tôi cũng đều vui vẻ đón nhận. Tôi ở ngay trong những hoàn cảnh đó mà rèn luyện bản thân, đem những phiền não tập khí của mình gọt giũa cho lắng xuống, cho mất đi, nhờ vậy mới có được một chút thành tựu. Nếu không chịu đựng được những thử thách khảo nghiệm thì nhất định không thể thành tựu.

Việc chọn lựa hoàn cảnh tu học là điều kiện then chốt của sự thành bại trong một đời tu học của chúng ta. Trong đời tôi cũng đã gặp được rất nhiều người nhiệt tâm hỗ trợ, giúp đỡ, nhưng tôi đều từ chối không nhận. Tôi chỉ chấp nhận riêng sự quan tâm của Hàn Quán trưởng, ý nghĩa này không nhiều người hiểu được. Một người quan tâm, tôi chỉ cảm ơn, cảm tạ một người. Mười người, tám người quan tâm, trong tương lai

tôi phải cảm ơn, cảm tạ mười người, tám người... vậy chẳng phải là mệt mỏi quá lắm hay sao? Ý nghĩa này cần phải hiểu rõ. Có rất nhiều người so với Hàn Quán trưởng có hoàn cảnh tốt hơn nhiều, tôi đều không lưu tâm lắm. Người ta bố thí ân huệ [cho mình] không dễ tiếp nhận, tương lai phải báo ơn. Nơi này ở không được tốt chuyển sang nơi khác, lại ở không được tốt, lại chuyển sang nơi khác nữa... Như vậy thì một đời của quý vị xem như tiêu rồi, còn ai dám nhận quý vị đến ở?

Ở Trung quốc vào thời xưa, người xuất gia tạm trú [ở các tự viện]. Nhận cho tạm trú là việc của thầy tri khách. Thầy tri khách nhất định sẽ hỏi quý vị xem từ đâu đến? Đã tạm trú ở nơi đó bao lâu? Trong quá khứ đã từng tạm trú ở những nơi nào khác? Nếu như quý vị từng cư trú ở mỗi nơi chỉ một thời gian rất ngắn, thầy tri khách sẽ hiểu ngay rõ ràng là quý vị không phải người thích nghi tốt, sẽ không muốn lưu giữ quý vị. Nếu mỗi nơi quý vị đều cư ngụ được ba năm, năm năm... thì quý vị là người sống tốt, có thể sống chung hòa hợp với mọi người, người ta sẽ vui lòng lưu giữ quý vị.

Từ điểm này cũng có thể quan sát thấy được quý vị có khả năng nhẫn nhục hay không, quý vị có tâm nhẫn nại hay không. Chúng ta hãy tự suy ngẫm về chính bản thân mình, ta có tâm nhẫn nại được bao nhiêu thì sẽ được thành tựu bấy nhiêu, nhẫn nhục được đến mức nào thì sẽ đạt định tuệ đến mức đó. Những ai sống chung với người khác không thể nhẫn nhục, trong hoàn cảnh công việc không thể nhẫn nhục thì sự thành tựu của người ấy nhất định chỉ có hạn.

Câu “*chỉ nói riêng về sinh mạng loài vật*” hàm nghĩa là không chỉ đối với việc của người phải nhẫn chịu được, mà đối với loài vật cũng phải nhẫn chịu được. “Loài vật” ở đây thường là chỉ những loài vật nhỏ bé. Khi nhìn thấy những loài vật nhỏ bé, chúng ta có khởi lên ý niệm gì hay không?

Trong đời quá khứ ta cũng từng mang thân như chúng, có khởi lên ý niệm như vậy hay không? Trong một đời này nếu chúng ta không được vãng sinh, đời sau càng có rất nhiều nguy cơ tái sinh mang thân như chúng. Nếu như khởi lên ý niệm như vậy, đó gọi là bắt đầu nhận hiểu. Đó là quý vị bắt đầu giác ngộ. Chúng ta càng phải tự khích lệ mình, tự nhắc nhở cảnh tỉnh mình, không dám giải đãi buông thả.

Chúng ta đã từng trải qua nhiều đời nhiều kiếp sinh làm kiến, muỗi, sinh làm ruồi nhặng... thân mạng bất cứ loài nào cũng đều đã từng trải qua, [chỉ có điều đã] quên mất cả rồi. Ta cũng đã từng sinh vào địa ngục, từng sinh làm ngựa quỷ, cũng từng sinh làm thiên vương, chỉ là một cơn mộng. Nay vẫn còn muốn tiếp tục cơn ác mộng như thế hay sao?

Cho nên, đối với hết thảy các loài động vật đều phải khởi tâm từ bi, phải thương yêu bảo vệ chúng, phải quan tâm đến chúng, phải nghĩ rằng tự thân ta với chúng [bản thể] không hề khác biệt, chỉ khác nhau về hình tướng, thân thể [hiện nay] mà thôi, chỉ khác nhau về phương thức sống mà thôi.

Tâm tàn nhẫn là tâm [dẫn vào] ba đường ác. Những chúng sinh thấp kém của sáu đường luân hồi, lòng thường ôm áp sự hung hăng tàn nhẫn, chỉ trong chớp mắt đã堕 vào địa ngục, đã sinh làm ngựa quỷ, cho đến thân súc sinh cũng không dễ đạt được. Chúng ta sao có thể không hết sức sợ sệt cảnh giác?

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Hết tập 4 trong tổng số 8 tập

Lời thưa

Trong kinh Pháp Cú, đức Phật dạy rằng: “Pháp thí thắng mọi thí.” Thực hành Pháp thí là chia sẻ, truyền rộng lời Phật dạy đến với mọi người. Mỗi người Phật tử đều có thể tùy theo khả năng để thực hành Pháp thí bằng những cách thức như sau:

1. Cố gắng học hiểu và thực hành những lời Phật dạy. Tự mình học hiểu càng sâu rộng thì việc chia sẻ, bố thí Pháp càng có hiệu quả lớn lao hơn. Nên nhớ rằng **việc đọc sách còn quan trọng hơn cả việc mua sách.**
2. Phải trân quý kinh điển, sách vở in ấn lời Phật dạy. Khi có điều kiện thì mua, thỉnh về nhà để tự mình và người trong gia đình đều có điều kiện học hỏi làm theo. Không nên giữ làm của riêng mà phải sẵn lòng chia sẻ, truyền rộng, khuyến khích nhiều người khác cùng đọc và học theo. Không nên để kinh sách nằm yên đóng bụi trên kệ sách, vì **kinh sách không có người đọc thì không thể mang lại lợi ích.**
3. Tùy theo khả năng mà đóng góp tài vật, công sức để hỗ trợ cho những người làm công việc biên soạn, dịch thuật, in ấn, lưu hành kinh sách, **để ngày càng có thêm nhiều kinh sách quý được in ấn, lưu hành.**

Thông thường, việc chi tiêu một số tiền nhỏ không thể mang lại lợi ích lớn, nhưng nếu sử dụng vào việc giúp lưu hành kinh sách thì lợi ích sẽ lớn lao không thể suy lường. Đó là vì đã giúp cho nhiều người có thể hiểu và làm theo lời Phật dạy. Mong sao quý Phật tử khắp nơi đều lưu tâm đóng góp sức mình vào những việc như trên.

TINH YẾU THỰC HÀNH PHÁP THÍ

- *Mua thỉnh kinh sách về đọc, tự mình sẽ được rất nhiều lợi ích.*
- *Chia sẻ, truyền rộng bằng cách cho mượn, biếu tặng kinh sách đến nhiều người thì lợi ích ấy càng tăng thêm gấp nhiều lần.*
- *Đóng góp công sức, tài vật để hỗ trợ công việc biên soạn, dịch thuật, giảng giải, in ấn, lưu hành kinh sách thì công đức lớn lao không thể suy lường, vì có vô số người sẽ được lợi ích từ việc lưu hành kinh sách.*